



# Biên Hùng Liệt Sử

**Thái Thụy Vy**

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động

Nguồn: <http://vnthuquan.net>

Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.

# Mục lục

[Tựa](#)

[Lời Tựa](#)

[Lịch Sử](#)

[Địa Lý Phong Thủy](#)

[Nhơn Sự](#)

[Đặc sản Biên Hoà](#)

[Sông](#)

[Núi](#)

[Lâm Sản](#)

[Hải Sản](#)

[Ấm Thực](#)

[Huỳnh Sanh](#)

[Duy Lam](#)

[Hà Trung Yên](#)

[Xuân Vũ](#)

[Hồ Công Tâm](#)

[Hứa Hoành](#)

[Trần Văn Linh](#)

[Trần Đình](#)

[Vũ Công Lý](#)

[Trần Ngươn Phiêu](#)

[Trần Ngươn Phiêu - Hồ Hữu Tường](#)

[Trần Ngươn Phiêu - Huỳnh Tấn Phát](#)

[Trần Ngươn Phiêu](#)

[Tiểu Sử THÁI THUY VY](#)

**Thái Thụy Vy**  
Biên Hùng Liệt Sử  
**Tựa**  
Soạn giả : Thái Thụy Vy



**Để tưởng niệm anh linh các  
bậc tiền nhân khai quốc công thần**

**Người viết sử viết bằng mực máu  
Ta viết gì đau thấu thịt xương  
Trước ta là bãi chiến trường  
Sau ta thế hệ đang vươn nữa vời.  
(Vô danh)**

**Biên Hùng Liệt Sử**

**Biên khảo:**

**Thái Thụy Vy**

**Bìa trước:**

**Long Lân Qui Phụng (ViVi Hùng Kiệt )**

**Bìa sau:**

**Chân dung Thái Thụy Vy (Hùng Hà bấ- Vi Vi phác họa)**

**Hình ảnh và trình bày:**

**Song Vinh & Thái Thụy Vy**

**Nhà xuất bản Sông Phố**

**Ấn hành lần thứ nhì**

**Tháng 10, năm 2004**

***Copyright by Sông Phố***  
***All rights reserved***  
***1966E. Stephens Drive***  
***Tempe, AZ. 85283-4913***  
***Phone: (480)755-2425***

## **Thái Thụy Vy**

Biên Hùng Liệt Sử

### **Lời Tựa**

Soạn giả : Thái Thụy Vy

Viết về một đề tài có màu sắc địa phương chắc chắn không ít thì nhiều cũng không tránh khỏi những nhận định chủ quan nhưt là cái mà người ta thường gọi là "*óc địa phương*."

Vì thế tác giả đã rán viết cuốn sách này với tinh thần khách quan được chừng nào hay chừng ấy.

Nếu gọi quyển này là sách biên khảo hay lịch sử đều được vì phần đầu đã phần lớn dựa vào bộ Biên Hòa Sử Lược Toàn Biên của sử gia Lương Văn Lựu gồm Lịch sử, Địa Lý và Phong Thủy.

Phần sau, tác giả đã cập nhật hóa phần nhơn sự với sử liệu mà chỉ có nội bộ (*insider*) mới biết, thêm phần những kỷ niệm rời phản ảnh trung thực những gì tác giả đã thực sự làm nhơn chứng được xử dụng làm tư liệu không tìm thấy trong các sử sách.

Vì lý do nêu trên, nếu có thiếu sót và sơ xuất không thể tránh khỏi, thì điều đó ngoài ý muốn của tác giả. Phần còn lại tác giả xin để dành cho các biên khảo gia giàu kiến thức hơn bổ túc.

Tác giả đã cố tình thêm phần các đặc sản Biên Hòa để những ai đã làm việc hay đồn trú tại Biên Hòa ít nhiều đã gặp lại nhiều địa danh quen thuộc gây nhớ những kỷ niệm êm đềm của một thời đã qua.

Tác giả đã gắn bó với đất Biên Hùng từ thuở thiếu thời tới lúc phải rời bỏ nơi chốn chôn nhau cắt rún một cách tức tưởi, trừ những năm du học và đi làm việc xa nhà.

Riêng tác giả đã có dịp đồn trú tại quận Xuân Lộc (sau thành tỉnh Long Khánh), quận Long Thành, quận Công Thanh và quận Dĩ An cộng thêm thời gian Đại Tá tỉnh trưởng Lâm Quang Chính biệt phái ngoài bảng cấp số để đi theo phái đoàn ngũ lại các ấp theo chương trình "thăm dân cho biết sự tình" cùng các sĩ quan trưởng phòng Tiểu khu như Thiếu tá Thành, Thiếu tá

Tấn, Thiếu tá Châu, Đại úy Khuê, Đại úy Cư và ban văn nghệ Tâm lý chiến.

Học hỏi về tình nhà phong phú thêm khi Y sĩ Đại Tá Lương Khánh Chí, Bác Sĩ của cố Đại Tướng Đỗ Cao Trí, chỉ huy trưởng Liên Đoàn 73 Quân Y cử tôi đi thanh tra về kỹ thuật với ba cố vấn Quân Y Mỹ bằng trực thăng hàng tuần, thăm các Quân Y Viện Tây Ninh; QYV Nguyễn Văn Nhứt, Vũng Tàu; QYV Trần Ngọc Minh, Sài Gòn; Trung Tâm Hồi Lức Vũng Tàu; tải thương tại Bệnh Viện IV Dã chiến ở Bình Dương lúc chiến tranh đang dữ dội nhất, tàn khốc nhất, và các bệnh viện Tiểu khu phối hợp Quân Dân Y trong 13 tỉnh vùng III Chiến thuật để có dịp so sánh tinh hoa của từng địa phương.

Có nhận diện quê hương, tìm hiểu quê hương tường tận mới yêu quê hương nhiều hơn. Tôi đã để lại dấu chân cùng khắp quê nội và quê ngoại ở Tân Uyên nên muốn viết về quê hương với đầy đủ cảm quan trù mẫn.

Cánh bên nội tiếp cận thì có Giáo Sư Nguyễn Ngọc Huy, Kiến Trúc Sư Nguyễn Văn Nguyên, Giám đốc Nha Mỹ thuật Học Vụ, Giáo Sư Liêng Khắc Văn, Đại học Sydney, Úc châu; Đại tá Tống Đình Bắc, Giám đốc Cảnh sát Đặc Biệt Miền Đông, Y sĩ trưởng Hải quân Đại tá Trần Nguơn Phiêu, Cục phó Cục Quân Y và Tổng Trưởng Xã Hội, Kỹ sư Đỗ hữu Cảnh, Phó Giám đốc Nha Khoáng chất, chú Tư Trần Doãn Chắp, lục sự Tòa Án... Cánh bên ngoại, má tôi là cô giáo Nguyễn Thị Mỹ, em má tôi là dì Út Đạn, cũng cô giáo Tân Triều, Giáo sư Dương Ngọc Sum, Pétrus Ký, Giáo Sư Phan Công Minh, Giám đốc Nha Trung Tiểu học, Phan Công Tâm, Giám đốc Nha Tình Báo Nội Vụ, Trung tá Ngô Văn Thương, Quân Cụ; Bác sĩ Nguyễn Phú Cường, cậu Ba Phạm Văn Vang và cậu Tám Mai Văn Hạo (người đỡ ba bằng một lượt) là hai người vào bưng thời Việt Minh chống Pháp, cậu Ba Vang nhờ Pháp bắt bỏ tù nên sống sót, còn cậu Tám Hạo bị Lê Duẩn ám hại rồi đổ thừa Pháp giết vì từ chối không vô đảng Cộng Sản; cô Trương Tố Quyên, trước là Hộ sinh quốc Gia của Bệnh Viện Biên Hòa... Ngoài ra trong tập sách nhỏ đây ấp ân tình này, rải rác tôi có nhắc đến đại gia đình Biên Hòa, những người tôi đã từng học chung, đã được quen biết và những người tôi còn nhớ tên do một liên hệ nào đó, nhưng tôi tránh

không nhắc tới vài người không đáng xếp vào loại liệt oanh như đề tựa thượng dẫn.

Viết về vùng đất quê hương có rất nhiều kỳ thú, được ôn lại những kỷ niệm ấu thơ tưởng chừng như đã quên. Các ký ức thân thương đi lạc có dịp tuôn về như thác đổ, những hồi ức đó như dòng sông Đồng Nai trong xanh, lững lờ thốt lên thành lời thơ, khiến tôi một đời băng khuâng, tiếc nuối đã không làm gì tốt đẹp cho quê hương, nạn nhân của bom đạn (vùng oanh kích tự do) và thuốc hóa học khai hoang (chemical defoliation) độc hại Orange Agent đã phá hại hoa màu và con người xứ bưởi..

Nếu có độc giả nào cho là tôi có óc địa phương thì tôi đành chấp nhận. Cũng như các tác giả khác khi đề cập đến quê cha đất tổ, nơi chôn nhau cắt rún của họ, chắc họ cũng làm y như vậy.

Tôi cũng xin lưu ý quý độc giả là phần trên Địa Lý Phong Thủy (feng shui, géomancy) và phần Địa lý (géography) ở cuối bài trong mục đặc sản là hai chữ có nghĩa hoàn toàn khác nhau.

Tôi đã viết theo phương pháp luận (méthodology) của sử học, mục đích trước tiên là để lưu niệm cho con dân tỉnh Biên Hòa còn nhớ nguồn gốc, hai là để giúp các biên khảo gia cần sử liệu, vì thế, để tôn trọng sự thật, tôi đã phản ánh trung thực một số vấn đề không nên nói ra, điều quan trọng là tôi đã không bẻ cong ngòi bút dưới một áp lực nào. Và tôi xin gánh chịu mọi trách nhiệm và hậu quả những bí ẩn tôi đã đóng góp, tôi sẵn sàng làm nhưn chứng và sẵn sàng đối chất trước lịch sử.

Với lòng yêu quê hương vô bờ bến. Tôi xin ghi lại cái có thể gọi là phiên diện của một con dân tỉnh nhà Biên Hòa để cống hiến cho lịch sử và quê hương. **(TTV)**



**Thái Thụy Vy**  
Biên Hùng Liệt Sử  
**Lịch Sử**

*"Viết về một vùng đất quê hương mà chúng ta hưởng nhiều ân sủng cũng đã là yêu nước rồi".*

Câu nói trên của bạn bè đã khích lệ tôi rất nhiều để viết quyển sách này.

Để tránh hiểu lầm từ mọi phía, tôi kính xin các bậc thức giả bổ túc, sửa sai hoặc đính chánh cho bài viết được đầy đủ và đúng với sự thật hơn, chỉ có trong tinh thần sĩ phu đó, người viết sử sẽ an tâm khi đụng đến một đề tài bén nhạy này của lịch sử.

Chúng ta đã nghe nhắc tới quận Triệu Phong, Quảng trị, là đất "Địa linh sanh nhân kiệt", có làng Đại hào với Hoàng Xuân Tửu, Hoàng Xuân Lãm, Lê Duẩn, Bồ Liêu với Ngọc Cẩm-Nguyễn Hữu Thiết, Duy Khánh v. v..., cuộc đất "Ngũ Phụng Tề Phi" ở Quảng nam với Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Trần Cao Vân... (Ngũ phụng tề phi theo sách Khoa Cử Việt Nam của Đỗ Bằng Đoàn và Đỗ Trọng Huề thì gốc từ vua Thành Thái ban cho danh hiệu năm vị học sĩ Đất Quảng Nam: Phạm Liệu, Điện Bàn; Phan Quang, Quế Sơn; Phạm Tuấn, Điện Bàn; Ngô Chuân, Điện Bàn; Dương Hiến Tiến, Điện Bàn. Cả năm ông đều đỗ Tiến Sĩ - Phó Bảng một khoa (1898))...và cuộc đất có hàm rồng ở Hà Tiên với Mạc Cửu v. v... thì hôm nay, tôi xin lạm bàn đến cuộc đất Tứ Linh "Long lân qui phụng" với chút lịch sử, địa lý phong thủy (feng shui, géomancy) và nhơn sự đã khiến tôi chú ý.

Đại nguyên soái Nguyễn-Phúc-Ánh lên ngôi vương nhưng vẫn lấy niên hiệu nhà Lê (đời Cảnh Hưng), dùng ấn "Đại Việt Quốc Nguyễn chúa Vĩnh Trấn" chế từ năm 1691 do chúa Hiến Tông Nguyễn Phước Châu. Tháng 11 năm Kỷ Hợi, Nguyễn Vương phân định cương giữa hai dinh Phiên trấn và Trấn biên thuộc Gia định thành, Vương đặt cho hiệu danh Biên Hòa, với ý nghĩ một doanh trấn ở biên cương trước bị loạn lạc, nay được bình định và hưởng an lạc thái hòa.

Trấn Biên Hòa có một huyện Phước Long gồm bốn Tổng: Tân chính, Bình an, Long thành, và Phước an.

Nguyễn Vương ra lệnh cho quan Lưu trấn chiêu tập nhóm dân phiêu bạt, quan binh của Tây Sơn còn trốn tránh, cho về trình diện và ghi vào hộ tịch, và cấp đất đai cho cày bừa để vỡ ruộng làm mùa tại các xã thôn, từ năm Kỷ Dậu (1789), Vương bổ nhậm quan Điền tuần Trịnh Hoài Đức mộ dân, cấp cho ruộng hoang, khuyến bảo hãy gắng sức làm ruộng, người nào không theo nghề nông, thì đi lính để thay cho phủ binh.

Thuyền buôn của người Trung quốc, các nước Đông và Tây dương đến buôn bán tại Nông Nại Đại Phố (nay là Cù lao Phố). Theo Hứa Hoành, là một trong bốn thương cảng tập nập và phồn thịnh nhất thời bấy giờ. Nguyễn Vương Phúc Ánh lên ngôi xưng đế hiệu là Gia Long, đặt quốc hiệu là Việt Nam.

Lúc bấy giờ, Biên dinh vẫn còn là một trấn, nhưng được mang danh hiệu là Biên Hòa thống thuộc Gia định thành, được xem là hệ trọng nhất. Vì là phần đất màu mỡ mới thu phục của Thủy Chân Lạp nên triều đình rất chăm lo, đặt để đầy đủ các quan chức để an dân hưng quốc.

Từ đầu bốn triều được đặt tại thôn Phước Lư (cầu Rạch cát) đến năm 1815, được dời về thôn Tân Lâm (khu chợ Bình Trước hiện nay) để mở rộng châu vi thị trấn.

Biên Hòa ngoài việc nổi danh "xứ bưởi" (được giải thưởng hội chợ Osaka, Nhật bản) còn được gọi là miền đất dưới đầm hà bá, trên phá sơn lâm (khai thác cát, đá, gỗ, và đất sét để làm gạch, đồ gốm mỹ nghệ còn là thắng cảnh núi, thác và suối, gần Sài Gòn có nhiều du khách. Một tỉnh vừa giàu có về lâm sản lẫn thủy sản, hải sản (quận Nhơn trạch).

Dinh Chánh tham biện (Tỉnh trưởng), nguyên là một nhà nhỏ, cất hồi năm 1902, sau được coi lâu, chỉnh trang năm 1922, thời tỉnh trưởng A.G. Sartor. Đến tỉnh trưởng Nguyễn Hữu Hậu (1950), ao sen và lục bình ở bờ sông được lấp để phóng nối dài con đường Trần Thượng Xuyên (mang tên Quai de Lanoue từ năm 1896), để mở cổng vào dinh do ngã mặt tiền. Cầu mát ở trước dinh tỉnh trưởng gọi là Cầu quan, chỉ dành cho các quan lớn, ngày lễ ra xem các cuộc vui tổ chức trên sông như chèo thuyền lục (ghe hoa đăng), đua thuyền, đua bơi lội, thả vịt v.v...

Vị tỉnh trưởng đầu tiên Việt Nam là ông Nguyễn Văn Quý, Đốc phủ sứ (nhà văn Thân Văn) được quân đội Nhật bổ nhiệm vào trung tuần tháng ba năm 1945, dinh này mãi về sau nhường lại cho tướng tư lệnh Quân khu III. Tỉnh học Biên Hòa dưới thời Gia Long được đặt tại thôn Tân Lại (Xã Tân thành). Đến đời Minh Mạng, dời về thôn Bang Lân (Bình Trúc) quản đốc hai phủ học Phước Long và Phước Tuy.

Sau trận bão lụt năm Thìn (1905), học đường Chasseloup Laubat bị ảnh hưởng nặng, nên dời lớp đến trạm để tiếp tục học tại Biên Hòa, tạm trong một trại lá cất ở phía đông. Sau đó được kiến trúc lại để làm trường Nguyễn Du hiện nay.

Tôi xin ghi lại đây coi là để nhớ ơn thầy: ba ông đồ cuối cùng dạy chữ Nho cho học trò lớp Tiếp Liên đã xong lớp nhứt, là ông thầy Trần Minh Đức, con là ông Trần Văn Giáo, kế đó là ông Đốc Vĩnh. Phải kể thêm ông Đốc Tam, ông Đốc Nga, đặc biệt thầy Tiếng mà bảy anh em tôi cùng lên học lớp nhất với ông, bên cạnh các thầy năm Hải, thầy Chinh, thầy An, cô Lựu, cô Lượm, cô Hữu, thầy Soái, thầy Thi, thầy Thời, thầy Tư, thầy Bồ, thầy Khỏe, thầy Phách, thầy Lô, thầy Ngói đã góp công gây dựng anh em chúng tôi nên người, tôi cũng không quên tri ân cô mẹ Ký là nhơn chứng đứng tên trong khai sanh tất cả anh em chúng tôi...

Hồi đó, học sinh còn phải học làm vườn buổi chiều, có lẽ nhờ đó mà bây giờ chúng tôi ai cũng thích làm vườn và không ai quên hai cây sa kê (breadfruit) sau trường chỗ trường Tây gốc được quét vôi trắng.

Biên Hòa là một tỉnh lớn, trải dài từ Bù đăng Saray, Ba Biên Giới (Việt Miên Lào). Sau 1954, Tổng Thống Ngô Đình Diệm phân hạt hành chánh lại; miệt Lộc Ninh, Đất Đỏ, An Lộc thành tỉnh Bình Long. Bù Đốp, Bà Rá, Sông Bé thành tỉnh Phước Long. Xuân Lộc, Định Quán thành tỉnh Long Khánh, có con đường đôn điền cao su Suzannah, chạy qua Bình Ba, Bình Giả, Phước Lễ. Các làng di cư Gia Kiệm, Bù Chu, Phát Diệm; Quận Đức Tu thì có Hồ Nai, Tân Mai I, Tân Mai II, Phúc Hải, Quận Công Thanh dọc bờ Sông Đồng Nai lên đến thác Trị An, Đồng Nai Thượng, cũng có làng di cư; Quận Dĩ An có con đường qua Thủ Dầu Một, chạy ngang làng Tân Khánh nổi tiếng võ thuật, đàn bà dám đánh lại cọp, có hồ tắm suối thiên

nhiên Lồ Ổ, rất đông du khách, có trại nuôi heo Phát Ngân và nhà máy giấy. Quận Nhơn Trạch có kho đạn Thành Tuy Hạ chạy tới cửa sông Sài Gòn, miệt Phú Hội có suối mát nổi tiếng con gái trắng và đẹp, đối diện Cần Giờ. Ba Biên Giới thì lọt vô tỉnh Ban Mê Thuột.

**Thái Thủy Vy**  
Biên Hùng Liệt Sử  
**Địa Lý Phong Thủy**  
(Feng shui, geomancy)

Việt Nam xưa đã từng gián tiếp chịu ảnh hưởng văn hóa Trung Quốc, dân tộc ta tin tưởng vào phong thủy địa lý, mà xét đoán sự thịnh suy của đời sống gia đình, của sinh hoạt xã hội trong cộng đồng quốc gia.

Miền Đồng Nai, Biên trấn được phước quả nằm trong một thế đất (thuộc khu vực ảnh hưởng của sao Dực và sao Chấn, vị thứ sao Thuần vĩ, chiếu dương), là nơi tụ khí tàng phong, có khí hòa gió thuận).

Các nhà phong thủy thâm nho, các sử gia thường gọi xứ Biên Hùng là vùng đất linh; nhờ địa linh, mới sanh xuất nhiều bậc hiền tài, như kiệt, được lưu danh trong quốc sử.

Ngoài đất địa linh vì khí thế oai hùng, nay nghiên cứu lại địa thế Biên-Hòa theo sử sách góp nhặt và nhận xét cá nhân, đất thiêng Đồng Nai có phần lớn ẩn hình: Long, Lân, Qui, Phụng.

Bốn thú này được thần thoại Trung Quốc liệt vào bộ Tứ Linh, vì có những siêu tính xuất chúng: Theo sử gia Lương Văn Lựu thì đệ nhất linh là:

**Long :**

Tức là con sông lớn uốn khúc chảy từ bắc xuống nam, rưới nguồn tươi mát lên đất Biên Hùng, giống hình con long ẩn thủy. Dưới thời các chúa Nguyễn, có danh xưng là Phước Long giang (về sau kinh lược sứ Nguyễn Hữu Cảnh di dân từ Quảng Bình vào lập cư, đặt là sông Đồng Nai). Đúng là con sông rồng đem phước quả vào lãnh địa Biên Hòa.

Nơi bờ sông Long Sơn, Long Đại, Cù lao Cái Giắt (kinh châu Phước long thôn) xưa, có đền thờ Long Vương Tam Lang, rất linh ứng, được giới thương hồ tôn kính, khi thuyền qua, đều ghé cúng bái cầu an.

Tác giả Bình Nguyên Lộc trong tác phẩm Câu Dầm có kể một ngư phủ ở Tân Uyên câu được con cá lạ là con của Long Vương, ngư ông đem thả nên sau được đền ơn mời xuống Long điện làm thượng khách của Long Vương.

Hai ngọn núi Long Ẩn (lấy đá) và Bình Điện (có ngôi Bửu Phong cổ tự) tại xã Bửu Long (Đức Tu) kết hợp cùng các gò nông uốn quanh, lồi lên lõm xuống, chạy qua các xã Tân Ba, An Thành, Tân Hiệp, Bình Trị, Hoá An, Võ Sa và ngọn núi Chiêu Thái (Châu Thới, có giả thuyết cho Châu Thới là trái châu?), vì có Long mạch nên thầy địa lý Tàu mới chôn Chú Hỏa tên thiệt là Hui Bon Hỏa. Ở đó, giốc Chú Hỏa xưa làm ngoại cảnh quay cuốn phim "Con Ma Nhà Họ Hứa", có phải nhờ đó mà con cháu một người bán ve chai sau trở nên đại kỹ nghệ gia bên Pháp ? ) ; gân đất cấu thành các bộ phận một con rồng khổng lồ, nằm vắt ngang dưới lưu vực sông Phước Long (ấp Tân Lại xã Tân Thành). Núi Long Ẩn là đầu, chuỗi gò nông nối dài kể trên là mình rồng lượn khúc, núi Châu Thới phía nam là đuôi vảnh lên cao. Núi Bình Điện là trái ngọc châu.

Tư thế rồng nằm quay đầu về hướng bắc, ngậm trái châu Bình Điện.

Rồng đây là rồng quý, phần đầu là một vị trí tôn nghiêm, được quý trọng xem như bảo vật, xưa được lấy làm hậu bình cho Văn miếu tại thôn Tân Lại, thờ đức Khổng Phu Tử và các Á thánh Văn thần, địa danh Bửu Long xuất phát trong khung cảnh này.

Biên Hoà xuất xứ từ cốt rồng nằm. Một số địa phương được mang tên với phụ danh "Long" như: Phước Long, Long Phước, Long Khánh, Long An, Long Tân, Bình Long, Long Hưng, Long Bình Tân, Long Bình (sau làm căn cứ quân đội Mỹ trấn đóng). Một tên lạ địa phương hay gọi là Cây Đào để chỉ Tân Uyên mà tôi chưa tìm ra xuất xứ.

Vốn đất rồng và có người tin rồng lấy nước, nên Biên Hoà, cùng năm năm rồng giậy (Bính Thìn 1916 và Nhâm Thìn 1952) đã hai lần hứng chịu nạn lụt to, bão lớn.

Rồng là thú của thần thoại, loại rắn khổng lồ, mình có 4 chân, lưng đuôi viền kỳ, miệng rộng, mũi to, râu cọng dài, đầu hai sừng, sống dưới nước, trong biển sâu.

Rồng ở trên trời cao, lấy nước biển làm mưa cho thế nhân hưởng, ám chỉ nơi tôn nghiêm, tinh khiết, chỗ an vị của đức Văn Thù Bồ Tát, được gọi là Long Nhiêu. Việt tộc chúng ta rất hãnh diện dưới nguồn gốc con Rồng cháu

Tiên.

**Lân:**

Đệ nhị linh là lân, thú cùng loại sư tử, hình thù cổ quái bởi sừng đuôi trâu, chân ngựa, nhưng tính tình rất hiền, không ăn sinh vật, khi xuất hiện, báo điềm lành.

Cuộc đất ấp Lân Thành thuộc xã Bình Trước (tỉnh lý) nhưng ở vào vị trí của đồng quê. Tương truyền địa danh Tân Thành do thế đất nên được mệnh danh Lân Thành, do lân mà thành.

Để tìm hình thế, nhà địa lý nhận thấy con lân nằm mọp trong phần đất của ấp, đầu là Núi Đất, quay về hướng bắc, lưng trải ra làm trung tâm ấp, vùng ở dưới thấp là mình oằn xuống, Gò Me cạnh sông Sa Hà (Rạch Cát) là chóp đuôi vảnh lên ở hướng nam. Núi Đất ở sau câu lạc bộ hồ tắm Biên Hoà, nay đã bị san bằng, nhưng vẫn giữ được danh xưng. Núi Đất đặt cho một ấp hành chánh có đền thờ dũng tướng kháng Pháp Trương Công Định.

Giữa thân con Lân, dựng đền thờ Thần hoàng bốn xứ và chùa Thiên Long, đặc biệt, có hai ngôi mộ của cố Hồ Văn Rạng là nội tổ và cố Trần Thị, là bà dì của Tá Thiên Nhân Hoàng Hậu, vợ vua Minh Mạng.

Cũng từ gốc Kỳ lân, thú lành, mà Biên trấn, đã phát xuất tục múa lân nhân dịp Tết Nguyên đán và Tết Nhi đồng Trung Thu, chủ xướng bởi nhóm quan binh Tàu di cư đến lập ấp, vào khoảng năm 1700.

Về sau, hai nhóm lân vũ thành lập tại Bình Trị Hóa An và Bửu long, để hiện giờ, được tiếp nối, do hội Tân Bình Đường và xóm đình Tân Lân và chùa Một Cột, Phật bốn tay (đền Tân Lân thờ đức Trần Thượng Xuyên gốc Hoa có công lớn di dân lập ấp, phát triển Biên Hoà, sinh tiền ông rất ghét màu đỏ nên xe đồ Liên Hiệp muốn tránh tai họa phải sơn màu xanh).

Lân nhi là quý tướng, nên có câu: "Kỳ lân xuất hiện, thánh nhân ra đời", câu này ứng với đức Khổng Tử, khi bà Nhan Thị thấy con Kỳ lân hiện ra nhà thờ ngọc thơ có đề: Thủy tinh chi tử, kế suy Châu vị Tố vương, bà vội lấy dây lụa buộc vào sừng, Kỳ lân biến mất, bà mang thai, sau sanh Khổng Châu tự Trọng Ni, thành bậc thánh triết Á đông, được nhân dân ta suy tôn là "Vạn thế sư biểu".

**Qui:**

Đệ tam linh là qui tức con rùa: là loài sinh vật có mai, bò sát, đầu đen, cổ rút, có thể nhịn ăn mà vẫn sống.

Cù Lao Rùa tại xã Thạnh Hội còn gọi là cù lao Nhứt Thạnh, nơi mà tôi đã chạy giặc Pháp rồi giặc Nhật về đó hồi mới 4 tuổi, ngó qua Tân Triều là quê ngoại của tôi, và cũng là quê ngoại của Nam Phương Hoàng Hậu, hiện tại ngôi nhà thờ từ đường còn miếng đá có khắc tên gia đình ông ngoại của bà là ông Lê Phát Đạt. Biên Hoà nổi tiếng nhờ bưởi Tân Triều, Cù lao Rùa có lò che do trâu kéo (lò đường) mà nơi đó, tôi tập trận cờ lau, thường thức mía lùi và kẹo kéo từ đường mật ngay tại cây cột bóng lường của lò che. Ở phía Bồng Giang (Sông Cái) thuộc quận Tân Uyên, được chánh sử ghi là đảo Qui Dự, nguyên là một gò đất nổi, trên có huyền vũ gồm một rừng cổ thụ, mà ngọn cây hợp thành hai chòm như hai cái vung úp, cái lớn cao, cái nhỏ thấp, gần nhau, ở xa trông rõ là hình con linh qui khổng lồ, có đủ mai và quay đầu về hướng tây bắc nằm trên sông Phước Long. Hiện giờ hai chòm cây hình rùa không còn, vì đã bị đốn mất vào khoảng năm 1948, khi quân đội Pháp đến đóng đồn.

Phía bắc đảo Qui Dự (đối diện ấp Tân Lương xã Phước Thành) là gò Thạch Hạ, có loại đá đen, khi nắng chiếu, bắn ra tia hỏa quang, lấp lánh như sao bay. Thêm nữa, dưới gò đất là bụng rùa, đồng bào Thạnh Hội đào được rất nhiều đá bén, và Cồn Gáo, đá hình lưỡi tầm sét có khả năng trị sốt và làm kinh, mà huyền thoại mê tín cho rằng thần qui giữ kho vũ khí của Lôi Thần.

Một ngọn núi ở vào mạn bắc, trên ngọn Tiểu Giang (Sông Bé), dưới chân có hai tảng đá thật lớn, nằm khít nhau, trông giống hình rùa trong lòng sông.

Vị thế nằm của đá, tùy mực nước lên xuống và phía đứng, mà trông thấy rùa nằm ngang hay xuôi. Tương truyền rùa di chuyển để cản nước hoặc cho xuôi dòng. Thổ dân và các nhà khai thác lâm sản xem hiện tượng đó mà chiêm nghiệm, dự đoán nạn nước tràn ngập dưới đồng bằng.

Được sử ghi với danh xưng "Thần qui sơn" và "Thọ sơn" (rùa sống lâu). Người địa phương gọi là Núi Ba Ba.

Linh vật thứ ba được phó cho đội kinh và đội bia trong các đền thờ.



Rùa nghe kinh, tuổi rùa, hạc cưỡi rùa, mai rùa có bát quái đồ được dùng để xú quẻ, bói toán.

Rùa linh thiêng nên mới có truyện Thần Kim Quy cho An Dương Vương nỏ thần dẹp giặc ngay trong lịch sử Việt nam. Ngày nay, chính phủ Cộng Sản không tin phong thủy nên cho khai thác cát bừa bãi nên Cù Lao Rùa gần bị sạt lở đứt gãy cái cổ rùa. Với mục đích xóa bỏ tên làng Tân Tịch, chúng đã sát nhập vào làng Thượng Lăng gọi là làng Thượng Tân.

### **Phụng:**

Đệ tứ linh là phụng, loài chim quý (con mái gọi là Hoàng hoặc Loan), lông đuôi dài, khi xoè lên, ửng hoa sao ngũ sắc, là chúa của thượng cầm).

Đất các xã ở Biên Hoà vùng Long Thạnh Mỹ (Thủ Đức), xưa thuộc huyện Long thành, có chất đá ong thích hợp loại thổ sản dưa, đậu được cấu thành bởi hình dáng con phụng xoè cánh. Nơi đó là một cửa quan hiểm yếu, sử gia đặt "Khổng tước quan" là cửa ải Điều Công (cùng loại với Phụng). Người Biên-hòa gọi nôm na "Khổng Tước Nguyên" là Gò Công.

Quanh vùng Gò Công có một con rạch mang tên Trau Trầu (cũng là loại điều thú).

Trên quốc lộ 15, dẫn đi Vũng Tàu (tên xưa Thuyền Úc), nơi trụ số 46, ranh giới xã Tân Phước và Phước Tân, có một chiếc cầu, sử ghi là Phụng Kiều.

Gò dốc 47, Núi Chùa (ngả vào ngọn Sông Buông) và núi đất đỏ (Hòn Máu), có tháp canh cạnh khúc đường cua, nơi đầu ấp Tân Mai II, hạp thành giống hình thể một con phụng có đầu mình và đuôi.

Miệt Võ Su, Võ Đắt nổi tiếng là ông Võ Văn Trạng và con gái chuyên săn còp, nơi mà hồi còn trẻ, tôi, anh Trần Ngọc Ca (Năm Tân) và Đỗ Cao Phước thường đi săn con mình (trâu rừng).

Dân quê địa phương đơn giản gọi là Cầu Vạc (loài chim ăn đêm xưa thường đến đậu). Cầu Vạc chính là địa điểm này, chớ không phải là xã Bùi Tiếng và lò gạch Tân Mai (Bình Trước).

Miền đông bắc Tân Uyên, là nê địa, sinh lầy, không cần cày trâu, mà chỉ cuốc tay để làm ruộng, được mang tục danh là "Đất Cuốc" (xã Tân hòa) và Sinh (Tân Nhuận). Có làng đồng bào thượng tên Cát Tiên.

Nơi mà đồng bào tản cư năm 1945, đã lưu nhiều kỷ niệm, người Pháp đặt là chiến khu Đ.

Vùng đất thiêng này đã phát xuất nhiều huyền thoại. Tương truyền đây nguyên là một Phượng Trì (xã Chánh Hưng), vì vùng ao to rộng này, xưa có chim phượng tới tắm nước, rìa lông (Phượng hoàng ẩm thủy). Do đó nhân dân địa phương đặt là Bàu Phụng (chớ không phải là bà Phụng).

Năm Bính Dần 1806, vua Gia Long và Thuận Thiên Hoàng Hậu tuyển con gái các quan đại thần trong triều để nạp làm phi cho Thái tử Đảm, tức là vua Minh Mạng sau này. Con gái của Phúc Quốc Công Hồ Văn Bôi, quê ở làng Bình An, tỉnh Biên Hoà, sinh năm Tân Hợi 1791, cùng tuổi với Thái tử Đảm, tên húy là Hồ Thị Hoa trúng tuyển vào cung, sau chính là Tá Thiên Nhân Hoàng Hậu, là người đoan trinh, hiền thực. Vua Gia Long cho là chữ "Hoa" như tên của bà chiết tự ra có nghĩa là "một chút hương thơm" thì e không tốt cho vận số, chi bằng đổi chữ "Hoa" thành chữ "Thực", có nghĩa là "quả" hay "quả phúc" thì tốt hơn. Sau sanh Nguyễn Phúc Tuyên Minh Tông thành vua Thiệu Trị. Bởi cung cách và phẩm hạnh của bà, vua Gia Long cấm gọi phạm húy tên bà, nên người trong Nam mới gọi là "bông", như bông sen thay vì hoa sen.

Biên Hoà có sông, có núi, nước không cần sâu nhưng cần có rộng, thì hóa linh; núi không cần cao, nhưng có tiên, nên thành thiêng, hồn thiêng sông núi hun đúc nhiều nhân tài, chí sĩ yêu nước.

Đất Biên Hoà có Long mạch, nên phát sinh khí thế hồn thiêng. Một cuộc đất, nói theo phong thủy địa lý, có tiên thánh (núi Tiên Cước phía nam Long Thành) mà còn **Long Lân Qui Phụng** họp thành bộ "**TứLinh**", nên được linh thiêng, danh bia thanh sử.

**Thái Thụy Vy**  
Biên Hùng Liệt Sử  
**Nhơn Sự**

Các nhân vật nổi tiếng gốc Biên Hoà trong lịch sử tôi xin nhắc tên trước hết là ông Đoàn Văn Cự với nghĩa binh của cụ vùng Vĩnh Cửu, nay mã của cụ nằm trong căn cứ Long Bình; những người kế là Dương Ngạn Địch, Nguyễn Hữu Cảnh, Trịnh Hoài Đức, Trần Thượng Xuyên, Đỗ Hữu Vị là người phi công đầu tiên của Việt Nam, Đỗ Thành Nhân, rể của Võ Tánh, Đại sứ Trần Văn Chương, cha của bà Trần Lệ Xuân (bà Ngô Đình Nhu), ngôi từ đường dòng họ Trần hiện làm trường mẫu giáo chỗ dốc xuống rạp chiếu bóng Vạn Khánh Hưng... Dân biểu Biên Hoà là ông Đỗ Cao Lụa (cha của cố Đại tướng Đỗ Cao Trí, Đệ Nhất Cộng Hòa, vừa trúng cử Quốc Hội chưa kịp khai mạc thì Tổng thống Diệm bị giết); ông Đỗ Hữu Quờn là thân phụ của tôi, biệt danh anh Mười trong Phong Trào Quốc Gia Cấp Tiến (Đệ nhị Cộng Hòa); bà Huỳnh Ngọc Nữ (cô của Tổng Vụ Hải Ngoại Mặt trận Kháng chiến Hoàng Cơ Minh Nguyễn Kim Hườn biệt hiệu là Nguyễn Kim; bà Nữ, sau là bà tám Trần Quốc Bửu, Tổng Liên Đoàn Lao Công Việt Nam) là cô của tôi, kế đó ghé Dân biểu mới lọt vô Trần Minh Nhứt, con ông sáu Vạn, cũng thuộc Cấp Tiến, và Nguyễn Thị Lý, tự Út Lý, chị của Nguyễn Văn Đồng, hiện ở Đức, bạn học hồi Tiểu học với tôi, đã chở tặng tôi 11 viên gạch cùng anh Đỗ Cao Thanh tặng hai xe đá xanh để nền lúc tôi xây cất nhà. Tôi may mắn được sinh trong gia đình họ Đỗ Biên Hoà mà lại có họ hàng với Giáo Sư Huy nên rất kè cận lịch sử, nhất là tỉnh nhà Biên Hoà, nên sau này sau khi tốt nghiệp về Computer Science tại Old Dominion University, tôi mới quyết tâm học cao học Sử học tại George Mason University.

Tôi xin đi sâu vào vấn đề nhơn sự bằng bốn câu thơ mở đầu vào một vấn đề phức tạp và chắc chắn sẽ gặp nhiều vấn nạn lịch sử:

*Anh có nhớ Tân Uyên quận cũ  
Ngậm ngùi thay ngôi đồ tường xiêu*

*Một vùng quán chợ hoang liêu*

*Gió quê hương thổi lòng hiu hắt buồn.*

Bốn câu thơ song thất lục bát trên chúng tôi không nhớ tên tác giả, được Bác sĩ Trần Nguơn Phiêu dùng để kín đáo liên lạc với giáo sư Nguyễn Ngọc Huy lúc ông còn làm trong nội các Nguyễn Văn Thiệu, những chữ trong bài thơ như "quán cũ", "ngói đỏ", "quán chợ" ông dùng để giáo sư Huy biết xuất xứ người đưa thư đăng giáo sư Huy biết trước những ma nớp của vài giới cầm quyền về Phong Trào Quốc Gia Cấp Tiến.

### **1) Bác Sĩ Trần Nguơn Phiêu:**

Bác sĩ Trần Nguơn Phiêu tốt nghiệp Đại Học Y Khoa Bordeaux năm 1956. Nguyên Đại tá Y sĩ trưởng Hải Quân, nguyên Cục phó Cục Quân Y, sau ra làm Tổng trưởng Xã hội, gốc người cùng Ấp Phước Lư với tôi, làng Bình Trước, tỉnh Biên Hoà, thời chống Pháp, ông là người lén dán truyền đơn tại chợ Biên Hoà, thưở Thanh Niên Tiền Phong còn tập trận giả bằng tầm vông vạt nhọn, ông là một hội viên trong nhóm chủ trương Tao đàn Sông Phố dưới thời Pháp thuộc. Mồ côi được ông ngoại nuôi học đậu bằng Bác Sĩ. Ông hiện về hưu cư sĩ tại Amarillo, Texas. (Xin xem Phụ Lục Tâm sự Huỳnh Tấn Phát, Hồ Hữu Tường, và Trần Văn Giàu, nhà giáo của nhân dân ?, Vu Lan nhớ ngoại)

Tác phẩm đã xuất bản:

***“Phan Văn Hùm, thân thế và sự nghiệp”***,

nhà xuất bản Hải Mã,  
2003, (P.O. Box 19543, Amarillo, Texas. 79114-9543, USA)  
FAX:(806)358-1821.  
Email:Phtran27@aol.com.

### **2) Châu Kim Nhân:**

Ông Châu Kim Nhân làm:

- Phó Tổng Thư ký Bộ Tài Chính 1965- 1966
- Đồng Lý Văn Phòng Bộ Tài Chính 1966- 1967
- TGD Cơ Quan Tiếp vận TƯ 1967- 1972
- TGD Tài Chính và Thanh tra Quân phí Bộ Quốc phòng 1972
- Phụ tá Tổng trưởng Quốc phòng 1972- 1973
- Tổng Trưởng Tài Chánh 1973- 1974
- Phụ tá Thủ Tướng Đặc trách Kinh Tế Tài Chính 1974- 1975

Ông sinh ngày 1 tháng 10 năm 1928, gốc Tân Uyên, đã từng tu nghiệp ở Anh Quốc hồi cuối năm 1963 đến đầu năm 1964. Năm 1980, ông đã có công lớn khi ông đã được nhân viên phần Việt Ngữ đài BBC, Luân đôn là Đỗ Văn tức Đỗ Doãn Quỹ trao lại từ tay nhà ngoại giao Patrick Honey, cuốn thơ mà ngục sĩ Nguyễn Chí Thiện đã xông vào tòa Đại sứ Anh ở Hà Nội đã được ông đem về Mỹ vào mùa hè năm 1980, và trao độc quyền cho

tạp chí Văn Nghệ Tiền phong của Nguyễn Thanh Hoàng để tìm người dịch ra tiếng Anh, cuốn thơ mà Tú Rùa cho là Nguyễn Hữu Hiệu (em Viên Linh, Thượng tọa Thích Chơn Pháp) bị thiếu 3 chữ trong câu "Là tù ngục mục xương độc đoán" trong lúc sao y bản chánh, nên hẳn đã nhờ ông Diệu Tô Minh điện thoại lúc 4h 30 sáng xin ông Đỗ Văn tiêu sử và trường hợp quyển thơ được tới tay Tòa Đại sứ Anh ở Hà Nội. Nguyễn Hữu Hiệu trốn quân dịch dưới áo nhà tu ở Đại Học Vạn Hạnh, ngày nay chủ trương phái Tân tăng, có quyền cưới vợ, nay chuyên nghề đồng bóng tại Virginia, từ nhà sư trở thành pháp sư; và Bùi Bảo Trúc, lén đem in để chia chác với nhan đề "Tiếng vọng từ đáy vực" bán \$7, về sau ký giả Hồ Anh (Nguyễn Thanh Hoàng) cho in lại gọi là "Hoa địa ngục" chỉ bán với giá tượng trưng là \$1.50, sau đem tặng không với câu quảng cáo. Tập thơ bi hùng này đã bị đánh cấp chỉ vì đó là một tuyệt tác thi ca, đó là tiếng lòng phẫn nộ, đó là một thiên hùng ca bất diệt nói lên sự bất khuất của dân tộc Việt Nam trước bầy ác thú Cộng Sản. Bùi Bảo Trúc (bút hiệu Ngụy Trúc) khiến bố là nhà giáo Bùi Bảo Vân tự Bùi Văn Bào, một nhà mô phạm chuyên viết sách giáo khoa dạy nhi đồng, bị Tú Rùa tức ký giả Lê Triết chửi lây khi ông viết thơ cho báo Văn Nghệ Tiền Phong xin lỗi cho con. Sau cả hai vợ chồng Lê Triết bị ám sát ở Virginia. Bùi Bảo Trúc là người đầu tiên viết báo ăn mừng.

Quyển thơ còn bị "tai nạn" thứ hai là ngày ra mắt bị nhóm Hà Lạc Dã Thư Việt Viêm Tử Lê Tư Vinh nhận vợ là của Lý Đông A (sau lại nhận vợ chính ông là Lý Đông A), may là trước đó ông Chử Bá Anh có tổ chức để chào mừng Nguyễn Chí Thiện đến đất tự do, tôi đã được ông Châu Kim Nhân, Trung tá Nguyễn Công Giân (anh ruột của thi sĩ Nguyễn Chí Thiện ở chung nhà) và Phó Đề đốc Đinh Mạnh Hùng xác nhận, nhóm của ông Lê Tư Vinh vì lỡ nhận bừa là cuốn thơ trên của Lý Đông A, đã cướp micro (giống Cộng sản ở Hà Nội ngày xưa) gây náo loạn tại trường Luật George Mason University, khiến cảnh sát Arlington phải giải tán buổi ra mắt.

Ông Châu Kim Nhân nổi tiếng thời Đệ Nhị Cộng Hòa là một chính khách liêm khiết giữa một môi trường dễ nhiễm vi khuẩn tham nhũng là Bộ tài chính (theo Ông Minh Võ). Có lần ông và ông Nguyễn Văn Lộc, Tổng

Giám Đốc Quan thuế, hiện còn sống tại San Diego, California bắt nhóm của Nguyễn Cao Ky buôn lậu 114 ký lô vàng. Ông hiện định cư tại Tiểu bang Maryland và làm việc bán thời gian tại Đại Học Maryland.

Nhà thơ Hồ Công Tâm có bài vịnh ông sau đây:

***Vịnh ông Cựu Tổng Trưởng Tài Chánh VNCH Châu Kim Nhân***

Xuất xứ đôi phen chẳng bợn phàm  
Khinh tài trọng nghĩa, ghét gian tham!  
Vàng tuy hiếm quý đường xem nhẹ  
Nghĩa dầu gian nan vẫn gắng làm  
Dương Chấn thuở xưa lòng chẳng khác  
Thúc Nha thời nợ thiết đành cam  
Lưu vong thanh bạch nhưng cần kiệm  
Thất thập lai hy hữu khách tầm.

**Hồ Công Tâm**

(Trích tập "Tổng vịnh 100 nhân vật lịch sử VN hiện đại").

Nhà thơ Đường Sơn Đỗ Quý Sáng cũng đã làm bài ***Tương Biệt*** để đề tặng ông:

Vàng bạc biết quý mà chẳng ham  
Tín nghĩa biết nguy mà vẫn làm  
Tôi biết anh qua ba mươi năm  
Sống trung thực kiệm cần liêm chính  
Vớ bằng hữu hết lòng hết dạ  
Tương giao nào câu nệ thấp cao  
Tôi gặp anh chẳng vì chức vụ  
Mà vì nghĩa dũng anh hào  
Kéo nhau đi biểu tình chống giặc  
Đuổi những người phản chiến xông xao  
Quen nhau không gởi gắm cậy nhờ  
Chỉ thích thú nghe những phen thử thách  
Nào lệnh bắt phi cơ Kỳ vàng chở lậu  
Lúc đòi đánh thuế Lý Long Thân  
Dù gặp phải chín tầng cản trở

Ôi! Rất khó trong thời binh lửa  
Sống cho tròn người quân tử chính nhân  
Tôi người em nhưng lại gần đi sớm  
Chưa làm nên sự nghiệp vẻ vang  
Ba mươi năm cơ cực lang thang  
Trả món nợ sĩ phu người hành chánh  
Nay tàn lực chịu đành bó gối  
Thú đau thương bài thơ Hồ Nhớ Rừng  
Áo len tặng dành cho ngày trở gió  
Trút nặng nề hơi thở lúc lâm chung  
Để bó ấm một hình hài lạnh giá  
Sẽ đi xa nhưng chưa biết bao giờ.  
*Thân kính tặng anh Châu Kim Nhân*  
Northridge 9 - 95

### **Đỗ Quý Sáng**

#### **3) Nguyễn Ngọc Huy:**

Giáo sư Nguyễn Ngọc Huy sinh ngày 2 tháng 11 năm 1924 tại Chợ Lớn, chánh quán tại xã Mỹ Lộc, Tân Uyên, Biên Hoà; mất 9 giờ 30 tối 28-7-1990 tại Paris, Pháp quốc. Tôi muốn nhắc với lòng ái mộ một bậc thầy, một chính trị gia trong sạch, xả thân tới hơi thở cuối cùng để lo việc nước, ngoài các tác phẩm đồ sộ như bộ "Dân Tộc Sinh Tồn" dưới bút hiệu Hùng Nguyên, "Quốc triều hình luật", "Bộ Hình Luật nhà Lê" tục danh luật Hồng Đức (The LÊ code: law in traditional Vietnam), "Péroistroika or the revenge of Marxism over Leninism", "Những ẩn số chính trị trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung", "Hàn Phi Tử", "Lịch sử các học thuyết chính trị", "Hiệu đính và chú thích quyển Lục Súc Tranh Công, dịch ra Anh Ngữ cùng Giáo Sư Huỳnh Sanh Thông ở Đại học Yale, Connecticut", "Hồ chí Minh: tội phạm nhân quyền Việt Nam", "Biện chứng duy xạ luận", "Dân tộc hay giai cấp", "Nhận định tình hình thế giới", "Đề tài người ưu tú trong tư tưởng chính trị Trung Quốc cổ thời",... mà Giáo sư Trần Minh Xuân đã đề cập trong bảy cuốn di cáo về Giáo sư; ông còn để lại tác phẩm "Tên họ người Việt Nam", "Phê bình Nhơn Vật Tam Quốc Chí, Tây Hán Chí, Đông



Châu Liệt Quốc", "Lịch sử tranh đấu cho độc lập và tự do của dân tộc Việt Nam từ giữa thế kỷ 19", "Tái thiết cơ cấu hay sự trả thù của chủ nghĩa Marx đối với chủ nghĩa Lenin" và tuyển tập thơ "Hồn Việt" có bài "Anh hùng vô danh" tôi thuộc lòng từ nhỏ trong Quốc Văn Giáo Khoa Thư mà tôi không biết Đặng Phương chính là Giáo sư Nguyễn Ngọc Huy, ông có đề tặng những chiến sĩ vô danh tranh đấu cho Tổ Quốc:

Họ là những anh hùng không tên tuổi  
Sống âm thầm trong bóng tối mênh mông,  
Không bao giờ được hưởng ánh quang vinh,  
Nhưng can đảm và tận tình giúp nước  
Họ là kẻ muôn nghìn năm thuở trước  
Đã phá rừng, xẻ núi, lấp đồng sâu  
Và làm cho những đất cát hoang vu  
Biến thành một giải san hà gấm vóc  
Họ là kẻ không nài đường hiểm hóc,  
Không ngại xa, hăng hái vượt trường sơn  
Để âm thầm chuẩn bị giữa cô đơn  
Cuộc Nam tiến mở giang sơn lớn rộng  
Họ là kẻ khi quê hương chuyển động  
Dưới gót giày của những kẻ xâm lăng  
Đã xông vào khói lửa quyết liều thân  
Để bảo vệ Tự Do cho Tổ Quốc  
Trong chiến đấu, không nài muôn khó nhọc  
Cười hiểm nguy, bất chấp nỗi gian nan,  
Người thất cơ thành thịt nát xương tan  
Nhưng kẻ sống lòng son không biến chuyển.  
Và đến lúc nước nhà vui thoát hiểm  
Quyết khước từ lợi lộc với vinh hoa.  
Họ buông gươm quay lại chốn quê nhà  
Để sống lại cuộc đời trong bóng tối.  
Họ là những anh hùng không tên tuổi  
Trong loạn ly như giữa lúc thanh bình

Bền một lòng dũng cảm, chí hy sinh  
Dâng đất nước cả cuộc đời trong sạch.  
Tuy công nghiệp không ghi trong sử sách,  
Tuy bảng vàng bia đá chẳng đề tên,  
Tuy mờ hoang xiêu lạc dưới trời quên  
Không ai đến khấn nguyện dâng lễ vật,  
Nhưng máu họ đã len vào mạch đất,  
Thịt và xương trộn lẫn với non sông  
Và anh hồn chung với tấm trình trung  
Đã hòa hợp làm linh hồn giống VIỆT. **(NNH)**

Có lần, tại đại hội chín chính đảng tại California, nhà thơ Cao Tần tức Lê tất Điều có lên ngâm bài Anh Hùng Vô Danh, và bảo là bài thơ đó của thi sĩ Đặng Phương, cử tọa đã nhao nhao hỏi Đặng Phương là ai? Ông đã cho biết là vị giáo sư khả kính mà chúng ta vừa bầu làm Điều Hợp Viên đó.

Ở đây tôi muốn nhắc lại những kỷ niệm riêng tư với Giáo sư mà chúng ta không tìm thấy ở sử sách của Giáo sư Trần Minh Xuân.

Hồi nhỏ Giáo sư tuy gốc Cây Đào (còn gọi là Cây Điều), Tân Uyên, còn có tên gọi là Bến Cá, người thứ chín trong gia đình, nhưng ông lại sinh quán tại Chợ Lớn vì theo cha có việc làm tại tỉnh nhiều người Tàu. Lớn lên ông làm việc tại Thư viện Quốc gia. Ông vốn khó nuôi nên theo tục lệ Việt Nam được đặt tên là Sấm.

Hồi Pháp ép ông nội tôi là Đỗ Hữu Tính ra làm Tổng Phước Vĩnh Thượng, ấp Phước Lữ, nếu không nhận thì họ giết chú thứ Sáu và chú thứ Bảy hiện bị bắt và tra khảo trọng thương, nhốt tại phòng biệt giam tại nhà thương Biên Hoà. Bà nội lớn mất sau khi sanh người con gái thứ tám. Ông nội tôi có đi hỏi người dì ruột thứ bảy của Giáo sư Nguyễn Ngọc Huy, ông cố mới trao một nhánh chiết từ cây bưởi mà ông đặt tên là cây bưởi Vô Sự, với điều kiện nếu trồng sống thì ông gả con gái cho, kết quả dì Bảy đã thành bà nội của tôi, còn tiến sĩ Liêng Khắc Văn, tốt nghiệp Ngữ Học ở Sydney, Úc châu là con người thứ Chín.

Tôi còn nhớ một lần làm tài xế đi công tác với giáo sư tại Quốc Hội Mỹ ở Washington D.C., vì chỉ có hai người với nhau, tôi mới gọi bằng chú,

thường thường thì tôi gọi như các anh em khác là Giáo sư hay Anh Ba. Ông có hỏi tôi: "Cháu thấy con cộp trước khi nhảy nó làm gì? Nó nhún. Càng nhún thấp càng nhảy cao. Ngay bây giờ cháu hãy học nhún đã. Bài học đó để đời cho nên tôi là người duy nhất tại Virginia chưa bao giờ ra mắt sách mặc dù đã có bảy tác phẩm: "Nụ hôn loài lan tím dại" (thơ,1992), "Vũ điệu loài lan tím hoang" (thơ,1994), "Hoa tím niềm riêng" (thơ,1995), "Mặt trời, lá và em" (thơ,1964), "Âm sắc thời gian" (thơ,1999), "Cho cuộc đời thường" (biên khảo,2000), "Biên Hùng Liệt Sử" (biên khảo,2001), cùng các tác phẩm đứng chung "Nỗi nhớ khôn nguôi",1994; "Quê hương nghìn dặm II", 1995; "Vườn thơ hải ngoại", 2001, "CD Tình yêu trong tiếng thơ, 1999. Chính Giáo Sư Huy đã bảo: "Cháu học chi cho nhiều mà không viết biên khảo, làm thơ để chơi thôi."

Tiến về nội, thối về ngoại. Quê ngoại lúc nào cũng gợi nhớ hình ảnh êm đềm, bao bọc của mẹ hiền. Tôi xin ghi lại bài thơ "**Nặngquê ngoại**" để tặng các bạn gốc gác Biên Hoà hay có giây nợ với Tân Uyên:

"Đò dọc mé vàm ngã ba sông nhỏ  
Nghe Tân Triều ngọt lịm bưởi mười lăm  
Con cá vảnh quẫy đuôi đỏ trứng dầm  
Trái trôm rụng vỡ tan tròn năm tháng  
Cù lao Rùa gió ban trưa man mác  
Phía bờ mây ruộng mía vẫy cờ lau  
Con trâu già cày kéo thở phều phào  
Đôi cò trắng theo sau tìm giun dế  
Khi lên bờ chợt thấy chùm hoa khế  
Bông li ti tím tím phủ đầy cây  
Tim se thắt, tuổi trẻ lẫn đâu đây  
Đâu thôn nữ yêu kiều thương hoa tím  
Nụ cười xinh xinh tóc bím mân mê  
Chiếc cổ trần trắng mát dốc gò mớ  
Môi cắn chỉ đỏ tươi màu bưởi lựu  
Vườn bên kia oằn trái thương trái nhớ  
Con nhớ bưởi thanh, con nhớ bưởi đường

Bưởi nàng da láng con thương con thăm  
Con thương mùi hoa bưởi dưới trăng rằm  
Thương cây khế ngọt cây trâm rậm tàng  
Miếng đường phổi ngoại gói ràng cho mẹ  
Thấm yêu thương, phả hơi thở ngọt ngào  
Trái thanh long, bưởi ổi chín vườn sau  
Ươm nắng tốt, con thương hoài quê ngoại" (TTV)

Bài "**Vườn cây quê nội**" tôi sáng tác để nhớ nơi đã sinh ra, lớn lên và bỏ đi một cách tức tưởi:

"Phần ba thế kỷ vụt qua  
Dấu thay quốc tịch vẫn là ngoại nhân  
Lạ thay quê quán xa dần  
Mà như cũng đã bao lần về thăm  
Mơ về thôn xóm, ao đầm  
Mơ con sông nhỏ, mưa dầm mái tranh  
Quên sao quên được cho đành  
Gió lùa bông cỏ, chiều hanh hanh vàng  
Bóng ai thấp thoáng dò ngang  
Êm êm ngọn nắng trên hàng cau xanh  
Mãng cụt vườn cạnh bưởi thanh  
Hàng tiêu lên đọt leo nhanh cột gậy  
Chôm chôm tua tua rậm đầy  
Bông cau vỡ nụ mang quày treo duyên  
Sầu riêng đứng nhăm niêm riêng  
Gần bên khe lạch ngã nghiêng mạn đào  
Nhớ ôi! Ôi nhớ làm sao  
Muốn về quê nội đêm nào cũng mơ. (TTV)

Bài học xử thế thứ nhì tôi học được ở Giáo sư Huy về chính trị khi ông bảo: "Cháu có đọc chương không? Bên chánh cũng có tà và bên tà cũng có chánh, cái hay dở là phe chánh phải biết sử dụng kẻ chánh bên phía tà, trường hợp đại tá Bùi Tín là thí dụ, cứ đọc các tác phẩm sau này của ông đi, ta thấy là ông đã tự chẵn lối về. Tại sao chúng ta lập được cả Bộ Chiêu hồi,

ngày xưa khi ta đẩy bốn người qua bên kia sông Bến Hải, hết hai người là oan rồi, họ đâu có thân Cộng, nếu chúng ta không giang tay đón họ, thì họ chỉ có một con đường lựa chọn là về phía bên kia, vì con đường trốn ra ngoại quốc đâu có dễ. Bên tà giáo, bá đạo ba đầu sáu tay làm phe chánh điều đứng, nhưng rốt cuộc lại phe chánh vẫn thắng phe tà.

Ông là người có chí lớn, và có đức Nhẫn, ngày xưa, khi còn bôn ba, ông trốn tránh Cộng Sản qua Tàu bán bánh tiêu, còn bác sĩ Hoàn đi chích dạo, sau được Quốc Dân Đảng của Tưởng Giới Thạch giúp cho qua Pháp, bà Huy đã làm nghề giặt ủi nuôi ông ăn học đến đậu Tiến sĩ (luận án của ông hạng được ưu hạng của đại học Sorbonne, Paris "Mention très honorable", một trong những luận án tiến sĩ được giải thưởng xuất sắc nhất niên học 1963-1964), bà mới học lấy bằng Nữ Hộ Sinh Quốc Gia (Sage Femme d'État). Sau bà tử nạn ở Vũng Tàu lúc ông đang làm Đồng lý văn phòng phủ Phó Thủ tướng đặc trách Bình Định, trong đó có Xây Dựng Nông Thôn; nhiều anh em khuyên ông tục huyền để lo chuyện đại cuộc, ông đã từ chối và ở vậy đến chết. Vừa trung với nước vừa chung tình với vợ, người mà luôn luôn đứng sau lưng sự nghiệp của ông.

Lớn tuổi, ông vẫn hiếu học, sở dĩ ông dọn nhà vào ở với Thượng tọa Thích Giác Đức ở Boston, Massachusetts là để học thêm chữ Hán với ông nhà tu Tiến sĩ phái Tân tăng này để viết quyển "Nhơn vật Tam quốc". Tôi nhớ có lần Giáo sư tỏ ra rất thích thú như mở cờ trong bụng khi tôi tặng ông một danh sách tất cả các nhân vật trong chính quyền Trung Quốc từ lớn tới nhỏ phiên âm từ Hoa ngữ (Pinyin và Wade-Giles) ra tiếng Việt của người phụ trách phần Hoa ngữ trên đài Voice of America. Suốt đời ông chưa bao giờ có nhà riêng, có xe hơi riêng.

Hồi Bác sĩ Đoàn Văn Bá bình chủng Nhảy dù "đặt vấn đề" với Thiếu tướng Nguyễn Cao Kỳ khi ông bảo thế giới bây giờ nhỏ hơn trái cam, trái táo ông cầm trong tay, không còn phân biệt Quốc Cộng nữa tại buổi dạ vũ của Không Quân ở Virginia, Bác Sĩ Bá đã bị ban tổ chức đứng đầu là Bùi Hoàng Khải hành hung, và ông đã thắng kiện tại tòa án Virginia. Trước mặt giáo sư, ông có bảo Virginia đến hơn mười tờ báo mà không báo nào dám nhắc tới vụ án trên, chỉ có Binh Ba với bài "Múa gậy vườn hoang" trên tờ

Diễn Đàn Thủ Đô của Đoàn Hữu Định là dám đăng thôi. Giáo sư bèn hỏi: "Anh biết Binh Ba là ai không? Người đó đang ngồi trước mặt anh đó " Tôi nghiệp Binh Nhì Vũ Văn Tư tức cựu Trung Tá Cảnh Sát Dã chiến bị năm cú điện thoại hăm dọa oan. Về sau, khi Nguyễn Cao Kỳ lấy vợ Đại tá Ân, Không quân thuộc hạ của ông, và bay qua Thái Lan, cầu cạnh Tòa đại sứ Việt Cộng xin visa về Việt Nam bị đại sứ Việt cộng Lê Mai từ chối, có một phi công chán nản, hết dám bênh thầy, viết bài "Sư phụ bò bốn chân" để dũa và chối bỏ ông xếp cũ.

Hồi Giáo sư giao tôi phụ trách cái Newsletter bằng Anh ngữ của Ủy Ban Quốc Tế Yểm Trợ Việt Nam Tự Do ICFV (có tới 77 dân biểu hội viên khắp thế giới), có ông Shephard Lowman (nguyên đại sứ Mỹ tại Honduras) và ông cựu Đại Sứ Bùi Diễm làm chủ bút, tiến sĩ Nguyễn Bá Thư (cháu rể thầy Thích Nhất Hạnh) và vợ là Hương nhận trách nhiệm đánh máy, anh Nguyễn Thành Công và anh Đào Ngọc Thiệu phụ trách in, Nguyễn Mậu Trinh nhận phân phát cho các văn phòng Thượng Nghị Sĩ và Dân Biểu tại Quốc Hội Mỹ. Tôi một tay từ lọc tin tức Đông Nam Á mua của Bộ Thương Mại Mỹ, một tay viết Éditorial mà không được đứng tên trong ban Biên Tập; tới bây giờ tôi mới hiểu ý giáo sư Huy thế nào là chiến sĩ vô danh, và khỏi mang tiếng cùng gia đình với nhau.

Ngày 27 tháng 3 năm 1988, Giáo Sư đại diện cho Tân Đại Việt, Bùi Diễm đại diện Đại Việt Quan Lại, Hà Thúc Ký đại diện Đại Việt Cách Mạng ôm nhau khóc mừng đảng Đại Việt thống nhất dưới basement nhà ông Bùi Diễm ở Maryland, với nhan đề "Một vài nguyên tắc căn bản để tiến tới kết hợp đại gia đình Đại Việt Quốc Dân Đảng", và cũng đã thành lập một Ủy Ban Liên Lạc và Nghiên Cứu để xúc tiến công tác, trước khi tham dự biểu tình chống hồi hương cưỡng bách ở Hồng Kông tại tòa Bạch Ốc. Tôi là nhân chứng thứ tư duy nhất có mặt tại đó.

Ngày giáo sư mất đang quàn tại Paris, Pháp quốc, chúng tôi chứng kiến anh em đã "bầu" Bác sĩ Nguyễn Tôn Hoàn làm Giám sát, tại đại hội Liên Minh Dân Chủ Thế giới Austerlitz 1989, Hòa Lan; tôi đã rướm rướm nước mắt nhìn theo ông và bà Nguyễn Tôn Hoàn dắt tay thiu thiu về trại mà bảo với

anh Thiệu: "Đó, công trình 40 năm làm cách mạng, mấy anh em được ông cất nhắc cho nên ngày nay lại hạ bệ ông, chính trị là vậy đó sao"?

Sau Đại hội, chúng tôi về chùa Linh Sơn ở Paris do thượng tọa Thích trí Tạng (Chuẩn tướng Phạm Đăng Lâm) làm lễ. Cờ 400 anh em để tang cố Giáo Sư Nguyễn Ngọc Huy.

Nhà thơ **Nguyễn Mai** trong Những đóa hoa tim tháng 4/1997 đã làm bài thơ "Nguyễn Ngọc Huy bất tử" để thương tiếc Giáo Sư Huy:

Người đã chết nhưng sẽ thành bất tử  
Trong hồn thiêng sông núi dấu yêu  
Tinh thần Người là cao đỉnh chỉ tiêu  
Tận nhân lực hiến trọn đời cho Tổ Quốc  
Vạn khó khăn, tim óc Người bất khuất  
Bệnh hao mòn, đường vạn dặm xả thân  
Là lãnh tụ anh minh, lãnh tụ vĩ nhân  
Đã kết hợp bao anh hoa, hào kiệt  
Người đã sống một cuộc đời dũng liệt  
Học thức uyên thâm, lãnh đạo ôn hòa  
Lấy xã tắc, sơn hà làm lý tưởng

Hỡi ơi! Người nằm xuống, tôi khóc Người đau đớn

Trời sao đành nỡ bắt sớm Người đi?  
Trong khi lòng người đang vắng chữ vinh qui  
Khúc khải hoàn rập rờn trên đất nước  
Hỡi ơi! giữa giòng đời trầm luân xuôi ngược  
Kẻ bạo tàn, gian tặc cứ phây phây  
Mà những đóa hoa hồng thơm ngát giữa trùng vây  
Cứ tiếp nối hao mòn, tan tác rụng!  
Người đã chết nhưng sẽ thành kính lộng  
Người đã xa nhưng vẫn rặng bên lòng  
Những anh hùng hào kiệt tấm gương chung  
Soi sáng lối đi vào trang quốc sử

Đốt nén hương tâm tiếc thương người huyền sử  
Cầu hồn thiêng Người phù hộ Liên Minh  
Để nước Việt yêu sớm được quang vinh  
Long trọng rước Người về trong lá cờ Tổ Quốc!

### ***Nguyễn Mai***

Lòng trắc ẩn và nét ăn ở có hậu, tôi có ngờ đâu sau khi dự đại hội Longview, (đúng ra ông Hoàn không còn tư cách gì để triệu tập Đại hội), tiểu bang Washington (mà Vũ Huệ gọi là "đại hội bà" vì thỉnh thoảng, bà Nguyễn Tôn Hoàn lên bàn chủ tọa, rí tai giật dây Thanh Long Nguyễn Tôn Hoàn); tôi đã là người duy nhất cảnh giác trước Hội nghị chính Hoàng Việt Cương, tên thật là Hà Mặc Điệp, hiện đang được Bác Sĩ Hoàn ca tụng và tin dùng là điệp viên của Trung Cộng đang bị tình báo của cả hai nước Mỹ và Gia Nã Đại điều tra. Bác sĩ Nguyễn Tôn Hoàn đã nghe lời ông Bùi Diễm và ông Hà Thúc Ký bất cứ giá nào phải loại tôi ra khỏi chức vụ Tuyên huấn và loại ra khỏi Ban chấp hành Liên Minh Dân Chủ, trong khi được sĩ Nguyễn Mậu Trinh chưa bao giờ tuyên thệ trước bàn thờ Tổ Quốc, được được sĩ Thái Tường cất nhắc lên làm Chủ tịch Phân Khu Bộ Virginia vì là cùng được sĩ với nhau; Trung tá HQ Nguyễn Thành Công biết rõ đầu đuôi chuyện này, ông Công trước làm tùy viên Quân sự cho ông Nguyễn Văn Kiểu, anh Tổng thống Thiệu tại tòa Đại sứ Đài Loan; người cùng Đại tá Dương Hiếu Nghĩa và đại tá Nhan Minh Trang mới bị Bác Sĩ Nguyễn Tôn Hoàn khai trừ sau 5 người khác có Hoàng Việt Cương trên giấy trắng mực đen, trên báo chí, nên đã bị họ phản pháo và phủ nhận không hề biết ông Hoàn là ai? Ông Hoàn xấu hổ khi anh em bầu Giáo Sư Nguyễn Ngọc Huy từ Tổng Thư Ký lên làm Chủ tịch Phong Trào Quốc Gia Cấp Tiến thay thế Giáo Sư Nguyễn Văn Bông mà không bầu ông, nên ông hại ngầm Giáo Sư Huy và ghét lây thẳng cháu, nên ông lấy cớ mỗi lần tôi qua Bỉ Quốc đều lên báo cáo cho tiến sĩ Đỗ Tấn Sĩ là đứa em thứ bảy thân Cộng của tôi, họ đã làm vì mỗi lần qua Bỉ, tôi có giao ước qua hai đứa em gái du học ở Bruxelles, Bỉ quốc, trước 75 là Đỗ Thị Thanh Thủy và Đỗ Thị Thanh



Tuyền, nói lại với Sĩ là không bàn đến chính trị khi anh em gặp nhau. Đồng thời, anh tư Nguyễn Tôn Hoàn mỗi lần đến Virginia đều đến Lockwood House thăm tên Lê Phùng Thời, trước dạy Pháp văn ở trường Lê Bá Cang, là người hồi trong bưng là đại đội trưởng, bồ của Nguyễn thị Bình, cột chèo với Lê Duẩn, Tổng bí thư của đảng Cộng Sản và Bảy Bốp Phạm Thái, tức là nhà báo Nguyễn Ngọc Tân. Và em của bà Hoàn tên Khải, hiện làm tại tòa Tổng Lãnh Sự Việt Cộng ở Sacramento, California.

Cớ chính vì tôi là cháu Giáo Sư Nguyễn Ngọc Huy. Ở Hòa Lan, ông Hoàn đã ngầm loại Giáo Sư ra vì thấy ảnh hưởng của Giáo sư với đám đệ tử ở Học Viện Quốc Gia Hành Chánh quá mạnh, còn ông với tư cách Đảng trưởng mà không có uy tín và bất tài, làm lãnh tụ một đảng phái lớn của Quốc gia lại nghe lời đàn bà; ai ngờ anh em đã loại ông trước. Sau này, tôi được tin là Nguyễn Tôn Hoàn đã bị chánh thức khai trừ khỏi Đại Việt Quốc Dân Đảng trước khi chết. Ngày nay, tôi xin cảm ơn họ vì họ đã cho tôi thời giờ rảnh rỗi để theo đuổi con đường văn học nghệ thuật.

Có lần giáo sư quá đau khổ vì đứa con trai Nguyễn Ngọc Thụy Khanh qua đời, Thụy Khanh được gửi cho một tướng Mỹ nuôi, khi ông ghé thăm, Khanh có đòi theo ông, ông bảo ông còn bôn ba lo việc nước, phải ráng học thành tài đi đã, ông có hứa sau này ông sẽ tìm cách đem về ở chung; khi ông đi rồi, Thụy Khanh đã xả gaz trong nhà xe tự quyên sinh, cái chết của Khanh đã làm ông hối hận vô cùng, Nguyễn Bá Thư có đêm đã thấy ông ngồi thiền một mình trước Phật đài ở làng Mai bên Pháp (trước tên gọi là làng Hồng). Ông vắng mặt gần ba năm.

Theo nhà văn Hải Triều hiện làm báo Việt Nam tại Canada, (bút hiệu làm thơ Lê Khắc Anh Hào), thì Giáo sư là người đứng đầu số chúng có lệnh giết trong số 1000 người, vì thế đứa cháu kêu Giáo sư bằng cậu ruột, là giáo chức biệt phái, đi học tập cải tạo, bị Việt cộng đóng hai chiếc đũa vào mũi xuyên óc để giết và không cho lãnh về chôn, tuy trước đây Giáo Sư Ấn chưa bao giờ tham gia chính trị.

Có lần giáo sư hỏi thử tôi: "Cháu thích nhân vật nào nhất trong Tam Quốc Chí". Tôi đã trả lời là tôi thích Huỳnh Cái, vì dám làm khổ nhục kế giúp

Châu Do thắng Tào Tháo. Giáo sư bèn nói: "Chú hiểu bụng cháu. Còn chú thích nhất Nễ Hành".

Sở dĩ tôi viết dài giòng những kỷ niệm mà tôi có với giáo sư Huy không ngoài mục đích sau này cho các nhà biên khảo muốn tìm tài liệu sẽ được dễ dãi hơn.

Giáo sư hiện còn có hai người con, một trai ở Pháp tên Nguyễn Quốc Thụy tốt nghiệp trường Polytechnique của Pháp hạng tối danh dự, làm giám đốc computer cho tổ hợp Matra của European Community mới đổi qua làm cho Công Ty Điện Nước của Chính Phủ Pháp, và ái nữ, tiến sĩ Nguyễn Ngọc Thúy Tần cư ngụ tại Albany, tiểu bang New York, có chồng Mỹ gốc Do Thái, sinh được hai cháu gái. Lúc gần mất, Giáo sư có hãnh diện khoe hình đứa cháu ngoại thứ nhất cho tôi xem. Ông mất vì ung thư cổ họng (chỗ thanh quản = pomme d Adam), bác sĩ cho ông sống cỡ một năm nữa, nhưng nhờ ý chí và lòng yêu nước, ông đã kéo dài được năm năm, đau nặng vẫn tranh thủ thời gian, nói không rõ vẫn đi thuyết trình, tranh đấu tới hơi thở cuối cùng.

Nếu ông Nguyễn Văn Thiệu không phản đảng Đại Việt và không chơi trò độc diễn và độc đảng, cấm quân nhân tham gia các đảng chính trị (bằng cách lập đảng Dân Chủ do Bác sĩ Trần Minh Tùng làm Chủ tịch), thì Liên Danh của Nguyễn Ngọc Huy-Ngô Quang Trưởng (có nhà văn Duy Lam trong đó) sẽ làm ông Thiệu khốn đốn.

Tôi cũng xin nhắc tướng Ngô Quang Trưởng gốc người Bến Tre, là bạn nối khố của anh vợ tôi, Đại Úy KQ Nguyễn Quang Huy, người bị nghi Ngô Đình Diệm mưu sát, máy bay của anh cất cánh bánh không xếp quẹt vào ngọn cây mít nhào xuống gò mả, vì Ngô Đình Diệm sợ bị dội bom, cùng lúc với việc nhà văn Nhất Linh cạo đầu phản đối và tự tử vụ đàn áp Phật giáo, lúc đó ông Huy đang cặp với bà Trưởng là con Thạch Lam, trước khi chết anh có trời nhờ tướng Trưởng nuôi vợ con ông, vì thế sau này bà thành bà Ngô Quang Trưởng.

Hồi tôi du học chuyên khoa Vật Lý Trị Liệu tại Medical College of Georgia, Augusta năm 1971-1972, tôi có theo dõi báo chí, họ chỉ khen Việt Nam có 4 ông tướng sạch (four able generals), một ông bị cho là điên, cho

giải ngũ ngồi chơi xơi nước là tướng Dương Văn Đức, ông thứ hai là tướng Nguyễn Việt Thanh, Tư Lệnh vùng IV bị rút trực thăng chết, ông thứ ba là tướng Phan Trọng Chinh, bị đẩy ra làm chức vụ hành chánh là Tổng Cục Quân huấn, duy chỉ còn có một tướng duy nhất là tướng Ngô Quang Trưởng, lên đến chức tướng không qua một áp lực chính trị nào mà chỉ nhờ đánh giặc. Vì thế không ai lấy làm lạ khi tướng độc nhơn Do Thái Moshé Dayan và tướng Mỹ Norman Schwarzkopf viết bài trên báo Washington Post tỏ lòng khâm phục ông.

Giáo sư Huy mất vài tháng trước khi bức tường Bá Linh sụp đổ năm 1990 (tượng trưng cho chủ nghĩa Cộng Sản ở Tây Âu) mà không được thấy chủ nghĩa Cộng Sản cáo chung, mang theo cả một tâm huyết, một tài hùng biện và một lòng yêu nước vô biên, một người có tầm nhìn xa (visionary), và một nhân dáng lãnh tụ (charismatic) có tài lẫn đức hiếm hoi.

Giáo sư Stephen Young, sanh cùng ngày cùng tháng nhưng khác năm với giáo sư Huy, hiện nay đương kim khoa trưởng Luật khoa đại học Minesota, sau lễ cầu siêu 49 ngày giáo sư Huy tại chùa Giác Hoàng, Washington D.C., về nhà anh Đào Ngọc Thiệu, trước mặt ông Bùi Diễm và ông Hà Thúc Ký, ông Young đã phát biểu bằng tiếng Việt lưu loát trong ba tiếng đồng hồ là trong đời ông ông chỉ kính phục có ba người Việt Nam là Nguyễn Trãi, Phan Huy Chú và Gs Nguyễn Ngọc Huy; Nguyễn Trãi thì để lại ít tác phẩm thôi, Phan Huy Chú thì cũng hơn được vài tác phẩm, riêng Gs Nguyễn Ngọc Huy vừa là bạn ông vừa là bậc thầy của ông, Giáo Sư Young có viết chung với giáo sư Huy tác phẩm " Understand Vietnam" và tác phẩm cuối cùng bằng Anh ngữ mang tên "Limits on state power in traditional China and Vietnam", trong The Viet Nam Forum, ban nghiên cứu Đông Nam Á châu của đại học Yale, nhằm so sánh sự khác biệt nền tự do dân chủ giữa văn minh Trung Quốc và Việt Nam. Gs Huy đã không được nhìn thấy công trình cuối cùng là quyển sách đang in và bỏ dở nhiều dự án khác.

#### **4) Trần Văn Linh:**

Người thứ tư cũng quê quán Tân Uyên là thẩm phán Chủ tịch Tối Cao Pháp Viện:

Ông Linh sanh tại làng Bình Long, bên tả ngạn của sông Đồng Nai (cùng phần đất với tỉnh lỵ Biên Hoà), hồi nhỏ học ở trường làng Mỹ Lộc (hữu ngạn sông Đồng Nai) với ông Nguyễn Ngọc Hứa (thân phụ giáo sư Nguyễn Ngọc Huy) và ông giáo Huỳnh Văn Thọ (anh ruột của ông Huỳnh Văn Nghệ, lớn lên học Pétrus Ký cùng lớp với Bác Sĩ Trần Nguơn Phiêu và ông Đỗ Cao Minh), và rất thân với Đỗ Cao Trí; có lần, trong một bữa tiệc trong dinh Độc Lập, ông đã bảo Đỗ Cao Trí: "Anh chịu trách nhiệm cả vùng phải cẩn thận" vì nghe Đỗ Cao Trí đi hành quân thường đi hàng đầu với binh sĩ. Tướng Trí đã trả lời: "Tướng không xông pha thì binh sĩ sẽ không hết lòng", ông Linh là con chú bác với ông Trần Bá Thành, đời Tổng thống Ngô Đình Diệm làm Giám Đốc Công An Nam Phần, học cùng lớp ở Tân Uyên với Huỳnh Văn Nghệ, chính ông Trần Bá Thành đã điều đình với cò Bazin cho ông Huỳnh Văn Nghệ ra trình diện vì lúc đó Huỳnh Văn Nghệ theo Nhật Bốn sang Singapore chống Pháp, nhiều lần ông Huỳnh Văn Nghệ dạy thế ông anh Huỳnh Văn Thọ.(Xin xem phụ lục của ông Trần Văn Linh ở phần sau).

### 5) Bình Nguyên Lộc:

Cùng quê quán Tân Uyên có nhà văn nổi tiếng Bình Nguyên Lộc. Ông sinh ngày 7 tháng 3 năm 1914(theo khai sinh thì 1915) tại làng Uyên Hưng, tổng Chánh Mỹ Trung, huyện Tân Uyên, tỉnh Biên Hoà, nằm ven sông Đồng Nai. Bên kia là làng Bình Long, ngày xưa cùng thuộc một huyện, có các nhà văn Lý Văn Sâm, Hoàng Văn Bốn và ông mất vì áp huyết cao cũng nhằm ngày 7-3-1987 tại Sacramento, tiểu bang California, năm sau đó thì bà Bình Nguyên Lộc cũng qua đời vào ngày 10-10-1988;

Ông tên thật Tô Văn Tuấn, cha của Bác sĩ Tô Văn Hiệp, nguyên Giám đốc Dưỡng Trí Viện Biên Hoà, chết vì bệnh ung thư máu lúc còn rất trẻ, lúc làm giám đốc Dưỡng Trí Viện Biên Hoà Ông có nói nhiều lần trong gia đình, bút hiệu của ông là nai đồng chứ không phải đồng nai, theo Hán Việt cụm từ Bình Nguyên là Đồng, chỉ đóng vai tuồng complément déterminatif, chữ sau Lộc là lộc nai, mới là danh từ chánh yếu. Ông Bình Nguyên Lộc chủ trương nhà xuất bản Bến Nghé (1956), chủ nhiệm tuần báo Vui Sống (1958).

Bình Nguyên Lộc ở vào một số ít những nhà văn thuần chất Nam bộ, lại có vốn kiến thức sâu rộng, thử tài ở nhiều lãnh vực, không chỉ là sáng tác văn chương.

Bình Nguyên Lộc có công chú giải nhiều tác phẩm văn chương cổ điển Việt Nam như: Văn Chiêu Hồn, Tiệc thay duyên Tấn, phận Tần (Nguyễn Du), Tự Tình Khúc (Cao Bá Nhạ), Thu dạ lữ hoài ngâm (Đình Nhật Thiện)...trên các tạp chí như Văn, Bách Khoa, Hương Quê... Ông đã để lại hơn 100 tác phẩm trong đó có "Đò dọc" (59), "Gieo gió gặt bão" (59), "Ký thác" (60), "Ái ân thâm nặng cho dài tiệc thương", "Bóng ai qua ngoài song cửa" (63), "Mối tình cuối cùng" (63), "Đừng hỏi tại sao" (65), "Mưa thu nhớ tầm" (65), "Tình đất" (66), "Những bước lang thang trên hè phố già Bình Nguyên Lộc" (66), "Một nàng hai chàng" (67), "Quán tai heo" (67), "Thầm lặng" (67), "Trăm nhớ ngàn thương" (67), "Uống lộn thuốc tiên" (67), "Đèn Càn giờ" (68), "Viễn phương" (68), "Diễm Phượng", "Sau đêm bố ráp" (68), "Cuốn rún chưa lia" (69), "Khi Từ thức về trần" (69), "Nhìn xuân người khác" (69), "Rừng mắt" trong Tuyển tập "Ký thác", "Câu dầm", "Bàn tay năm ngón" trong tuyển tập "Nhốt gió", "Nửa đêm Tráng Súp", "Hoa hậu Bồ Đào", "Tuyển tập truyện ngắn Tâm trạng hồng" vv... cả các tác phẩm viết về ngữ học mang tên "Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt Nam" (71), "Lột trần Việt Ngữ" (73), còn lại một số đã thất lạc trong hơn 500 truyện ngắn của ông, trong đó có tác phẩm "Hương gió Đồng Nai" và truyện dài "Lịch sử Phù Sa" mỗi cuốn dày hơn 1000 trang mà ông mất hơn 20 năm để viết đã bị thất lạc.

Với "Rừng mắt", ông phải mời Sơn Nam về tận quê hương Tân Uyên của ông rồi đề nghị người miền Tây chính gốc kể về quá trình sinh thành phù sa. Tiếp giáp với cửa bể là rừng mắt, đằng sau mắt là rừng tràm. Chỉ có mắt mới trụ lại giữa biển phù sa mênh mông và nhường chỗ lại cho tràm khi đất đã đông lại. Sau tràm là bao loại cây trái khác. Cây mắt sinh thành và chết đi nhưng cái chết đó thật ý nghĩa. Quá trình hình thành kia có khác gì sự hy sinh của bao thế hệ mở mang bờ cõi. Một sự lý giải lịch sử con người bằng văn chương sinh động, cụ thể. Và có lẽ chỉ có cách lý giải ấy

mới mong khắc sâu trong tâm não bao thế hệ cái giá của lịch sử! (theo Huy Anh - người Đồng Nai)

Tôi thích thú với câu hò trong "Rừng mấm":

Hò... ơi, rông châu ngoài Huế

Ngựa tể Đồng Nai

Nước sông sao cứ chảy hoài

Thương người xa xứ lạc loài đến đây.

Ông có một cuộc sống hết sức bình dị, từ cách ăn mặc đến ngôn ngữ. Ông thích ăn cá khô và thích đồ ăn nấu nướng bằng lò than củi chứ không thích nấu lò gaz.

Ông vẫn thích xài chữ miền Nam như nhà giầy thép, đọc nhứt trình, sở lục lộ trường tiền, con cò dán thơ...

Mời các bạn viếng thăm tiếng thơ của Bình Nguyên Lộc, một giọng thơ đặc sệt miền nam trong bài "**Dâng Má Thương**":

Từ đáy thời gian dậy tiếng ru

À... ơi lời má, giọng trầm phù

Má ơi, hồn đất bao năm thiếp

Bống chốc trưa nay vắng tí mù

Kèo kẹt xà nhà tiếng võng đưa

Đâu đây đồng vọng cõi xa xưa

Thổ ngơi thơm phức, hồn ma cũ

Lòng rộn vui mà mắt lệ mờ

Ngày qua năm tháng cứ trôi xuôi

Một chút nhớ xưa, thoát ngậm ngùi.

Những ngõ tro tàn trong bếp lạnh

Hay đâu than ngún dưới tro lù

Ngược dòng năm tháng mấy dòng này

Những \*áng tuyết xưa gọi lại đây

Gởi cả muôn phương cùng vạ nhớ...

Tân Uyên đất má, thắm với đây.

*\* Mais où sont les neiges d antan*

Đời người, đời văn Bình Nguyên Lộc như một chuyến đò. Ông từng viết Đò Dọc, tức là chuyến đò đơn chiếc, buồn lắm. Nhưng với người đọc, đời văn, đời người không hẳn là chuyến đò dọc. Ông dong ruổi trên khắp quê hương, nhận diện quê hương của mình. Vì thế, cho dù sau này, bất đắc dĩ phải xa quê. Bình Nguyên Lộc, trong cuộc đời lẫn văn chương, vẫn là chuyến đò quê nặng nghĩa thăm tình...

## **RỪNG MẮM**

**::: Bình Nguyên Lộc :::**

Chim đang bay lượn bỗng đứng khựng lại, khiến thằng Cộc thích chí hết sức. Nó theo dõi con chim thầy bói ấy từ này đến giờ, chờ đợi cái phút này đây.

Thật là huyền diệu, sự đứng yên được một chỗ trên không trung, trông như là chim đang bị ai treo phơi khô ngoài sân nhà.

Chim thầy bói nghiêng đầu dòm xuống mặt rạch giây lát rồi như bị đứt dây treo, nó rơi xuống nước mau lẹ như một hòn đá nặng. Vừa đụng nước, nó lại bị bắn tung trở lên như một cục cao su bị tưng, mỏ ngậm một con cá nhỏ.

Cộc ngửa mặt lên trời để theo dõi ông câu kỳ dị và tài tình ấy nữa, nhưng mắt nó bị ngọn dừa nước bên kia bờ rạch níu lại.

Trên một tàu dừa nước, một con chim trắng chài xanh như da trời trưa tháng giêng, đang yên lặng và bền chí rình cá.

Trong thế giới bùn lầy mà thằng Cộc đang sống, ai cũng là ông câu cá, từ ông nội nó cho đến những con sinh vật nhỏ mọn qui tụ quanh các ngọn nước.

Màu xanh của chim trắng chài đẹp không có màu xanh nào sánh kịp. Sự bền chí của nó cũng chỉ có sự bền chí của các lão cò sần nảo là ngang vai

thôi, cái bèn chí nhìn rất dễ mê, nhưng mê nhất là mũi tên xanh bắn xuống nước nhanh như chớp, mỗi khi thả chài trông thấy con mồi.

Thằng Cộc là một đứa bé bạc tình. Một đàn cò lông bông bay qua đó, đủ làm cho nó quên thả chài ngay. Là vì đầu cò chớm chớm những cọng lông bông, nhắc nhở nó những kếp võ hát bội gắn lông trĩ trên mào kim khôi mà nó đã mê, cách đây mấy năm, hồi gia quyến nó còn ở trên làng.

Hồi ấy nó sướng lắm. Quanh nhà nó, có hàng trăm nhà khác, có vườn cây trái, có nước ngọt quanh năm, có trẻ con để nó làm bạn, để nó đùa giỡn.

Nhưng không hiểu sao một hôm tía nó bán chiếc chòi lá đi, rồi ông nội nó, tía nó, má nó và nó, một đứa bé mười tuổi, kéo nhau xuống một chiếc xuống cui, một thứ xuống to mà người ta gọi là xuống mẹ, ghe con. Rồi họ đi lang thang từ rạch hoang vắng này đến kinh hiu quanh nọ, và rồi cuộc dừng bước nơi cái xóm không người này mà ông nội nó đặt tên là xóm Ô-Heo.

Nghĩ đến những năm cũ, thằng Cộc bỗng nghe thèm người vô cùng, thèm còn hơn là thèm một trái xoài ngọt, một trái khế chua mà từ năm năm nay nó không được nếm.

Những người di cư năm nọ trên chiếc xuống cui vẫn còn sống đủ cả. Những chiều nghi ngút sương mù từ đất lầy bốc lên, và những đêm mưa gào gió hú, những người ấy kể chuyện cho Cộc nghe, những chuyện ma rờn óc như ăn phải trái bần chua. Nhưng đầu sao, Cộc cũng thích người khác hơn, cũng như nó thích vườn tược sầm uất hơn cảnh rừng tràm tối mịt hoặc cảnh đồng không bát ngát ở đây. Ở đây, cho đến tiếng chó sủa, tiếng gà gáy nó cũng không nghe từ lâu. Con chó săn và mấy con gà giống mang theo, đã ngã lăn đùng ra mà chết ngay trong tháng mới tới. Thằng Cộc ngạc nhiên mà thấy sao người vẫn không chết trong khí hậu tàn ác này: nóng, ẩm, còn muỗi mòng thì quơ tay một cái là năm được cả một năm đầy.

Chưa bao giờ mong mỏi của Cộc được thỏa mãn mau lẹ như hôm nay. Nó vừa thèm người thì tiếng hò của ai bỗng vẳng lên trong rừng tràm, rồi tiếp theo đó là tiếng chèo khua nước:

Hò ơ... tháng ba cơm gói ra hòn,

Muốn ăn trứng nhận phải lòn hang mai.



Mũi xuống cui ló ra khỏi khúc quanh của con rạch, và trên xuống, chông chèo lái, vợ ngồi không trước mũi mà hò. Cặp vợ chồng này, Cộc quen mặt mấy năm nay, nhưng không biết họ từ đâu đến. Nó chỉ biết họ ra biển để bắt cua và bắt ba khía, một năm mấy kỳ. Nghe tiếng người lạ nói, như là tiếng hát, Cộc sướng như có lần tía nó cho nó ăn một cục đường từ nơi xa mang về.

Thà là không được ăn, chớ còn ăn một chút xíu thì cái vị của món ăn còn chọc thèm hơn bao giờ cả. Nên khi Cộc nhìn xuống chèo khuất dạng rồi thì xây lưng tức khắc để chạy lên Ô-Heo.

Trọn vùng này, ông nội nó đặt tên là Ô-Heo. Nhưng riêng trong gia quyến nó thì Ô-Heo chánh hiệu là một cái gò xa ở trên kia, cách mé rạch đến hai dặm hú. Số là hồi trước, ngày đầu tới đây, ông nội nó với tía nó đi kiếm đồ ăn trong rừng, đã gặp nơi đó một ổ heo rừng. Cả ổ heo đều bị sát hại hôm đó và việc canh tác của gia quyến nó về sau này đã đuổi thú dữ đi xa.

Tuy nhiên, đề phòng chúng trở lại, ông nội nó đã cấm nó lên Ô-Heo một mình. Chẳng Cộc lại thích lên đó, ban đầu chỉ vì Ô-Heo có sức quyến rũ của một trái cấm, nhưng về sau, nó gặp người nơi đó.

Đó là vài người đàn ông và đàn bà, nói là ở xa lắm, cách đó một ngày đường sông. Đàn ông thì đến để gác quốc, gác nhan sen, còn đàn bà thì để nhổ bồn-bồn về làm dưa bán.

Đó là những người bạn bí mật của nó, nó giữ kín không cho nhà nó biết. Họ hay kể chuyện xóm làng, chuyện đám cưới, đám ma, đám hát, đám cúng đình, tóm lại tất cả sinh hoạt của làng mạc mà từ lâu Cộc không thấy và ngậm ngùi tưởng đến như nhớ những kỷ niệm xa xôi.

Cộc chạy qua khỏi ruộng nhà và đứng lại nghỉ mệt. Nó mệt lắm vì nó chạy dưới nước và dưới bùn, mặc dầu lúa đã đến mùa gặt.

Năm xưa, gia quyến nó đến đây vào cuối tháng giêng, sau khi cúng ông vải xong ở quê cũ. Ông nội nó với tía nó đốt rừng tràm từ ngoài bờ rạch. Gió thổi vô rừng, và lửa, như con vật khổng lồ, đã tấp một cái vào khối thịt xanh um của biển rừng tràm này. Thành ra ruộng nhà nó mang một hình tròn kì dị, không tròn đều đặn vì không ai chỉ huy được sự cháy rất là rắn mắt của ngọn lửa.

Cộc nhìn ruộng mình một hồi rồi cười khan lên. Đám rừng bị khoét một lỗ để làm ruộng, trông như đầu tóc trẻ con được mẹ cạo, nhưng mới cạo có một mảng thì có chuyện gấp, bỏ dở công việc; đứa bé bị chúng bạn chế nhạo là đầu chó tấp.

Lúc ruộng chín, cây lúa cao quá, ngã rạp xuống, để lòi trăm ngàn gốc tràm lên, trông như ai đóng cọc để cất nhà sàn; năm xưa đốt rừng nhưng không đủ sức đánh những gốc tràm tươi rói không cháy được này, tía thẳng cộc đành cấy lúa giữa những gốc ấy, mãi cho đến ngày nay mà gốc vẫn chưa mục. Tía nó nói mười năm nữa, tràm chết cũng vẫn còn đưa căng lên như vậy.

Sau lưng Cộc là những rặng tràm bị cháy sém dưới trận lửa khai hoang, không chết ngay, nhưng “chết lười”, cứ mỗi năm chết lần mòn thêm vài mươi cây. Mấy hàng tràm đầu nám đen và trụi nhánh như cột nhà cháy, cộm hận nhìn chiếc chòi lá xa tít mù dưới mé rạch đang chứa chấp kẻ thù đã lẩn đất của chúng, đã sát hại chúng.

Sau đó, rừng dày mịn, chần chịt những dây bông bong, dây choại, bò từ thân cây này qua thân cây khác.

Thằng Cộc lắng tai nhưng không nghe tiếng động nào cả. Nó đánh bạo chen qua những cây bình-bát, cây ráng, mọc xen với tràm, để đi tới đích.

Một ổ chồn cộc bỗng chạy qua trước mặt nó, khua lên một cái roạch, làm nó giựt mình, nhưng tiếng người trên Ô-Heo cách đó chừng hai hàng cây, giúp cho nó vững dạ.

Tiếng đàn bà hỏi:

- Anh hồng sợ thằng Mùi hay sao ?

Tiếng đàn ông đáp:

- Thằng Mùi thì qua cho một loi là nhào hót.

Cộc vẹt cỏ lá, đi mau đến đó và khi nó chun ra khỏi khối xanh thì hai người có mặt trên gò Ô-Heo sợ hãi ngồi dang ra. Người đàn ông gác quốc là người quen, người đàn bà nhỡ bõn-bõn thì lạ hoắc. Chị này trẻ đẹp hơn tất cả những chị mà nó quen biết từ lâu.

Người đàn ông tự trấn tĩnh lại ngay, ngoắt nó lại mà hỏi:

- Muốn về trên hay không Cộc ? Muốn thì đi theo chị hai mây đây, chỉ có một đứa em gái ngộ lắm.

Trong khi thằng Cộc mắc cỡ tía tai thì chị đàn bà hỏi anh kia:

- Ở miệt này có người sao anh ?
- Chỉ có một nhà thôi. Mới tới đây chừng năm năm.
- Quen hay lạ ?
- Lạ. Họ ở trên Sa-Đéc lặn.

Chị đàn bà an lòng, vui lại được và nói với Cộc để mua lòng kẻ đã bắt chọt việc thăm lén của chị:

- Em của chị không bao giờ chịu về làm dâu ở một chỗ như vậy. Em có muốn thì phải ở rể thôi.

Rồi hai người lớn cười ngặt nghẹo với nhau.

Thằng Cộc mới mười lăm, nhưng cao lớn gần bằng người đàn ông kia. Mình trần của nó nổi u, nổi nần những bắp thịt rắn như nắn bằng đất sét gắn vào đó rồi nung cho đen và cứng.

Sự nảy nở của thân thể nó đi song đôi với sự trưởng thành của đời sống sinh lý bên trong của nó. Năm nay nó đã bắt đầu băng khuâng mỗi khi chiều xuống, mặt trời đốt cháy đỏ đầu rừng trầm trầm thủy trước nhà. Nhưng sống cô đơn ở đây, nó không biết chuyện trai gái như vậy là xấu đến mức nào và nó phải có thái độ làm sao nên bối rối lắm.

Chị đàn bà nắm tay nó, rị nó ngồi xuống bên cạnh chị, vỗ lên đầu nó rồi dỗ ngọt:

- Chị không ăn thịt em rể chị đâu mà sợ. Mây mà về trên làm ruộng thì ai cũng ưa. Làm rể có công, ba năm thì má chị gả con Thôi cho mây liền. Nói thiệt đó mà.
- Nó muốn trốn theo qua dữ lắm, người đàn ông nói, nhưng nó còn ngại.
- Ngại gì ?
- Thì lo sợ cái việc xa xôi đất lạ đó mà.
- Em nè, chị đàn bà lại hỏi, nhà có mấy người ?
- Bốn người ?
- Ai với ai ?
- Ông nội tui, tía tui, má tui với tui.

- Làm mấy công đất ?
- Hồi đó bốn công, bây giờ mười công.
- Gặt được bao nhiêu gạ mỗi mùa ?
- Tám gạ.

Chị đàn bà cười ngất một hồi rồi day lại hỏi như tình:

- Trời ơi, ruộng gì mà mười công đất, chỉ gặt được có tám gạ thôi ?

Người đàn ông không cười, đáp:

- Đất nước mặn nào mới khai hoang cũng như vậy hết.
- Rồi lấy gì mà ăn em nhỏ ?
- Tía tôi đi đổi lúa thêm, ở đâu không biết, xa lắm.
- Đổi bằng gì ?
- Bằng cá khô. Với lại cũng chẳng cần ăn cơm. Nhiều khi ăn rùa, ăn rắn trừ cơm. Ở đây, rùa nhiều như kiến. Đốt rừng rồi đón trên đầu gió một lát là chúng nó lạch cạch chạy trốn lửa, bắt không kịp lặn.

Chị đàn bà tỏ vẻ ái ngại một hồi rồi nói:

- Nãy giờ chị nói chơi đó. Nhưng biết được tình cảnh của em, chị thật bụng thấy là em cần đi theo chị hoặc là anh đây cũng được.

Chị ta vói tay sau lưng, lấy bầu nước ngọt, mở nút ra rồi ngược mặt lên trời, rót nước vào miệng. Chị uống ừng ực vài cái rồi lại nói:

- Em có được ăn chè lần nào không ?
- Không, từ năm năm nay rồi. Cách đây một ngày đường nước, không có nhà cửa ai cả, không có quán tiệm gì hết. Với lại cũng không có tiền.
- Ở Sa-Đéc sao lại không vô Tháp Mười mà nhè xuống U-Minh này ?
- Tui cũng không biết tại sao. Nhưng ở Tháp Mười dễ chịu hơn hả ?
- Chị cũng không biết. Chỉ biết đất hoang ở Tháp Mười gần quê cũ của em hơn. Quê em ở gần Cao Lãnh phải không ?
- Gần.
- Em có nhớ xoài Cao Lãnh hôn ?
- Tui lạy chị, đừng có nhắc chè, nhắc xoài nữa, tui thèm muốn chết đi. Năm năm nay, tui không có biết món ngọt là gì. Mấy cây chuối trồng sau nhà cũng chết queo vì đất còn mặn quá. Năm nay một cây trở buồng, chắc

tôi được ăn ngọt đây. Úi chà ! Trưa rồi, chắc tới bữa cơm, thôi tui về nha, anh, chị ?

- Ủ về, mai một lại lên đây nữa nha ?

- Xuồng anh chị ở đâu ?

- Dưới kia. Nhổ bần-bồn ở dưới ấy, nhưng lên đây cho khô ráo để ăn cơm trưa é mà. Em Cộc nè, em của chị ngộ lắm, trắng lắm nghe không ?

Chuối cười của hai người như tình ấy đuổi theo sau lưng Cộc khiến cho nó, trong giây phút, không muốn về nhà nữa.

Ra khỏi rừng trầm râm mát, mắt Cộc bỗng dừng như đổ hào quang trước ánh nắng tháng mười. Không khí bị đốt cháy, đang rung rinh như nước xao, và nó tưởng chừng như mái lá nhà nó, đen thui dưới kia, sắp cháy đến nơi.

Thằng Cộc về tới nhà thì cơm trưa đã dọn xong.

- Mày đi đâu mà tới đứng bóng mới về ?

- Tui đi lượm lông chim Long ô.

- Lông đâu ?

- Mà kiếm hoài hông có.

- Mồ tổ cha mày, nhiều chuyện. Chim Long ô đời xưa mới có chớ đời nay đâu còn nữa. Mai gặt nghe không ? Ăn cơm khuya rồi xuống đồng cho sớm, đừng đi đâu hết.

Cả nhà lặng lẽ ngồi quanh mâm cơm, Không ai nói với ai lời nào. Những người này, sống biệt tịch ở đây lâu ngày rồi, đã biến thành á khẩu vì thói quen.

Riêng thằng Cộc, sự cần nói của tuổi thơ đang lên mạnh mẽ như cần chạy nhảy, cần ăn uống vậy. Câu chuyện hồi này trên gò Ô-Heo khiến nó càng bắt mùi nói thêm, nên nín không được, nó hỏi ông nội nó:

- Nội nè, hồi mới tới, giữa mùa nắng, mình uống nước gì, tui quên rồi ?

Nó hỏi như vậy vì nó vừa nhìn ra cái giếng bên hè và nhớ ra là giếng đã ngọt nước hôm mùa nắng trước, mặc dầu đã được đào từ năm năm rồi.

- Uống nước đọng trên lưng, trên rừng, chớ uống nước gì.

- Sao mình tới đây ông nội ?

- Đã nói cho mày biết rồi. Trên xứ, mình không có ruộng, làm công khổ cả đời.

- Ở đây, mình có ruộng, nhưng cũng khổ cả đời.

Ông nội thẳng Cộc lặng thinh. Nó nhìn ông nội nó rồi chợt nhận ra rằng năm nay ông cụ già quá. Tóc râu của ông cụ đã trắng bông. Nhớ ra ông cụ thường than mình nhớ mồ, nhớ mả ông bà quá, nó bùi ngùi thương ông nên dòm ra sân để quên.

Bấy giờ bóng của bốn cái nôi rau đã tròn vành, chỉ rằng thật đúng ngọ. Bốn cái nôi bẽ ấy, hèn là thế mà rất là công dụng đối với nhà nó.

Để tránh nước mặn tràn bờ ngập sân, tía nó đã đóng mười hai cây cọc, làm thành bốn cái giá ba chơn tréo như giá trống của bọn đờn thổi đám ma. Trên mỗi giá, đặt một cái nôi lủng dít, và trong nôi để đầy đất mà tía nó mang từ xa về. Đất ở đây mặn chát dùng không được. Hành, ớt, rau răm, rau mồng om, được trồng trong mấy cái vườn cao căng đó. Đó là bốn thứ tối cần, đất mặn bao nhiêu cũng phải lập thế mà trồng cho được, không thôi không có món gia vị nào để ăn cá nữa.

Bốn miếng vườn cao căng và tí hon lại là chiếc đồng hồ của nhà này vào mùa khô. Cứ bằng vào bề dài của bóng giá là tính giờ được ngay, và khi bóng nôi tròn vòm che mất bóng giá là đúng ngọ ngay bon.

Nhìn ra sân một hơi, nhai nuốt hết cơm, nó day vô và hỏi tía nó:

- Năm nay mình gặt cỡ được bao nhiêu tía ?
- Nhờ ông bà, đất nước, ít lắm cũng được hăm lăm gạ.
- Cũng chưa đủ ăn.
- Đủ gì mà đủ, má nó nói, nhà mình phải ăn trăm rười là số chót.
- Với lại, tía thẳng Cộc trở vào câu chuyện, tại lúa nàng Cùm thất gạo lắm. Năm tới ta gieo giống Tầm Vuột chắc được gạo hơn nhiều. Năm nay hễ chuối trổ buồng thì năm tới tao trồng sả, trồng ổi được rồi đó.

Cả nhà đều hớn hờ trước dự định tương lai tốt đẹp kia. Nhưng thẳng Cộc chưa thấy gì là xán lạn cả. Trồng ổi thì cũng phải khá lâu mới có trái, trong khi đó nó tiếp tục thềm chè, thềm xưng xa, nhớ đám cúng đình, nhớ hát bội và bị một hình ảnh mới quyến rũ, hình ảnh của con Thôi, chắc là giống hệt chị nhõ bần-bần, tức là có duyên lắm.

Con trai làng thấy con gái rất thương, thế mà họ còn thềm lén rủ nhau đi một ngày đường nước để ra đây gặp nhau, huống hồ gì nó chưa được nói

chuyện với con gái lớn lần nào hết. Những đứa con gái bạn của nó cách đây năm năm, nó nhớ lại thì không có gì quyến rũ cả. Đứa nào cũng cạo trọc chừa bánh bèo phía sau và giữa chiếc bánh bèo, mọc ra một chòm đuôi dài trông đến buồn cười.

Nhưng mà con gái lớn phải khác. Cộc chưa thấy con gái lớn, nhưng tin chắc như vậy. Có một linh cảm gì, ở đâu từ kiếp tiền thân của nó bay lại và giúp cho nó biết như vậy. Những cô con gái lớn chưa thấy hình ấy, mà đã có tiếng kêu được, chúng âm thầm gọi Cộc, tiếng gọi như vắng vắng đâu trong không trung.

Thần thờ, thằng Cộc nói lại câu hỏi này, và giận giỗi, thêm một đoạn khiến ông nội nó giựt mình, chống đũa mà nhìn nó trừng trừng:

- Ở đây mình có ruộng nhưng cũng khổ cả đời. Tui muốn đi quá, đi đâu cũng được, miễn ở đó có làng xóm, có người ta.

Thằng Cộc thích mấy cây nọc nạng lắm. Bó lúa nào gác lên đó cũng nằm yên cả chớ không chực rớt xuống nước ruộng như những bó lúa gác trên đầu nọc thường.

Đó là những gốc tràm mà cháng hai chẻ ra rất thấp. Khi đốn tràm cháy, tía thằng Cộc đã trù xa, đốn ở trên cháng hai ấy độ một gang rưỡi nên bây giờ họ mới có nọc nạng rất tiện mà dùng gác lúa.

Ông nội thằng Cộc chống xuống trên ruộng, len lỏi qua mấy gốc tràm. Ông ghé từng gốc để cho lúa xuống xuống.

Đủ thứ là cò, cò ma, cò lông bông, cò quắm, cò hương, thân mật nhìn gia đình bốn người gặt lúa nhà. Đây là bốn người độc nhứt mà chúng thấy mỗi ngày ở vùng hoang vắng này; ban đầu chúng sợ hãi họ, nhưng về sau, thấy họ hiền từ quá, chúng làm quen với họ đã được bốn thế hệ cò rồi.

Má thằng Cộc lội sinh tới đầu gối, và lội nước gần tới háng nhưng vui vẻ hơn ngày nào hết. Bà ta tăng hăng rồi cất tiếng hò:

Hò... ơ... tiếng anh ăn học làu thông,

Lại đây em hỏi khăn lông mấy đường ?

Hò xong câu đó ấy, bà lắng đợi chồng bà hò đáp. Nhưng tía thằng Cộc cứ làm thình mà gặt, khiến bà đăm ngượng nên cười rồi cự chồng cho đỡ mắc cỡ:

- Tía nó sao câm cái miệng lại, không bắt vậy ?
- Hứ, nhiều chuyện nà ! Già rồi mà còn hò với hát, bắt với gheo. Bộ còn trai gái gì đó sao ?

Vì vui kết quả của cần cù nên má thằng Cộc quên rằng bà ta đã quá mùa hò rồi. Tía nó nhắc lại bà ta mới chợt nhận ra. Tuy nhiên bà vẫn ngậm ngùi nhớ cái thú vui ấy thuở bà còn con gái và ngay bây giờ đây, tóc đã nhuộm hoa râu rồi, bà cũng hưởng được nếu còn ở làng, hưởng bằng cách khuyến khích bọn trai trẻ hò đối đáp với nhau.

Thằng Cộc thì xôn xao trong lòng, nhớ lại lời chị nhõ bõn-bõn bảo rằng nó mà về làng làm ruộng thì ai cũng ưa. Ừ, nó sẽ hò đối đáp với con Thôi. Chậc ! Mà nó phải nhờ má nó dạy hò mới được. Nó có nghe hò lần nào đâu để mà thuộc giọng và biết câu.

Đến chiều thì xong xuôi cả. Ông nội thằng Cộc chống xuồng lúa để ra bờ rạch, còn tía nó, má nó và nó thì lội nước sình mà về bộ.

Đập lúa và phơi phong mất hết mười ngày. Trong những ngày buồn tẻ, phảng lì giữa cảnh bùn lầy nước đọng ấy, thằng Cộc càng nao nức muốn về làng.

Lại đây em hỏi khăn lông mấy đường ?

Câu hò của má nó ám ảnh nó từ hôm gặt đến nay. Nếu con Thôi mà hỏi đồ nó câu ấy chắc nó phải ngậm câm, cho dầu được phép trả lời bằng văn xuôi.

Khăn lông là vật dụng mà nó đã quên rồi thì còn biết là mấy đường để còn đáp cho thông. Từ lâu, nó chỉ có một chiếc quần xà lỏn trên người, mùa nắng cháy như mùa mưa lạnh. Đêm nó nhờ mùng che thân cho đỡ bị muỗi đốt và gió cắt da.

Những món đồ cần dùng của thế giới văn minh ấy cũng thuộc vào những thứ gọi thềm như bánh trôi nước, bánh ít trần và mái tóc của con Thôi.

Hôm ấy, dùng bồ cho con cháu đổ lúa vào, ông nội thằng Cộc long trọng nói:

- Ngày mai ra biển.

Không ai hỏi ra biển để làm gì hết. Thằng Cộc cũng làm thỉnh, trái với mọi ngày mà nó hỏi không kịp đáp.



Con rạch Ô-Heo trước nhà, nếu có đi trên ấy thì phải về ngọn, nó nghĩ như vậy, đi về ngọn để rẽ qua những kinh rạch khác mà tìm làng mạc sầm uất, chớ xuôi dòng ra biển thì còn nghĩa lý gì nữa chớ ?

Nó chưa được ra biển lần nào cả và mấy năm trước đây nó muốn theo ghe của bọn bắt cua để đi một chuyến lăm, mà không được phép đi.

Chuyến đi đầu đến một chơn trời xa lạ mà ông nội nó vừa cho biết, không làm cho nó phấn khởi chút nào cả.

Ông nội nó tiếp, dặn mẹ nó:

- Con mẹ Trùm, ngày mai phải dậy khuya nấu cơm. Tao đi với thằng Trùm và thằng Cộc, đi thật sớm để gặp con nước lớn ngay tại cửa mà về cho tiện. Rạch Ô-Heo nhỏ xíu cho nên tràm mọc ở hai bên bờ giao nhánh với nhau được và phủ kín cả mặt nước.

Rạch tối om, đi như đi trong hang. Bây giờ thằng Cộc mới thấu nghĩa hai tiếng “hang mai” trong câu hát của bọn đi bắt ba-khía.

Những nơi ánh nắng lọt vào được thì hai bên bờ, ô-rô và cóc kèn mọc đầy.

Nước ròng chảy xiết, xuống trôi bon bon. Tuy vậy, ông nội và tía cũng chèo cẩn thận để mau tới nơi, hầu về kịp nội buổi chiều ngày đó.

Gần tới trưa, xuống không đi mau nữa.

- Nước đứng rồi, ông nội nói, tức ta gần tới cửa rồi.

Họ thôi chèo, để cho xuống trôi linh đình, không tiến cũng không lùi, rồi lấy cơm dờ trong mo nang ra mà ăn.

Không đi thì thôi, đã trót đi, và lúc gần tới đích, thằng Cộc nghe thích thấy biển coi ra sao. Nó và cơm hỏi hả rồi hỏi:

- Ra đó làm gì ông nội ?

- Rồi mày sẽ biết.

Họ ăn cơm xong thì nước bắt đầu lớn. Họ chèo ngược nước cho đến quá đứng bóng thì đến một nơi kia mà ông nội tuyên bố rằng đó là biển.

Thằng Cộc ngạc nhiên lắm mà chẳng thấy biển đâu cả. Con rạch tiếp tục đi xa ra ngoài kia, hai hàng rào cây như đứt khúc, đâm vào một vách tường xanh như da trời.

- Biển ở đâu, ông nội ? Cộc hỏi.

- Đàng xa kia, xanh xanh đó.

- Sao không ra ngoài, ông nội ?
- Không cần.

Tía thẳng Cộc chèo mũi, rút sào cặm xuống bùn, theo lệnh của ông nội nó.

Ông nội gọi Cộc hỏi:

- Con có thấy gì khác lạ không ?
- Không, ông nội à.
- Không thấy ? Cây ở đây không khác cây sau lưng mình à ?
- À... phải rồi.

Cộc nhìn lại thì quả như lời ông nội nó nói. Nơi đây, đất đã hết, mà chỉ còn bùn. Tràm mọc tới mé đất cuối cùng thì dừng lại, như là dân ở biên giới một nước kia dừng lại nơi bìa lãnh thổ mình.

Hết tràm thì có một khoảng trống, nửa bùn, nửa đất, trên ấy cỏ ống rậm ri và chim cao cẳng đủ loại đáp đầy trong cỏ.

Tràm đứng trước bãi cỏ mà nhìn dân lảng giềng mọc trên bùn đen. Đó là những cây ốm nhom chen nhau mà vượt cao lên, cây này cách cây kia không đầy bốn gang tay.

Bờ biển thoải thoải dốc xuống, trông rừng cây lạ ấy như một đạo binh xuống núi, tuôn thành hầu lập công.

- Nhìn xuống gốc cây, ông nội bảo.

Nước chưa lớn hẳn, để lộ bùn đen dưới gốc cây ra. Bùn đen từng nơi lại trắng xóa những đóa hoa năm cánh, hai màu đen trắng đối chọi nhau trông rất đẹp.

- Cây gì mà lạ vậy ông nội ? Trổ bông ngay dưới gốc ?
- Bông trổ trên đầu những cái rễ ăn lên mà người ta gọi là rễ gió. Cây này là cây mả. Đây là rừng mả đây.
- Cây mả ? Sao tui không nghe nói đến cây mả bao giờ ?
- Con không nghe nói vì cây mả không dùng được để làm gì hết, cho đến làm củi chụm cũng không được.
- Vậy chớ trời sanh nó ra làm chi mà vô ích dữ vậy ông nội, lại sanh hăng hà sa số như là cỏ ấy ?
- Bờ biển này mỗi năm được phù sa bồi thêm cho rộng ra hàng mấy ngàn thước. Phù sa là đất bùn mềm lùn và không bao giờ thành đất thịch được để

ta hưởng nếu không có rừng mấm mọc trên đó cho chắc đất. Một mai kia cây mấm sẽ ngã rạp. Giống tràm lại nổi ngôi mấm. Rồi sau mấy đời tràm, đất sẽ thuần, cây ăn trái mới mọc được.

Thấy thẳng cháu nội ngơ ngác chưa hiểu, ông cụ vịn vai nó mà tiếp:

- Ông với lại tía của con là cây mấm, chơn giẫm trong bùn. Đời con là tràm, chơn vẫn còn lấm bùn chút ít, nhưng đất đã gần thuần rồi. Con cháu của con sẽ là xoài, mít, dứa, cau.

Đời cây mấm tuy vô ích, nhưng không uổng, như là lính ngoài mặt trận vậy mà. Họ ngã gục cho kẻ khác là con cháu của họ hưởng.

Con, con sắp được hưởng rồi, sao lại muốn bỏ mà đi ? Và lại con không thích hi-sinh chút ít cho con cháu của con hưởng hay sao ?

Thằng Cộc nhìn lại ông nội nó và nghe thương không biết bao nhiêu ông già đã bỏ mồ bỏ mả ông cha để hi-hục năm năm trong đồng chua, nước mặn ở Ô-Heo.

Phải, cứ theo dự đoán của gia đình thì nó sắp được hưởng, tuy không nhiều, mà rồi sẽ nhiều. Nó nắm chặt tay ông nội nó và nó thấy ông nội nó giỏi quá. Ông có biết chữ nho kia mà.

- Ông ơi, nó than, nhưng tràm buồn quá.

- Tràm sẽ khỏi buồn nữa. Năm tới, đất thuần rồi thì ta làm ba mươi công và sẽ gọi dân cấy gặt ở xa tới phụ lực. Rồi tía con sẽ cưới vợ cho con, rồi thiên hạ sẽ bắt chước ta, tràm tới đây mà phá rừng, vùng Ô-Heo sẽ sầm uất, vui biết bao nhiêu. Tràm hết buồn vì sẽ đẻ ra cau, dứa, xoài, quít, dứa nhà, nước sẽ ngọt một khi đất thuần...

- Và sẽ có chè ăn ?

Ông nội cười ha hả mà rằng:

- Gì chứ chè thì sẽ có lu bù.

- Mà ông nội nè, cưới vợ làm sao được, ai thềm tới Ô-Heo ?

- Hai năm nữa người ta sẽ đồn rằng đất Ô-Heo thuần. Những kẻ nghèo khó như ta chỉ mong được tới đây. Ông nói điều này, không biết con hiểu được hay không. Là tổ tiên ta ngày xưa từ Bắc, Trung tràn vào đây đều chịu số phận của cây mấm hết, từ xứ Đồng Nai nước ngọt cho tới đây, ở đâu cũng hoang vu cả.

Họ đã ngã rạp trong chốn ma thiêng nước độc này để lót đường cho con cháu họ đi tới, y như là đàn kiến xung phong, tốp đầu liều chết đuối, lội qua tô nước rộng hủ đường để làm cầu cho bọn đi sau vào đến nơi có chất ngọt. Nhiều lớp tiên phuông đã ngã gục như rừng mả. Rồi thì ông sơ, ông cố con, ông nội đây là tràm mới kiếm được miếng ăn...

- Tía.

Thằng Cộc lo lắng không biết tía nó sẽ làm tràm như nó được hay không nên kêu tía nó bằng một giọng thương yêu trĩu mền hết sức.

- Thôi, nhờ sào để đi về cho kịp con nước, ông nội ra lệnh.

Ông nội vui vẻ quá, vì ông bỗng sức nhớ lại những câu hò của thế hệ người tiên phong đi khai thác đất hoang ở miền Nam, mà ngày nay thế hệ tràm không hát nữa. Ông cất giọng khàn khàn lên:

Hò... ơ... Ròng châu ngoài Huế,

Ngựa tể Đồng Nai.

Nước sông trong sao cứ chảy hoài,

Thương người xa xứ lạc loài đến đây.

### **Chú thích**

*chim thảng chài xanh*: Tác giả thấy rằng màu lông của loại chim này là màu lục. Nhưng người miền Nam cứ cho đó là màu xanh, nên tác giả viết theo đa số, để được hiểu. Và lại, đôi khi trời trưa thì cũng có thể thấy chim ấy mang màu xanh.

*tía*: Tía là danh từ của người Mã Lai có nghĩa là Cha, nhưng miền Nam vay mượn của người Hoa Nam (Phúc Kiến và Triều Châu) vì người Hoa Nam gốc Mã Lai, còn dùng đến mấy trăm danh từ Mã Lai trong cái Hoa ngữ của riêng Hoa Nam, chớ không phải là vay mượn của người Mã Lai đâu. Và lại danh từ Cha cũng do Giao Chỉ vay mượn của Hoa Nam hồi cổ thời và cũng cứ là vay mượn danh từ Tia (không có dấu sắc). Khi Tia được đọc thật nhanh thì nó hóa ra là Cha, như trong tiếng Pháp Tiare Hai câu chú thích này để dành riêng cho bạn đọc gốc miền Bắc và Trung.

*gác*: đánh bẫy.

### **6) Nghệ sĩ Bắc Sơn:**

Ông tên thật là Trương Văn Khuê, sinh ngày 25-12-1932 tại xã Phước Lộc, Long Thành, Biên Hoà, mất lúc 9:55 phút ngày 23-2-2005 tại Sài Gòn vì bệnh ung thư phổi.

Bắc Sơn là tác giả 500 ca khúc trong đó bản dân ca "**Còn thương rau đắng sau hè**" được cả nước ưa thích... Ông còn là kịch giả của 80 kịch bản, và đã đích thân tham gia 60 vai diễn trong điện ảnh.

Ông có tất cả chín người con, nhưng chỉ có hai người con gái nổi nghiệp cha là ca sĩ Hạ Châu và nghệ sĩ Bích Lan.

Ông Bắc Sơn là một nhà giáo dạy học từ năm 1952 đến 1977.

Trên sân khấu truyền hình trước năm 1975 ông nổi tiếng là người thực hiện "**Chương trình quê ngoại**" có nông dân chất phát Tư Ruộng với cô gái quê Thu Hồng có giọng hò miền Nam ru hồn rất thanh thoát... Các vở kịch của ông đều xoay quanh nghề nông với các nhân vật tuy chất phác nhưng giàu suy ngẫm như chính người viết vốn yêu cuộc sống thanh bình...

Ông được tặng danh hiệu Nghệ Sĩ Ưu Tú ngày 3 tháng 2 năm 1977.

### 7) Nguyễn Tất Nhiên:

Tôi cũng không quên nhà thơ Nguyễn Tất Nhiên. Nguyễn Tất Nhiên sinh ngày 30-5-1952 (Nhâm Thìn) tại Bình Trước, Biên Hoà, tháng Bính Ngọ, ngày Bính Tí, giờ Canh Dần, mất ngày 3-8-1992, tên thật là Nguyễn Hoàng Hải. Thuở nhỏ, gọi là Hải khùng, sống tại xóm Gò Me, hồi chưa nổi tiếng, trời nắng chang chang mà anh ưa mặc cái manteau mua ở khu Dân sinh, mồ hôi nhễ nhại, ưa đạp xe đạp đi cua cô em Bắc Kỳ nhỏ nhỏ tên Duyên; anh nhỏ hơn tôi đúng một con giáp, tuổi Thìn; anh thường làm thơ in ronéo đi phát không cho nữ sinh, họ đều quăng vào thùng rác, đến lúc Vĩnh Phúc và Nguyễn Xuân Hoàng dạy trường Ngô Quyền gửi đăng ở tạp chí Sáng Tạo của Mai Thảo, được Phạm Duy và Nguyễn Đức Quang phổ các bản "Thà như giọt mưa vỡ trên tượng đá", "Trúc đào", "Vì tôi là linh mục", "Em hiền như ma soeur", "Kìa cô em Bắc kỳ nhỏ nhỏ", "Hai năm tình lận đận" thì nữ sinh ùn ùn kiếm mua thơ anh; Nguyễn Tất Nhiên sau lấy Minh Thủy, xóm Cây Me, ở nhà gọi là Nhung, chú út tôi là Kiến trúc sư Đỗ Hữu Nam lấy chị thứ ba là Minh Vân. Tác phẩm đã in: "Nàng thơ trong mắt" (1966, cùng với Đinh Thiên Phương), "Dấu mưa qua đất" (1968), cùng với bút đoàn

Tiếng Tâm Tình), "Thiên Tai" (Thơ,1970), "Thơ Nguyễn Tất Nhiên (Thơ góp nhặt từ 1969-1980), "Chuông Mơ" (Thơ từ năm 1972-1987), "Tâm dung". Lúc Nguyễn Tất Nhiên quỳ sinh trước cửa chùa Việt Nam, California, anh chưa được trông thấy tác phẩm "Minh Khúc" của anh ra đời. Quyển thơ này đang bị tranh chấp giữa Minh Thủy và gia đình Nguyễn Ngọc (thợ may cha của Nguyễn Tất Nhiên) chưa ngã ngũ, chúng tôi kỳ vọng được đón nhận nó lắm thay. Anh còn dự định xuất bản "Truyện ngắn Nguyễn Tất Nhiên" và trường thi "Cũng cần cho hạnh phúc". Ngoài ra anh còn có tập nhạc "Những năm tình lận đận" (1977-1984).

Tôi xin ghi chép lại bốn bài thơ đầu tay thuở Nguyễn Tất Nhiên còn học Trung học Ngô Quyền, Nhiên đã làm bốn bài thơ nguyên thủy chính chàng cũng tưởng đã bị thất lạc, do người em con chú, yêu thơ là Đỗ Kim Loan đã chép lại trong tập thơ bằng giấy Pelure mỏng màu xanh học trò chưa bị sửa. Bài thơ có lẽ báo hiệu một thiên tài thơ lỗi lạc thuở còn tim non học trò trường tỉnh là bài thơ "Tình mới lớn", hình như Nguyễn Tất Nhiên đã sáng tác hồi mới mười lăm:

"Tình mới lớn phải không em rất đẹp  
Cách tập tành nào cũng rất dễ thương  
Thuở đầu đời chú bé soi gương  
Và thích thú dĩ nhiên làm lạ  
Tình mới lớn phải không em rất đẹp  
Cách tập tành nào cũng dễ hư hao  
Thuở đầu đời là so đũa thấp cao  
Và tro bụi dù đi về đâu nữa  
Cũng yên nằm mang phân bón cho cây  
Nên lúc nào tôi cũng phải thương tôi  
Những ích kỷ nảy sinh sau lần thảm bại  
Tuổi mười lăm giữa con trai con gái  
Đã rõ ràng ai khờ dại hơn ai  
Nên ích kỷ nảy sinh sau lần nhục nhã  
Ta có một đời rong xanh mờ đá  
Em có ngàn năm lạc lõng sương mù

Tình mới lớn phải không em rất mỏng  
Cách tập tành nào cũng dễ hư hao  
Thuở đầu đời chú bé ôm phao  
Và nhút nhát dĩ nhiên ngộp nước  
Ta có cánh bướm tạc vào ký ức  
Em có chỗ ngồi phiêu lãng như mây"

### **(Nguyễn Tất Nhiên)**

Bài "**Nên sâu khổ dịu dàng**" phản ánh một chất thơ rất là Nguyễn Tất Nhiên vừa hồn nhiên, vừa trong sáng, vừa dễ thương, vừa dịu dàng, đầy sáng tạo. Cũng như các kiệt tác của một Kiệt Tán cũng đã ở Dương Trí Viện được ba năm, thơ của Nguyễn Tất Nhiên nằm ở giữa đường tơ kẻ tóc, lẫn ranh của những cơn điên loạn, thác loạn và thiên tài:

"Những kỷ niệm đời xin hãy còn xanh  
Có một ngày mình bỏ trường bỏ lớp  
Anh cũng đi như luật định trời dành  
Nắng bờ sông như màu trang vở cũ  
Thuở học trò em làm khổ ai chưa?  
Anh muốn khóc trong buổi đầu niên học  
Bàn tay xương cầm hờ hững văn bằng  
Em hãy đứng trước gương làm dáng  
Tự khen mình đẹp quá đi em  
Lỡ mai kia một nợ theo chồng  
Còn đôi chút luyện lưu đời con gái  
Em hãy ra bờ sông nhìn nắng trải  
Nhớ cho mình dáng dấp người yêu  
Lỡ dòng đời tóc điểm muối tiêu  
Còn giây phút chạnh lòng như mới lớn  
Mình hãy trách đời nhau nhiều hư hỏng  
Rồi giận hờn cho kỷ niệm đầy tay  
Thu miền Nam không thấy lá vàng bay  
Anh phải nói:"Buồn cho chúng ta màu trắng"

Tình cứ đuổi theo người như chiếc bóng  
Người thì không bắt bóng được bao giờ  
Anh muốn khóc trong buổi đầu niên học  
Bởi yêu em nên sầu khổ dịu dàng"

**(Nguyễn Tất Nhiên)**

Hồi đầu năm 1972, có người hỏi Nguyễn Tất Nhiên lý do lấy bút hiệu đó, thì anh kể lại có một người nói có bài thơ đăng báo của tác giả nào tên lạ hoặc mà hay quá, anh nói: "Đâu đọc nghe thử." Ông ta đọc xong, anh cười bảo: "Thơ tôi đấy!" Ông ta trợn mắt tỏ ra không tin, còn hỏi lại: "Bài đó làm lúc nào vậy?" Tôi đáp: "Lúc 11 tuổi." Ông ta cười phá lên, cho là chuyện hoang đường. Anh buột miệng trả lời: "Chắc chắn bài thơ đó của tôi, tôi làm lúc 11 tuổi, tin hay không tin là tùy ông nhưng tất nhiên là vậy." Sau đó anh chọn luôn bút hiệu là Nguyễn Tất Nhiên.

Xin mời bạn đọc thơ "**Em đang**" của anh thử còn theo đuổi dấu chân người con gái tên Quyên:

Em yếu đuối, em hắt hiu tiều tụy  
Tủi chi tình đưa dẫn đến xót xa  
Vì yêu đương mang bản chất mù lòa  
Mà nước mắt cũng cần cho hạnh phúc!

Thiên hạ vẫn hay trao lời cầu chúc  
Trách chi điều bất hạnh bổ trùng vây  
Bởi chuỗi cười khi rạn vỡ trên môi  
Không phản chiếu long lanh như lệ xuống!

Yêu dấu hời, nhìn thăm chi lúc đứng  
Lắc đầu chi lúc chạm mắt quay đi  
Cho muối thêm mặn cho gừng thêm cay  
Cho thất vọng đẩy xô về tuyệt vọng!

Yêu dấu hời, đường chung thân bước môn  
Tình mong manh, ừ, ráng nâng niu



Chàng hư thân, ừ, ráng nuông chiu  
Ở mong mõi, ừ nhưng đừng nhăm tính

Như thời tiết góp phần vào trái chín  
Mùa khổ đau sẽ tươm mật con tim  
Lưỡi cày sâu cho đất cựa mầm lên  
Mau mẫn nụ tinh mơn tình bát ngát...

Yêu dấu hời, đường chung thân sa mạc  
Khát sống tăng theo mỗi gượng thêm lần  
Quy thêm lần...cho mắt cảm thông quang  
Như gương nhận gương soi từng mắt khó

Yêu dấu hời, rồi nghe đời tha thứ  
Rồi lại nghe tim nhịp thứ tha đời  
Mỗi vết thương, tự nó, đã đền bồi  
Một hạnh phúc da non còn kéo miệng!

### **Nguyễn Tất Nhiên**

Và cuối cùng mời các bạn thưởng thức một hồn thơ đã thấm thấu hương  
bưởi Biên Hoà với nước ngọt ngào sông Đồng Nai trong bài thơ "**Tâm  
Chung**":

Cùng em cùng một khung trời  
Chung nghe sa mạc lòng người chuyển mưa  
Cùng em cùng một ngày mùa  
Chung nghe tình nước non chưa lỗi thề  
Cùng em ngàn dặm ra đi  
Chung nghe thiên lý đường về trong tim  
Cùng em sông Hậu sông Tiền  
Lia thia quen chậu tình hiền quen khăn  
Cùng em cửa mắt cài trăng  
Nhẹ tay phẩy bụi chung lòng như gương

Vì em là lượng Cửu Long  
Bún khô vẫn gạo nanh chồn, nàng hương  
Vì em là ngọt sông Đồng  
Vàng chua bưởi Mễ vẫn bông Biên Hoà  
Vì em là một mái nhà  
Anh thân tứ cố vẫn ra người hiền  
Chim quyên ngồi đứng không yên  
Em xa cha mẹ buồn riêng một mình...

### **Nguyễn Tất Nhiên**

(Xin xem thêm Phụ bản của Vũ Công Lý ở cuối).

#### **8) Nhà văn Lý Văn Sâm:**

Nhà văn Lý Văn Sâm cũng quê Tân Uyên, sanh ngày 11-2-21, người rất có nhiều tác phẩm viết về Biên Hoà, ông là Tổng Thư Ký đầu tiên của Hội Văn Nghệ Giải Phóng, Vụ trưởng Vụ Nghệ Thuật, Bộ Văn Hóa. Sau 75, ông đảm nhiệm Phó Tổng Thư Ký Hội Liên Hiệp Văn Học Nghệ Thuật, Ủy Viên BCH Hội Nhà Văn Việt Nam, Chủ tịch Hội Văn Nghệ Đồng Nai... Ông để lại các truyện "Cây Nhị Sông Phố", "Chuyện đường rừng", "Mã thượng giang hồ", "Kòn trô", "Thềm một ánh đèn", "Quê nhau rún", "Tàn một mùa thơ", "Ngoài mưa lạnh", "Bức chân dung", "Ngàn sau sông Dịch", "Chiếc vòng ngọc thạch", và tuyển tập " Nắng bên kia làng"...

Hành trình trên cõi văn chương, Lý Văn Sâm là nghệ sĩ thứ thiệt, nào có ai so đo, ra công cố sức để người sau tạc tượng đồng bia đá cho mình đâu. Có lẽ vì thế, không hề lập dị, nhưng Lý Văn Sâm như luôn luôn lẫn khuất cả chính mình. Trong tâm hồn nhà thơ, nhà văn, bao ký ức một thời vang bóng. Song, ông lại chẳng bao giờ kể lể.

Cuộc đời văn chương Lý Văn Sâm nằm trọn vẹn trên những nẻo đường dân tộc. Ông gắn bó với quê hương, nơi ông thường gọi bằng cái tên dân già dân dị: "quê nhau rún".

Với thiên chức người cầm bút. Lý Văn Sâm đã khắc ghi chân thật bộ mặt quê hương , đất nước. Người trí thức chân chính bao giờ cũng biết ơn nơi mình sinh ra... Còn người đời và quê hương của ông? Hãy tự hào về người

con ruột rà và tài hoa của mình.

### 9) Đỗ Cao Trí:

Về quân sự, người nổi danh là nhà thao lược, đánh giặc giỏi và rất kỷ luật, là cố Đại tướng Đỗ-Cao Trí.

Tướng Đỗ Cao Trí sinh ngày 20-12-1929 tại Bình Trước, Biên Hoà, song thân là Ông Đỗ Cao Lụa và Bà Tô Thị Định, mất 10 giờ trưa ngày 23-2-1971, cựu học sinh trường Tỉnh Biên Hoà, cựu học sinh Trung học Pétrus Trương Vĩnh Ký, xuất thân trường Võ Bị Nước Ngọt, khóa Đỗ Hữu Vị năm 1947, quê nội ở Bến Gỗ, bên kia bờ sông làng Vĩnh Cửu, bến đò An Hảo (nơi có năm đại doanh gia giàu nhất Biên Hoà là ông Lê Văn Lộ gọi là Bảy Lộ, sinh năm 1923 ở Bình Tự, xã Hiệp Hòa, gốc nhân viên của sở Trường Tiền, sau thầu xây cất, chủ rạp ciné Biên Hùng, và là người sáng lập Đông Phương Ngân Hàng; và ông Tám Dương Văn Hảo, gốc chèo đò ở bến đò An Hảo và bến đò Trạm, tục gọi là ông Tám Mộng, chủ khách sạn có hồ tắm Biên Hoà Club và nhiều building cho Mỹ mượn, nhà ông sau 75 bị chánh phủ Việt Cộng tịch thu dùng làm nhà Hữu Nghị để tiếp các phái đoàn ngoại giao, ông phải đi ở trọ nhà của ông phán Liên Thất Trương, ngày ngày đạp xe cọc cạch lên sân sóc các cây kiểng không công; ông Gia, chủ rạp ciné Nam Việt và hãng tàu thương thuyền hiện chạy đường Guam; em ruột là ông Mỹ, chủ rạp ciné Casino Dakao, ông Kinh Lý Đào Văn Nhơn, cả ba ông đều quê Cù Lao Phố; tướng Đỗ Cao Trí là em của Nha sĩ Đỗ Cao Minh là anh hai hiện ở Pháp, ông Minh là dân biểu thời Tổng thống Ngô đình Diệm và là Tổng thư ký Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia, ngoại vi của đảng Cần Lao; Thiếu tá Đỗ Cao Thanh nguyên Phó tỉnh trưởng Nội an Biên Hoà, (ở tù cải tạo gần 13 năm chỉ vì em của Đỗ Cao Trí mặc dù ông đã giải ngũ từ lâu, ông hiện ở California); anh của Đỗ Cao Huệ, Bác sĩ Thú Y, người sanh đôi với Đỗ Cao Phước là Đỗ Cao Thọ, kỹ sư Mực súc; Bác sĩ Đỗ Cao Nghĩa, học cùng lớp với tôi, du học bên Pháp từ hồi Trung Học, người em gái thứ chín là Đỗ Thị Ánh Tuyết, phu nhân của Thiếu tướng Dương Ngọc Lãm (ông tốt nghiệp trường Thiết giáp Saumur, Pháp quốc), Tư lệnh Địa phương quân; Đỗ Cao Luận, người thứ mười, Trung tá Lực Lượng Đặc Biệt, người có công trận khám phá tàu vũ khí của Việt Cộng ở

Vũng Rô, trước làm Quân trấn trưởng Nha trang, sau vì Trung tướng Vĩnh Lộc, Tư lệnh Quân khu II, ghen chuyện nữ ca sĩ Minh Hiếu, đã phái đi cứu đồn với ba cố vấn Mỹ mặc dầu ông dư biết đồn đã bị Việt Cộng tràn ngập, kết quả lấy xác Đỗ Cao Luận tại Lâm Đồng, quận Đôn Dương năm 1967 về chôn tại nghĩa trang Mạc Đĩnh Chi thiếu tay thiếu chân, tôi là người đi đầu ôm di ảnh của Luận hôm đó. Tướng Trí lúc đó đang "bị đày" làm Đại sứ tại Nam Hàn đã không về kịp đưa đám tang đưa em mà ông rất thương (theo truyền thống được làm vua, thua làm đại sứ). Người em gái áp út là dược sĩ Đỗ Lan Chi hiện định cư ở California. Người em út là Đỗ Cao Thông hiện ở Pháp. Tất cả là 5 anh em phục vụ trong Quân đội.

Đỗ Cao Trí, sau lại tốt nghiệp thêm khóa đào tạo Sĩ quan Quân đội Quốc Gia Việt Nam tại tỉnh Biên Hoà vào năm 1948, chỉ huy trưởng đầu tiên của binh chủng Nhảy dù QLVNCH sau khi quân đội Pháp chính thức bàn giao Liên đoàn 3 nhảy dù (GAP) lại cho Quân đội Quốc gia Việt Nam vào ngày 29/9/1954, ông là một trong rất ít tướng lãnh tốt nghiệp khóa Bộ binh tại trường Bộ Binh Pháp (École d'Infanterie AUVOUR), Trường Quân Sự Nhảy Dù ở Pau, Pháp Quốc, trái với các tướng lãnh khác xuất thân từ lính Khố Xanh Khố Đỏ thời Pháp, ông rất nghiêm khắc với thuộc cấp, có lần ông gõ đầu một Trung tá phi công bắt đi hớt tóc.

Hồi còn Trung Úy nhảy dù quân đội Pháp, ông nhảy rớt trên nóc nhà của Đông Y sĩ Võ Văn Vân ở Thủ Dầu Một, người con gái cụ Võ Văn Vân tên Võ thị Phương Lan sẵn sóc, sau này là bà Đỗ Cao Trí, có hai con với ông là Đỗ Cao Dũng hiện sống tại Canada và Đỗ Cao Phương Loan định cư tại Pháp. Bà Phương Lan hiện sống tại Pháp. Sau đó ông kết hôn với người thứ hai sau khi ly dị là bà Gilberte Nguyễn chủ hãng Cosunam Film và có ba con gái. Bà từ Pháp qua định cư tại Virginia. Ông lên Đại tá vào tháng 11 năm 1955 hồi mới 26 tuổi, tổng cộng 23 năm binh nghiệp, quá trẻ nên ông Diệm hoãn lại việc lên tướng, phải đợi tới lúc ông 34 tuổi, mặc dầu ông đã là tư lệnh của binh chủng Nhảy dù.

Các chức vụ kế tiếp là Tư lệnh Quân đoàn I ngày 2/11/1963; Tư lệnh Quân đoàn II ngày 14/9/1964; ngày 14/9/1964, ông bị Trung tướng Nguyễn Khánh, lúc bấy giờ là Thủ tướng kiêm Chủ tịch Hội đồng Nhân Dân Cách

Mạng, giải nhiệm vì nghi ngờ ông có liên quan đến cuộc chính biến 13 tháng 9 năm 1964 do Trung tướng Dương Văn Đức chủ xướng; trong thời gian rời tạm quân đội, ông được bổ nhiệm làm đại sứ VNCH tại Nam Hàn; sau đó được cụ Trần Văn Hương đề nghị với Nguyễn Văn Thiệu cho ông tái ngũ và được cử thay thế Tướng Lê Nguyên Khang trong chức vụ Tư lệnh Quân đoàn III, Quân Khu III vào tháng 8/1968 cho đến chết. Về sau, ông Đỗ Cao Trí lấy vợ ba là bà Nguyễn Kim Chi là vợ của dược sĩ Vũ Huy Tân ở Nha Trang, đổi tên các con riêng của bà ra họ Đỗ. Ông có tất cả một trai năm gái.

Người tôi muốn nói đến là một trong những người tình của Đỗ Cao Trí là nữ kịch sĩ Kim Cương, sau mang lon Đại Úy Việt Cộng, vì bà thân của cố Đại tướng cấm liên lạc cho là xướng ca vô loại, Đỗ Cao Trí là người có hiếu nên đã dứt khoát với Kim Cương; người mà tôi nghĩ có liên quan tới trong truyện dài dã sử "Kho tàng đập Đa nhim" của tôi trong tương lai.

Đỗ Cao Trí, đầu lịch sử có phê phán thế nào, ông đã có trương mục kếch sù tại ngân hàng Thụy sĩ, do đảng Hắc Long Nhật mở, không cần tham nhũng như bao nguồn tin, chỉ có trách nhiệm quân không nghiêm khi thuộc hạ ông dính líu đến vụ tham nhũng khi hành quân ngoại biên tại Snoul, đồn điền Chup, Kampuchia. Riêng về khía cạnh quân sự, ông vẫn là tướng tài của Việt Nam Cộng Hòa đã từng làm Cộng Sản điêu đứng và khiếp sợ trên các chiến trường với cách dụng quân thần tốc và vũ bão của ông.

Nhiều lần khi trận chiến đang xảy ra, ông đã đáp trực thăng xuống ngay trận địa, tại Bộ Chỉ Huy hành quân của chiến đoàn. Có lần các thiết vận xa bị xa lầy, trời đã tối mịt, vị Tư lệnh vẫn đứng ngâm chân dưới bùn lầy, chia sẻ gian khổ với quân sĩ cho tới gần sáng hôm sau, khi mà tất cả thiết vận xa được kéo ra và chuyển vận tiếp cuộc hành quân.

Làm tướng "Da ngựa bọc thây", cố Đại tướng đã thực hiện ước mơ hào hùng đó, quan tài ông đã đặt trên thiết vận xa theo lời trời, tượng trưng cho kỵ mã. Ông là vị tướng đầu tiên chôn ở Nghĩa trang Quân Đội, nằm với lính. Tháng tư đen, Việt Cộng đã đục khoét mắt di ảnh ông để trả thù... cùng với đào mả lính lên để trồng khoai mì và hạ bức tượng Tiếc Thương của Nguyễn Thanh Thu. Thái độ hèn hạ trả thù người chết đó có thể so

sánh khi Nguyễn Ánh cho đào mả vua Quang Trung đốt hài cốt, trộn với thuốc súng bắn lên không trung.

Cái chết của cố Đại Tướng đặt nhiều nghi vấn trong đó có giả thuyết đảng Hắc Long của Nhật, trực thăng nổ trên không trung khi vừa cất cánh khỏi phi trường Trảng Lớn, Tây Ninh, ông chết với nhà báo Pháp kỳ cựu Francois Sully và người phi công bà con bên vợ (bà Kim Chi) là Thiếu tá Phan Tất Đắc .

Quân đoàn III đã để tang buổi sáng chào cờ, Quân cảnh đã khóc ròn cho vị chủ tướng.

### 10) Hoài Khanh và Tô Thùy Yên:

Một nhà thơ khác nổi tiếng mà nhiều người biết đến là Hoài Khanh, quê ở Bình Thuận, lấy vợ và đóng đô ở Phước Lư, Biên Hoà luôn.

Nhà thơ Tô Thùy Yên, tên thật là Đinh Thành Tiên, tác giả nổi tiếng với bài thơ "Ta Về", ông sanh trưởng tại Gia Định thành, quê ngoại Cù Lao Phố, con ông Năm Đối.

### 11) Huỳnh Tấn Phát và Huỳnh Khánh Hội:

Người có liên hệ nhiều đến Tân Uyên gốc gác Bình Đại, Bến Tre kể đến tôi muốn kể tên là Kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát, Chủ tịch Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, tên tuổi cũng dính liền với Tân Uyên và nhất là chiến khu Đ vì ông đóng ở đây lâu nhất; ông này, sau khi Hà nội sáp nhập MTGPMN, chỉ còn làm bù nhìn và thất sủng, vì chỉ là con cờ thôi, và lá cờ MTGPMN cũng dẹp theo ông ( Xem phụ lục III của Bác sĩ Trần Nguơn Phiêu).

Một tên tuổi ít người biết cũng đi vào lịch sử Biên Hoà là Huỳnh Khánh Hội, sinh năm 1895, con trai út của một gia đình lương y tại xã Phước Thiên, quận Long Thành. Năm 14 tuổi cha mẹ qua đời, đương sự xuống Bà Điểm Học Môn tầm sư học đạo, được võ sư Bàn Đước nhận làm học trò tâm phúc. Vào thập niên 30, đương sự đã knock out võ sĩ người Pháp Abedou tại Cercle Sportif Saigonais. Võ sĩ Long Hữu Hội (Huỳnh Khánh) nổi tiếng như cồn từ đó, sau đó được thầy cho "xuống núi" mở trường dạy võ để sinh sống. Hai cán bộ nòng cốt Cộng Sản thời bấy giờ là Lê Hồng Phong và Nguyễn Thị Minh Khai đã đến xin nhập môn, và đương sự bỏ

theo kháng chiến theo lời chiêu dụ của hai cán bộ này. Về sau, ông về hoạt động ở Quân Khu Bảy của Tướng Huỳnh Văn Nghệ, 1954 ông tập kết ra Bắc, sau hồi kết hoạt động lại tại miền Nam cho đến 1975 với cấp bậc Đại tá. Hiện nay ông đã 106 tuổi vẫn còn khỏe mạnh và có rất nhiều đệ tử.

### 12) Huỳnh Văn Nghệ (1914-1977):

Trường hợp tướng Huỳnh Văn Nghệ là một trường hợp đặc biệt phía bên kia mà tôi muốn nhắc tới. Ông cũng gốc xã Tân Tịch, quận Tân Uyên, sinh ngày 2-4-1914 tại làng Tân Tịch. Thay thế tướng Nguyễn Bình, Tư lệnh Quân khu 7, trong đó có chiến khu Đ, chỉ huy Chi đội 10 Vệ Quốc Đoàn, Tỉnh đội trưởng Thủ Biên. Tướng Nguyễn Bình bị điệu ra Bắc và bị Việt cộng báo cho Công an Pháp phục kích giết.

Huỳnh Văn Nghệ thời còn chống Pháp là một nhà thơ yêu nước, ông đã tỏ khí khái:

Có ai về Bắc ta theo với

Thăm lại non sông giống Lạc Hồng

Từ độ mang gươm đi mở nước

Ngàn năm thương nhớ đất Thăng Long.

Vừa làm thơ vừa đánh giặc, giặc đây là giặc Pháp, ông xứng đáng là một nhà thơ chiến sĩ.

Chiến khu Đ gắn liền với tên tuổi của Huỳnh Văn Nghệ, tướng Pháp lừng danh Salan phải thán phục cách đánh đặc công của ông.

Chiến tích hiển hách của ông đánh dấu công trận kháng Pháp khi ông chỉ huy Việt Minh phục kích đánh tan đoàn công voa đi Đà Lạt đốt 59 trong số 70 chiếc quân xa của Pháp tại Là Ngà, Trảng Bom quận Định quán, trên một đoạn đường dài 9km từ cây số 104 đến cây số 113 trên Quốc lộ 20 giết chết 150 lính Lê Dương và 25 sĩ quan Pháp trong số đó có viên Đại tá Pháp De Résigné (giòng họ quý tộc), chỉ huy bán Lữ đoàn Lê Dương thứ 13 và Đại tá Patruit, tổng Tham mưu phó đoàn quân viễn chinh, bắt sống 269 tây đầm dân sự và chữa thương cho Trung Úy Jeffrey trước khi trao trả yên ổn được báo chí Sài Gòn đăng tải khen ngợi sự nhân đạo, dư luận bên Pháp và Sài Gòn bàn tán xôn xao thời bấy giờ, làm thay đổi về nhận thức chiến tranh dành độc lập. (Trần Quang Toại khi viết về trận đánh lịch sử này

trong cuốn “Đồng Nai di tích văn hóa” đã theo lệnh cấp trên không dám đá động gì đến danh tánh viên chỉ huy mặt trận Là Ngà là Thiếu tướng Huỳnh Văn Nghệ.)

Viên Đại tá Thalès chỉ huy trưởng khu vực Đồng Nai bị giáng chức phải tự sát.

Hồi còn tỉnh Phước Thành (Nước Vàng), Tổng Thống Ngô Đình Diệm muốn chặn hòng kháng chiến, bổ nhậm Thiếu tá Nguyễn Minh Mẫn gốc Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt làm tỉnh trưởng, Mẫn đã tử trận nơi đó. Huỳnh Văn Nghệ đã đánh chiếm tỉnh Phước Thành, cứu mẹ công đi, người chú thứ chín của tôi là Đỗ Hữu Châu xém chết khi đang làm Trưởng ty Bưu điện ở đó, sau ông Diệm phải đóng cửa tỉnh Phước Thành.

Huỳnh Văn Nghệ tập kết ra Bắc chỉ được mang lon Thượng tá, bí danh Tám Ngải, Phó Cục trưởng Cục Quân huấn. Trong Nam ông đã là Thiếu tướng (một quyển Tự điển gần đây cũng kêu ông là Thiếu tướng). Năm 1956, không có tổng tuyển cử như hội nghị Genève qui định, ông và một số đồng chí kéo ba Trung đoàn Giải phóng về bị quân chánh qui chặn đánh gần sông Bến Hải, bị hạ tầng công tác làm huấn luyện viên thể thao rồi chuyển qua Cục Lâm nghiệp. Mỗi lần máy bay miền Nam không tập miền Bắc, ông bị nhốt lại, với các bạn là Francois Đặng Trí Nhơn và Nguyễn Thanh Nhàn. Ngày được về Nam (đi B) ông Nghệ và các đồng chí lúc qua sông Bến Hải, đã hướng về Bắc xá dài ba xá, ngay việc này ông đã bị cán bộ Trường Sơn tên Thanh báo cáo.

Người kề cận với tướng Nghệ là thầy giáo Ngũ đã được sử gia Lương Văn Lựu nhắc qua trong bộ Biên Hoà Sử Lược Toàn Biên, ra Bắc nhờ có đạo Cao Đài, chúng cho ông làm dân biểu bù nhìn trong Quốc hội miền Bắc đổi tên là Hoàng Minh Viễn. Sau 75, ông về làm Trưởng ban Dân vận Thành phố HCM, kiêm giáo sư trường Nguyễn Ái Quốc. Ông quê ở Tân Phú, Công Thanh, Biên Hoà. Hồ chí Minh, biết dân Nam bất mãn vì bị bạc đãi, đã có chính sách Chiếu Cối Miền Nam, nhưng miền Nam đây là kể từ vĩ tuyến 17 trở vô nên thủ tướng Phạm Văn Đồng đưa người Nam-Ngải của ông du học Quản Lý Hành chánh và Công An ở Liên Sô và Ba Lan, như Phó tiến sĩ Câu Lạc Bộ, Phó Tiến Sĩ Địa (địa văt) về làm Tỉnh Ủy, Chính



Ủy; người Nam thực sự, phần lớn theo học kỹ thuật, theo chế độ Xã hội chủ nghĩa vẫn ở cửa con mà thôi.

Với chính sách Nhứt Kết, Nhì Cư, Tam Chiêu, Tứ Ngụy, sau 1975, Việt Cộng chủ trương thanh trừng tập kết trên hết, sợ thả các hảo hán miền Nam như thả hổ về rừng nên loại Francois Đặng Trí Nhơn, tên thật Đặng Văn Sum, con một chủ đồn điền, cựu học sinh Chasseloup Laubat đậu Tú tài II Pháp, rất giỏi tiếng Tây Ban Nha và tiếng Pháp, là dưỡng tử của tôi (người chỉ huy Trung đoàn tình báo xuất phát từ Thủ Thiêm đánh bót Công An Catinat giải cứu rất nhiều đồng đội; đưa con vợ kế của ông cho tôi xem hình ông chết bầm dập sau khi bị điệu trở ra Bắc học tập); và Nguyễn Thanh Nhàn (rể ông Võ Bình Tây, tiệm bán đồ phụ tùng xe hơi lớn ở đường Trần Hưng Đạo, sau 75, về tìm đào vũ khí của Cộng Hòa còn chôn dấu để trở vô bưng kháng chiến); cái chết của ông có nhiều bí ẩn. Riêng ông Huỳnh Văn Nghệ, lúc đó làm Tổng Cục Lâm Sản còn gọi là Cục Đường Rừng (trưởng phòng nhân viên là còm mi Ấn, cha của Trung tá HQ Trương Thanh Tân hiện ở Florida) bị phủ Thủ tướng gọi ra Bắc học tập cải tạo vì đã chửi đảng như hai đồng chí trên. Ông bèn vào bệnh viện Chợ rẫy (còn là bệnh viện Hàn Việt) khai bệnh cốt để tá túc. Không ngờ bọn Bác sĩ Giải phóng sợ quá, đánh điện ra Bắc Bộ Phủ để xin chỉ thị. Lệnh từ Thủ tướng Phạm Văn Đồng, là phải đem ông Nghệ lên bàn mổ mổ sống, không cần thuốc gây mê.

Khi người em ruột là cô sáu Nhận vào thăm, ông đã chết, xác ông uất ức đã hộc máu ra, trái với tin trong bài viết của Đỗ Quyên, nhà nước đã không cho gia đình mang xác ông về Tân Tịch, Tân Uyên chôn mà để cho bác và đảng chôn, lấy cớ vì ông là bậc công thần. Còn Ty Văn Hóa và Thông Tin Sông Bé trong "Bên Giòng Sông Xanh" với Hội Văn Học Nghệ Thuật Đồng Nai thì ngụy tạo là ông Huỳnh Văn Nghệ mất năm 1977 tại thành phố Hồ Chí Minh sau một cơn đau dạ dày kéo dài và bị chảy máu nặng (???), và được đem về chôn ở làng Tân Tịch.

Cô sáu Nhận, sau trốn qua Mỹ, được giáo sư Nguyễn Ngọc Huy đưa tường trình về cái chết của danh tướng Huỳnh Văn Nghệ lên một Ủy Ban thượng viện gồm sáu Thượng nghị sĩ Mỹ, từ đó người Mỹ họ mới binh lá bài Võ

Nguyễn Giáp bằng cách nhờ cựu Tổng Lãnh Sự Brown mời ông này qua Mỹ luôn tiện thăm hai người con gái đã có quốc tịch Mỹ, nhưng ông đã không được gặp còn bị hạ tầng công tác coi Bộ cai để ngồi chơi xơi nước, truất mọi quyền hành và không được xuất ngoại, tui hồ thay cho người hùng Điện Biên Phủ, bị Bắc Bộ Phủ trù dập, chặt tay chặt chân các tướng thân tín như Hoàng Văn Thái và Lê Trọng Tấn. Mới đây tháng 5 năm 2002, tướng Võ Nguyên Giáp được mời qua Hội Thảo tại Lubbock, Texas do Đại Học Texas Tech tổ chức, phái đoàn dự định gồm sáu người bị bãi bỏ vào giờ chót không một lời cắt nghĩa.

Ngay cả viên phó tướng một thời ở chiến trường Điện Biên Trần Độ, tên thật là Tạ Đình Bách, là một người có công khuyến mã với chế độ, cho đến nỗi nhà văn Xuân Vũ còn nhắc ở trang 213 cuốn "Những bậc thầy của tôi": Chính tên tướng Trần Độ đã có lập trường mạt sát quyển Bốn Năm Sau của tôi trên báo Văn Nghệ Quân Đội. Tên này cũng mò mẫm viết văn để trở thành một trụ CỘNG SẢN văn võ kiêm toàn, nhưng tới nay vẫn chỉ viết được chỉ thị. Ngày nay tướng Trần Độ đã phản tỉnh và đã bị đảng khai trừ và bị cách chức cho đến khi chết còn bị trù dập và bạc đãi vì ông hô hào cho một chế độ dân chủ và tự do. Ông đã tâm sự là khi đau yếu không dám uống thuốc của nhà nước cho mà chỉ dùng thuốc của Đinh Quan Anh Thái từ Mỹ gửi về vì sợ bị đầu độc.

Đó là bài học sáng giá nhất cho những ai còn tin tưởng chế độ "nhân ái, khoan hồng, xoá bỏ hận thù" của người Việt Cộng Sản. Người có công của họ, mà họ còn vắt chanh bỏ vỏ, nói gì chúng ta lại là người chiến tuyến bên này.

Mời các bạn ghé thăm tiếng thơ Huỳnh Văn Nghệ để thưởng thức thêm một tiếng thơ yêu nước của một người xứ sở Tân Uyên:

"Dặm xa, vượt núi băng ngàn  
Gặp Là Ngà, nghĩa bạn vàng kết đôi  
Thề:" Dù trắc trở núi đồi  
Cũng liều sống thác tìm trời tự do..."

"Lệ trời tràn ngập hồn thơ  
Bao phen lữ hận chẻ bờ đau thương  
...Gió ngang, thuyền ngược đôi dòng  
Đồng Nai hòa Thái bình Dương dâng trào"

**(Sông Đồng Nai)**

Hãy dừng chân lại ở "**Bên Bờ Sông Xanh**" để thấy con người "văn nghệ"  
trong con người võ biên Huỳnh Văn Nghệ:

"Bờ sông xanh chiều hôm nay buộc ngựa  
Kiếm gôi đầu, theo gió thả hồn cao  
Thơ tôi đây: cũng hoa bướm muôn màu  
Lòng tôi đấy, cũng vui sầu như bạn  
Tôi cũng biết nhớ thương, tơ tưởng  
Đâu chỉ là võ tướng hay thi nhân.  
Tôi là người lặn lội trên đường trần  
Không phân biệt lúc mài gươm múa bút  
Đời chiến sĩ máu hòa chung lệ mực.  
Còn yêu thương là chiến đấu không thôi.  
Suốt một đời, gươm chẳng ráo mồ hôi  
Thì không lẽ bút phải chờ kiếp khác?  
Trên lưng ngựa múa gươm và ca hát  
Lòng ta say chiến trận đến thành thơ.  
Máu quân thù chảy đỏ quê hương ta  
Còn có vần thơ nào hay hơn nữa!  
Bạn đừng ngại người làm thơ mê ngủ  
Quên cuộc đời, chỉ tìm mộng làm thơ.  
Cũng đừng lo tôi say máu quân thù  
Quên ghi chép những vần thơ tuyệt diệu.  
Có chiến đấu thơ mới giàu vần điệu  
Càng hát ca, gươm càng bén sắc thêm  
Nợ kiếm cung, nghiên bút biết sao đền  
Nếu không biết vừa làm thơ giết giặc?"

Bờ sông xanh, chiều nay lòng dào dạt  
Thơ ghi xong. Bến nước giục lên đường!"  
(15-10-1948)

"Gửi lại bạn mấy dòng thơ trên cát  
Và chiều nay tôi sang bến lên đường."

Trái tim lớn Huỳnh Văn Nghệ sau bao năm thốn thức đã ngừng đập, cuộc sống đầy thử thách nghiệt ngã cũng như đầy lãng mạn hào hùng đã khép lại dưới năm mồ sâu.

Tôi xin kết thúc với ông Huỳnh Văn Nghệ bằng bốn câu thơ khi ông lưu vong qua Bangkok, Thái Lan, trốn tránh Pháp:

"Đêm hôm nay, nơi tha hương lữ thứ  
Khách chinh phu dừng gót lại bên đường  
Ánh sao mờ phía chân trời xứ sở  
Như mũi gươm soi nhức nỗi đoạn trường."

Để dặn lòng tôi không bao giờ khuây mỗi hận mất nước.

### 13) Hồ Văn Bửu:

Người tập kết chiêu hồi về phe Quốc Gia lúc gần 1975 là Kỹ sư Hồ Văn Bửu người gốc Bình Trước, Biên Hoà, con ông Đốc học Hồ Văn Tam, là người bị bắt trước tiên khi chúng cưỡng chiếm miền Nam, đến nay tôi được biết ông đã trốn qua Pháp, ông đốc Tam sau ứng cử vào Thượng viện liên danh Bác sĩ Hồ Văn Châm, nguyên Tổng trưởng Bộ Chiêu Hồi.

Thật thiếu sót nếu không nêu tên tuổi ba nhơn vật cũng đi vào lịch sử của Biên Hoà là Thủ Tướng Lý Quang Diệu , Martine Bokassa và Việt Ấn. Truyền thống được tiếp nối với thế hệ sau bằng hai người trẻ Nguyễn Tuệ và Trần Minh Tuấn.

### 14) Lý Quang Diệu:

Thủ Tướng Lý Quang Diệu con một người Tiều, người gốc nông phu ấp Tân Thành (Sở Cải, Cây Chàm), Biên Hoà, được một người Tàu Singapore nhận làm con nuôi hồi năm tuổi, lưu lạc và trở thành Thủ Tướng của xứ đảo sư tử (island-state) Singapore. Ông là vị Thủ tướng lâu đời nhất của Tân Gia Ba, người có công đưa xứ sở này lên hàng một trong Tứ tiểu long,

lợi tức mỗi đầu người (per capita income) là hơn 10,000 đô một năm (ten thousands dollars club), so với lợi tức tính bố đồng mỗi đầu người Việt Nam 240 đô la một năm; Singapore là nước Hồi Giáo, một trong bốn xứ Rồng Con (Tứ Tiểu Long) giàu mạnh mới của Đông Nam Á, cùng với Đài Loan, Hồng Kong, và Nam Hàn.

Cách đây vài năm, sau khi về hưu, ông có trở về thăm sinh quán và được chính phủ Việt Nam Cộng Sản đón rước như quốc khách. Trước đó, lúc còn tại vị, ông có gửi đặc sứ về Việt Nam tìm ông anh ruột đạp xích lô để giúp đỡ.

### 15) Martine Bokassa:

Cô bé Lọ Lem tân thời, con rơi một lính viễn chinh gạch mặt Lê Dương (Légionnaire) đánh mướn của Pháp và một bà gánh nước mướn, sau này ông trở thành Tổng Thống nước Cộng Hòa Trung Phi, một nước giàu có nhờ mỏ kim cương, Martine quê ở Cù Lao Phố, Biên Hoà, nhờ nhà báo Việt Định Phương tìm ra tông tích sau khi chính phủ đưa một cô bé khác da đen giả làm Martine.

Nguyên ông Tư Chiếu người Cù Lao Phố, đọc báo Trắng đen của Việt Định Phương mới tới tận tòa báo cho hay là ông biết Martine thật con bà Huệ và mời lên Biên Hoà gặp giáp mặt hai mẹ con.

Tổng thống Bokassa, sau khi nhận diện, có nhờ nhà báo Việt Định Phương hướng dẫn hai mẹ con bà qua thăm Trung Phi, sau đó Martine ở lại luôn.

Martine thiệt sau trở thành Công chúa, đã yêu cầu cha nhận nuôi luôn cô con gái giả, nàng là một nhơn vật công chúa của chuyện thần thoại tân thời.

### 16) Việt Ấn:

Gốc ấp Phước Lư, Biên Hoà, người Việt lai Ấn Độ, thuở nhỏ ở cùng xóm với tôi bên kia đường Hàm Nghi, nhà nuôi cả bầy dê nên tôi có dịp uống sữa dê từ nhỏ, chàng tên là Sheilabal Kanasitabura, sau thành ca sĩ nổi tiếng tại các phòng trà với bản Hận Đồ Bàn, về sau nghe nói chàng bị nhóm Nguyễn Cao Kỳ thanh toán vì tư thù trước cửa một hộp đêm.

Ngôi nhà villa của Sheilabal sau bán cho Hai Tín gốc chèo đò ở Vĩnh Cửu làm trại cửa lớn.

### 17) Nguyễn Tuệ và Trần Minh Tuấn:

Tôi xin nhắc đến hai người thuộc thế hệ hai tị nạn làm vẻ vang tỉnh nhà là Nguyễn Tuệ và Trần Minh Tuấn.

**\*Nguyễn Tuệ** là con một ông tùy phái giúp việc cho Biện lý Phạm Ngọc Tòng ở Tòa án Biên Hoà và một bà bán hàng ở hẻm chợ Kỷ niệm trước trường Trung Học Ngô Quyền.

Thông minh nổi tiếng lại giỏi về kinh dịch lúc còn học ở trường Trần Thượng Xuyên, rồi Ngô Quyền. Sau đó thi đậu tất cả trường đại học nhưng sau cùng chọn Đại Học Tổng Hợp trước khi qua Mỹ.

Nguyễn Tuệ vào MIT (Massachusetts Institute of Technology) và là người chiếm kỷ lục lịch sử của trường, đậu đến bảy bằng cấp trong đó phải kể hai bằng Tiến Sĩ hạng tối ưu.

**\*Trần Minh Tuấn:** Con luật sư George Trần Minh Đức, rể ông Phán Thành ở Tòa Án Biên Hoà và cháu Đại sứ Trần Văn Chương, qua Mỹ làm đài VOA với bút hiệu ký giả Trần Quân.

Trần Minh Tuấn được đặt cách chọn học Đại Học John Hopkins cuối tuần cùng 11 người trong chương trình Talent Search vì đậu SAT tối đa.

Ngày thường theo lời yêu cầu của phụ mẫu, vẫn học ở Trung học cho có bạn.

Đến năm 18 tuổi, Tuấn tốt nghiệp Trung học và Đại học cùng một năm, bốn năm sau tốt nghiệp Bác Sĩ Y Khoa và 2 năm sau, lúc 24 tuổi, Tuấn đã tốt nghiệp Hậu Đại học, Bác sĩ Chuyên Khoa về tim, và được tuyển làm Giáo Sư cho Clinique của Đại Học John Hopkins, Pennsylvania.

### 18)Nhạc sĩ Lê Hựu Hà (1946 - 2003):

Sinh tại xã Bình Ý, Long Thành, Biên Hòa gần Quốc lộ 52, ông có ba đời vợ, người cuối là ca sĩ Nhã Phương có hai con.

Ông là người thành lập ban nhạc trẻ Phượng Hoàng , sau đổi tên Mây Trắng rồi Hi Vọng.

Tác phẩm để lại có bản:

- 

Tôi muốn

- 

Hãy yêu như chưa yêu lần nào

- 

Bài ca tuổi trẻ

- 

Chờ một tiếng yêu

- 

Cuộc đời

- 

Đôi khi ta muốn khóc

- 

Đừng trách người ời

-

Hãy ngược mặt nhìn đời

- 

Hãy nhìn xuống chân

- 

Hãy vui lên bạn ơi

- 

Huyền thoại một người con gái

- 

Lời người điên

- 

Lời trái tim muốn nói

- 

Một khi chẳng còn tên

- 

Nắng vàng, biển xanh và anh



- Ngày mai đây khi tôi chết

- Ngỡ đâu tình đã quên mình

- Phiên khúc mùa đông

- Trả hết cho người

- Vào hạ

- Vị ngọt đôi môi

- Xin được tha làm người

- Yêu em

- Yêu người và yêu đời .

**19)Nhạc sĩ Nguyễn Trung Cang (1947 - 1985):**

Sinh tại Long Thành, Biên Hòa, đường đi Bà Rịa. Cùng nhạc sĩ Lê Hữu Hà ông lập ban Phượng Hoàng. Tác giả những bản:

- Anh vẫn biết

- Bâng khuâng

- Chiều nội trú,

- Tình còn lất phất mưa bayviết chung với Lê Hữu Hà.

## 20)Phạm Xuân Ẩn (1927 - 2006):

Ông tên thật là Trần Văn Trung, tự Hai Trung, sinh tại Bình Trược, BiênHoà.

Cùng lên tướng như Nguyễn Hữu Hạnh, ông là điệp viên nằm vùng cho VC dưới nhãn hiệu nhà báo Christian Science Monitor, Time và Reuters và cả Việt Tấn Xã do Bác sĩ Trần Kim Tuyến, chánh Sở Nghiên Cứu Chánh Trị thời ông Diệm đề bạt, cho tới 1975 mà không bị lộ giống như Vũ Đức Nhạ, Huỳnh Văn Trọng, Phạm Ngọc Thảo

Sau 75, ông đã tâm tình với nhà báo Dan Sutherland rằng: Họ, những người ở ngoài Bắc vào, tham những tệ hại hơn nhiều lắm, ông vỡ mộng vì đã hỗ trợ họ hết sức mình để rồi họ hành xử không xứng đáng khi chiến thắng.

Theo nhà báo Vi Anh, cũng trong thời gian năm ngoái, ông Ẩn còn đăng cay hơn khi tâm sự với nhà báo New Yorker, đã từng coi ông như một điệp viên trọn vẹn .

Trong một bài dài 10,000 chữ, ông Ẩn nói đã đau đớn thấy lý tưởng suốt đời của ông theo đuổi bị phản bội.

Ông khẳng định: Không có chỗ nào dành cho ông ở địa ngục cả, địa ngục chỉ để dành cho mấy tên bọm bãi, mà VN đang còn quá nhiều, nên chật chỗ rồi.

Từ đó, ông Ẩn coi như bị Cộng Sản Hà Nội thực sự quản thúc tại gia ở một biệt thự tại quận 3, Sài Gòn , ai thăm cũng phải có sự đồng ý của Tổ chức. Ông đã thất vọng ê chề và bất mãn tột độ với chế độ vì cảm thấy bị phản bội trắng trợn. Nhưng bề ngoài Cộng Sản Hà nội gian xảo đã đánh bóng ông như siêu điệp viên James Bond vì ông Ẩn đã được cả Hồ Chí Minh và Võ Nguyên Giáp khen tặng.

Sai lầm, hối hận, thất vọng, bất mãn và bất lực đến chết cũng không thoát được tổ chức Cộng đảng là một bài học ông Ân ôm xuống âm ty.

Sau Huỳnh Văn Nghệ, bài học Phạm Xuân Ẩn đáng cho lớp trẻ có ăn học, nhiều chuyên môn, nhưng thiếu kinh nghiệm về chính trị suy ngẫm.

**Thái Thụy Vy**  
**Biên Hùng Liệt Sử**  
**Đặc sản Biên Hoà**

Thổ ngơi trải dài từ rừng ra biển, nên Biên Hoà được đặc ân của Thượng đế tặng cho những thổ sản thiên nhiên lẫn đặc chế đi kèm theo địa hình.

**Đá Ong:**

Trên phá sơn lâm dưới đầm hà bá. Biên Hoà nổi tiếng loại đá ong có lỗ xây gò má, các lò đá xanh ở Bửu Long và Châu Thới sản xuất bia mộ, cối xay, thạch đăng lung và nhiều sản phẩm mỹ nghệ khác. Lò gạch mộc như nấm, đất sét thì nhiều vùng chỉ việc lấy lên khuôn. Cát thì chỉ cần sà lan vét lên, hoặc mướn thợ lặn.

**Đàn Đá:**

Theo tài liệu khảo cổ Việt Nam, ở Việt Nam có một ngày đáng nhớ là ngày 13- 12- 1979 là ngày khai quật được tại Bình Đa (thành phố Biên Hoà) giữa vô vàn chồng chất tro xương, những công cụ bằng đá phiến dôm Andéjit là loại trầm tích biến hóa thành chất sừng, bỗng hiện ra những vật lạ bằng đá, 47 thanh đoạn của bộ đàn đá Bình Đa xuất hiện giữa tầng văn hóa ở trạng thái insitu. Sự xuất hiện thêm ào ạt những thanh đá kêu kỳ dị ở Khánh Sơn, Bảo Lộc, Bác Ái, Đa Kia... làm cho các nhà bác học sửng sốt.

Trước đây người Mỹ và người Pháp có tìm được ở cao nguyên Darlac một bộ và ở làng Bù Dơ (Lâm Đồng) một bộ đem về lưu trữ tại điện Louvre, Paris và tại Bảo tàng viện Los Angeles, California mà không cho trưng bày chỉ được xem ảnh chụp và nghe qua băng ghi âm!

Đàn đá không xa lạ gì với chúng ta. Tay sáo Nguyễn Đình Nghĩa có thuật lại cho tôi nghe đã được thấy sau 1975 khi nghiên cứu về sáo Mèo ở Tây Nguyên. Ai cũng nghĩ rằng, nếu nói lưu vực sông Hồng, sông Mã là quê hương của trống đồng thì Tây nguyên hẳn phải là xứ sở của đàn đá. Việc khai quật, sưu tầm nhằm khôi phục bản sắc dân tộc, thăm định cấu trúc thanh âm và tìm mối quan hệ giao lưu giữa hệ thống nhạc cụ cổ truyền Việt Nam.

Sau khi mẫu mã tro xương được đưa thẳng sang Berlin và chỉ vài tuần sau Viện Hàn Lâm Cộng Hòa Dân Chủ Đức gửi phiếu thử phản ứng phóng xạ Carbon (C 14 dating) cho biết niên đại chính xác của Đền đá Bình Đa là 3180 năm cũng là niên đại chung cho gia đình đền đá Việt Nam. Năm sau khi khai quật địa chỉ Gò Me (quê của nhà thơ Nguyễn Tất Nhiên cách Bình Đa 3 km về phía Tây) các chuyên gia lại phát hiện thêm một thanh đền đá, điều đó xác nhận đền đá hẳn là loại hình văn hóa đặc thù của vùng văn hóa Nam Tây Nguyên - Đông Nam bộ từ 3,000 năm trước (theo Đỗ Quyên).

**Thái Thụy Vy**  
Biên Hùng Liệt Sử  
**Sông**

Riêng về địa lý (geography) sông Đồng Nai, sách Đại Nam Nhất Thống Chí của Quốc Sử Quán Huế, năm 1865 ghi:

**Sông Phước Long:**

Phía Tây Nam huyện Phước Chính(Công Thanh, Đức Tu) 4 dặm. Sông này là sông lớn trong phủ Phước Long (Biên Hòa) nên đặt tên ấy. Có tên nữa gọi là sông Hòa Quý (Hòa Quới) tục danh sông Lộ Dã (Đồng Nai) phát nguyên từ sóc Tân Phú (Cao nguyên Lang Biao) chảy đến 70 dặm, hợp với sông La Nha (Là Ngà) chảy quanh hướng Tây tới thành Qui Sơn (Thanh Sơn), Thất Thạch Than (Thác bảy đá Trị An) và giữa rừng sinh lầy Bến Nôm dài 35 dặm. Lại chảy đi 35 dặm nữa, đến ngã ba Tiểu giang (sông Bé) rồi chuyển hướng Đông, đi 23 dặm vào huyện Phước Chính (Công Thanh-Đức Tu) làm sông Đông Giang (Rạch Đông) chảy quặt lại Đông Nam, có nhánh sông Vịnh Cẩm (Bến Vịnh Bà Cẩm), đà Lạch Vũng, đà Tân Định, đà Sa Thạch (Võ Sa) hiệp dòng thành sông Đại Giang (Đồng nai). Sông này nước ngon ngọt, trong sạch, là con sông danh tiếng thứ nhất ở Nam Kỳ.

**Sông Đại Giang :**

(Bình Hòa-Phước Thành)- Còn chảy làm sông Trúc Giang (sông Con, sông Cái, Cù lao Bình Chánh) hiệp lại làm sông Bảng Giang (Tổng Bảng) dài suốt 47 dặm. Rừng Cát Tiên với cái tên đẹp và truyền thuyết bãi cát tắm của tiên, rộng 35,000 mẫu, nằm ở cực bắc tỉnh Biên Hoà thuộc quận Tân Phú, tiếp giáp hai tỉnh Sông Bé và Lâm Đồng. Rừng Cát Tiên có 632 loại thực vật thuộc 304 chi trong số 121 họ của ngành thực vật. Trong số đó, có 6 họ có từ 20 loại trở lên như: họ đậu (48 loại), thầu dầu (44 loại), phong lan (59 loại)...Riêng họ cây thuốc có tới 194 loại! Cát Tiên lại có nhiều gỗ quý và hiếm như: cẩm lai, gỗ đỏ, giáng hương... Hiện nay, trải bao nhiêu cuộc chiến tranh và sự phá hoại của con người, nơi đây vẫn còn nhiều đại thụ cao 60 - 70 m và gốc cây phải 20 người ôm. Dưới tàn lá cao vợi vợi và rộng lớn là hàng trăm loại dương xỉ có từ thời thượng cổ. Với nhiều loại địa

hình địa vật và sinh cảnh khác nhau nên rừng Cát Tiên quy tụ khá nhiều loại động vật mang tính chất điển hình cho cả miền Nam, gồm: 62 loài thú, 37 loài bò sát, 11 loài lưỡng thú. Những loài như trâu, gấu, voi thường đi từng đàn, có loại lên đến cả trăm con. Ở khu rừng này còn nhiều động vật hiếm và quý mà không dễ quốc gia nào cũng có được, như: tê giác, hươu sao, bò bần teng, hổ, rùa mai vàng...Từ lâu, sự giàu có của giới động vật rừng Cát Tiên gắn liền với bao cái tên như: suối Chồn, bàu Sấu, bàu Minh, hốc Kên Kên...

Giàu có nhất trong giới động vật ở rừng Cát Tiên vẫn là chim, với hơn 250 loài, chiếm 2/3 số loài chim của cả miền đông Nam bộ, trong đó còn thấy những loài rất hiếm: công, trĩ, kên kên, gà dây, sa mỏ đỏ, đại bàng , hồng hoàng, cao các...

Cát Tiên từ lâu đã trở thành một "bảo tàng thiên nhiên". (theo Quang Huy)

### **Sông La Nha (Là Ngà):**

- Đông Bắc huyện Phước Bình (Long Khánh) 58 dặm, phát nguyên từ núi Chiêm ở tỉnh Bình Thuận chảy vào Nam, ngang buông Thượng Man Sách tiếp đến khe Dạ Lao ở núi Chứa Chan, huyện Long Khánh. Chảy quanh 16 dặm tới xã Âu Ca, Vĩnh An, rồi chảy vào sông Phước Long (Đồng Nai) làm ba nhánh.

### **Đông Giang (Rạch Đông):**

- phía Đông huyện Phước Bình (Quận Công Thành) 18 dặm, là thượng lưu sông Phước Long. Bờ phía Đông có tuần sở Định Khai (Định Quán). - đây, ngược dòng lên phía Bắc, đến nguyên đầu, 32 dặm rưỡi, có thác Trị An nguy hiểm, ghe đi không thông. Từ ấy trở lên, là đất Man Phận (Sóc Thượng).

### **Tiểu Giang (Sông Bé):**

- Tây Bắc huyện Phước Bình (tỉnh Phước Long) 2 dặm, nguyên đầu từ hai man sách (buông ấp Thượng) Vô Tam, Vô Diên, chảy xuống hướng Đông, quanh theo thôn Loan Vũ và bến thồ Chánh Mỹ (Tổng Chánh Mỹ hạ), rồi quay về phía đông, chuyển qua phía Bắc, chảy quanh queo 214 dặm, đến trạm Sa Tân (Thiện Tân) làm cửa sông Tiểu Giang (Sông Bé) hiệp lưu cùng sông Phước Long (Đồng Nai).



Như chúng ta đã thấy tất cả nền văn minh thế giới được phát xuất từ các dòng sông danh tiếng, như nền văn minh Euphrate, nền văn minh sông Nile ở Ai Cập, sông Amazone ở Nam Mỹ, sông Gange ở Ấn độ...Mọc lên bên bờ sông là những đô thị sầm uất. Ngày xưa đường bộ chưa thuận tiện cho việc lưu thông, nên việc chuyên chở, buôn bán đều lệ thuộc đường thủy. Theo Hứa Hoành, Nông Nại Đại Phố (Cù Lao Phố) trở nên một trong bốn thương cảng phồn thịnh nhất thời đó.

Nước ngọt và hiền của sông Đồng Nai còn được cung cấp cho Sài Gòn qua nhà máy nước Hóa An, ngoài nhà máy nước Biên Hoà cung cấp cho địa phương.

Tàu dầu vào đến sông Đồng Nai chuyển dầu vào Hăng Dầu gần nhà tôi.

Riêng dòng sông còn cung cấp cho tôi những kỷ niệm ấu thơ khó quên, những mùa nước nhảy đi vớt củi bằng sào khỏi phải lên rừng do mưa từ rừng sâu cuốn trôi củi mục xuống dưới dòng cùng với những trái cây lạ của rừng thiêng; những buổi cắm câu dầm hứng thú thêm nhiều món ăn lạ cho bữa ăn, và những buổi lội ngang sông qua Cù Lao Phố hái trái cây với các bạn tuổi thơ, hoặc chèo xuồng giáp vòng cù lao để khám phá quê nội. Mỗi tấc đất, mỗi khúc sông, là bóng dáng tuổi trẻ thấp thoáng, hiện hình cho tôi chất liệu viết về sau.

Mỗi địa danh nhắc nhở một kỷ niệm, một vọng âm của ký ức, mang dấu vết của một thời hạnh phúc trong một gia đình lễ giáo, ông nội thì lập chùa, đẹo tượng Phật, ăn chay trường.

Cùng với sông Vàm Cỏ Đông, sông Vàm Cỏ Tây, sông Đồng Nai chảy vào cảng Sài Gòn tạo nên một thương cảng (inland port) nổi tiếng vùng Đông Nam Á. (xem bản đồ đính kèm 1 và 2)

Dòng sông còn cung cấp các loại thủy sản đủ các loài thủy tộc, cát thô và cát nhuyễn cộng với gạch, đá, gỗ, đất sét để làm gạch ngói, lu hũ đủ loại rất cần cho kỹ nghệ xây dựng đô thành Sài Gòn Chợ Lớn. Địa hình rất thay đổi và hùng vĩ, không bằng phẳng (monotone) như vùng đồng bằng sông Cửu Long. Vì nằm ở cuối dãy Trường Sơn, nên Biên Hoà có sơn mạch nên địa thế dàn trải nhiều núi đồi, gò nong.

**Thái Thụy Vy**  
Biên Hùng Liệt Sử  
**Núi**

Hữu ngạn sông Đồng Nai thì có núi Châu Thới (80m), trên đỉnh có chùa Phật là một thắng cảnh; Gò Ông Sảnh (8m) ở Bửu Hòa, có đền thờ Nguyễn Tri Phương ngó qua Hiệp Hòa có đền thờ Lê thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh, có hầm đá; Núi Vải Lượng ở Long Bình; Núi Ông Viễn ở ấp chợ Hàm Luông. Cũng như ở thượng nguồn có đền thờ đức Trịnh Hoài Đức và dũng tướng Trần Thượng Xuyên. Khúc sông Đồng Nai gần trước đền thờ Nguyễn Tri Phương, hồi xưa, để cản trở tàu bè Pháp ông có đổ các "Cản" bằng đá mà dân địa phương gọi là "ông Nghê".

Bên tả ngạn (rive gauche) thì có Núi đất (20m) có hầm đá; núi Long Ẩn (40m) ở Bửu Long, Tân thành; núi Bình Điện (Bửu Long), có ngôi Bửu Phong cổ tự, là một danh thắng hằng năm rất nhiều du khách, đặc biệt mái chùa xung quanh được ghép bằng miếng sành xanh trắng hình Long, Lân, Qui, Phụng rất nghệ thuật, là nơi hẹn hò trai gái, nhìn xuống phi trường Biên Hoà; Núi Đất (sau Cầu Lạc Bộ Hồ Tắm Biên Hoà); núi Uất Kim (Đồng Nghê); Ký Sơn (núi Hòa Phát).

Mạn Bắc có núi Dốc Lớn (36m), núi Dốc Cây (Bà Én, 15m) có cây dâu; núi Bà Cẩm (Lạc an, 80m), trước có chùa Phật, sau Pháp phá làm tháp canh; dốc Kỳ Lân (20m, Mỹ Lộc) có đá đỏ; núi Lồ ồ (50m, Thường Lang) có đá đen, có chùa Phật, nhiều cây ăn trái, có nước mát quanh năm; núi Đào Cường Đào Lư có Lò Gốm; núi Chánh Hưng có lá buông để chằm nón, quạt và đan buồm; núi Yên Cẩm; Văn Sơn; núi Thần Qui (hay Ba Ba) là chỗ phát nguyên sông Phước Long; Na Sơn có nhiều tre lồ ồ; Mông Sơn có mây Thiết Đẳng; Thổ Sơn; núi Mô Khoa (huyện thoại là có sơn thần); núi Tà Mô Liên có tà thần của thổ dân; núi Trà Cự; núi Tiên Cước trên đỉnh có dấu chơn tiên; núi Châu Săn có tre lồ ồ; núi Bùng Bình (Thiện Tân, Bào Hang); núi Chà (15m, Tân Định, Thiện Quang); núi Ông Tạ (10m); núi Bà Hiên (15m, sông Mây); núi Giáp (20m, Gò Mọi, Thiện Tân) là doanh trại của một nhóm kháng chiến chống Pháp đầu Thế kỷ 20; núi Gang Toi (Đại

An); gò Bà Núi (Cầu Xay Xóm Cháy), núi Bạch Thạch có đá trắng, có nhiều sơn thú; Gò Thạch Hỏa là cồn đá lửa màu đen khi có nắng thường xẹt hỏa quang.

Trên Phước Long thì có núi Lư Duẩn (Bà Rá) có nhiều tre lồ ô, trúc cho măng lai, mây, trái trường, trái bứa, trái xay, trái xay lông, trái trâm (trái cơm nguội), có vườn điều lộn hột của Pháp bỏ hoang, có vườn cao su.

Vùng Long Khánh thì có Hương Sơn (núi Sóc Lu, Gia Nhan) nhiều giây mây sa đặng; núi Làng Giao (Bào tra); núi Câu Khánh; núi Bà Rịa, có đường dũng đạo dưới mặt đất, có đền thờ thần nữ; núi Thùy Vân (Mây Tào) có chùa Hải Nhật, có Thần Nữ Phong (Dinh Cô), núi Sa Trúc (Núi nứa) gần Ngãi Giao, Sông Ray; núi Lá Thổ Sơn (Phước Hòa); núi Lãi Kỳ (Gành Rái) đầu núi làm cửa hữu cho Ngọc Tỉnh, đuôi làm ngoại hình cho Cần Giờ; núi Thương Sơn (cạnh sông Xích Lam); núi Thần Mẫu (mũi Thị Khiết, Sa Động) có đền Thần Nữ mà giới ghe thuyền thờ phượng rất kính cẩn; núi Xích Sơn (tại các thôn Long Giới, Long Lập, Long Hiệp, Long Kiên, Long Xuyên, Phước Thúy, Phước Thọ, Phước Hiệp, Hiệp Hòa (Đức Thạnh); núi Tà Lộc ở Rừng Lá; núi Khi, núi Bề" (Sông Dinh-Sông Cô Kiêu); núi Thiết Sơn (núi Nghệ gần La Vân); núi Trấn Biên (núi Dinh tại Phước Hòa - Ngãi Giao) tịch mạch, có tòng lộc, sơn khô, là nơi tịnh cốc của sư Khắc Chân; núi Nữ Tăng (Tóc Tiên-Thị Vải) tại Phú Mỹ, (Ông Trịn), xưa có am ni cô Lê Thị Nữ.

Vùng Thủ Đức có Gò Lão Tố (giồng Ông Tố); gò Khổng Tước Nguyên (Gò Công-Trau Trau) tại các thôn Phước Chánh, Nghĩ Chánh, Mỹ An (Long Thạnh Mỹ).

**Thái Thụy Vy**  
**Biên Hùng Liệt Sử**  
**Lâm Sản**

Trên diện tích tỉnh, rừng đã chiếm hết phân nửa diện tích và nằm trọn vùng Đông Bắc. Trong rừng già, nhiều loại cổ thụ sống hàng bao thế kỷ, gốc lớn đến cả chục người ôm không giáp vòng. Thú rừng cung cấp ngà voi, sừng tê giác, nanh heo rừng, da beo, da cạp, mật gấu, gà rừng, gà xước, công, cá sấu, kỳ đà, lộc nhung, bao tử nhím, lông nhím, lông công, heo mọi, sáp ong, mật ong, sữa ong chúa v... v... Ngoài các thứ danh mộc gỗ quý như huỳnh đường, gõ đỏ, giáng hương, gỗ lim, cẩm lai, trắc, trắc bá diệp, giá tị, gõ nu, hồng tâm, cây lòng mút, thao lao (bằng lăng), gỗ teak, và các loại cây thường như vên vên, sao, dầu, trắc, giá tị, cẩm xe, vấp, sến, cà chác, ram, sắn, ca chi, vỏ vàng, bàng, chay, dà, đước, vẹt, cầy, trấu, bòn bon, thầu dầu, bả đậu, vừng. Các loại thảo mộc có dược tánh như quế, hậu phác, chùm bao, sai hò, thạch斛, trầm, khuy nh diệp, long não. Các loại tiểu mộc có tre lồ ô, nứa, măng lai, mật cật, kè, cọ, cây duối, lá buông làm quạt chiếm phần hạ tầng. Các loại cây kỹ nghệ có cao su, cà phê, sợi ky náp, điều, đu đủ, cam sành, trái cóc, thơm, cây me, cây keo, đủ loại chuối như chuối hột, chuối cau, chuối sáp, chuối già, chuối lửa, chuối tiêu, chuối si mon, chuối chà, chuối hương, chuối sứ. Rừng Biên Hoà còn cho gần đủ thứ thịt rừng như nai, mễn, heo rừng, nhím, trăn, trúc, khỉ, giọc, vượn, kỳ đà, kỳ nhông, cheo, thỏ rừng, le le, vịt trời, kể cả voi, cạp, chim cu, rừng Biên Hoà còn có chim Hồng Hoàng, Cao Các, chim Trĩ, chim Trích, dơi, quạ, dòng dục, nấm dẽ, nấm mối, nấm rơm... Bến Gỗ sau có vườn nho, còn chôm chôm, măng cụt, điều lộn hột, sầu riêng, khế, đu đủ, vú sữa, xoài cát, xoài tượng, xoài ăng ca, cây sơn trà, dâu, bòn bon, dưa hấu, dưa gan, dưa chuột, bí rợ, mướp, bầu nậm, bí, bầu tây, khổ qua, trái gấc, trái sấu, trái sim, trái thanh long, lý, quần quân, hồng nhung, hồng mềm, hồng dòn, mận xanh, mận đỏ, mận trắng, ô môi, trái mấm (passion fruit), mận cầu dai, mận cầu xiêm, trái nhàu (noni), củ năng, củ sắn, sắn dây, bắp, khoai lang, khoai mì, khoai dương châu, củ chuối, khoai mỡ, khoai sọ, khoai bình tinh,

củ từ, hạt sen, đậu ván, đậu nành, đậu xanh, đậu phộng, bạc hà, môn, bông thiên lý, trái chùm bao, lá mơ (lá thúì địt), lá lốt, lá cách quận nào cũng có. Bưởi thì có bưởi da láng, bưởi đường, bưởi đường cam da láng, bưởi da cóc, bưởi thanh, bưởi ôi, bưởi lựu, bưởi đỏ...

**Thái Thụy Vy**  
**Biên Hùng Liệt Sử**  
**Hải Sản**

Quận Nhơn Trạch thì có đồ biển như cua đá, ghe, ba khía, còng, cua đồng để nấu bún riêu, sam (horseshoe crab), tôm hùm, rùa mai vàng, nghêu, sò, ốc, hến, chêm chếp, ba khía, bào ngư, con ruốc (krill), sá sùng (sá sùng hay sa trùng, seaworm dùng để nấu nước lèo phở bắc), rau câu (seaweed), lá sinh sấm, lá vang thì mọc hoang trên các rào dậu; cá nước lợ thì có cá bông lau; cá biển thì đủ loại, từ cá nục, cá đường, cá thu, cá bạc má, cá hồng, cá bẹ, cá chim, cá ngừ, cá úc, cá dứa, cá cháy, cá nược (cá heo), cá đuối, mực nang, mực ống, chôm chôm biển (sea urchin), đồn đột đĩa biển (sea cucumber), rùa biển, đồi mồi, cua đinh, ba ba đến cá mập mà người Tàu Chợ lớn rất thích mua lấy vi cá để làm súp và bánh trung thu. Các loại cá sông như cá vảnh, cá he, cá chếp, cá lòng tong, cá bóng thệ, cá mè, cá tra, tôm càng, tôm xú, cá linh, cá vồ, cá tra, cá chạch, lươn, cá lim kìm, cá rô, cá sắt bướm, cá sắt, cá trê, cá tai tượng, cá lóc, cá trèn, rằn rằn ri cá, rằn rằn ri cóc nấu cháo rất ngon, cá sát thì dân địa phương không dám ăn vì nó ăn tạp, nhưng sau 1954 nó tuyệt chủng vì bị lưới hết cùng với rừng gỗ teak Tổng thống Ngô Đình Diệm cấy rừng ở khu công viên Quốc Gia Lâm Viên, Trảng Bom, nơi hướng đạo sinh Việt Nam thường tổ chức cắm trại Jamboree, đã bị đốn lậ không còn một cây. Tiếc thay người ta hủy diệt không tiếc thương công trình kiến tạo của tiền nhân.

**Thái Thụy Vy**  
Biên Hùng Liệt Sử  
**Ấm Thực**

Nếu Cái Bè nổi tiếng rượu đậm nành, Phước Lễ với rượu nếp than, thì Phú Hội, Biên Hoà nổi tiếng về rượu đế sủi tăm, Bà Rá với rượu cần, rượu ịch. Xuân Lộc nổi tiếng rượu thuốc ngâm với sâm, mật gấu, bao tử nhím, rắn hổ mang, nai hà nàm, cắt kè (gekko).

Nói đến đặc sản biến chế tôi thấy cần nêu lên những món mà các nơi khác không có mà thôi:

**Bánh ố:** Là món tôi thích lúc mới 5 tuổi chạy giặc bằng xuồng đến Cù Lao Rùa Nhật Thạnh. Nó giống như bột làm bánh ịch phơi khô, nhưng khi được xắt mỏng chiên lên thì là một món ăn chơi hay tráng miệng khoái khẩu.

**Đường phổi:** Đường miếng dày độ 1 inch trắng xếp hình lá phổi thường chưng vào dịp Tết với dưa hấu.

**Xôi chiên phồng.gà hấp rau răm:**

Món đứng đầu của nhà hàng Tuyết Hồng cạnh bờ sông mà các nhà hàng Tam hiệp và La Plage cũng cạnh bờ sông muốn học bí quyết thực đơn mà không được. Gà giò day ướp với rau răm đập giập từ trong ra ngoài phủ với hành tây xắt thật mỏng, ướp muối tiêu bột ngọt đem hấp cách thủy, xong xé ra giữ juice trộn ăn thì khó quên, với xôi chiên phồng như balloon .

**Vật dụng:**

- Nếp 750gr
  
  
- Đường vàng 120gr

- Dầu ăn 50gr
- Nước 700gr

### **Cách làm:**

Vo nếp để cho ráo nước, trút vô nồi, đong 700gr nước, nấu như nấu cơm, khi nào chín xới ra tô để nguội. (nhớ khi đã cạn nước để lửa nhỏ để tránh xôi nếp không bị cháy)

Khi xôi đã nguội, rửa tay thật sạch bóp nếp cho nát, nhưng nhớ kỹ chỉ bóp nát 8/10 thôi, (nếu bóp nát quá bánh sẽ nở).

Xong trút 120gr đường vàng vô trộn đều cho đến khi nào thấy đường tan hết vô nếp là được (làm đường vàng khi bánh chín trông đẹp mắt hơn).

Cân 500 gr dầu ăn đổ vô chảo.

Nếp đã trộn đường chia ra làm 4 phần đều nhau, đặt mỗi phần lên một miếng nylon rồi nắm lại như cơm vắt thật tròn xong để lên bàn lấy tay ấn bẹp xuống mỏng độ một phân bằng chiếc bánh dày.

Đặt chảo dầu lên bếp như chiên bánh tiêu, khi dầu thật sôi, cầm một chiếc bánh thả vô, tay trái cầm bàn sạp úp xuống, tay phải một bàn sạp, nhẹ nhẹ ép lên mặt bánh rồi lật qua lật lại, ép dần cho bánh mỏng ra, bánh sẽ nở lớn.

Khi bánh bắt đầu nở, phải hai tay hai bàn sạp vun chung quanh cái bánh cho nở phồng tròn dần.



Khi bánh đã nở và chín vàng chớ có ép nữa bánh sẽ xẹp. Khi bánh đã phồng to lấy hai bàn sạn vớt ra cho vô rổ thưa lót giấy hút hết dầu.

Bánh nguội bày lên đĩa ăn dần tan như da heo. Ăn với gà hấp rau răm, gà xì dầu (soy chicken) hay gà đút lò.

**Gỏi bươi lựu trứng sam:** Sam thuộc họ cua (horseshoe crab) không có thịt, nhưng khi nướng lên rất thơm, và chỉ ăn được trứng. Trứng sam trộn với bươi lựu (bươi đỏ không chua tép hình hột lựu), hành hương (shallot), rau răm, đậu phộng đâm, trộn với nước mắm pha loãng là món nhậu hiếm có. Ăn với bánh phồng tôm.

**Đầu cá hấp bánh canh:** Cũng quán Tuyết Hồng. Đầu cá lóc lớn hấp với củ sắn và cà rốt xắt sợi (julienne), rưới mỡ hành và đậu phộng đâm hấp cách thủy. Có thể hấp với thì là (dill) và nghệ theo kiểu miền Bắc. Còn mình và trứng thì nấu bánh canh. Ăn cuốn bánh tráng, rau thơm, dưa chuột, khế chua, chuối chát hay thơm sắt nhỏ với mắm nêm. Dồi trường Chợ Đồn, Biên Hoà: Thịt heo băm hay xắt hột lựu, có thể xắt nhỏ lỗ tai heo hay da heo, lòng heo có gân và sụn, mỡ heo xắt hột lựu ướp với xả ớt băm, thêm một muống rượu Mai Quế Lộ và chút quế bột, tiêu hột, tiêu giã, bột ngọt, dòn ruột heo. Xong đem chiên là món dồi nổi tiếng của bà Năm cháo lòng Chợ Đồn khác với dồi miền Bắc chỉ dồi huyết, cháo lòng chỉ bán buổi sáng còn quán Cây Dừa của bà nổi tiếng nem nướng và thịt giò heo bánh canh bán buổi tối.

Tôi xin ghi lại recette (recipe) để khỏi bị mai một, tuyệt chủng, để cho hậu thế.

### **Vật dụng:**

•

Thịt heo xay 3lbs

- Củ hành 300gr
- Tiêu hạt đậm 25gr
- Xả tươi băm 150gr
- Muối 15gr
- Đường 60gr
- Bột ngọt 7gr
- Tiêu nguyên hạt 1 muỗng cà phê

- Nước tương 40gr (7 muỗng càfé)

### **Cách làm:**

Xâm lỗ sau khi dồn thịt vô ruột. Hấp trước rồi nướng hoặc chiên. Ăn với cháo lòng hoặc làm món nhậu rất bắt.

**Gỏi nội trường:** Nội trường là vòi Fallope và chùm trứng chỉ có heo cái mới có. Nội trường luộc chín vắt nửa trái chanh tẩy mùi, xong đem xả nước lạnh cho dòn, xắt miếng đem ướp tỏi tươi, củ hành hương xắt mỏng và chanh tươi, ớt tươi, rau tía tô, rau răm. Ăn với mắm nêm ớt tỏi pha sả băm.

**Nhộng tằm xúc bánh tráng:** Là món du nhập từ Huế, chỉ có những nơi nuôi tằm kết tơ mới có món này. Nhộng được xào xả ớt giống lươn băm, xúc với bánh đa.

**Gỏi bưởi chua tôm càng sông Đồng Nai:** Sông Đồng Nai vốn nổi tiếng tôm càng tươi thịt ngọt có gạch mà họ rọng sống ngay dưới bờ sông sàn nhà hàng. Tôm nướng xé ra để nguyên gạch tôm bóp gỏi thấm với củ cải trắng xắt mỏng và hành ngò, rau tía tô. Thường dân bản xứ thích trộn với bưởi đỏ, nhất là bưởi lựu. Dùng với mắm nêm hoặc nước mắm ớt pha loãng.

**Đuông dừa:** Biên Hoà, ngoài việc nổi tiếng thịt rừng đủ thứ, thịt chim, còn có món đặc biệt là con Đuông, chính là con nhộng của con bọ quýt dương. Nó ăn đọt dừa nào là coi như cây đó chết, nó cũng ăn đọt cây chà là. Thường chặt một đọt dừa ra chỉ có một con đuông. Dem ngâm nước mắm nguyên chất cho nó nhả nhớt trước khi đem lăn bột chiên. Thấy thì như con sùng đáng sợ, nhưng ăn một lần sẽ thêm hoài vì nó béo ngậy và có mùi cổ hủ dừa.

**Cà ri dê Tư Dử:** Quán ông Tư Dử nằm ở ngã ba Vườn Mít cạnh cổng Quân Đoàn III và Phi Trường nên rất nhiều người biết đến, nhứt la dân nhà binh, cơm hàng cháo chợ. Ông có nuôi một bầy dê nên lúc nào cũng có sẵn, chỉ

giữ vài con dê đực. Mỗi lần khách Sài Gòn lên tuyên thệ vào Tân Đại Việt, ba tôi thường đặt một nồi cà ri dê Ấn Độ và một nồi cơm nị đãi khách. Mỗi lần ăn cơm đĩa bình dân tiệm ông, thực khách không quên làm một ly rượu huyết dê đưa cay. Ngoài ra quán ông còn nổi tiếng món ngọc dương dê tiềm thuốc bắc. Tôi có học ông cách nấu cơm nị thơm lạ.

### **Cách làm:**

Thịt dê trụng vớt bọt, ướp qua đêm (marinade) với tiêu tỏi hành bột ngọt và Garam Masala là bột gồm mười một thứ gia vị: nghệ (turmeric, cumin, ngò (coriander), quế (cinnamon), mace, nutmeg, bay leaves, peppercorn, cardamom xanh và đen, anis star, clove. Nếu xay nhuyễn hỗn hợp ướp qua đêm trước khi nấu thì mùi thơm được toàn hảo hơn.

Hành tây cắt hạt lựu (diced) xào với cà tomate cũng cắt hạt lựu cho ra nước.

Xào thịt dê cho xăn (brown), trút hỗn hợp cà tomate và hành tây vào xào cho thơm.

Đổ nửa chai Garam Masala Paste (loại cay để nấu trừu, bò và dê), thẳng dầu có me (tamarind) loại cay (hot) vô nồi thịt dê. Đổ sữa dê tươi vừa ngập lấp xấp. Thêm ớt trái và lá cà ri tươi (curry leaves). Thêm một que quế và độ mười cái hồi (anis star). Vài lát gừng cắt mỏng. Vừa sôi vặn lửa nhỏ riu riu để khỏi bị cháy dưới đáy nồi. Để độ 1 giờ thì thịt dê mềm và sốt sền sệt thì được. Cà ri Ấn độ không có nước nhiều như nước cốt dừa để ăn búng như cà ri Việt Nam. Nhớ trộn đều đều. Có thể cho gân dê hay gân bò đã luộc mềm trước cho đỡ sạm. Cà ri sẽ thấm vào ớt hiểm trái và ớt hiểm sẽ thấm vào cà ri vừa đủ cay là chủ yếu của cà ri Ấn độ.

### **Cơm nị:**

Nấu cơm bằng gạo basmati đã vo và vớt ráo với chicken broth và nửa lon nước cốt dừa, vài tép xả đập dập, bỏ thêm bột cà ri biryani (loại đặc chế để nấu cơm), một que quế khô, một cái hồi (anis star), 5 cái đinh hương

(cloves), lá cà ri tươi (curry leaves), có thể bỏ saffron sau khi đã ngâm nước ấm. Màu saffron và màu cà ri, sẽ cho cơm nị một màu rất bắt mắt, thơm mùi nị, thích hợp với món cà ri dê, hạt điều và nho khô vào cơm tùy sở thích. Có thể ăn với side dish cà tím nướng mỡ hành sốt cà ri.

### - Kết luận-

Tôi xin nghiêng mình trước hồn thiêng sông núi, các bậc khai quốc công thần, các đấng anh linh, đã vì quốc vong thân, hy sinh vì Quốc Gia Dân Tộc (trong đó có người anh thứ hai của tôi, Quốc Linh Đỗ Xuân Quang, vào bưng hời phong trào trò Trần Văn Ơn (còn Việt Minh, chưa Cộng Sản), người đã phá khám Thủ Đức lúc tôi đang học trường Mossard lúc 11 tuổi, giải cứu nhiều đồng đội, sau bị commando của tên Tây lai Parel phục kích bắn chết gần lò gạch Tân Mai; anh đã hiển linh nhiều lần, và có than trách là chế độ mới không biết công ơn các anh.

Tôi mong có ngày về, không còn Cộng Sản, bồi đắp cho tỉnh nhà, vùng đất quý Tứ Linh của dân tộc.

Tôi cũng ước ao sau này tro tàn của tôi, được rải trên sông Đồng Nai, dòng sông mà từ tấm bé, tôi được tắm mát.

**Thái Thụy Vy**  
Biên Hùng Liệt Sử  
**Huỳnh Sanh**  
Những Bài Viết của Thân Hữu

**Huỳnh Sanh :**

*Hương Về Làng Tôi*

**Lời giới thiệu:**

*Ông Huỳnh Sanh là bạn thân của ba tôi, là thầu khoán nổi tiếng của tỉnh Biên Hoà, nhà ở dãy sau cư xá Hiến Bình đối diện Ty Thông Tin Biên Hoà, hồi tôi và Huỳnh Công Thành, con trai của ông nhập học Mossard Thủ Đức, ông và ba tôi có đưa hai chúng tôi vào nội trú, Thành học 9ième với Đỗ Cao Luận sau tôi hai lớp, năm giường kể tôi trên lầu ba dãy dortoir mới gần piscine riêng của trường, hàng tuần chú Hai Huỳnh Sanh và ba tôi ghé rước chúng tôi xuống Chợ Cũ Sài Gòn ăn cơm thổ, nên chúng tôi rất thân. Sau Thành du học ở Đức hồi còn Trung học và có vợ con ở luôn bên đó, đến nay đã gần 50 năm, chúng tôi chưa gặp lại tuy vẫn thỉnh thoảng thư từ, tôi ngạc nhiên khi được biết ông mới mất tại Maitland, Florida, thọ 85 tuổi, và ngạc nhiên hơn khi được đọc bài "**Hương về làng tôi**" của ông có giá trị văn chương và lịch sử mang đặc thù tình nhà, nên tôi xin giới thiệu với độc giả Biên Hoà thưởng lãm để nhớ lại các di tích xưa*

*Năm hết Tết đến. Chử Tết đơn giản mà nhiều ý nghĩa đó gợi lại cho ta nhiều kỷ niệm êm đềm có, mà chua cay cũng có, tùy cá nhân, hoàn cảnh và địa phương.*

*Thủ đô Sài Gòn, Tết là chợ bông Nguyễn Huệ với những cành mai vàng óng, những chậu cúc đủ màu, những cây vạn thọ đỏ vàng tươi đẹp, những cây kiểng cần cối được uốn nắn, cắt tỉa lâu năm để tạo nên những hình rồng, phụng, nai, gà... sống động... Tết cũng là những gian hàng bánh mứt, pháo, được chưng bày rất công phu, xen lẫn với những quày hàng đầy dưa hấu Trảng Bàng, bưởi Biên Hoà, cam quít Cái Bè, chôm chôm, sầu riêng, măng cụt Lái Thiêu... Sau những gian hàng đó, những cô thiếu nữ son phấn*

lòe loẹt, áo quần chải chuốt, đang nhoén những nụ cười duyên để chào đón, mời mọc khách du xuân.

Đối với trẻ em, Tết là để khoe bộ cánh mới vừa lôi ra từ những rương tủ, còn đượm mùi long não, cũng là dịp mừng tuổi Ông Bà Cô Bác, để kiếm bao lì xì, rồi chạy đi cúng trợn vào những sông Bầu Cua Cá Cọp, hoặc trong tiếng pháo chuột nổ đòn.

Đối với những người lớn tuổi, Tết là cúng quảy Ông Bà, xông đất thân hơn, chè chén với bạn bè, gầy sông thâu đêm, ăn chơi thỏa thích để bù lại những ngày lam lũ, cực nhọc trọn năm.

Đối với những kẻ tha hương, ôm mối hận vong quốc, bồng bế nhau vượt trùng dương, bất chấp gian lao hiểm trở, bỏ lại sau lưng bao nhiêu sự nghiệp đã được tạo ra bằng mồ hôi nước mắt, nén lòng lìa xa bao người thân thích để tránh khỏi chế độ Cộng Sản bạo tàn, vô nhân, bất nghĩa. Đối với những kẻ xấu số ấy. Tết là phút giây tưởng niệm để lòng mình hướng về quê hương mến yêu, vọng về những làng mạc xa xôi heo lánh, nơi chôn nhau cắt rún, để sống lại đôi phần những kỷ niệm êm đềm khó tìm lại nơi xứ lạ quê người. Đó cũng là tâm tư kẻ viết bài này.

Mời các bạn thân hữu cùng tôi trở lại Làng Tôi.

Tôi chào đời cách đây hơn 60 năm tại làng Bửu Long, một làng nghèo nàn, dân cư thưa thớt, cách tỉnh lỵ Biên Hoà lối năm cây số về hướng bắc. Làng tôi nhỏ hẹp vì ở vào một địa thế đặc biệt; sau lưng núi Bửu Long ngăn cách, trước mặt sông Đồng Nai chẵn ngang. Vì thế bề dài làng tôi lối 1500m, bề ngang chỗ rộng nhất lối 450m. Tuy nhỏ bé làng tôi cũng không kém phần quan trọng về mặt kinh tế, vì đây sản xuất đá xanh để trải đường và làm mộ phần. Khách thập phương thường ngoạn viếng làng tôi, vì trên trái núi có ngôi cổ tự tên gọi Bửu Long, nổi danh với Long Đầu Thạch và Hồ Đầu Thạch còn gọi nôm na là Hàm Rồng Hàm Hồ, tạo nên bởi những hòn đá thiên nhiên chông chắt thành hình đầu rồng và đầu hổ. Để có một ý niệm rõ hơn về làng tôi, mời các bạn xem bài vịnh núi Bửu Long sau đây:

*Đồng Nai dòng nước uốn quanh*

*Ôm vòng Thạch Hội (1), ngăn Bình Hòa thôn (2)*

*Bửu Long trấn thủ một đồn (3)*

*Có con lộ bóng có cồn cây xanh  
Bửu Long cổ tự chùa linh  
Đá chồng trên đá, tượng hình Hồ, Long  
Đây non nước một vùng  
Danh lam thắng cảnh Biên Hùng là đây.*

- (1) Thạnh Hội là một cù lao ngang làng tôi
- (2) Bình Hòa là làng giáp ranh về hướng Bắc
- (3) Xưa kia Bửu Long là tiền đồn trấn giữ tỉnh Biên Hoà.

Bao nhiêu đặc điểm đó hợp lại tạo thành một trong những thắng cảnh thiên nhiên của tỉnh Biên Hoà và của cả miền Nam nước Việt.

Sở dĩ tôi dài dòng về vị trí, diện tích và địa chất làng tôi vì những việc sắp kể sau đây có liên quan mật thiết với những chi tiết đó. Làng tôi gồm lối 100 gia đình, mà 90% là Hoa kiều hoặc Việt gốc Hoa. Họ sống về nghề làm đá trải đường, đá cấp tán để kê cột nhà, đá mộ bia, cối xay bột, tạo những ngôi mộ theo kiến trúc Trung Quốc. Ngoài nghề làm đá, họ còn sống bằng nghề phụ không kém phần quan trọng: nghề in gạch, ngói dùng trong làng hoặc cung cấp cho những tỉnh kế cận như Xuân Lộc, Bà Rịa, Vũng Tàu, Thủ Dầu Một...

Riêng nghề làm đá, tôi có thể tự phụ nói rằng, từ Nam chí Bắc, ít nơi kiến tạo được những công trình tuyệt hảo như ở làng tôi. Muốn tận mắt thưởng thức sự khéo tay đầy kiên nhẫn của các anh thợ đá, xin mời các bạn cùng tôi rẽ vào viếng thăm một trại đá của người Hoa kiều nước Hẹ (Hakka), ngắm nhìn những thân hình lực lưỡng đang còm lưng chăm chú đục, đẽo, chạm trổ những phiến đá xanh để tạo những hình Rồng, Phụng, Cá hóa long, Kỳ lân... Tất cả những hình ảnh giả tưởng này đều được chạm nổi trên những cây trụ đá dài từ 2 đến 5-6m: Rồng với những móng vuốt bén nhọn, miệng há to ngậm trái châu tròn vo, thò tay khều mà không lấy ra được; Phụng như như cánh xòe to như sắp vượt lên mây; Cá hóa long đang lượn trên dòng sóng bạc; Kỳ lân ngậm châu chễm chệ ngồi trên trụ đá



vuông... Nhiều nơi đã đặt những trụ Rồng, Kỳ lân này để dùng vào việc xây cất Chùa Ông hay Chùa Bà theo tín ngưỡng của người Trung Hoa. Và 9 cây trụ Rồng này cũng đã được nhà triệu phú Cao Triều Phát ở Bạc Liêu đặt để tạo Cửu Trùng Đài cho thánh thất Cao Đài. Không biết những công trình độc đáo này còn giữ được nguyên vẹn hay đã bị bọn Cộng phi đập tan theo chánh sách vô thần của chúng. Một đặc điểm khác là sự kiến tạo một ngôi mộ đá xanh mài láng như mặt đá cẩm thạch, chạm trổ tinh vi theo kiến trúc cổ truyền Trung Hoa, cho những thân nhân quá cố của những tay trọc phú Trung Hoa hay Việt nam như Hui Bon Hỏa, Lý Long Thân, Trương Văn Bền, Y Oan Tần Kiệt... Những công trình tuyệt kỹ đó đã được thực hiện bởi những người tiền phong về nghề làm đá mã trong đó có ngoại tổ và thân phụ của tôi, hợp cùng những tay thợ lành nghề từ Trung Hoa sang lập nghiệp có hơn 100 năm về trước.

Rất tiếc vì phải chạy theo trào lưu tiến hóa nên tôi đành xoay nghề, để mai một, một kỹ thuật tinh vi hiếm có. Phải chăng đó là một trọng tội đối với nền mỹ nghệ nước nhà!

Như trên đã nói, ngoài nghề làm đá, dân làng còn sống bằng một nghề phụ là nghề in gạch ngói. Đến đây, các bạn sẽ thấy vị trí ven sông là ưu điểm của làng tôi. Thời bấy giờ, việc in gạch ngói đều trông cậy vào sức lao động chân tay. Vật liệu chánh là đất sét phải do những ghe tam bản chở từ bên kia sông về. Việc giao hàng cũng nhờ ghe thuyền chuyên chở. Và cái làng nhỏ hẹp của tôi có được tất cả là bảy lò gạch ngói nên được kêu bằng một tên khác: làng Lò Gạch. Phần đông thợ in gạch là phụ nữ, ban ngày đập đá trên núi, tối lại đi in gạch để bù đắp vào sự túng thiếu của gia đình. Tuy phải làm việc vất vả một sương hai nắng như vậy, nhưng các cô thợ in vẫn vui tươi, luôn luôn cười cười nói nói, không hề mở miệng than van về số phận của mình. Trái lại các cô còn có một "tâm hồn nghệ sĩ" đáng mến. Để quên phần nào sự mệt nhọc, các cô vừa in gạch ngói vừa ca những bài cổ ca, ngâm thơ, vịnh phú, trêu chọc nhau bằng những chuyện tiểu lâm, rồi xúm lại cười dòn như pháo Tết. Cái thú được các cô ưa thích nhất là những trận "hò bắt" (người này hò kẻ kia bắt lại gọi là "bắt") để ghẹo những anh trai tráng chèo ghe cát từ trên thượng lưu xuôi dòng sông Đồng Nai về cung

cấp cho thủ đô Sài Gòn hoặc những tỉnh Tiền giang. Cát Biên Hoà được nổi tiếng là tốt nhất miền Nam, cũng như bưởi Biên Hoà ngon không đâu sánh kịp.

Đến đây, mời các bạn cùng tôi bách bộ lên sân in vào một đêm tốt trời để thưởng thức một thú vui tao nhã, tràn đầy thi vị ít nơi có. Tuy đang cặm cụi in, nhưng mắt các cô vẫn luôn luôn canh chừng dòng nước biếc. Kìa một ghe cát vừa ló dạng nơi đầu vịnh, lơ dờ trôi giữa sông. Một tiếng hò lạnh lớt vang lên tức khắc, phá tan sự u tịch của đêm khuya, để ghe chàng trai nào đó đang còm lưng đẩy mạnh mái chèo. Hò rằng:

*Hò. . . ơ. . . ơ. . . ơ. . . ơ*

*Ban ngày anh chèo ghe mệt ngất*

*Tối lại anh phải lặn cát lạnh rung*

*Em thương anh em cũng muốn bạn cùng*

*Nhưng phận đào thơ liễu yếu*

*Hò. . . ơ. . . ơ. . . ơ. . . ơ*

*Nhưng phận đào tơ liễu yếu*

*Giúp trai hùng được đâu*

Câu hò vừa dứt, giữa sông một câu hò bắt lên:

*Anh ngày đêm dầm mưa dãi nắng*

*Để mong cùng em chắp gấn sợi chỉ hồng*

*Hò. . ơ. . . ơ. . . ơ. . . ơ*

*Nếu đôi ta nên nghĩa vợ chồng*

*Anh thì chèo ghe lặn cát*

*Còn em thì lo phụng dưỡng song thân ở nhà.*

Câu hò "bắt" vừa dứt thì nghe ghe cát đã lướt khỏi sân trên. Một giọng hò khác của cô thợ in sân kể được nối tiếp liền:

*Tạ lòng anh muốn cùng em gầy một chữ đồng*

*Nhưng dạ em còn ngại*

*Hò. . . ơ. . . ơ. . . ơ. . . ơ*

*Nhưng dạ em còn ngại*

*Mẫu thân anh không bằng lòng.*

Trên ghe cát lặng thình, có lẽ vì cạn nguồn thơ.. Một tràng cười chế nhạo nổi lên trong nhóm mấy chị thợ in ranh mãnh.

Một ghe cát khác lù lù trở tới. Tiếng hò gheo lại nổi lên:

*Hò. . .ơ. . . ơ. . . ơ. . .*

*Tiếng anh ăn học lâu lâu*

*Lại đây em hỏi thử*

*Hò. . . ơ. . . ơ. . . ơ. . . ơ*

*Lại đây em hỏi thử*

*Vậy chớ Cây Đào\* có mấy bông?*

\* Một địa danh của quận Tân Uyên.

Biết bị chơi chữ, anh chàng trên ghe cát, có lẽ chưa tìm ra liền câu "bắt", bí lối nên mở đầu bằng một câu giáo tuồng:

*Ngó lên trời thấy cụm mây trắng*

*Ngó lên núi thấy đám mây vàng.*

*Bây giờ anh mới hỏi nàng*

*Sao trên trời mấy cái*

*Mấy con cá vàng lội dưới sông?*

Rồi cái đà tương tự như thế, người trên sân hò, người dưới ghe bắt, sân này chuyển qua sân nọ, ghe này sang qua ghe kia, cứ liên tục tiếp diễn suốt đêm, cho đến khi chiếc ghe cát cuối cùng mất dạng trong đám sương khuya. Rồi đêm khác, đêm khác nữa, ngày này sang tháng nọ, cái trò tiêu khiển đầy thơ mộng này cứ tái diễn, lắm khi kết cục bằng những đám hôn nhơn tốt đẹp giữa chàng trai ghe cát và cô thợ in ngồi xinh xinh.

Điều đáng nói nơi đây là những câu hò đầy văn hoa, những câu "bắt" đầy ân tình nhưng không thô bỉ, được thốt ra nơi cửa miệng của các cô thôn nữ nghèo nàn, những chàng trai dốt nát, vì kế sinh nhai phải sớm lặn vào đời lao động, không được điểm phúc đến nhà trường như những con nhà khá giả khác. Bất quá họ chỉ nhờ anh chị lối xóm chỉ cho biết đọc sơ chữ quốc ngữ để học những bài ca Dạ cổ hoài lang, Tây thi, Cổ bản, Bình bán vắn, Khổng minh tọa lâu... hoặc để xem truyện Lâm Sanh Xuân Nương, Phạm Công Cúc Hoa, Con Tấm Con Cám... Vậy mà họ tức cảnh nên lời, tạo được những câu hò bắt hủ, tuy mộc mạc nhưng thâm thúy, hồn nhiên, không cầu

kỳ chải chuốt nhưng bao hàm ý vị, đầy vẻ nên thơ. Cái đáng nói là khi cô thợ in bị bí lối, hoặc anh chèo ghe tịt ngòi thì cô hay anh khác nhảy vào trận để "cứu bồ" liền. Ngộ nghĩnh và đáng khen ở cái tình đồng đội chặt chẽ đó.

Tiếc rằng những thú vui tao nhã như thế đã diễn ra tôi còn là cậu bé mới học lớp nhì trường làng, chưa thường thức hết cái hay của nó để ghi hết vào lòng, nên chẳng còn nhớ được bao nhiêu hầu cung hiến các bạn. Chỉ còn nhớ rõ là khi trời sụp tối, cơm nước xong, tôi và các bạn nhỏ không đêm nào không có mặt ở sân in để nhảy chẵn chậu, phụ bưng đất sét với mấy chị thợ in, hoặc để cười hùn với các chị cho thêm rậm đám.

Mười lăm năm sau... Vì phải lên Sài Gòn, rồi xuất ngoại du học nên tôi vắng làng trong thời gian lâu. Khi trở về làng cũ, việc tôi làm trước nhất là lên thăm những lò gạch cũ. Tim tôi se lại, nước mắt tuôn trào khi đứng trước cảnh điêu tàn, sụp đổ phủ phàng. Những lò gạch xưa kia, khi được đốt lên đã hùng hổ phun khói lửa tận mây xanh không thua những hỏa diệm sơn trong cơn giận dữ, nay chỉ còn là những đồng gạch vụn, phủ đầy rêu xanh, cỏ dại, chỉ để làm ổ cho chuột bọ rần rít. Vì cạnh tranh không lại những lò gạch tối tân chạy bằng cơ khí, năng suất cao, phẩm chất tốt, giá thành lại rẻ, nên những chủ lò đành đóng cửa lò gạch, dẹp sân in để chuyển sang nghề khác.

Đang ngậm ngùi cho số phận hẩm hiu, nhưng có một quá khứ nên thơ của những lò gạch cũ, bỗng dưng tôi nghe một giọng hát quen thuộc từ trong mái tranh rách nát theo gió thoảng ra. Tọc mạch, tôi đẩy tấm phen tre xiêu vẹo dùng làm cửa, rón rén bước vào nhà. À, té ra là nhà chị Nữ, một chị thợ đập đá kiêm thợ in ngói, một thôn nữ dịu hiền, có giọng hò hay nhất nhì trên sân in của bà ngoại tôi. Thấy tôi chị lật đật bồng đứa nhỏ vừa lên một tuổi rồi rít mời tôi ngồi ghế chơi, theo thế quen miệng. Thật ra, nhà chị chỉ có cái bàn cũ rích và một cái chông tre vừa dùng làm giường ngủ, bàn ăn và cái sân chơi cho mấy đứa con chị. Sau những câu thăm hỏi thường lệ, tôi khen chị một câu:

- Chị bây giờ cũng còn hò hay như cũ!

Một nét buồn vụt hiện trên nét mặt rám nắng của chị, nhưng chỉ một thoáng, chị cười dòn và trả lời gọn:

- Hay ho gì nữa mà cậu khen. Bây giờ chồng con ùm ùm đề đề. Anh nhà tôi đi làm chưa về, tôi ở nhà lo cơm nước cho anh và giữ mấy đứa nhỏ. Hôm rày, con Tý vừa thôi sữa, nó nhỏng nhẻo quá nên phải hát ru nó mới chịu ngủ.

Trong câu trả lời đơn sơ và hồn nhiên đó, tôi nhận thấy ở chị một cái gì cao đẹp. Lúc nhỏ làm việc đầu tắt mặt tối để nuôi dưỡng cha mẹ già, lớn lên có đôi bạn thì chỉ biết thờ chồng nuôi con, đúng theo nề nếp cổ truyền của Á đông ta. Hình ảnh cô gái ngây thơ, nhí nhảnh đáng mến khi xưa, nay chỉ còn sót lại một thiếu phụ già trước tuổi vì phải làm lụng quá cực khổ, một nụ cười hồn nhiên và một giọng hát ru con lãnh lót như độ nào.

Tôi từ giã chị mang theo lòng buồn man mác. Chỉ biết buồn chứ không làm gì hơn được. Thế theo "DỊCH", mọi sự trên vũ trụ đều phải "BIẾN", "ĐỘNG". Trên trời mây vì sao luôn luôn di động, gió thổi mây bay. Dưới thì quả địa cầu luôn luôn xoay chuyển, lòng đất luôn luôn rung động. Trên thế gian, NGƯỜI, CÂY CỎ, CẦM THÚ đều biến dạng không ngừng. Làm sao đi ngược lại những biến chuyển tự nhiên của Tạo Hóa được.

Chỉ nguyện với lòng mình không bao giờ lãng quên HẬN NƯỚC MẤT NHÀ TAN, đặt nặng tình yêu thương đồng bào, kết chặt tình Đoàn kết, bỏ ngoài tai những bất đồng nhỏ nhen để lo cho Đại Sự. Được vậy, chúng ta sẽ sớm giành lại Quê Hương mến yêu, trở về làng cũ, sống lại những ngày thanh bình, ăn những cái Tết đầy hương vị như xưa.

## **HUỲNH SANH**

*Mùa đông Quý Hợi 1984*

*vào một đêm lạnh,*

*tuyết rơi phủ trắng KNOX CITY*

**Thái Thụy Vy**  
Biên Hùng Liệt Sử  
**Duy Lam**  
Những Bài Viết của Thân Hữu

**Duy Lam**

*Những ngày cuối cùng của Vùng I và miền Nam*

**Lời giới thiệu :**

*Duy Lam, cháu của nhà văn Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam, trong nhóm bút Tự Lực Văn Đoàn, một nhân chứng lịch sử viết rất trung thực về những ngày cuối cùng của Đệ Nhị Việt Nam Cộng Hòa. Ngày 29-4-1975, tôi gặp anh mới từ Đà Nẵng di chuyển vào Sài Gòn. Chúng tôi, Bảy Bốp Phạm Thái và kỹ sư Đỗ Hữu Cảnh, có mặt đưa con gái lớn của Duy Lam, ngồi quán Cà phê đối diện Trụ sở Phong Trào Quốc Gia Cấp Tiến trên đường Phan đình Phùng, bàn thế bối thủy, và ai đi ai ở, rốt cuộc cả bốn đều ở lại. Tôi qua Mỹ trước, Duy Lam qua sau 14 năm tù đầy, có lúc bị cùm chân đến thúi thịt . Phạm Thái bị tù đến gần chết mới được thả. Đỗ Hữu Cảnh bị bắt đi bắt lại mấy lần. Ngày gặp lại Duy Lam tại Virginia, tôi có dẫn anh đến bàn thờ cố Giáo Sư Nguyễn Ngọc Huy vừa mất cách đó 3 tháng, anh đã làm tất cả anh em hiện diện hôm đó cảm động khi anh khóc sướt mướt và độc thoại những lời tâm huyết với di ảnh Giáo Sư Huy. Bài viết của anh làm tôi liên tưởng đến anh chàng Pierre, triết gia cô đơn trong tác phẩm War and Peace của Léon Tolstoy ...*

Phải nói là những ngày cuối cùng của Vùng I và Miền Nam, mỗi khi tôi ôn lại trong những năm tháng tù đầy, hoặc viết lại trong cuốn hồi ký này, luôn luôn lại làm tôi xúc động một cách mạnh mẽ và có phần khó hiểu. Trở lại những tháng đầu năm 1975, tôi nhớ lại cái không khí lo âu, mơ hồ cứ lần lần thấm vào tâm trí mọi người, những lo âu sợ hãi hình như không có nguyên cớ rõ rệt.

Sau cái lần Trung tướng Ngô Quang Trưởng đi phó hội với CINPAC về, trong bữa uống rượu ở vườn buổi chiều trước tư dinh của ông, khi được tôi

hỏi ông đã thờ dài nói chậm rãi:" Anh biết đấy, kỳ này mà địch tổng tấn công vào Vùng I, Hoa Kỳ sẽ chẳng còn có thể yểm trợ mình về hải pháo hay phi cơ của hạm đội. Khi đó đương nhiên mình phải tự lực cánh sinh chiến đấu với những gì mình có và với tình trạng tiếp vận giảm sút đến gần 80% so với thời kỳ chưa ký hiệp định Paris". Sau đó chúng tôi đã ngồi lẳng lặng uống rượu tiếp và cũng chẳng trao đổi với nhau lời nào cả nửa tiếng đồng hồ.

Khi Đại tướng Trần Thiện Khiêm kiêm Thủ tướng tới họp tại Tiểu khu Quảng Trị, ông đã quay sang nói một câu ngắn ngủi với Đại Tá Kỳ, Tỉnh trưởng Quảng Trị;" Anh Kỳ hãy lo đưa Tòa Hành Chánh và dân Quảng Trị di tản vào Huế". Một quyết định đã có sẵn và được ban bố không một lời giải thích về nguyên nhân chiến lược sâu kín và áp lực của địch, đã nổ ra như một tiếng sấm động trong một ngày trời đang quang đãng. Cả một hội trường, từ cấp cao đến cấp thấp đều ngồi lẳng đi, trước viễn tượng của một thảm họa, vì trong thâm tâm, ai cũng có một ý nghĩ thế là đúng rồi: Trung Ương đã quyết định rút quân ra khỏi Vùng I và như vậy là bỏ Vùng I.

Trước đó Tướng Ngô Quang Trưởng có tiết lộ với tôi biết trước là Tướng Nguyễn Văn Thiệu có liên lạc với ông và ra lệnh cho ông phải rút lực lượng Tổng trừ bị đã được tăng cường cũng như các sư đoàn vào Nam để thu hẹp lãnh thổ phòng thủ chiến lược giới hạn bởi Quân Khu III. Tướng Trưởng đã trả lời thẳng với vị Tổng Tư Lệnh Quân Đội:" Tôi là tướng cầm quân ở tiền tuyến, nên không thể ra lệnh rút quân, và nếu Tổng Thống muốn rút quân, chính Tổng Thống phải ban hành lệnh đó. Thay vì đích thân ra vùng I, ông đã cử Thủ tướng Khiêm thay mặt ông để chính thức ban hành lệnh rút quân.

(Tôi xin mở ngoặc ở đây để các bạn muốn theo dõi chi tiết cuộc rút quân hãi hùng thiếu kế hoạch và thiếu trật tự từ miền Trung, xin hãy đón đọc cuốn hồi ký cả ngàn trang của Duy Lam sắp xuất bản).

Sau khi tướng Ngô Quang Trưởng cáo ốm nằm tại Bệnh viện Cộng Hòa, rồi về nghỉ ngơi tại biệt thự của ông tại cư xá sĩ quan Chí Hòa, tôi có ghé đến thăm anh và bàn qua về diễn tiến của tình hình và những giải pháp chính trị quốc tế khả hữu có thể đưa tới một cuộc điều đình giữa miền Nam và Cộng

sản. Anh cũng cho tôi biết riêng theo những tin tức thì Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu sắp từ chức, để nhường lại cho ông Trần Văn Hương. Tôi tỏ vẻ nghi ngờ về sự từ chức quá muộn màng như vậy, và e rằng các chính phủ chuyển tiếp cũng khó lòng đòi hỏi những điều kiện thuận lợi khi miền Nam tiếp tục rã ra từng mảng lớn, và quả thật khó nói đến chuyện điều đình mà cả quốc tế, khi quân lực và lãnh thổ càng ngày càng thu nhỏ lại.

Tôi cũng ghé lại trụ sở Phong Trào Quốc Gia Cấp Tiến, gặp lại anh Nguyễn Ngọc Huy và một số anh em trong Ban Chấp Hành Trung Ương. Sau một buổi họp khẩn cấp tại trụ sở Cấp Tiến, một buổi ký cam kết quyết tử được tổ chức công khai với sự hiện diện của các báo chí Sài Gòn.

Vì tôi là một người đã chứng kiến sự cam kết quyết tử và bảo vệ lãnh thổ Đà Nẵng đã được công bố bởi các vị lãnh đạo các cấp quân sự vào những ngày cuối của thành phố này, đã chỉ đưa đến kết quả là các lực lượng chính quy lẳng lặng rút lui đi bằng đường thủy, để các khối quần chúng hoảng loạn tự lo liệu lấy sự đào thoát, nên tôi cũng không mấy tin tưởng vào tất cả những cam kết quyết tử, nhất là của một đảng chính trị không có dù một lực lượng quân sự nhỏ bé để tự bảo vệ.

Tôi cũng tiến lên ký vào bản cam kết chung cùng với các đại diện của Ban Chấp Hành Trung Ương, và thực sự tôi cũng không hiểu cam kết này sẽ được thực hiện như thế nào, hay đó chỉ là một sự biểu lộ muộn màng của tinh thần chống Cộng cố hữu của những người quốc gia. Quyết định chung cuộc là trên chiến trường và những biến chuyển trên mặt trận quân sự và những tin đồn đại về những giải pháp điều đình với phía bên kia, với sự bảo đảm của các đại cường ký trong Hiệp Định Paris thực ra rất khó thực hiện. Đơn giản, khi bên kia đang trên đà thắng thế và với đà tiến quân và tương quan lực lượng hiện nay, họ cũng khó mà bị áp lực phải chấp nhận ngồi vào bàn hội nghị.

Sau hai lần từ chối không đi Mỹ, một lần ông Scott và một lần Trung tướng Ngô Quang Trưởng, vào tuần lễ cuối cùng của tháng tư, tôi ghé thăm anh Nguyễn Ngọc Huy tại công thự khiêm nhường của anh ở đầu đường Cao Thắng, chúng tôi bàn thảo về các biến cố chính trị đang diễn tiến và thái độ thích hợp phải có của chính chúng tôi, về chuyện đi hay ở. Anh có nhắc tôi



giải pháp do Pháp trung gian của Mereillon , và theo tôi anh có vẻ đặt hi vọng nào đó vào giải pháp này sẽ cứu được miền Nam.

Tôi đã nói thẳng với anh, theo tôi tôi không tin Mỹ sau khi bỏ Việt Nam lại chịu để Pháp và Trung Quốc tạo được ảnh hưởng với Việt Nam chung cả hai miền Nam Bắc theo như thỏa thuận Mao Trạch Đông-Nixon năm 1972. Tôi cũng cho anh biết thuần túy trên lãnh vực quân sự, Cộng Sản sẽ tiến thẳng vào Sài Gòn chiếm gọn miền Nam và tạo một sự đã rồi, fait accompli, cả về quân sự lẫn chính trị. Tôi hỏi anh những nhà lãnh đạo miền Bắc đang đà thẳng thế quân sự có chịu ngừng lại để điều đình hay không? Theo tôi chắc là không và miền Nam sẽ mất trong một tương lai rất gần.

Anh Huy có vẻ suy nghĩ nhận định nặng về quân sự của tôi và rồi anh thờ dãi khi tôi lên tiếng hỏi anh liệu anh tính ra đi hay ở lại? Vì tôi đã nói qua cho anh biết hai lần từ chối không đi Mỹ của tôi, nên anh nhìn thẳng vào mắt tôi và nói cả quyết:" Như vậy là chúng ta cũng phải ở lại với anh em mà thôi". Tôi thầm khâm phục cái thái độ cương quyết của anh, như là một nhà lãnh đạo chính trị trong một tình huống cực kỳ khó khăn. Tôi nhìn anh rồi chậm rãi trình bày những gì tôi biết về chính sách của người Cộng Sản đối với những người thuộc chế độ cũ thời sau năm 1954. Tôi nói nếu chúng ta ở lại chắc sẽ bị đưa đi đến các trại tập trung và cứ nhiều lần ba năm cho đến chẳng biết là khi nào mới được tự do. Theo tôi cái chết của một kẻ sĩ nhẹ tợ lông hồng nhưng trong một số trường hợp lại nặng như núi Thái Sơn, nhất là đối với những người có trách vụ lớn phải gánh vác. Anh sức khỏe yếu như vậy, tôi sợ dù anh chọn ở lại thời chắc cũng khó sống qua vài tháng tù. Anh có uy tín đối với quốc tế, anh xuất ngoại hoạt động có lợi nhiều hơn cho người Quốc Gia, tôi trẻ hơn anh mười tuổi nên chúng ta phân công, một mình tôi ở lại đủ rồi, còn anh nên đi. Tôi hẹn anh một ngày nào đó nếu tôi còn sống sau thời gian bị Cộng Sản tù đày, chúng ta sẽ gặp lại nhau ở một nơi chốn nào đó ở hải ngoại để tiếp tục hoạt động và sát cánh với nhau. Đây chỉ là một sự phân công suy tính căn cứ trên cái lợi cái hại của sự ra đi hay ở lại và chẳng phải đi là tham sống sợ chết hay ở lại là can đảm.

Anh Huy rất buồn khi bắt tay từ biệt tôi và tôi nghĩ khi anh không còn nhắc đến chuyện ở lại với tôi, thời có nghĩa anh đã chọn ra đi. Tôi cũng đâu ngờ đó là lần cuối cùng tôi gặp anh Huy và sự chia tay đã không phải là tạm biệt mà là vĩnh biệt.

Thôi, thế là xong. Tôi nhìn những chiếc xe Jeep cắm cờ Mặt trận Giải phóng với những thanh niên hò hét, phát cờ và giơ cao vũ khí, tay mang băng đỏ, những nhà sư ba mươi đi phát cờ Giải Phóng và ôm các bà nhảy từng từng hô: "Phe ta thắng! Phe ta thắng!". Họ là ai vậy? Cộng sản năm vùng hay những kẻ theo thời? Cách mạng giờ thứ hai mươi lăm? Tôi thoáng nghĩ không chừng có kẻ thấy tôi mặc quân phục đeo vũ khí, sẽ có thể bóp cò súng nhắm vào tôi? Tuy nhiên tôi vẫn lặng lẽ đi và tính về nhà sẽ tìm cách trút bỏ quân phục và vứt bỏ khẩu súng Colt. Quạ từ đâu bay về nhiều quá, đen cả bầu trời. Lại có cả tơ trời nữa, đó là điềm lạ hay điềm gở của miền Nam. Mùa này bông cây dầu nồng nàn thơm mùi nam tử. Bây giờ trộn lẫn với hương đêm và mùi khói súng bắn chỉ thiên, loạn xạ. Tin dữ đồn tự tử tập thể ở trại nhảy dù Hoàng Hoa Thám và vài đơn vị lẻ tẻ. Tất cả những cái đó giờ đây đâu còn mang một ý nghĩa nào dù nhỏ nhất. Tại sao chỉ qua vài phút ngắn ngủi mà tôi thấy quang cảnh ngoại vật đột nhiên mất hết các ý nghĩa thông thường quen thuộc, nhà cửa, con người và ngay cả đến lời nói từ ngữ và cách xưng hô với nhau, liên hệ cố hữu giữa người và người và người và vật. Tiếng Trung tá mà vị Thiếu tá vừa gọi tôi chắc cũng chỉ một thói quen lâu đời. Trung tá Thiếu tá Đại tướng Thiếu tướng cũng như là tiếng người ta xưng tụng những kẻ đã nằm dưới mồ. Tôi vốn là một người viết văn quá nửa đời người nên từ ngữ vốn mang nặng những ý nghĩa xa xa với cái ma lực riêng của nó. Tôi bây giờ là ai? Một cựu quân nhân Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa? Một kẻ thất trận? Một tù binh chiến tranh? Chắc tôi chỉ còn cái danh hiệu là nhà văn với những tác phẩm cụ thể đóng góp cho văn chương? Thực sự đọc nhiều về chính sách của kẻ địch, tôi hiểu trước sau họ sẽ tự bỏ luôn cái danh hiệu cuối cùng đó của tôi, nếu tôi từ chối không cộng tác với họ. Tôi tin dù họ bỏ tù được thân xác tôi, nhưng họ khó có thể tha hoá được tôi, biến đổi tôi thành một bộ máy vô hồn. Tôi nghĩ tôi đang mỉm cười, hơi một chút chua chát, hơi một chút ngạo nghễ. Cuối

cùng ai sẽ thắng? Điều đó thời phải năm mươi năm nữa, tôi mới có câu trả lời chính xác, đúng theo phương pháp luận của sử học. Hiện thời tôi chỉ có thể bình tĩnh và đầy đủ tự tin đón chờ số phận của tôi, cũng như tất cả các người sống trên mảnh đất miền Nam này. Nói cho cùng chẳng phải nhà quân sự hay nhà chính trị trong tôi đã đưa ra những lý luận thuần lý để biện minh cho việc tôi đã ba lần từ chối xuất ngoại, để ở lại. Xâu xa hơn nữa, trong con người tôi, chính cái con người nhà văn dẫn thân trong tôi, đã chi phối sự chọn lựa này của tôi. Cái lòng tò mò ghê gớm đã thúc đẩy tôi từ trước đến nay, là luôn chọn đi vào trung tâm các cơn bão lốc của thời thế, để có thể đích thân sống qua và chứng kiến các xúc cảm, về những gì các hoàn cảnh sống mang lại cho tâm hồn của một người cầm bút. Tôi sợ nếu tôi đã ra đi một ngày nào đó lưu vong ở một đất nước xa xôi và xa lạ nào đó, tôi sẽ tiếc là không có dịp ở lại, để bị tù đầy hành hạ, vì như vậy tôi sẽ thành một người ngoại cuộc, đối với nỗi thống khổ mà dân tộc tôi phải chịu. Chắc lúc đó tôi sẽ khổ tâm và ân hận, điều mà tôi sợ nhất trong đời. Tâm trạng tôi lúc đó giống như một người nhảy xuống vực sâu, chỉ mong chạm đáy vực dầu thịt nát xương rơi, nhưng không bao giờ tới đáy. Mãi đến gần 20 năm sau những hoạt cảnh của ngày 30/4 mới tuần tự xuất hiện trong bài thơ Tháng Tư Đen. Điều đó vào giây phút mọi sự diễn biến trước mắt tôi, tôi chỉ tỉnh táo quan sát, mà chưa ý thức được rõ rệt là rồi chúng sẽ được thể hiện trong văn hay thơ của tôi vào lúc nào, cách nào trong đời của một người cầm bút.

**DUY LAM**

**Thái Thụy Vy**  
Biên Hùng Liệt Sử  
**Hà Trung Yên**  
Những Bài Viết của Thân Hữu

**Hà Trung Yên**

*Nhớ tới Biên Hoà bởi Thái Thụy Vy*

Đầu năm Nhâm Ngọ, tôi lại nhận được cuốn Biên khảo thứ hai của Thái Thụy Vy mang tên Biên Hùng Liệt Sử. Đây là tác phẩm thứ bảy sau năm tập thơ giấy tím mực tím.

Tôi vẫn mong những người Việt tha hương cố nhớ và viết ra về quê hương thân quý của mình cho mọi người biết và chia sẻ tâm tư, có thể làm cho tình hoài hương mát dịu đi phần nào chăng?

Trong cuốn sách tương đối mỏng này, những trang đề cập tới tỉnh Biên Hoà chưa tới sáu chục trang giấy cỡ nhỏ song chứa đựng khá nhiều thông tin. Sách có mười Phụ lục của ông Huỳnh Sanh, nhà văn Duy Lam, Bs Trần Nguơn Phiêu, Ông Vũ Công Lý, Ông Trần Đình, Ông Trần Văn Linh, Ông Trần Nhật Thăng, nhà văn Xuân Vũ, nhà thơ Hồ Công Tâm, và nhà văn Hứa Hoàn. Cuối cùng là một số hình ảnh các nhân vật có liên hệ đến tác giả trong mọi giới kể cả cố Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu chụp chung với anh tại Washington D.C.

Tôi là một quân nhân ở trong các đơn vị tác chiến nhiều hơn là ở văn phòng và trung tâm huấn luyện. Đối với tôi địa thế Biên Hoà rất quen thuộc nhưng chỉ biết trên thực địa mà không biết nhiều về lịch sử của một tỉnh quan trọng nằm phía bắc Sài Gòn. Nay được đọc tác phẩm của anh mới biết thêm nhiều về xứ bời miền Nam.

Phải đọc từ trang 12 đến 18 mới thấy những nét độc đáo về địa lý phong thủy(feng shui) của Biên Hoà theo cái nhìn của cổ nhân. Hình như thời kỳ mở nước trên đường Nam tiến, các vua nhà Nguyễn đã chọn đây là nơi định cư sớm nhất vì đất tốt, dễ dàng giao thông và phòng thủ. Hai bên bờ sông Đồng Nai quả thật có nhiều vườn ruộng màu mỡ, cây trái đủ loại xum

xuê. Tác giả Đò Dọc, Rừng Mắm mà tình yêu quê hương hẳn không kém Thái Thụy Vy nên đã đổi tên Đồng Nai thành Bình Nguyên Lộc để làm bút danh.

Về những nhân vật cận đại sinh trưởng tại Biên Hoà gồm có khá nhiều người nổi tiếng như giáo sư Nguyễn Ngọc Huy, Thẩm phán Chủ tịch Tối Cao Pháp Viện Trần Văn Linh, Bác sĩ Trần Ngươn Phiêu, ông Châu Kim Nhân, đại tướng Đỗ Cao Trí và các nhà thơ Nguyễn Tất Nhiên, Hoài Khanh, Tô Thùy Yên...Có hai người theo Cộng Sản là kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát và Huỳnh Văn Nghệ, một giới chức cao cấp quân sự.

Tôi còn nhớ lại trường hợp đặc biệt của Martine Bokassa gây xôn xao dư luận một thời. Chuyện Thủ tướng Tân Gia Ba Lý Quang Diệu hồi nhỏ được một người Trung Hoa mang từ Biên Hoà sang đảo sư tử nuôi. Ông ta có trở về thăm Việt Nam sau khi về hưu.

Nhưng điều đáng chú ý hơn cả là anh Đỗ Khoa Luật tức Thái Thụy Vy cũng là một nhân vật chính trị hay đúng hơn là có tham gia hoạt động chính trị bề sâu của một đảng theo chủ là giáo sư Nguyễn Ngọc Huy, Chủ tịch Liên Minh Dân Chủ trong thời Đệ Nhị Cộng Hòa và ở nước ngoài.

Sự thực lịch sử cho chúng ta rõ vùng Nam phần là lãnh thổ Thủy Chân Lạp trong thế kỷ 17 mà Biên Hoà có tên cũ là xứ Nông Nại Đại Phố. Bước chân Nam tiến của tiền nhân đã đi qua và kiểm soát suốt từ Quảng Bình tới tận hạ lưu sông Cửu Long trở nên lãnh thổ hình chữ S hiện nay.

Ngày xưa, dù chúng ta phải triều cống Trung Hoa hằng năm và nhận sắc phong nhưng với hai nước nhỏ hơn là Cam Bốt và Lào triều đình nhà Nguyễn có ảnh hưởng quyết định đối với nhà vua của hai xứ đó...Quân đội của ta đã từng đồn trú trong lãnh thổ của họ với danh nghĩa bảo vệ họ khỏi bị quân Xiêm La tức Thái Lan ngày nay xâm chiếm.

Sự nghiệp Nam tiến là sự nghiệp thuận chiều tiến triển theo hướng Bắc Nam của con người trong cuối thời kỳ nông nghiệp thô sơ bắt đầu sang thời kỳ kỹ nghệ hơi nước và than đá tương đối gần.

Anh Thái Thụy Vy ghi lại những nét đại cương về lịch sử kinh tế và con người của Phiên Trấn và Trấn Biên thuộc Gia Định thành thừa trước, qua

giai đoạn Biên Hoà nay là thời kỳ Đồng Nai, có biết bao dâu bể đoạn trường.

Nhớ lại mấy chục năm trước, khóa học chúng tôi trèo lên núi Châu Thới để học bài địa hình, vượt sông Đồng Nai bằng thuyền máy, thưởng thức buổi ngon Biên Hoà đã nghe tiếng từ ngoài Hà Nội, có lúc đóng quân cạnh Dưỡng Trí Viện, đi xem chiếu bóng tại rạp Biên Hùng, ăn các món cá tuyệt hảo, đi những chuyến tàu Sài Gòn - Biên Hoà và cho tới nay một vài hình dáng các cô gái Biên Hoà vẫn lớn vờn trong tâm trí.

Theo quảng cáo ở trang cuối, anh Thái Thụy Vy sẽ cho ra mắt một số tác phẩm khác trong đó có một tuyển tập truyện ngắn, một chuyện dài dã sử và tiểu thuyết Gió Đồng Nội, Gió Đại Dương.

Chúng ta cũng biết thi sĩ Thái Thụy Vy còn có nghề chụp ảnh nên anh đã thực hiện một CD gồm 2,000 tấm ảnh nghệ thuật.

Nhưng đối với tôi, Thái Thụy Vy là một Chàng Thơ đã có bản sắc. Thơ anh phóng khoáng nhưng đậm đặc nhân bản. Lại có mùi vị thiên tông trong nhiều bài. Màu tím của người nghệ sĩ tài hoa ấy không phải là màu tím hoa sim dã ngoại mà là màu tím hoa lan phảng phất tính trầm mặc, kiêu kỳ của loài hoa vương giả.

Tôi đọc thơ anh rất chậm. Đọc xong một bài lại gấp để đấy rồi khi thấy lòng thật yên tĩnh mới đem ra đọc lại. Tôi thật ngạc nhiên tính cách trầm tư sâu sắc từ nhận xét về một loài thực vật hay từ những lá hoa gửi kín đáo những thông điệp dịu dàng đầy xúc động.

Tôi ghi lại câu lục bát cuối trong bài Vườn Cây Quê Nội của anh như là một thoáng cảm nhận và đó cũng là tâm sự của chúng ta:

*Nhớ ôi! Ôi nhớ làm sao*

*Muốn về quê nội đêm nào cũng mơ.*

Phải, tâm hồn chúng ta lúc nào cũng vương vấn, nhớ thương nơi sinh thành vì đó là kỷ niệm tuyệt vời và là cả máu xương của thân nhân và của bao liệt sĩ, anh hùng nữa.

**HÀ TRUNG YÊN**

## **Thái Thụy Vy**

Biên Hùng Liệt Sử

### **Xuân Vũ**

Những Bài Viết của Thân Hữu

**Xuân Vũ** : Cảm nghĩ

...Sáng nay thức dậy đọc tiếp Biên Hùng Liệt Sử mới thấy thêm nhiều phương danh mà anh có quen. Nhất là Huỳnh Văn Nghệ, Hồ Văn Bửu, Nguyễn Ngọc Huy. Ông Nghệ nghệ sĩ lắm. Đánh giặc còn làm thơ. Ra Bắc đáng lẽ là Trung tướng lại bị cho quân hàm Thượng tá trong lúc bọn khốn kiếp phong cho Trần Văn Trà trung tướng còn dân Nam Kỳ húp cháo lỏng. Không chỉ trong quân đội mà trong chính phủ cũng thế, toàn là châu rìa. Thương anh Huỳnh Văn Nghệ. Một viên danh tướng lừng lẫy với trận Là Ngà, Bàu Cá, chiến công hiển hách của khu VII trong chiến tranh chống Pháp, hạ đoàn xe công voa Pháp năm 1947. Như thế mà vào R làm kinh tài chứ không cho trong Bộ chỉ huy R. Hồ Chí Minh và lũ trung ương đảng CS là lũ quan lại tham ô hủ hóa và địa phương chủ nghĩa.

Anh có một thời chơi với Hồ Văn Bửu, khi qua Pháp Bửu có thư cho anh kêu giúp cho ảnh tị nạn nhưng anh có quyền gì? Khi ở Thái Lan lần trước cũng kêu anh giúp tị nạn. Một kỹ sư cao su mà cho làm giám đốc nhà máy đường. Giáo sư Nguyễn Ngọc Huy đã đến nhà anh một lần trước khi mất ba tháng, lúc đó anh phải có người dịch lại chứ anh không hiểu vì tiếng nói méo mó đi cả. Ảnh đi với bốn người phụ tá. Rồi sau đó đi Hòa Lan... Có tặng cho anh một cuốn luật pháp.

Chúng mình chỉ là những con chim lạc bầy rồi cánh có muốn quay về tổ cũ cũng không có đường bay. Nhưng tổ cũ đâu còn. Chim bồ cắc và quạ quạ đã chiếm và đẻ trứng ở đó rồi. Thái Thụy Vy ạ! Công em lớn lắm đối với đất nước với sự biên khảo. Cảm phục em có lòng với giáo sư Nguyễn Ngọc Huy với cuốn Biên Hùng Liệt Sử này. Anh cũng muốn viết một cuốn cho Bến Tre mà đang lười không làm nổi. Đành chịu cho lịch sử qua trang.

**XUÂN VŨ**



**Thái Thụy Vy**  
Biên Hùng Liệt Sử  
**Hồ Công Tâm**  
Những Bài Viết của Thân Hữu

**Hồ Công Tâm:** Giới Thiệu

**Biên Hùng Liệt Sử** là cuốn Biên Khảo của Thái Thụy Vy, nhà thơ, nhiếp ảnh gia, nghệ nhân Bonsai...do Sông Phố xuất bản năm 2001 (nhá xuất bản Sông Phố 1966 E. Stephens Dr. Tempe, AZ. 85283 USA).

Cuốn sách viết về lịch sử tỉnh Biên Hoà: địa lý, phong thủy, nhân sự Biên Hoà. Bác sĩ Trần Nguơn Phiêu, Cục phó Cục Quân Y, Tổng Trưởng Xã Hội; Ô. Châu Kim Nhân, Tổng Trưởng Tài Chánh; GS Nguyễn Ngọc Huy, luật gia kiêm chính trị gia; Ô. Trần Văn Linh, Chủ tịch Tối Cao Pháp Viện; Bình Nguyên Lộc, nhà văn tiểu thuyết gia; Nguyễn Tất Nhiên, thi sĩ; Đỗ Cao Trí, Đại Tướng; tướng VC Huỳnh Văn Nghệ; kỹ sư Hồ Văn Bửu; Lý Quang Diệu, Thủ tướng Tân Gia Ba; Martine Bokassa, con gái Tổng Thống nước Cộng Hòa Trung Phi; ca sĩ Việt Ấn...và các đặc sản Biên Hoà v.v...

Phần phụ lục: hình ảnh nhiều nhân vật do chính anh chụp lấy như:

GS Nguyễn Ngọc Huy; Gs Stephen Young; Gs Nguyễn Mạnh Hùng; Gs Stanley Karnow; Đs Bùi Diễm; Cựu Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu; Cựu Phó Thủ tướng Bs Nguyễn Tôn Hoàn; Đại Tướng Đỗ Cao Trí; Trung tướng Ngô Quang Trưởng; Cựu Tổng trưởng Châu Kim Nhân; PĐĐ Đinh Mạnh Hùng; Đại tá Trần Văn Lâm, cựu Giám Đốc Việt Tấn Xã; phu nhân BS Nguyễn Văn Tạo, đồng sáng lập viên Tân Đại Việt; BS Trần Nguơn Phiêu, Y Sĩ Trưởng Hải quân, Tổng Trưởng Xã Hội; thi sĩ Nguyễn Tất Nhiên; thiếu tướng Huỳnh Văn Nghệ; nhà văn Lý Văn Sâm; Đại tá HQ Nguyễn Văn Thiện; ÔB Trần Văn Linh, cựu Chủ tịch Tối Cao Pháp Viện; phóng viên Việt ngữ đài Mạc Tư Khoa Irina Zeisman; phóng viên Việt ngữ đài BBC Ý Lan (Pénélope Faulkner); Ô. Võ Văn Ái, báo Quê Mẹ; nhà văn Trần Long Hồ; nhà báo Như Phong Lê Văn Tiến; nhà văn Duy Lam, nhà văn Hoàng Hải Thủy; nhà thơ Tô Thùy Yên; nhà thơ Nguyễn Chí Thiệu;

nhà thơ nữ Lê Thị Ý; họa sĩ Vũ Hồi; nhạc sĩ Thẩm Oánh; nhà báo Anh Độ  
Đỗ Cẩm Khê; nhà báo Hà Bình Trung; nhà thơ nữ Trần Mộng Tú; chị là  
Trần Mộng Điệp; họa sĩ Đinh Cường; nữ ca sĩ Giao Linh; nữ ca sĩ Mai Vy.

Thái Thụy Vy, tên thật là Đỗ Khoa Luật.

Tác phẩm của Thái Thụy Vy đã xuất bản:

- Nụ hôn loài lan tím dại (thi phẩm 1992)
- Vũ điệu loài lan tím hoang (thi phẩm 1994)
- Hoa tím niềm riêng (thi phẩm 1995)
- Mặt trời, lá và em (thi phẩm 1996)
- Âm sắc thời gian (thi phẩm 1999)
-

Cho cuộc đời thường (Biên Khảo 2000)

•

Biên Hùng Liệt Sử (Biên khảo 2001)

Thái Thụy Vy là một tài năng rất đa dạng. Giới thưởng ngoạn văn nghệ không biết phải liệt anh vào danh sách các nhà thơ thời danh hay nhiếp ảnh gia hoặc bonsai gia vì trong lãnh vực nào, tác phẩm và sự nghiệp của anh cũng đồ sộ và đáng kể. Với tư cách nhiếp ảnh gia kiêm bonsai gia, anh đã thực hiện một CD gồm 2,000 tấm ảnh về LAN, BONSAI, SEN (lotus), SÚNG (water lilies, nénuphar) và MÙA THU diễm tuyệt để chia sẻ với giới yêu nhiếp ảnh nghệ thuật. Anh đã từng được cử làm giám khảo cuộc thi nhiếp ảnh tại Washington, D.C., nơi đây anh đã phát giác ra nhà danh họa quốc tế Vũ Hối, một họa sĩ dốt đã ăn cắp bức ảnh Mùa Thi của nhiếp ảnh gia Văn Kính ở Phong Dinh chụp nữ sinh Trương Vương rồi đổi tên là Hè để triển lãm và dự thi.

Xin thành thật cảm ơn bạn Thái Thụy Vy đã tặng sách quý. Nhờ bạn mà tôi thấy lai tấm hình một người mà tôi đã yêu suốt 9 năm từ hồi di cư vào Sài Gòn, mới 17 tuổi, trong tấm hình chụp chung với cụ Anh Độ.

Massachusetts, FEB 20th 2002

HỒ CÔNG TÂM

**Thái Thụy Vy**  
Biên Hùng Liệt Sử  
**Hứa Hoàn**  
Những Bài Viết của Thân Hữu

**Hứa Hoàn** : Cảm Nghĩ

Tôi đã nhận được quyển sách biên khảo “Biên Hùng Liệt Sử “ của anh gửi tặng. Tôi xin cảm tạ anh đến hai lần, vì cho tới nay tôi chưa có sách do Thư Viện Việt Nam trên Internet để tặng lại bạn văn. Xin anh thông cảm.

Đọc sách anh, tôi thấy thể hiện con người chân thật của anh. Anh viết không cầu kỳ, bóng bẩy, trau chuốt, nhưng thấy cả một tấm lòng của con người gắn bó với quê hương, đất nước. Nhờ những loại sách như vậy chúng ta, trong cũng như ngoài nước, còn cảm thấy được chút tình gắn bó với quê cha, đất tổ. Tôi rất thích loại sách như của anh viết. Tuy thuộc loại biên khảo, nhưng nó không khô khan, nhàm chán. Anh viết như kể chuyện. Đọc giả say mê nghe anh kể những chuyện về quê hương Biên Hoà với tất cả tấm lòng trân trọng. Sách này giúp cho tôi rất nhiều trong khi viết về miền Nam.

Tôi chỉ muốn gửi thêm nhiều chi tiết mà tôi hiện có để góp phần làm tăng thêm sự hiểu biết hữu ích về quê hương. Tôi có được quen với kỹ sư Hồ Văn Bửu. Ông đã qua được trại tị nạn ở Thái Lan, nhưng không qua được đợt thanh lọc, nên bị trả về Việt Nam. Từ đó chúng tôi bất tin luôn. Tôi nghe anh Xuân Vũ nói có lẽ bị Việt Cộng... Hy vọng tin ấy sai. Tôi cũng biết ông Bửu có người con gái tên Hồ Thị H., có chồng Mỹ, vậy mà khi ông qua trại tị nạn, không can thiệp bảo lãnh ông(?) .

Tôi đã đọc tài liệu anh gửi tặng một cách say mê. Rất cảm ơn anh đã giúp tôi nhiều chi tiết để làm sáng tỏ lịch sử Nam bộ, vốn nhiều uẩn khúc mà ít người trong chúng ta hiểu biết cặn kẽ.

Những sự đóng góp của anh trong Biên Hùng Liệt Sử rất đáng trân trọng. Nếu không có những người như anh, chân thành ghi lại những sự kiện lịch

sử để làm tài liệu, thì các thế hệ đời sau, muốn tìm hiểu sự thật, không biết lấy đâu mà tham khảo?

Tôi nhớ mang máng rằng nhà văn Nguyễn Hiến Lê có nói: Bằng hình thức nào cũng được, ai có biết một tài liệu gì về lịch sử cũng có bốn phận phải ghi chép lại, Miễn thận trọng và thành tâm là quý rồi...Nếu không vậy thì thực khổ tâm cho những người sau muốn tìm hiểu những người trước.

Anh Thái Thụy Vy ơi, làm thơ cũng là một hình thức đóng góp làm cho phong phú văn hóa, đồng thời cũng là một trạng thái diễn tả những khả năng sâu kín của tâm hồn. Thơ không thể thiếu trong nhu cầu cuộc sống, nhưng biên khảo thì cần hơn, vì nó làm chúng ta có thêm cơ sở giữ gìn bản sắc dân tộc. Việc anh làm âm thầm, nhưng là công việc có ý nghĩa lớn vì anh viết lại với tất cả lòng thành thật.

Những gì Hồ Chí Minh thực hành ở Việt Nam thời kháng chiến đều đúng theo lời dạy của thánh kinh Cộng Sản. Cải cách ruộng đất chính là đương nhiên và trước hết phải thanh toán xong giai cấp tư sản nước mình trước đã, để tiến lên giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa. Nhiều người vì chưa có điều kiện đọc lý thuyết về chủ nghĩa Cộng sản nên ngộ nhận. Ông Huỳnh Văn Nghệ, ông Huỳnh Tấn Phát đều thuộc giai cấp tiểu tư sản, đều bị Hồ Chí Minh lợi dụng trong giai đoạn đầu, sau đó phải bị...thanh toán bằng cách này hay cách khác. Không có chuyện ông Hồ đả ngộ trí thức hay tiểu tư sản, mà chỉ là lợi dụng trong giai đoạn. Chuyện này còn dài. Tôi đang viết về lịch sử tập ba.

Một lần nữa xin cảm ơn anh và xin bày tỏ lòng ngưỡng mộ đối với anh.

San Antonio ngày 8 - 9- 2002

HỨA HOÀNH

**Thái Thụy Vy**  
Biên Hùng Liệt Sử  
**Trần Văn Linh**  
Những Bài Viết của Thân Hữu

**Trần Văn Linh**

*Lên Đường*

*Ông Trần Văn Linh, Thẩm Phán Cựu Chủ tịch Tối Cao Pháp Viện Việt Nam Cộng Hòa (Baton Rouge, Louisiana), người gốc Tân Uyên, rất yêu thơ. Thật không ngờ ông cũng rất thích làm thơ. Đây là một bài thơ ông đã sáng tác hồi lúc ông còn là học sinh Trung Học Pétrus Ký, mà ông khiêm nhường gọi là một mẩu. Vì cảm thông với kiếp sống tha hương, ông đã đồng cảm: Trong những bài thơ của anh Thái Thụy Vy đã đăng trong tuyển tập Vườn Thơ Hải Ngoại ở San Diego, California, tôi rất thích bài Sầu đại dương, bài này đã nói lên một cách sâu sắc những u hoài của nỗi lòng người tha hương.*

*Qua bài thơ "**Lên đường**", ta thấy nỗi nhớ nhà (nostalgia) của một người đi học xa nhà, nó cũng là nỗi niềm hoài hương của người viễn xứ hôm nay.*

**Lên đường**

Lễ hè qua thấp thoáng  
Nay đến lúc lên đường  
Về thủ đô ánh sáng  
Trở lại dưới mái trường

Đêm nghe như còn khuya  
Tiếng ga sao thôi thúc  
Thời gian buổi phân chia  
Một đêm qua phút chốc

Hành trang mẹ đã lo

Gói con sao nặng nhỉ?  
Hé cửa đừng khua to  
Mẹ già còn an nghỉ

Chó Phèn mừng ngoắc đuôi  
Liếm tay nhìn thân mền  
Nay ta đi chó ơi!  
Giữ nhà, chờ hè đến

Đường đất dọc ven sông  
Lờ mờ trong sương lạnh  
Nước xanh hiền mênh mông  
Sậy lau run cô quạnh

Nhặt đá ném giữa dòng  
Cho tan bầu cảm xúc  
Tiếng rơi vang trên sông  
Chìm trong dòng sương đục

Đầu làng tẻ sang gò  
Ra đường trời vừa sáng  
Đường quanh hiu quanh co  
Xe đò chưa lối dặng

Nhìn lại mái nhà thân  
Sau cánh đồng xanh biếc  
Hàng cau ồm ngoài sân  
Phất phơ như vẩy biệt

Mái nhà vừa nhà khói  
Mẹ ta đã dậy rồi  
Vắng ta mẹ không nói

Nhưng dạ chắc bồi hồi

Giã từ nhà thân mến

Giã từ cả đồng ruộng

Từ xa xe tiến đến

Cuốn theo chuỗi bụi hồng.

TRẦN VĂN LINH



## **Thái Thụy Vy**

Biên Hùng Liệt Sử

### **Trần Đình**

Những Bài Viết của Thân Hữu

#### **Trần Đình**

*Tưởng nhớ một vì sao*

Vào tháng 8 -1968, Trung Tướng Đỗ Cao Trí vừa mới được tái ngũ, phục hồi cấp bậc sau mấy năm bị thất sủng lại được Tổng Thống Thiệu bổ nhiệm vào chức vụ Tư Lệnh Quân Đoàn III vùng 3 Chiến thuật, một vùng lãnh thổ đông dân, bao trùm cả thủ đô Sài Gòn, có nhiều yếu tố tế nhị. Rồi hơn một năm sau, tướng Trí lại được giao trách nhiệm Tổng Chỉ huy Chiến dịch vượt biên. Thực ra tướng Trí chẳng phải là thân tín của tướng Thiệu mà chính vì tình hình chiến sự ngày càng gia tăng đòi hỏi phải có các cấp lãnh đạo quân sự tài giỏi để đối phó với cộng quân. Tướng Trí được đánh giá là một tướng can đảm và có thực tài chỉ huy tác chiến.

Như chúng ta đều biết, sau chính biến 1- 11- 63 tình hình chiến sự VNCH xấu đi rõ rệt. Về mặt chính trị thì đầy bất ổn qua các vụ chỉnh lý, âm mưu đảo chánh, biểu tình chống chính phủ và quan trọng nhất là vụ Phật giáo đấu tranh miền Trung bùng nổ dữ dội gây nên một cơn bão chính trị...Về quân sự thì hạ tầng cơ sở Cộng Sản gia tăng xâm nhập vào nông thôn sau khi hệ thống ấp chiến lược bị phá bỏ. Cộng Sản Bắc Việt tăng cường xâm nhập bộ đội cùng chiến cụ vào miền Nam kể cả Cam Bốt và Lào, mở nhiều cuộc đánh phá các đồn bót các đơn vị phòng thủ của VNCH và nhất là đợt Tổng công kích Tết Mậu thân 1968, đánh vào tất cả tỉnh thị xã của ta kể cả Sài Gòn và cố đô Huế nhằm cướp chính quyền, chiếm miền Nam. Tuy Cộng quân bị thất bại nặng nề nhưng chúng vẫn không chùn bước mà còn gia tăng mức độ và cường độ chuyển quân và chiến cụ vào miền Nam trong âm mưu tiến hành chiến tranh xâm lược VNCH. Trước tình thế đó, buộc Tổng thống Thiệu phải cấp thời xem xét chấn chỉnh các chức vụ Tư lệnh Sư Đoàn, Quân đoàn và ông đã bổ nhiệm Trung tướng Đỗ Cao Trí giữ chức vụ Quân đoàn III thay thế Trung tướng Lê Nguyên Khang, đồng thời cử

Thiếu tướng Nguyễn Viết Thanh, Tư lệnh Sư đoàn 7 Bộ Binh chỉ huy Quân Đoàn IV vì hai tướng Trí và tướng Thanh được coi là tài giỏi nhất trong hàng ngũ tướng lĩnh của VNCH. Chính Đại tướng Westmoreland, Tư lệnh quân đội Mỹ tại Việt Nam cũng công nhận như vậy.

Riêng về tướng Trí, ngay khi đảm nhận chức vụ Tư lệnh Quân đoàn III, ông bắt tay ngay vào việc sắp xếp lại nhân sự và cung cách làm việc tại bộ Tổng tham mưu Quân Đoàn đồng thời chú trọng đặc biệt đến biện pháp chấn chỉnh khả năng chiến đấu của ba Sư đoàn 5,8, và 25 Bộ binh được coi là có phần yếu. Bất kể những trở ngại khó khăn và ông đã thành công chỉ sau một năm quyết tâm thực hiện. Từ đó tướng Trí nổi danh là một tướng lĩnh nghiêm khắc, can đảm và có thực tài chỉ huy quân sự, nên ông lại được Tổng Thống Thiệu tin cậy thêm rồi cử làm tổng chỉ huy chiến dịch vượt biên.

Chiến dịch vượt biên sang lãnh thổ Cam Bốt được dự trù vào thượng tuần tháng 4 năm 1970 là do hai phía chính phủ VNCH và Hoa Kỳ đều có chung một nhận định là từ lâu Cộng sản Bắc Việt đã thiết lập nhiều căn cứ hậu cần và căn cứ địa trên đất Cam Bốt cũng như Lào, để từ đó xuất phát các cuộc pháo kích, tấn công vào lãnh thổ VNCH, phía Hoa Kỳ nhận định thêm rằng, tình hình Cam Bốt đang suy sụp nặng nề. Tướng Long Non sau khi lật đổ chính phủ của Hoàng thân Sihanouk, xua quân tấn công Cộng quân, nhưng lại bị phản công rất mãnh liệt khiến cho quân của tướng Long Non khó có thể chống đỡ nổi. Nếu Cộng quân chiếm được Cam Bốt thì VNCH sẽ bị đe dọa nặng nề. Điều này là một trở ngại lớn cho kế hoạch Việt Nam hóa chiến tranh và việc rút quân Mỹ về nước. Vì vậy Tổng thống Thiệu và Tổng thống Nixon đồng thuận là đã đến lúc mở các cuộc hành quân vượt biên để tấn công triệt hạ các sào huyệt của quân Cộng sản Bắc Việt trên đất Cam Bốt, tạo điều kiện cho VNCH đưa Việt kiều hồi hương và ngăn chặn các hành động tàn sát dã man người Việt trên lãnh thổ Cam Bốt đồng thời yểm trợ quân sự cho tướng Long Non giải tỏa áp lực của Cộng sản...

Chiến dịch được chính thức mở màn ngày 13 - 4 - 70 và được tổ chức thành năm cuộc hành quân liên tiếp nhau lấy tên là Toàn Thắng 41,42,43,44, và 45 do tướng Đỗ Cao Trí tổng chỉ huy với lực lượng tham chiến lên đến cấp

quân đoàn gồm nhiều binh chủng của QLVNCH như Bộ Binh, Biệt Động quân, Thủy quân lục chiến, Nhảy dù, Thiết giáp, Pháo binh, Công binh v.v... Thiếu tướng Nguyễn Việt Thanh với nhiệm vụ sử dụng Quân đoàn IV mở các cuộc hành quân Cửu Long yểm trợ cho chiến dịch. Mục tiêu chính là khai thông sông Cửu Long từ Việt Nam đến tận thủ đô Nam Vang để cho các tàu của Hải quân Việt Nam đưa Việt Kiều hồi hương. Tiếc thay ngay những ngày đầu tổng phát hành quân yểm trợ cuộc hành quân Toàn Thắng 42 cuối tháng 4- 70, khi tướng Thanh bay vào lãnh thổ Cam Bốt để điều động chỉ huy các đơn vị tham chiến thì chiếc trực thăng của ông đựng mìn vào chiếc Cobra phát nổ đâm nhào xuống đất và tướng Thanh tử nạn. Thiếu tướng Ngô Du được cử thay thế tướng Thanh tiếp tục chỉ huy các cuộc hành quân Cửu Long 1,2,và 3 yểm trợ cho chiến dịch vượt biên. Thiếu tướng Nguyễn Việt Thanh được truy tặng Trung tướng. Trong những tháng chỉ huy cuộc hành quân Toàn Thắng. Tướng Trí ngày đêm hăng say phục vụ chiến đấu không mệt mỏi. Ông luôn luôn có mặt tại chiến trường bất kể mọi hiểm nguy, theo sát tình hình các trận địa, có phản ứng nhanh và sáng suốt. Từ chỗ ông có những hành động và cử chỉ huynh đệ chi binh đã làm cho binh sĩ cảm phục mà nức lòng chiến đấu thật can trường dũng cảm. Đó là yếu tố đưa tới thắng lợi to lớn cho chiến dịch vượt biên năm 1970 của QLVNCH, triệt hạ nhiều cơ sở hậu cần cũng như căn cứ địa của quân Cộng sản Bắc Việt. (Thái Thụy Vy và các cố vấn Mỹ Liên Đoàn có dự buổi khao quân mừng chiến thắng Snoul, Cam Bốt tại Quân Đoàn III)

Trong chiến dịch này Tư lệnh Đỗ Cao Trí nổi danh là một Tướng lãnh tài năng và dũng cảm, luôn luôn có mặt tại trận địa bất kể hiểm nguy, có tầm nhìn chiến thuật sắc bén, quyết định sáng suốt và mau lẹ, được quân sĩ ca tụng là một vị tướng anh hùng của chiến trường.

Chính vì tác phong chỉ huy sáng chói của tướng Trí đã làm các Tướng lãnh đồng bạn của ông tức tối, khó chịu. Họ vạch lá tìm sâu trong lúc trận chiến đồn điền Chup bùng lên dữ dội nhất, gian khổ và đau sôi lửa bỏng. Họ bảo rằng tướng Trí chỉ muốn tạo tiếng tăm anh hùng cho chính mình. Trong lúc họ đang ngồi trong văn phòng êm ấm, ngồi thiền!!!

Mặc dầu đời sống cá nhân của ông bị tai tiếng nhưng ông vẫn là một tướng lĩnh tài giỏi nhất của QLVNCH trên chiến trường.

Hai nhà báo Mỹ David Fulghum và Terrence Mailand và các quan sát viên Quốc tế trong đó có tướng độc nhãn Do Thái Moshé Dayan đã nhận định và đánh giá hai tướng lĩnh tài giỏi của QLVNCH là Tướng Nguyễn Việt Thanh và Tướng Đỗ Cao Trí là Two fighting Generals trong cuốn The Vietnam Experience South Viet Nam on trial xuất bản tại Hoa Kỳ. Nội dung khái quát là...Đầu năm 1970, Bộ Tư lệnh MACV Sài Gòn đưa ra một bản tường trình ngắn có tính cách phê bình một số Tư lệnh Sư đoàn yếu kém về khả năng chỉ huy (dựa theo nhận xét của các cố vấn cao cấp quân sự Hoa kỳ). Tổng thống Thiệu đã loại một số sĩ quan được coi là trung thành với tướng Nguyễn Cao Kỳ bằng hai vị tướng giỏi tại hai vùng chiến thuật đông dân nhất và có nhiều yếu tố chính trị tế nhị. Hai tướng Trí và Thanh được thống tướng Westmoreland ca ngợi là hai vị tướng tài giỏi nhất của QLVNCH (as the best ARVN Division commanders).

Tại Quân Đoàn III , tướng Trí rất hăng say tích cực làm việc. Ông quyết tâm chinh đốn ba Sư đoàn 5, 18, và 25 Bộ Binh trở thành tinh nhuệ. tướng Trí có bản lĩnh quyết hoàn thành mọi việc bất kể những trở ngại khó khăn. Bằng chứng là không tướng lĩnh nào dám phật lòng chính phủ và Bộ Tổng Tham Mưu Sài Gòn, nhưng Tướng Trí đã can đảm thay thế hai Tư lệnh Sư đoàn kém khả năng là thân tín của Tổng thống Thiệu mà không gặp phải một phản ứng nào từ phía dinh Độc Lập.

Ngay trong những ngày đầu chiến dịch, tướng Thanh chỉ huy bốn lực lượng đặc nhiệm Bộ Binh Thiết giáp của Quân đoàn IV mở trận đánh từ phía Nam lên phía Bắc, bắt tay các lực lượng của tướng Trí, đang Tổng chỉ huy càn quét các căn cứ địa Cộng quân trong vùng Mỏ Vẹt.

Tai nạn bất ngờ xảy ra trong nội địa Cam Bốt 10 dặm. Chiếc trực thăng chở ông đựng nhằm chiếc Cobra của Mỹ khiến tướng Thanh tử nạn. Đây là cái chết đầu tiên của một tướng lĩnh ngoài mặt trận. Để ngưỡng mộ và tri ân vị tướng anh hùng lỗi lạc, quân sĩ thuộc quyền tướng Thanh hết lòng chiến đấu trên chiến trường Cam Bốt để đem lại chiến thắng dâng lên hương hồn cố Trung tướng Nguyễn Việt Thanh.

Cái chết của tướng Thanh làm cho mọi người bù ngùi thương tiếc. Tư lệnh chiến trường Đổ Cao Trí ca ngợi ông như một anh hùng của Quốc Gia.

Tướng Thanh đã nêu gương sáng chói.

Vị tướng Tư lệnh chiến trường càng hăng say phục vụ chiến đấu không mệt mỏi, chuẩn bị các chiến dịch hành quân rất kỹ càng chu đáo và linh động, luôn luôn có mặt tại chiến trường khích động lòng binh sĩ...

Tướng Trí đã khéo xử dụng chiến thuật Điều hâu và nhị thức Chiến xa Bộ Binh phối hợp nên đã được những kết quả không ngờ. Thật không ai can đảm xông xáo như tướng ba sao Đổ Cao Trí. Tại chiến trường ông thường mặc đồ rằn ri, đội mũ lưỡi trai, lưng đeo khẩu 38, tay cầm gậy chỉ huy, nhảy theo toán đổ bộ trực thăng đầu tiên xuống trận địa, hoặc đứng trên pháo tháp xe tăng đốc thúc quân sĩ, miệng hô to Tiến lên, tiến nhanh lên anh em...Quả thật đối với một tướng lãnh tài năng can đảm, khát khao chỉ huy chiến đấu, quyết tâm lập nên những chiến tích oai hùng như tướng Trí thì có xá gì trực thăng có an toàn hay không? Có ngại gì những hiểm nguy nơi tuyến đầu lửa đạn? Chính vì cảm phục tài năng và lòng can đảm của tướng Trí mà Đại tướng C. Westmoreland Tư lệnh QLHK tại Việt Nam đã ghi trong cuốn hồi ký của ông: Tướng Trí là một con cọp ở chiến trường, một tướng Patton của miền Nam Việt Nam (Trí was a tiger in combat, South Vietnam s George Patton).

Một tướng lãnh Hoa Kỳ tham chiến tại Việt Nam đưa ra nhận xét rằng: Khi quân sĩ VNCH được các cấp chỉ huy tài giỏi lãnh đạo họ sẽ chiến đấu xuất sắc hơn bất cứ quân đội nào khác. Họ chỉ cần cấp lãnh đạo sống chết với họ, làm cho họ tin tưởng thì họ sẽ sẵn sàng hy sinh cho chính nghĩa. Tướng Trí và tướng Thanh là hai tướng có đủ giá trị tài năng đó.

Khi QLVNCH đột nhập tấn công vào các xẻo huyệt của VC trên phần đất HạLào năm 1971 đã đến lúc có phần lúng túng thì Tổng Thống Thiệu lại quay sang chú ý và triệu hồi tướng Trí về Sài Gòn và ra lệnh cho ông nắm quyền Tư lệnh hành quân tại Lào (hành quân Lam Sơn 719 khai diễn ngày 29- 1 -1971 do Trung tướng Hoàng Xuân Lãm chỉ huy).

Khi đã có lệnh Tổng thống trong tay, tướng Trí vẫn dùng trực thăng bay đi bay lại hàng ngày quan sát chiến trường. Sau khi cất cánh khỏi Biên Hoà

đến bộ Chỉ Huy Tiền phương ở Trảng Lớn, Tây Ninh chỉ một thời gian ngắn, chiếc trực thăng của ông phát nổ nhào xuống đất. Ông là vị tướng thứ hai chết tại mặt trận. Báo Mỹ loan tin: When the ARVN incursion into enemy strongholds in Laos in 1971 began to flounder, President Thieu turned to TRI, calling him to Saigon. Thieu ordered him to assume command of the Laotian operation. His new order in hand. Tri boarded his helicopter. Shortly after leaving Bienhoa, his helicopter lost power and plummeted to the ground, killing Tri and the other passengers.

Ông đã thực hiện chí làm trai. Ở đâu cần là có ông ngay. Tiếc thay ông chưa thực hiện giấc mơ giải phóng quê hương khỏi tay loài quỷ đỏ phải đành để cho Tổ quốc ghi ơn.

Xin thắp một nén hương lòng tưởng nhớ vong linh cố Đại tướng Đỗ Cao Trí và cố Trung tướng Nguyễn Viết Thanh, hai anh hùng chống Cộng của VNCH, hai vị Vị quốc vong thân, hai ngôi sao sáng vụt tắt.

California 23 - 2 - 2002

TRẦN ĐÌNH

**Thái Thụy Vy**  
Biên Hùng Liệt Sử  
**Vũ Công Lý**  
Những Bài Viết của Thân Hữu

**Vũ Công Lý**

*Nguyễn Tất Nhiên, vị linh mục không mặc áo dòng!*

Vì tôi là linh mục  
Không mặc chiếc áo dòng  
Nên suốt đời lêu lổng  
Nên suốt đời lang thang

.....

Dĩ vãng là địa ngục  
Giám hãm đời muôn năm  
Tôi-người yêu dĩvãng  
Nên sống gần Sa tăng  
Ngày kia nghe lời quý  
Giáng thế thêm một lần  
Trong kiếp người linh mục  
Sao gầy còm điên trắng!

.....

Mỗi lòng người, một lý lẽ bất an  
Mỗi cuộc chết, có một hình thức, khác  
Mỗi đăm đuổi, có một mầm gian ác  
Mỗi đời tình, có một thú, chia ly! **(NTN)**

Sự qua đời đột ngột và buồn thảm của Nguyễn Tất Nhiên đã gây thật nhiều xúc động trong cộng đồng người Việt tị nạn tại quận Cam. Một số người sinh hoạt trong giới văn chương nghệ thuật trước đó đã ngỡ ngợ tiên cảm về một kết thúc bi thảm nào đó của nhà thơ... tuy nhiên cũng vẫn bàng hoàng, sửng sốt khi được nghe cái tin buồn đó! Khuôn mặt người này thì

ngắn gọn, người kia thì cau lại và nín lặng, vì cảm thấy nói năng chi cũng thừa!

Năm ngoái, khi dự đám tang nghệ sĩ Hoài Bắc, nhìn thoáng qua những mái đầu tụ tập đông đảo bên ngoài nhà quàn, tôi buộc miệng nói nhảm "Năm tới sẽ còn dự nhiều đám nữa!". Ca sĩ Lê Uyên quay sang căn nhắc tôi là nói năng tầm bậy, toàn những lời xúi quẩy. Đầu năm nay, trong đám tang nghệ sĩ Nhật Minh, một vị đại đức đã buộc miệng nói: "Tôi mong được có nhiều dịp như thế này"(Thật ra, khi được vị Linh mục chủ tế tang lễ mời lên nói những lời chào từ biệt Nhật Minh, vị Đại đức đã cảm ơn tấm thành tình của vị Linh mục, vì đây là một cảnh tượng đẹp, một hình ảnh hòa đồng tôn giáo, và vị Đại đức chỉ mong được có nhiều dịp để biểu lộ cái tinh thần liên tôn mà thôi!). Tuy nhiên, hầu hết mọi người nhất là những nghệ sĩ, ca sĩ hiện diện đều thấy lịm cả người đi, những luồng khí lạnh chạy dọc xương sống khi nghe vị đại đức phát biểu như thế!)...Ngoài nghĩa trang, khi thấy ca sĩ Kim Loan vẫn còn rấm rứt sụt sùi hoài sau khi đã hạ huyệt, chợt nhớ câu nói của vị Đại đức, tôi lại buộc miệng nói: " Khóc lóc làm cái gì nữa...Nhật Minh đi trước book show cho anh em!". Nghe thế ca sĩ Khánh Ly đã nạt tôi: "Cái ông này nè, ăn nói độc mồm độc miệng lắm nghe!"

Mặc dù là những lời vô tình thốt ra, nhưng thật ra trong những năm gần đây tôi đã dự quá nhiều đám tang và thỉnh thoảng vẫn bị ám ảnh bởi cái chết hoặc tai nạn bất thường. (trong 4 năm qua, tôi đã nhận tin khoảng hơn 30 người thân quen qua đời thành linh: tim, ung thư, stroke, tê liệt bán thân, toàn thân, tai nạn xe cộ chết người...Chẳng hạn như anh Bạch Đình Vĩ, một giáo sư toán nổi tiếng thời xưa, lúc 8,9 giờ tối còn uống cà phê tán gẫu với đông đảo anh em, về nhà đến nửa đêm thì đã vội vã ra đi không lời từ biệt!).

Ngoài ra, nhiều người hiện đang kéo dài những ngày tháng cô đơn quanh quẩn cuối đời vì đủ mọi loại chứng bại liệt, ở nursing home hoặc tại tư gia trong sự thờ ơ lãnh đạm, hoàn toàn quên lãng của bạn bè, thân hữu chỉ vì đời sống quá bận rộn phức tạp (nhất là trong cái thời buổi cực kỳ khó khăn như hiện nay) khiến mọi người rồi cũng mau chóng quên đi những bất hạnh vừa xảy ra cho người khác. Đời sống vẫn phải tiếp tục!



Nhìn lại nửa thế kỷ qua, chúng ta sẽ nhận thấy rằng những biến cố, mang tầm vóc lớn lao tại Việt Nam, đã xảy ra theo chu kỳ đúng 9 năm: Nạn đói năm 1945(Ất Dậu), vụ di cư vĩ đại vào miền Nam trong năm 1954 cũ gần một triệu người lánh nạn Cộng Sản. Vụ đảo chánh anh em ông Diệm năm 1963 (kéo theo một chuỗi những xáo trộn chính trị, mở màn cho sự sụp đổ của miền Nam); mùa hè đỏ lửa năm 1972 với những trận chiến long trời lở đất tại những địa danh An Lộc, Kontum, Quảng Trị (thê thảm nhất là cảnh tượng biết bao nhiêu người dân hiền lành phải phơi thây dọc theo "đại lộ kinh hoàng " tại Quảng Trị)...Đau đớn thay, tất cả những hy sinh tan tác của người dân Việt tại ba mặt trận này chỉ là hậu quả của một trò chơi chiến lược quá ác độc, cực kỳ bất nhân, một thách đố ngấm ngầm giữa người Mỹ và chính trị bộ của Cộng Sản Bắc Việt là phải thử lửa thêm một vài trận thật dữ dội, thật tan tác để chuyện hòa đàm được nghiêm chỉnh hơn...cũng chỉ để thực hiện cái chủ định của người Mỹ là sẽ phải sạch tay, trao trọn miền Nam cho Cộng Sản. Cái "vinh dự què quặt "của đế quốc đã đánh đổi bằng biết bao xương máu của con dân nước Việt!

Sở dĩ tôi linh cảm cái chết bất đắc sẽ xảy trong năm nay. Nhâm Thân (1992), vì chỉ trong quá khứ gần đây, năm Mậu Thân (1968) hầu như cả miền Nam phải đeo khăn tang qua hai đợt tổng công kích của Cộng Sản (thê thảm nhất là vụ tàn sát, chôn sống tập thể khoảng hơn 6000 người ở cố đô Huế); rồi năm Canh Thân (1980) là thời điểm của cao trào vượt biển, bao nhiêu người đã uống tử ngoài biển Đông v. v...Gặp năm Thân thì chẳng khác nào gặp một bầy khi đột, một bầy đười ươi phá phách, nghịch ngợm, kéo đầu bọ tai mình, nhiều khi nổi hứng quá chúng còn phanh thây, xé xác nữa! Một vài tháng trước đây, cả thế giới đã chứng kiến trên màn ảnh truyền hình những vụ bạo động đốt phá tại thành phố Los Angeles ( khởi đầu vào ngày 30 - 4, cái vía của ngày miền Nam Việt Nam bị người Mỹ bức tử, đã bắt đầu lên tiếng cảnh cáo người Mỹ là nên ngưng ngay những trò khỉ, kéo rồi phải ân hận sâu xa về sau!).

Trong vụ này, nhiều người đang lái xe, tình cờ chạy lọt vào giữa những "bầy khi" nên đã bị chúng ném đá, xe thì bị lật tung, bị đốt; nhiều người còn bị lôi tuột ra xe, bị đâm đá tươi bời, bị đâm thui chết tươi! (một số người

Việt cũng là nạn nhân). Rồi cách đây vài ngày, trận bão Andrew thổi qua miền nam Florida, tàn phá thành phố Miami, khiến một triệu người phải di tản!).

Khi nghe tin Nhiên tự tử, một vài người hỏi tôi là có biết số của Nhiên không? Tôi trả lời là biết nhưng trong bụng lại nghĩ rằng chết là hết! Cũng xong một kiếp người! Lúc sống không luận bàn Tử vi, thì khi đã chết, đề cập làm chi đến chuyện số mệnh, vô ích! Nhớ lại lần đầu tôi gặp Nhiên là tại tư gia nhà thơ Du Tử Lê tại Garden Grove, vào một buổi tối cách đây đã hơn mười năm, khi một người bạn rủ đến nghe nhạc sĩ Trần Quốc Bảo trình bày những bài nhạc mà anh đã sáng tác hồi còn ở trại tị nạn. Rồi trong những năm qua, thỉnh thoảng tôi có tiếp xúc chuyện trò lai rai với Nhiên tại nhà hàng phở Ngon và quán Việt hoặc tại một vài buổi sinh hoạt văn nghệ. Một buổi xế chiều vào mùa hè năm ngoái, khi chỉ có riêng chúng tôi ngồi trong quán Việt. Nhiên chợt lên tiếng hỏi tôi về Tử Vi của anh, tôi hơi ngạc nhiên vì trong những năm qua, Nhiên chưa bao giờ tỏ ra quan tâm đến chuyện lý số. Tôi gạt ngang: "Ông là thi sĩ, sống trên mây trên gió, thoát trần rồi, coi tử vi làm gì?", rồi lại tiếp "Khi ông chết cứ mang ông ra biển là xong chứ gì!". Nhiên vừa cười rung rinh cả người, vừa nói oang oang: "Ông chơi tôi! Ông cứ chơi tôi hoài!.." Rồi lại nhỏ giọng hỏi: " Ông thấy số tôi làm sao?"

Chiều ý Nhiên, tôi hỏi Nhiên về ngày giờ sinh rồi nhẩm tính số trong đầu. Nhưng khi vừa nói được vài nhận định thì chợt thấy đôi mắt vốn tinh ranh hiện lên nét hơi có vẻ điều cốt, tôi khựng lại ngay không nói nữa. Nhiên lại hối thúc nhưng tôi vẫn nín thinh, vờ nhăm nháp vài ngụm cà phê vì tôi không thấy thoải mái, mất hứng, không thể giải số cho bất cứ người nào có ý định "thử" tôi hoặc chỉ muốn "coi chơi", "coi cho biết". Bất chợt anh Nguyễn Đức Nhuận, một người rất thương mến, từng giúp đỡ Nhiên rất nhiều, từ cửa sau bước vào bàn, Nhiên vẫn thúc đẩy tôi nên tôi đành nói một câu cho xong: " Số anh giông giống số anh Hoàng Anh Tuấn, có Đào Hoa đóng ở cung Nô bộc, vì thế cả hai đều chuyên trị về thư tình!"...Rồi một số anh em ở đâu đâu bước vào quán, kéo ngồi chật cả bàn ồn ào vui vẻ, tôi cảm thấy nhẹ nhõm cả người, thoát được cái việc phải miễn cưỡng bàn

luận chuyện lý số! Một tên còn nhìn Nhiên, cười nham nham nhở nhở, đọc nhại một đoạn thơ:

Đưa em về dưới mưa

Ép em vô góc dĩa

Em ơi, em đã chưa?

Nếu chưa, thì one more !

Cái chết buồn thảm của Nhiên đã khiến một số người đâm ra ân hận, nhất là thân nhân trong gia đình cảm thấy ray rứt, hối hận triền miên, đồng thời cũng tạo ra nhiều dư luận trái nghịch nhau...vô tình tạo thêm nhiều văn vật cho những người còn sống, cũng chỉ là những kiếp người đầy phiền muộn, chịu nhiều buồn thương! Cách đây khoảng nửa tháng, tình cờ gặp ca sĩ Lê Uyên và anh Ngọc Phú, Lê Uyên có nhắc lại lời nói quở của tôi hồi năm ngoái, rồi chúng tôi trao đổi qua loa một vài mẫu chuyện về Nhiên. Sau đó anh Phú bảo tôi: "Khi nào rảnh rỗi, toa nên viết những gì toa biết về Nhiên để mọi người hiểu"(?). Nghe thì nghe, ý tưởng đó chưa thôi thúc tôi cho lắm. Trưa nay, dẫn Shelley White, cô con gái nuôi người Mỹ ghé tòa soạn Diễn Đàn Bolsa để lấy một nồi cơm điện do anh Lê Tử Hùng tặng cho Shelley, để cô ta tập nấu cơm giống như người Việt Nam, thì anh Hùng cho tôi biết là anh Bùi Cẩm Thạch vừa mới ra đi hồi sáng nay! Trong đầu, tự dưng tôi làm ngay một bản tổng kết, thì thấy trong cái tháng bảy "hắc ám" này (tháng "khí khô", vì thời tiết nóng quá, loài khí nhờ gặp được thiên thời vì là năm khí, tháng khí nên quậy phá quá xá!)...đã xảy ra tới gần mười vụ chết chóc và vài ba vụ mổ xẻ trong những người quen biết!

Nhiên qua đời vào mùng 3 tháng 7 âm lịch, là cái chết đầu tiên trong tháng 7 này mà tôi được biết, ngẫm nghĩ lại tôi còn mắc nợ Nhiên một buổi giải Tử Vi còn dang dở, nên quyết định viết bài này. Tôi ước mong giải tòa được phần nào những văn vật đang đè nặng trên tâm hồn của những người thân thuộc liên hệ gần gũi với Nhiên, vì tất cả mọi chuyện cũng chỉ là do cái số mạng của riêng Nhiên dun dùi mà thôi! Tôi cũng cầu mong rằng Nhiên đã an nhiên tự tại nơi một cõi lớn nào đó, nhưng chắc rằng Nhiên không cảm thấy phiền hà gì khi tôi níu kéo Nhiên, trong chốc lát thôi, trở lại cái cõi tạm qua bài viết này; tôi tin chắc như thế vì khi còn sống, bản

tính Nhiên vốn hiền lành, phóng khoáng mặc dù rất ngang tàng, hơi quái,"bề ngoài" lúc nào cũng dễ dàng nở nụ cười "ngây ngô trước mọi sự việc, dường như coi chuyện gì cũng là "tất nhiên"!

Ngoài ra, tôi hy vọng bài phân tích lá số cũng là một đóng góp với những quý vị đang nghiên cứu bộ môn Tử Vi Đẩu Số, một "case study". Sau khi nhìn kỹ lại lá số của Nhiên, tôi cảm thấy nên cố gắng trình bày thật đầy đủ những chi tiết, vạch trần những uẩn khúc éo le, ẩn hiện chập chờn trong lá số, vì ít khi nào gặp cơ duyên được thấy một lá số phù hợp quá sát với thực tế đời sống của đương số như trường hợp của Nhiên. Trên thực tế, không ai có riêng một lá số hết, với nhân số hiện nay khoảng 6 tỉ người, chia đồ đồng cho hơn 500,000 lá số Tử Vi, thì một lá số đại diện cho gần 10,000 người (nếu tính chính xác, con số này phải to lớn hơn, vì từng giây từng phút, có rất nhiều trẻ sơ sinh mở mắt chào đời, cũng như nhiều người nhắm mắt lìa đời, theo đúng cái lý "sinh sinh diệt diệt" của tạo hóa).

Vì thế, một lá số Tử Vi chỉ bàng bạc vạch ra một dòng sử mệnh chung chung cho một nhóm người tình cờ sinh ra trong cùng một ngày một giờ, rồi những yếu tố hoàn cảnh khác như di truyền, tướng diện, địa lý phong thổ, giáo dục gia đình, môi trường xã hội cũng như những tao ngộ trên đường đời v. v... sẽ uốn nắn thành những cá thể riêng biệt với những sắc thái độc đáo, không ai hoàn toàn giống ai cả mặc dù có chung một lá số...cho dù là hai anh em song sinh, thụ hưởng chung những yếu tố di truyền huyết thống, trưởng thành trong cùng một trường dưỡng dục! Rất hiếm khi nào có một lá số có thể diễn tả nổi sát nút hình thái sinh hoạt, hoặc người giải số nào lại có thể quyết đoán chính xác được tất cả mọi sự việc sẽ liên tục diễn tiến như thế nào trong cái giòng đời vô cùng phức tạp của một kiếp nhân sinh, nhất là ở cái thời đại hỗn mang, biến hóa không ngừng với muôn nghìn vạn trạng trong cái nền văn minh vật chất cực thịnh ngày nay.

Vì lẽ đó, trường hợp của Nhiên, mà cuộc đời đã quay cuồng đúng theo những chiều hướng mà lá số vạch ra, xui khiến tôi thêm mạnh dạn viết bài này. Đây thật là một trường hợp hiếm quý, đối với những người ham mê bộ môn Tử Vi Đẩu Số tình cờ gặp được dịp để kiểm nghiệm lại những lý

thuyết Tử Vi nghiệm lý. Sau mỗi nhận định dựa vào lý thuyết Tử Vi, nếu thấy thích hợp, tôi sẽ cố trích dẫn ngay một vài vần thơ của Nhiên, biểu lộ những tư tưởng về Nhân sinh, Nhân Tử, cũng như những uẩn khúc éo le trong tâm tưởng của Nhiên

Di nhiên, bất cứ ai khi nghe Nhiên tự kết thúc cuộc đời mình, cũng đều có một nghi vấn chung: "Tại sao lại phải tự tử?". Có người thắc mắc rồi thôi, vì tự tử cũng là chuyện bình thường, thỉnh thoảng vẫn xảy ra hoài, không có gì quan trọng!, nhất là sau cái ngày 30- 4 - 1975, biết bao nhiêu biến cố "Trời sàu đất thảm" đã xảy ra mọi nơi tại Việt Nam, trong các trại cải tạo, ngoài địa ngục xả hội, ngoài biển Đông... và nhan nhản ngay tại các Cộng đồng người Việt tị nạn rải rác khắp nơi trên thế giới. Nghe nhiều quá, chứng kiến nhiều quá, riết rồi đâm ra nhàm, thản nhiên không buồn thắc mắc! Vả lại, ai ai cũng có những khổ tâm, những nỗi lo lắng, hơi đâu mà quan tâm nhiều đến chuyện của thiên hạ, rồi hơi đâu mà thương vay khóc mướn... nhất là trong hoàn cảnh kinh tế hiện tại, mọi người đang cảm thấy ngạt hơi vì sinh kế! Tuy nhiên, rất nhiều người từng thưởng thức những vần thơ được phổ biến hết sức rộng rãi của Nhiên, quý mến nhà thơ cho dù chưa hề biết mặt, cũng như người quen biết với Nhiên...thì không rùng mình nhún vai, mà đương nhiên phải băn khoăn về những nguyên do xa gần nào đã khiến một tài hoa phải yếu mệnh.

Tôi đã nghe thiên hạ xì xào khá nhiều về cái chết của nhà thơ, thường qui kết một cách võ đoán qua những phát biểu như:vợ bỏ đâm ra thất chí, nghèo túng quá nên không thiết sống, hoặc cha mẹ anh em bạn bè ruồng bỏ, bơ vơ không nơi nương tựa v.v...

Những dư luận này không phải là không đúng, nhưng sự thật không phải chỉ có thế... Tuy không cố kết án ai, nhưng những lời xì xầm này có thể tiếp tục làm rỉ máu vết thương lòng của những thân nhân (khi không còn ai muốn nhắc đến một sự kiện thể thảm, chua xót, chỉ mong chìm dần vào quên lãng...), mà còn khiến cho linh hồn Nhiên thêm phiền muộn! Khi còn hít thở ở cái cõi tạm trần gian, Nhiên đã lặng lẽ oằn thân chịu đựng quá nhiều ngộ nhận, cũng rất ức lòng và đã lên tiếng phân trần mà không giải tỏa nổi những oan khiên, cuối cùng đành phải cam chịu cúi đầu chấp nhận

sự bạc bẽo của số phận, âm thầm ra đi mang theo trọn vẹn những bí ẩn của đời mình vào huyết mộ. Chẳng lẽ, bây giờ Nhiên còn phải kêu gào lên: " Không phải đâu! Không phải như thế đâu! Tất cả hoàn toàn là do cái định mạng cay nghiệt, tăm tối và buồn rầu của riêng tôi! Chỉ là một lẽ Tất Nhiên thôi!..."

Năm ngoái khi chúng tôi in tập thơ "Bến Nước Ngũ Bồ" của cụ Hoàng Công Khanh, thì Nhiên có xin cụ Lê Văn Vũ Bắc Tiến một quyển. Ngồi trong quán Việt, mới đọc được vài đoạn, Nhiên đã tỏ ra thán phục trước một núi "Thái sơn" (lời của Nhiên), trước một bậc tiền bối đã thành danh cách đây hơn nửa thế kỷ về bộ môn kịch thơ. Nhiên đã tỏ ra rất thành thực khi bộc lộ rằng vì còn trẻ nên bấy lâu nay cứ ngỡ rằng thơ mình là hay, là tuyệt (Người mới lớn tưởng lầm ta linh hiển!). Nhiên còn ao ước được đọc những tập thơ khác của cụ Khanh, nhưng chúng tôi không có sẵn. Gần đây, cụ Khanh vừa mới gửi sang cho cụ Lê Văn một loạt thi phẩm khác: Cua Đen (gồm 7150 câu thơ thuật về thời đại Mai Hắc Đế, đồng thời lại gói ghém một đường lối chính trị cho muôn đời: "Trùng thanh triệt đế"), Thất Trảm Sớ, Nguyễn Trãi và Thị Lộ, Cung Phi Điểm Bích, Chử Đồng Tử ( đặc biệt với 28 trường khúc nhạc do nhạc sĩ Tô Vũ sáng tác, dùng làm nhạc nền cho toàn bộ vở kịch thơ này).

Đọc xong tập Cung Phi Điểm Bích (Điểm Bích là một cung phi tài sắc song toàn, giỏi thơ phú, nhận một nhiệm vụ bí mật của vua Trần Anh Tông, giả dạng một cô gái quê, lên núi Yên Tử quyến dụ nhà sư Huyền Quang, sư tổ đời thứ ba của thiền phái Trúc Lâm, mà cũng là một nhà thơ rất tinh tế, sâu sắc), tôi nhận thấy ý tứ có rất nhiều điểm phảng phất giống với những vần thơ tình của Nhiên; cũng như số phận hẩm hiu của Nhiên có những nét tương tự như cuộc đời nổi trôi của thi sĩ Tản Đà. Tôi sẽ trích dẫn thật nhiều vần thơ cụ Khanh để anh hồn của Nhiên thưởng thức cho thỏa mãn cái ước vọng lúc còn sống, và một vài vần thơ của cụ Tản Đà... hầu mong Nhiên hiểu rằng "đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu", tư tưởng của những tâm hồn mẫn cảm, tinh tế như Nhiên và cụ Khanh, cụ Tản Đà...mặc dù sống cách nhau một vài thế hệ, thường đồng điệu trong cái cõi nhân sinh ta bà này, và trong thời đại của Nhiên, Nguyễn Tất Nhiên cũng là một "Thái

Sơn" như ai khác, đã để lại những thi phẩm tuyệt vời, còn vang vọng mãi mãi trong tâm tư của khách mộ điệu...

Một người khi vừa lọt khỏi lòng mẹ để nhập vào thế cuộc, thì phải lệ thuộc ngay vào cái năm mà mình sinh ra đời. Nhiên sinh vào năm Nhâm Thìn: cái ngọn "Thìn" (hành thổ) khắc ngược trở lại cái gốc "Nhâm" (hành thủy)...cảnh giác trước là đương đời sẽ gặp cảnh chông gai!

Nhiên thuộc tuổi Dương Nam, mạng Trường Lưu Thủy, gặp phải Hỏa Cục, là một thất lợi, thêm một lần cảnh giác nữa là sẽ phải gặp nhiều gian nan trắc trở, cay cực trên trường đời. "Trường lưu thủy" là một dòng sông dài, nước chảy cuồn cuộn, cha mẹ lại đặt tên là Hải (biển cả) mà tại sao Nhiên lúc nào cũng cần những giọt mưa? Phải chăng không những chỉ bị ném vào giữa sa mạc nắng cháy, một thứ địa ngục nhân sinh (Hỏa cục), mà trong lòng còn phải ôm cứng thêm một cục lửa, phỏng dộ rát tay mà không buông ra được (sao Hỏa Tinh nằm chình ình trong cung bản Mệnh đấy!):

Thà như giọt mưa

Vỡ trên tượng đá

Thà như giọt mưa

Khô trên tượng đá

Thà như giọt mưa

Đến ôm tượng đá

...Giọt mưa xanh mấy tuổi nàng

Tôi nghe lá rụng như vàng áo xưa

Mưa thì mưa thả phai phai

Rồi sau đó sẽ một vài tang thương!

Cùng em cùng một khung trời

Chung nghe sa mạc lòng người chuyển mưa

Cùng em cùng một ngày mùa

Chung nghe tình nước non chưa lỗi thề

Phải em là giọt chung thân

Cây quanh năm học làm xanh sắc vàng

Phải em giọt nước giọt non  
Giọt non nước giọt hãy còn thề xưa...  
Trời nào đã tạnh cơn mưa

Mà giông tố cũ còn chưa muốn tàn! **(NTN)**

Khi sống, tâm tư triền miên cảm thấy bị nung nấu ("Dìm đáy hận nơi đáy gan rục lửa": cục lửa hỏa tinh đó!) , luôn cần những lon bia lạnh để giải nhiệt và rồi khi nhắm mắt lià đời, cái thân tứ đại của Nhiên cũng lại nằm trong cái lò lửa là chiếc xe Toyota cũ kỹ, đậu trước một ngôi chùa, trong những ngày tháng nóng bức kinh khủng như thiêu như đốt mọi người! Lúc đầu, thân nhân định hỏa táng (nhiệt độ trong lò đốt hơn 3000 độ F, chịu gì cho thấu!)...nhưng với sự đóng góp dồi dào của mọi người, Nhiên đã có được một mảnh đất đàng hoàng để yên nghỉ. Đặc biệt, trong buổi đưa tiễn Nhiên, một thân hữu đã dùng sáo thổi vi vu rải rích những bài thơ của anh, và riêng bài "Thà như giọt mưa" đã được lập đi lập lại nhiều lần, dường như cầu mong cho linh hồn Nhiên được mát mẻ!

Cung Mệnh đóng tại vị trí Thìn là cung thuộc Tứ mộ:Thìn Tuất Sửu Mùi. Người mà Mệnh đóng ở Tứ Mộ, thì đương nhiên sức khỏe yếu kém, tình cảm mềm yếu, tuy nhiên cũng ý thức được phận mình nên trong thâm tâm cũng không muốn phiền nhiễu ai, đồng thời lỡ mớ cảm nhận rằng cuộc đời mình cuối cùng cũng chỉ là một mộ địa:

Rầu thay thân bạc nhược

Tay bới tình em chôn **(NTN)**

Cung Mệnh có Phá Quân độc thủ, có Hỏa tinh sát nách, thêm Kinh Dương, Đà La xung hợp chiếu; thân cư Quan Lộc, có Tham Lang, Linh Tinh , Đại hao, Văn Xương; cung Tài bạch, ảnh hưởng liên kết với cung Mệnh, có các sao Thất Sát, Kinh Dương, Bạch Hổ. Về những sao này, lý thuyết Tử Vi đã đưa ra nhận định sau đây: Phá Quân ở trên trời là sát tinh, ở trong số là Hao tân tinh. Chủ người hung bạo gian trá, tính tình gian hoạt, khó giao du với người, nghịch với người thân coi như kẻ thù nghịch, xử sự với cốt nhục vô nhân nghĩa. Phá quân còn chủ Phu Thê hao tán, chủ cô độc, ngang trái, khốn đốn.



...Cha mẹ sanh tôi- thẳng con bất hiếu  
Thề thốt thương người hơn cả song thân! **(NTN)**

Ngày kia ta tù tội  
Chỉ là án sát nhân! **(NTN)**

"Phá quân nhất diệu tính nan minh". Mệnh cung chỉ có một mình chính tinh  
Phá Quân tọa thủ, thì đương sự thuộc mẫu người không sáng suốt, phá tán  
không suy xét trước sau!

Tôi cả tin, nên rất dễ nghi ngờ

Tôi vụng tính, nên vẫn thường do dự

Tình chảy xiết qua đời như thác lũ

Tội thân tôi bầm dập, mủn, như bùn! **(NTN)**

Thực ra, bản chất của Phá Quân là liều lĩnh, hiếu thắng, nhiều tự ái, chỉ thích ngọt, ưa được vuốt ve, chiều chuộng, vì thế dễ bị đưa đẩy, vướng mắc vào tròng, dễ bị hắc lờ lợi dụng; khi bị chạm nọc, rất dễ nổi hung, thẳng tay tàn phá, luôn sẵn nghênh chiến với cuộc đời, để rồi giận quá hóa dại, đâm ra vụng tính khó lòng mà giữ được chính tâm, vô tình tạo ra nghiệp quả (Hồi chỉ mới 20 tuổi, Nhiên đã làm thơ đòi đập ông trời xuống, thật là quá sức cuồng ngạo!)

"Phá Quân, Hỏa, Linh, bôn ba lao toái": Phá Quân không hợp với những sao Hỏa Tinh, Linh Tinh. Vì thế nếu mà gặp phải, thì cuộc đời bôn ba khổ ải. (Hỏa Hao ngộ Phá tai ương, Phá Quân, Linh, Hỏa muôn phương dải dầu!)

"Xương Khúc Phá Quân phùng hình khắc đa lao toái": bị hình khắc thì ắt phải chịu nhiều sự lao đao khổ khó!( Văn Xương Văn Khúc chủ về văn chương mỹ thuật, là bộ văn tinh, cốt cách một thư sinh hiếu học, đụng đầu phải Sát Phá Tham (lũ côn đồ các đảng) là tối kỵ, không bị chứng nọ thì cũng bị tật kia, kể như tuổi thọ sẽ bị chiết giảm!)

"Phá Quân xung phá Văn Tinh, tam canh bão vân song chi hận": trơ vợ cô lẻ, một mình một bóng ôm hận tri âm, trần trọc khắc khoải suốt đêm thâu! Chìm đắm trong vực thăm tâm hồn đã ứ nghẹn, choáng ngợp với biết bao

nỗi buồn phiền xót xa, tiếng thở dài thường mất hút trong đêm trường thanh vắng...

...Lửa đom đóm mỗi mồn, lu

Nhưng rồi buồn cứ vi vu thối hoài **(NTN)**

...Nhà người tôi quyết không sang

Thù người, tôi những đêm nằm nghiền răng **(NTN)**

Mệnh có Dương Đà Hỏa Linh thì là "tiểu nhân chi cách". Gặp thêm Phá Quân thì " Phá Quân ngộ Hỏa Linh Đà Nhận Lâm Tuất Thìn nét hần gian phi."

Số Tử Vi để lại ngàn xưa, phản ánh những quan niệm đạo đức khắc khe trong cái bối cảnh xã hội quân chủ phong kiến tại Trung quốc, đã phán ra một câu nặng đến như thế! Nhưng lạ lùng thay! Chính Nhiên lại ngang nhiên công nhận cái khía cạnh tiêu cực đó:

...Biết đâu ta lẫn quân một đời, liêu

Chuyên đội lốt thánh nhân đi ... lường gạt!

...Người mới lớn tiêu hoang tình thứ nhất

Chỉ vì ham đổi được chút danh thơm

Biết đâu ta cong xương sống, cồng xương sườn

Dìm uất hận nơi đáy gan lửa rục

Ném nhân cách vào ngăn sâu ký ức

Trát bùn tanh lên mặt đã mười năm

Mới ngoài hai mươi mà trăm trọng chứng đau lưng

Bởi luôn cúi mỗi ngày dăm bảy bận!

Năm năm trời...ta làm tên chiến bại

Tìm mưu thâm hạ thủ đê hèn

Và lần nào ta lén lút đâm em

Bằng những ngọn dao mà lòng quáng dạ **(NTN)**

Rất may, trong sách Tử Vi lại còn có thêm câu phú: "Trai bất nhân Phá Quân Thìn Tuất, Ngộ Khoa, Tuần phản tác vi lương!"

Trong tam hợp cung Mệnh lại có Hóa Khoa (là sao có khả năng lột xác phàm phu, hoá cải tư cách) hiện diện ngay tại cung an Thân, vì thế không

còn hoàn toàn là một kẻ bất nhân, một "tiểu nhân chi cách" nữa, mà đã được biến hóa, lột xác, trở thành một người hiền lương. Thực ra, nếu cung Mệnh đóng trong tam hợp, Tuế Phá hoặc Thiếu Dương thì mới cần có Tuần hoặc Hóa Khoa hầu mong được phản tác vi lương, ngoài ra đóng ngay ở vị trí Thái Tuế thì không đến nỗi nào. Mệnh đóng đúng ngay vị trí Thái Tuế, ít nhiều gì cũng thuộc loại "chính nhân quân tử", đầy lòng tự hào, hành vi thường đoan chính.

Tuy nhiên, "người Thái Tuế" lại thường hay quá chủ quan cho rằng "mình đúng, còn thiên hạ sai hết!", tự tin rằng mình nắm chắc trong tay "chân lý cuộc đời" rồi đâm ra kiêu hãnh, rất tự phụ, dễ mắc vào những thành kiến khó lay chuyển, thường muốn thấy mọi sự ở đời diễn tiến đúng y như ý mình muốn (khó phân biệt được sở cầu, sở nguyện và sở thích, mà chỉ quan tâm nhiều đến sở thích của chính mình!)

...Luôn tự cho mình là người duy nhất

Biết rõ đúng sai, hiểu sâu còn mất **(HCK)**

...Oán thân, chê bai, bới móc chửi đời

Tự cho mình duy nhất hiểu thiên thời

Duy nhất biết nhân hòa, tường địa lợi

Duy nhất nắm lẽ cùng thông lui tới **(HCK)**

Cái rắc rối là vị trí Thái Tuế vừa giúp lại vừa hại sao Phá Quân: người thuộc tuổi Dương (Thìn: Dương Thổ) nên bản tính vốn rất ráo riết, còn thêm cả một bầu hung tin đi theo thì đâu có phải là từ bi! Phá Quân bản tính vốn liêu lĩnh, hiểu thẳng, "nan minh", lại cặp kè với Dương Đà Hỏa Linh nên rất dễ hư hỏng, dễ trở thành một "tiểu nhân chi cách", nhờ Thái Tuế kèm chế, uốn nắn, cố duy trì phong cách "chính nhân quân tử". Nhưng bản tính của Thái Tuế lại cũng rất kiêu hãnh, tự phụ, chủ quan, thích ra cái điều ta đây...vì thế khi sở thích cá nhân không được thỏa mãn, không được thiên hạ chiều theo, thì lại tỏ ra nghênh ngang, ngông cuồng, ra vẻ bất cần đời, luôn thách thức, sẵn sàng nghênh chiến với thiên hạ, cố bảo vệ quan điểm sai trái hoặc sở thích phi lý của mình! (Chẳng khác gì cha mẹ lo lắng dạy dỗ thẳng con ngỗ nghịch, nhưng khi người ngoài tới mắng vốn thẳng

con mình, vì bị chạm tự ái nên thay vì tiếp tục khuyên dạy con thì lại quay ra chửi luôn thiên hạ cho rằng con mình là đúng...rồi thẳng con được thể trở nên bố láo bố lếu luôn! Rốt cuộc chỉ tổ làm cho thiên hạ thêm bức bối, xa lánh vì cho rằng thuộc hạng người khó chơi, quá quắt!)

Ta háo thẳng, nên thành người trần tráo

Bị đời khinh lại dở giọng khinh đời **(NTN)**

...Bằng nửa con mắt coi đời như cỏ rác

Đối trên bất kính, đối dưới không hòa **(HCK)**

...Anh ơi! Em bảo anh này

Ở đời phải cúi lòng mày mới khôn

Người ta ăn ở sao tròn

Sao anh ăn ở như đòn phá ngang **(Tản Đà)**

Vì thế sự hiện diện của Hóa Khoa trở nên rất cần thiết, bùng tỏa lực lượng "ôn lương, thuần hậu" của mình ra để cố gắng ngăn chặn, khuyên giải cả Phá Quân lẫn Thái Tuế nên dẹp bớt tự ái đi, bớt hung hăng nóng nảy đi, bớt cuồng nộ phẫn hận đi ("Khi tàn bạo siết cổ người yêu dấu!"), kéo lại tạo thêm nghiệp!

Lòng như xưa, khó gọi

Hình người- mực đã thấm!

Ngày kia ta tù tội

Chỉ là án sát nhân! **(NTN)**

Cũng khó lòng mà khuyên lơn lắm, nhưng dầu sao cũng kèm chế được phần nào, không cho phép tự tung tự tác, cố dìm dặt vào vị trí "phản tác vi lương", nhờ thế trên cõi đời này mới có thêm một thi nhân tên là Nguyễn Tất Nhiên.!

Nhưng chính sự trì kéo, giằng co giữa hai khuynh hướng, hai lực lượng bấp sinh này, lại là cội nguồn sâu xa của những mâu thuẫn ngấm ngấm trong nội tâm, những giằng xé triền miên đã nung nấu và nghiền nát tâm can, đã gây biết bao dẫn vật thống khổ cho cuộc đời Nhiên, một cuộc đời cực kỳ phức tạp ẩn sau một vẻ tàng tàng, bình thường dung dị! Phá Quân

thuộc hành Thủy, là nòng cốt, đại diện cho mạng Thủy của Nhiên, thì cái lực lượng quá mạnh mẽ của Hao tán tinh này liên tục nỗ lực muốn xé rào, muốn phá bung tất cả những gì ra sức vây hãm, câu thúc nó! Hóa Khoa cũng đặc lực lắm, nhưng không đủ sức kèm chế lâu dài.

Chúng ta phải nhìn nhận một sự thật: Nhiên đích thị là một người có nghị lực rất khá, biết cố gắng tự kèm chế bớt cái bản năng tự nhiên hao tán của mình, không cho nó đảo điên xã hội, không cho nó tạo thêm nghiệp quả. Sự tự kèm chế này cũng là nhờ vị trí của Thân mà ra (cung an Mệnh diễn tả cái định mệnh mà trời trao cho, thường là bất khả kháng, liên quan đến Phá Quân và Thái Tuế...vừa được đề cập. Cung an Thân diễn tả cái Ta hành động, có khả năng biến cái được một phần nào đó định mệnh). Thân cư Quan Lộc, đóng ở vị trí Quan Phù, thì trước khi làm việc gì cũng chịu khó ép mình suy đi tính lại, cân nhắc lợi hại nhờ thế cũng bớt "hao tán, phá tán"... cũng biết cố gắng tự gò mình vào khuôn khổ!

Tuy nhiên, trời còn có lúc mưa lúc nắng thì con người cũng phải có lúc thế này thế kia, nhất là thể chất của Nhiên không được cường tráng, khỏe mạnh. Vì thế, không thể liên tục gồng mình chịu trận mãi, phải có những lúc buông lơisự cảnh giác nứt là những khi rơi vào nghịch cảnh bối rối, tâm tư bị kích động thái quá, thân thể và tâm hồn suy sụp, cõi lòng lạc lỏng thảng thốt, rối mù u uất...đâm ra nản lòng, ý thức hoảng loạn lú lẫn, suy tính vụng về...để Phá Quân vượt thoát vòng kèm tỏa, gây ra một vài phiền toái nho nhỏ cho đời rồi phải chịu mang tiếng với đời. Tuy nhiên, dư luận chỉ là thời gian, sự thật vẫn là sự thật!

..Hồi ta nhiều sám hối

Tính nết vẫn hoang đàng **(NTN)**

Cũng vì hoàn cảnh mà ra nông nổi, do một cái thế kẹt nào đó mà chịu oan tình...chứ thâm tâm của con người Thái Tuế trước sau gì cũng như thế, vẫn hoàn toàn đĩnh chính...Lòng thành thật chỉ có đấng Cao Sanh họa ra mới thấu rõ!

...Đôi mắt nào của Chúa ở trần gian

Hãy phán đoán tâm hồn tôi, thánh thiện

Đôi mắt nào tuyệt vời linh hiển

Hãy tò mò thêm chút nữa, tình tôi! **(NTN)**

Mà một khi ý thức rằng mình đã tính sai nước cờ, hoặc đã trót phạm điều gì  
lờ lẫm thì lại càng khổ tâm hơn, dần vật triền miên!

...Hồn ta đẹp nhưng đời ta thảm quá

Nên tị hiềm nhen nhúm giữa ngây thơ.

...Vì em là một mái nhà

Anh thân tứ cố vẫn ra người hiền **(NTN)**

Đã là những khuynh hướng bẩm sinh, được cấy cùng khắp mọi nơi mọi  
chỗ trong thân thể, trong tim óc (một thứ Sinh Phủ Từ), nguyên nhân của  
mọi khúc đoạn và nông nổi của số kiếp...mà lại không nghiên cứu về lý số,  
hoặc nhờ người giải số nào đó phân tích thật kỹ lưỡng, phơi bày trọn vẹn  
những ẩn ảo trong cái số của mình...nên không cách gì có thể nhận diện rõ  
rệt chúng nó được, đành phải ôm trọn suốt cả đời cái ray rứt triền miên về  
tinh thần trí não, không thể bộc lộ ra được! Nhiên cũng đã từng được gửi  
tới một bác sĩ phân tâm, nhưng tôi đoán chắc rằng không một vị chuyên gia  
phân tâm, cho dù là thuộc bất cứ một chuyên ngành nào (psychotherapy,  
psychoanalysis, behaviorism, hypnotism...) lại có thể phát hiện và vạch trần  
ra được cái điểm Thiên Cơ này, một thứ Thiên tính, do sự sắp xếp hết sức  
huyền vi của Tạo Hóa!

Tất cả bạn hữu đều chứng kiến nhiều lần Nhiên đã lớn tiếng thóa mạ một số  
người, đặc biệt tỏ ra căm hận ngút ngàn vị bác sĩ phân tâm đang trị liệu cho  
Nhiên! Nhiên tỏ ra hết sức "tinh táo" khi nói với một giọng đầy "phẫn nộ":  
"Nó (vị bác sĩ) làm cho tôi muốn điên tiết lên được!, rồi hạ giọng: Tất cả  
mọi người đều điên hết, chỉ có tôi là tỉnh!" Dĩ nhiên, vị bác sĩ kia cũng như  
hầu hết mọi người, qua lời nói của Nhiên, đều cho là Nhiên đã "trở nặng"  
rồi! Một lần, ngay sau khi nghe Nhiên lập lại điệp khúc "Tất cả mọi người  
đều điên, chỉ có tôi là tỉnh!" thì một người không thân Nhiên cho lắm, đã  
"phạng" một câu: "Chỉ có người điên mới nói câu đó!" Nhiên chỉ biết nhìn,  
hơi cau mày rồi mỉm cười điềm nhiên tiếp tục uống bia!

Ta là ta bất tử

Thơ khởi tự mê cuồng

Cám ơn ai hành hạ

Kẻ bất thường...điên luôn! (NTN)

Nhiên tự nhận là mình bất thường (mà cái bất thường này là điểm Thiên tính...chứ không điên!). Trong thực tế, một số người thực sự "không điên chút nào", trái lại còn tình hơn ai hết mà lại bị đưa vào bệnh viện tâm thần, bị ép uống thuốc chích thuốc và trải qua đủ thứ trị liệu, riết trở nên điên luôn! Đọc những bài thơ được Nhiên sáng tác trong những năm qua, chúng ta thấy rõ ràng Nhiên rất tình tảo, còn tình hơn chúng ta những kẻ đang quay cuồng điên điên đảo đảo trong cơn xoáy lốc của nhân dục tư lợi!

Cũng chỉ vì cái định mệnh cay nghiệt, phận hẩm duyên hiu, thấy bị đời bạc đãi đâm ra thất vọng triền miên nhưng cũng đành phải gồng mình chịu đựng cái cực hình cô đơn vì không ai chịu hiểu cho mình hết. Lẳng lẳng kéo lê mãi một cuộc sống xám xịt, chán ngắt, mất hết mọi rung cảm với nhịp sống náo nhiệt chung quanh, đánh mất hẳn khả năng sống một cuộc đời bình thường. Tâm tư bị đè nặng bởi những nỗi buồn thương hoang mang bi đát, mọi ý nghĩ bị xáo trộn lên, không còn mạch lạc gì nữa, cõi lòng mờ mịt chao đảo, bàng hoàng, ngẩn ngơ, buồn nhớ và thất vọng, ngập chìm trong túi nhục, oán hờn, trong một nỗi trống vắng bất hạnh và tẻ nhạt. Càng ngày càng dẫn mình vào những tâm trạng bất trắc khôn lường, vào cái vòng xoáy đầy những nghịch lý oan nghiệt, càng ngày càng có cảm giác rằng không phải mình đang thực sự sống mà là đang mắc kẹt trong một dòng nước lũ trên cõi đời này, khó mà gắng sống với cái thời của mình.

Tuy vậy, bản thân cũng cố giữ một phong thái trái ngược hẳn với cái tâm trạng luôn bị thôi thúc bởi những nỗi u buồn tha thiết, chán chường, ê chề sâu thẳm menh mang tràn phủ tâm hồn anh, bởi những ám ảnh cô đơn luôn bám gót, bởi những nỗi buồn tiêu tụy thấu xương vai, bởi sự bất lực nhúc nhối...Miệng gượng cười mà lòng thì thắt lại, nụ cười nhợt nhạt và nhút nhát vì thất vọng đau đớn, tang thương oan khốc đã tràn ngập lòng anh, thắt hết cả ruột gan cơ hồ không đứng vững...Thương thân và bi thiết nín mãi trong những đêm tối nặng nề và dai dẳng đã khiến Nhiên không còn gượng nổi nữa, cảm thấy bi thảm tuyệt vọng mất hết sức chịu đựng nên phải thõn

thức cất tiếng rên: Buồn ơi...Trong đám đông tàn nhẫn, một người chứng kiến đủ cho tôi!:)

Những cảnh ngộ trái khoáy, những nỗi bi quan bế tắc, những ám ảnh dày vò, những đau đớn lặng lẽ âm thầm, đơn độc bí ẩn nhưng hết sức khốc liệt cuồng bạo, đời sống tinh thần vô vọng...đã chìm con tim Nhiên xuống, đã làm tâm hồn anh chết lặng đi không thể nào ngóc lên được nữa, đã thẳng thừng tàn phá mạnh bạo cơ thể...đồng thời sự giằng co quyết liệt giữa hai khuynh hướng bầm sinh đối nghịch tiếp tay quật phá lung tung bên trong, xéo nát tâm hồn anh khiến những ý nghĩ và tình cảm rồ dại bật dậy và dẫn đến cái kết cục thê thảm thế nào...chúng ta đều đã biết!

"... Anh cô đơn ca hát vu vơ là gì vô ý giữa đám đông nơi con người dễ dàng phỉ báng kẻ điên khùng, ấy chết, anh chẳng viện lý do cuộc sống thiếu em, dù em dễ tin, nhưng trải thảm dưới chân có lời nào giải thích? dưới chân tình yêu, anh xin thành khẩn hứa chịu đựng ngang nhau hết thầy kẻ thù, thù".

Ta gượng sống giữa bao trùm nỗi chết

Tay khăng khăng cầm giữ nụ hoa hồng **(NTN)**

Anh Vũ Huy Quang, tức Thăng Long Văn Sĩ, một người rất thân thiết với Nhiên, đã tiễn chân người em yêu quý với bài thơ "Nguyễn Tất Nhiên, Khôn Lanh và Quý Quyệt:"

Chỉ giả vờ

Chỉ giả vờ chết

Bọn xấu cười nhe răng

Xong rồi đi...

Nhậu

Người thì lê khêu

Nói thì lấp bắp

Giả vờ chết.... **(VHQ)**

Bộ sao Dương Đà Hòa Linh nổi danh là "Đoàn thợ sát tinh", đương nhiên cuộc đời phải lao đao, khốn khổ, gặp nhiều sự bế tắc kiến vận, sức khỏe suy yếu, tuổi thọ bị chiết giảm. Cuộc sống đầy bất trắc, mâu thuẫn nội tại, vui buồn lẫn lộn, tâm tư khổ ải, luôn ưu tư buồn bã về đời người, thường



cắm đầu lúi thủi rảo bước trong tuyết vọng. Hành động lại thường táo bạo, ngang ngược, lấy thân làm sơ, lấy ân làm oán vì thế trở nên cô độc, âm thầm buồn thảm. Tất cả chỉ là hình ảnh của một kẻ sầu đời!

Em còn nhỏ em làm sao biết được

Ta oản mình trong những khổ tâm riêng

Em còn nhỏ làm sao mà biết được

Đời buồn hiu như lá rụng, ban đêm !

"...Tình yêu sao mà mê thiết quá em ơi, anh chẳng thiết tha ai hay mình sống chết, anh chỉ thiết một bàn tay cần thiết vuốt má cho đêm không nhất thiết thuốc an thần!" **(NTN)**

Rất nhiều lần Nhiên đã tỏ ý với thân hữu rằng không còn muốn sống nữa, thường đề cập tới cái chết như một lối thoát duy nhất cho những bế tắc của đời mình!

Tôi còn đứng bên dòng sông giá lạnh

Cho một mưu toan tự tử âm thầm !

...Ta đi cho chết thời oanh liệt

Cho thấu một trời đau đớn riêng! **(NTN)**

Xui xẻo mà vướng phải một sao Phá Quân thôi là đã ít người đương cự nổi, thế mà còn ôm trọn vào người bộ "Đoán thọ sát tinh" này, thì phải gặp hung họa. Nếu không gặp tai ương khùng khiếp thì chắc chắn phải yếu chết!

Ta đã đứng thế quay tròn bông vụ

Trón theo roi mới được thẳng bằng

...Ta chạy mù đời Ta chạy tàn hơi

Quy té trên đường đời

Sợ tóc vương chân người **(NTN)**

Người gặp phải những bộ sao này thì nên đi tu (xuất gia thật sự, hoàn toàn sống trong cảnh thanh lương đạm bạc, chứ không phải tu tại tâm, tu tại gia), mặc cho nắng sớm mưa chiều, thì hy vọng tâm tư sẽ được thanh nhàn nhờ chặt đứt hẳn được những hệ lụy do mối dây luyến ái ràng quấn. Nếu không thì sẽ phải cùng cực cô đơn chiêu hình, lục thân (cha mẹ, anh em, vợ chồng, con cái) sẽ trở nên bất hòa, rồi mình sẽ từ từ lâm vào cảnh huống

"phiền não qua thời", tâm tư xâu xé dễ trở nên điên loạn, nghĩ đâu quên đó, tâm tính hốt hoảng, hoang mang.

Cung Mệnh có Phá Quân, Thái Tuế, Tấu Thơ, Hoa Cái, Thai Phụ, Phong Cáo, Quan Đới thì tâm tình kiêu kỳ, lập dị, hay tự ái vặt, ưa thích ganh đua! Đã thế, còn gặp thêm bộ sao Thất Sát, Kinh Dương, Bạch Hổ (toàn là những sao cương mãnh, nông nổi, bạo hổ băng hà, quá khích, cực đoan, kiêu căng bất khuất, không thể làm ngơ trước những trái tai gai mắt, giám ăn giám nói kiểu toạc móng heo, giám can thiệp vào bất cứ việc gì, khó thỏa hiệp, không thể sống hòa theo vô nghĩa, không có đầu óc làm quấy, thường sống nghịch với lẽ thói của đám đông lúc nhúc. Người đời thì không hiểu, cho là gàn, là cuồng!)...càng khiến cho tính tình trở nên ương ngạnh cô độc, ngạnh ngã, dễ nổi khùng, khó giao du gần gũi với ai cho được lâu bền! (Một nhà văn tên tuổi thật lớn, vài năm trước đây, cũng đã bị Nhiên làm cho một mẻ khá nặng trước mặt nhiều người!). Không những vị này, mà còn rất nhiều người khác nữa, cảm thấy ớn ớn một khi thấy mặt Nhiên, cố gắng giữ thái độ "kính nhi viễn chi" là tốt nhất!

Đời chẳng khác tay ma đầu biến lận  
Keo kiệt từng phần danh lợi xót chia  
Bước ra đường ai cũng đội mào mang hia.  
Ai cũng cố nguy trang nặng phần trình diễn  
...Cách gì tôi nhủ khuyên tôi:  
Sống cho ra vẻ cần đời, trang nghiêm  
Sống không khinh lũ thấp hèn  
Thế nên từ đó cơn điên xé đời  
Cách gì tôi nhủ khuyên tôi  
Sống không dữ dội, sống nguôi hận thù  
(Tôi duy tâm, rất nhân từ  
Thế nhưng thời đại suy tư đã tàn!)...**(NTN)**

Cái đau trong lá số của Nhiên là cung Mệnh và Thân đều đóng ở thế thượng phong (Thân Tí Thìn), ở ngay vị trí Thái Tuế đầy chính nghĩa, lẽ phải nắm trong tay, trong khi đối phương (cuộc đời bên ngoài nói chung) đóng ở thế hạ phong (Dần Ngọ Tuất) cho dù có Tử Tướng sóng đôi với

Hóa Quyền nhưng lại ngộ Đà La thì đúng là một bè lũ chẳng ra gì, lại ở vào thế Tuế Phá và Thiên Hư, một cái thế không có tí "chính nghĩa" gì cả, chỉ biết a dua, ham chuộng hư vinh, tùm năm tùm ba theo hùa nhau làm bậy làm càn, đặc chí với những việc làm lừa đảo, hãm hại những người chân thật, hiền lương...mà mình thì lại "trần gian nào biết trên đầu có ai!", sẵn sàng thách thức nghênh chiến với bọn chúng, luôn cũng quyết liệt đối đầu chống chọi lại chúng nó...thế mà cũng không làm nên cơm cháo gì hết cả! Rồi chỉ vì không biết nương tay hiểu phận nên đâm ra phần hận, tâm tư hoảng loạn, khốn khổ đảo điên...

Rồi cũng chỉ biết mở to đôi mắt nhìn trừng trừng vào cuộc đời, tiếp tục dòng tâm sự náo nê, tâm hồn ngợp đi trong buồn thương đầy tủi nhục, lòng dạ tái tê rạn vỡ bởi nỗi niềm thương thân nào nùng, bởi cái ý "bất lực tòng tâm", bởi cái cảm giác kém cỏi nhỏ bé của thân phận, luôn thấy bị lạc thời và lạc loài, cõi lòng nặng trĩu, những dang dở của tiếc nuối, thấm thía về sự hư hoại của đời mình. Tình cảm tê dại, âm u buồn thảm, đầu óc tối sẫm tuyệt vọng không còn nghĩ nổi điều gì nữa, trở nên dửng dưng ơ hờ buông xuôi mọi nhẽ đời, kéo dài chuỗi ngày điêu linh cùng cực với những cơn mộng du xuất thần thơ thần hiền lành, chìm đắm trong những niềm si mê lẫn nỗi đau trước thời cuộc.

Cung Phúc đức có Thiên Phủ (của cải), Vũ Khúc (tài chính)...nhưng bị Tuần bịt lối! Gặp Văn Khúc, Phượng Các đồng cung thì nếu nghiêng về lãnh vực nghệ thuật, văn chương thi phú thì cũng là một điều thuận lý mà thôi! Cung Phúc còn có những sao Hóa kỵ, Tang Môn hội thêm Đà La, Thiên Khốc, Đẩu Quân...nói lên một tâm hồn thường lo âu bao la, buồn nhất, bi lụy yếm thế, tuổi thọ sẽ bị chiết giảm, đồng thời bà con anh em thân thuộc thường phải ly tán, hay tranh chấp lẫn nhau. Chính những sao buồn ám này đã âm thầm tác động mạnh mẽ, sâu đậm đến ý tứ trong những vần thơ của Nhiên, điển hình là bài "Giữa trần gian tuyệt vọng", sáng tác vào năm 1972 (khi 20 tuổi):

Ta khổ đau cho đời ta chết trẻ

Phải ê chề cho tóc bạc với thời gian

Phải đau theo từng hớp rượu tàn

Phải khép mắt sớm hơn giờ thiên định **(NTN)**

Thoáng lướt qua các nhận định trên, chúng ta thấy rõ hình ảnh của một kiếp người cô đơn, bất đắc chí, tâm tư luôn khắc khoải, lủi thủi đi trong ngõ hẹp riêng biệt của mình, khó lòng mà hòa mình thoải mái với đám đông. Nhiên lại có tâm tánh kiêu hãnh, đầy tự phụ ngấm ngầm cũng như tự ái ngút trời. Nhớ lại, cung an Mệnh đã có sẵn Phá Quân, Hỏa Linh ( chỉ riêng Linh tinh thôi cũng nói lên một con người trầm ngâm, tương mạo kỳ dị, có gan lớn hơn người!), phối hợp với bộ Thất Sát Kinh Dương, Bạch hổ thì một khi tự ái bị tổn thương, bị chạm nọc thì trở nên sôi nổi, dễ bốc nóng, nổi giận đùng đùng như rừng tàn núi lở, bất chấp hậu quả ra sao thì ra, cũng như không cần biết kẻ đối diện là ai!

...Ta bạt mạng kéo theo người bạt mạng

Nên cơn vui thường trú giữa cực hình **(NTN)**

Chắc chắn Nhiên đã cảm nhận sâu sắc được sự điều cốt quái ác, dai dẳng của ông Trời, nhằm vào cái số phận của mình, thì sẵn với bản tính "coi trời bằng vung", Nhiên đã phẫn hận đòi "Thì em hỡi, Ngai trời ta đập xuống!"

Những nhận xét trên nói lên một vài đặc điểm về cá tính mà Thượng Đế đã phú ban cho Nhiên ngay từ lúc còn là bào thai trong bụng mẹ (Cha mẹ sanh con, Trời sanh tính (Thiên tính)), cũng như phác họa vài nét tổng quát về phúc họa của cuộc đời thi nhân Nguyễn Tất Nhiên.

Nguyễn Tất Nhiên là một tên tuổi thật lớn trong thế giới thi ca hiện đại. Ngoài những yếu tố Vũ Khúc gặp Tuần, Văn Khúc, Phượng Các trong cung Phúc Đức, thì những yếu tố sau đây, theo lý thuyết Tử Vi, đã góp phần nhào nặn nên một thi sĩ tài danh của tình yêu.

Tham Lang là người thích "ca ngâm vịnh phù đăng". Gặp Hao thì đồng thời lại là người đa dâm, mê say chuyện ong bướm, hết sức tha thiết với kẻ khác phái, tình cảm trai gái "thâm sâu như đáy giếng":

Song Hao, Tham hội đa dâm

Thiên Đồng ngộ Quý mười phần thanh cao

Tuy nhiên, cũng nhờ Hóa Khoa và Thiên Tài tâm chế, gột rửa, lột xác rồi, trở nên thẳng thắn, lương thiện, không còn trụ lạc hư thân, bớt được cái

tính ong bướm, đa dâm, chỉ còn dâm ngầm ( Tham Lang ngộ Hao là cảnh sung túc, thỏa mãn trong âm thầm của một kẻ kín đáo) khi chuyển hóa qua lãnh vực thi phú thành những vần thơ lãng mạn, trữ tình:

...Nên yêu thương bằng gương mặt khờ khờ

Nên hùng hổ...để đợi giờ thua thiệt!

Để ta còn thi sĩ nhất loài sâu

Nhìn lá nỡn, tiếc, thềm ...đâu dám cắn!

Hôn em chấn động đầu đời

Chiếc hôn tình lớn kiếp người đôi giây! **(NTN)**

Những sao như Tấu Thơ, Hoa Cái, Đường Phù, Văn Xương, Thai Phụ, Phong Cáo, Hóa Khoa, Thiên Tài, Tả Phù, Long Trì, giáp Khôi giáp Việt...quá đủ để nói lên một tâm hồn nghệ sĩ tài danh (chỉ riêng Hóa Khoa và Thiên Tài đóng ngay cung Quan đã nói lên sự biến hóa hết sức tài tình trong cái thiên khiếu rồi!). Tả Phù đi với Hóa Khoa cho thấy sự thành công chuyên ngành cao đẹp, đóng chung với Tham Lang thì tham vọng khá lớn, rất tự đắc về lãnh vực riêng của mình. Tả Phù đi với Văn Xương là hình ảnh của một bạch diện thư sinh. Người có Văn Xương thường khôi ngô, tai mắt sáng láng ( đôi mắt Nhiên đen nháy thường nhìn thẳng ngay vào người đối diện, kết hợp với vầng trán cao, cái mũi khỏe, miệng khá rộng, khiến thoạt mới nhìn thì phảng phất nét hơi dữ!) bác văn quảng lý, cơ biến dị thường (biểu lộ rõ ràng trong việc xử dụng các từ ngữ đơn giản, chân thành trong các vần thơ), nhất cử thành danh (chỉ một bài thơ "Thà như giọt mưa", được nhạc sĩ Phạm Duy phổ nhạc, cái tên Nguyễn Tất Nhiên đã được cả nước nghe đến!)

Khôi Việt giáp Mệnh vi kỳ cách, cung Mệnh an tại cung Thìn, Thiên Khôi ở cung Mão, Thiên Việt ở cung Tị:một quý cách về văn chương nghệ thuật! "Nhà văn An Nam ta khổ như chó!". Nhà văn đã thế, nhà thơ phải gieo neo, khổn khổn hơn nhiều! Trong thực tế đời sống, không ai nuôi sống nổi bản thân mình, chứ đừng nói tới vợ con, bằng những vần thơ cả! Cung Quan Lộc của Nhiên, oái oăm thay, có sao Tham Lang đóng chung với Văn Xương, Tả Phù , Long Trì, Thiên Tài, Hóa Khoa...thì chỉ có văn chương thi phú là nghề chính, còn tất cả nghề khác là nghề phụ, là nghề tay trái!

Ôi chữ nghĩa văn chương

Bất lực, càng bất lực!

Phải sống nơi địa ngục

Mới hiểu thấu thân ta! **(NTN)**

Thân cư Quan Lộc, đóng ở vị trí Quan Phù Tham Lang, Đại Hao thì bản thân có nhiều tham vọng to lớn, cũng biết lo toan tính toán, suy tư thật nhiều về con đường công danh sự nghiệp, về công ăn việc làm, cũng có thu vén, "năng nhặt chặt bị" như ai... nhưng lại bị Đại Hao, Linh Tinh phối hợp với Phá Quân, Hỏa Tinh phá tán thì khó làm nghề gì, công việc gì cho được lâu bền ( chỉ vì bản chất ngang tàng, bất cần đời nghênh ngang của Phá Quân và Thái Tuế nên không chịu được ai nặng nhẹ, xỏ xiên mình, có lần Nhiên ngồi quán cà phê ở khu Little Sài Gòn , chỉ vì nghênh sao đó mà bị du đảng hiểu lầm đánh bầm dập hết mặt mày!); chàng thi sĩ nghênh ngang có khuynh hướng "tiên cầu hậu lãn", lúc đầu luôn tỏ ra hăng hái nhiệt tình, nhưng cũng chỉ được một thời gian ngắn thì lại đâm ra chán chường, bỏ ngang! Trước năm 1975, Nhiên đã từng khoác áo nhà binh, đi dạy học, đồng thời theo học Luật. Vượt biên, sang Pháp một thời gian ngắn, rồi sang Hoa Kỳ, giúp việc trong một tòa báo, nhưng không được liên tục, làm một thời gian thì nghỉ, ít lâu sau quay trở lại!

Hồi khoảng đầu năm ngoái (1991), Nhiên gặp lúc kẹt quá, đành rửa chén cho một nhà hàng quen, đồng thời bắt đầu tới trường học nghề thợ tiện, (có người bảo Nhiên học Data Processing), khoảng hơn một tuần sau gặp tôi, Nhiên cho hay rằng đã nghỉ việc và tâm sự rằng một ông khách thấy Nhiên như thế, mới bảo Nhiên rằng: "Tôi trọng Nhiên vì Nhiên là thi sĩ, tôi không chịu được khi thấy Nhiên đứng rửa chén bát!" Nhiên chỉ thuật lại như thế, chứ không cho biết, vì câu nói đó hay do một nguyên nhân nào khác, Nhiên đã bỏ công việc phụ giúp nhà hàng, cũng bỏ ngang luôn việc học nghề.

...Nên tương lai bần bật ở lòng mình

Nên bất hạnh ngập đầu ai vô tội **(NTN)**

Cung Nô Bộc đóng ở cung Dậu, nhị hợp với cung Mệnh tại Thìn, vì thế những yếu tố trong cung Nô tác động rất mạnh đến con người của đương số. Cung Nô có sao Đào Hoa, thêm Thiên Hi, Ân Quang, Thiên Quý, Thanh

Long...hội chiếu, cộng thêm ảnh hưởng của sao Tham Lang, Đại Hao ở cung an Thân vì thế đời sống tình cảm của Nhiên rất dồi dào phong phú, thường xuyên bị ám ảnh bởi những mối tình si,( có người đồn Nhiên có lúc bỏ nhà theo ca sĩ Nhật Hạ xuống Texas).

Nhưng định mệnh đã an bài, Nhiên sinh rớt ngay vào năm Thìn, nên Đào hoa đóng sờ sờ ngay cung Dậu, kèm sát song hành với cung Mệnh, cho nên cái số kiếp của Nhiên vương mắc rất nặng nề cái nghiệp tình ái, chính xác hơn là bị một thứ nghiệp chướng níu kéo vậy (một giây một buộc khó giăng cho ra!).

...Khăn tắm tối hãy ngay đầu quán nốt  
Quán cho nhau, quán bạo, quán cuồng điên  
Vòng sau cùng sẽ gặp quý Sa tăng  
Bởi hạnh phúc mơ hồ như Thượng Đế!

...Ta có gì đâu ngoài khốn khổ  
Ngoài vết thương thấm thía u tình  
Yêu ai ta quán giây oan nghiệt  
Mặc sức nhân gian siết bạo tàn. **(NTN)**

Trong những năm qua, phong thái sống của Nhiên giống như một kẻ đứng bên lề cuộc đời, uế oải, bất đắc chí, sầu đời, "phiền não qua thời", lầy lắt từng ngày giữa mộng và thực! Trên xe lúc nào cũng có vài ba quyển Anh văn nào dễ đọc nhất!(Hồi ở Việt Nam, Nhiên có thời gian đi dạy Việt văn, và cũng rất khá Pháp văn, nhưng không hiểu sao lại khó nuốt cái loại ngôn ngữ hamburger, hot dog!). Nhiều buổi tối đã khuya khoắt, bước chân vào nhà hàng Phở Ngon, tôi đã thấy Nhiên nằm gục xoã tay, thiêm thiếp trong cơn say tại một cái bàn tận góc trong cùng, với vài chai bia không bên cạnh, và vào những lúc xế chiều vừa bước vào quán Việt, tôi lại thấy Nhiên ngồi khuất ở một cái bàn bên cánh trái, trước mặt là ly bia lạnh, đầu thì gục hẳn xuống như đang cố nhìn thấu vào trái tim mình, khi ngẩng đầu lên thì hoặc nhìn trừng trừng vào khoảng không, chẳng buồn để ý đến ai, hoặc chỉ cười ruồi một mình khiến nhiều người khách lạ không biết Nhiên cứ liếc mắt nhìn hoài! Thân hữu nhờ hiểu Nhiên phần nào nên hầu như ai những giờ phút "xuất thần" như thế!

...Sốt cho ai chút buồn

Sao tôi không nở, nên thầm cạn ly...(NTN)

... Năm năm sau ở Orange County

Ta đổ thừa xứ Mỹ

Đổ thừa đồ nhứt chí

Tủi hổ anh linh người! (NTN)

Nhiên thường ít nói, nhưng mỗi khi mở miệng thì lắp ba lắp bắp, dường như nội tâm đầy ắp tâm sự phức tạp, được dịp đưa nhau tuôn ra, sợ không kịp thoát ra cửa miệng. Nhiều lúc đang nói, Nhiên chợt ngừng lại, cau mặt nhú mày, tay vỗ vỗ trán làm như đang cố tìm từ ngữ chính xác để bộc lộ ý tưởng. Đôi tay nếu không vung lên diễn tả tâm tư, thì thỉnh thoảng lại đưa lên vuốt ngược mái tóc, lộ ra vầng trán cao ráo, thông tuệ...gió lạnh chiều tà, lộng lẽ đưa mắt nhìn vượt khỏi tầm mắt, vươn tới cõi xa xăm, gương mặt trắng bệch, cái nhìn như lả đi...thần thờ, anh ngồi xuống ghế. Anh khổ quá, một nỗi buồn làm Nhiên chìm ngập vào trong thời thơ ấu, thả mình nhiều vào những cơn mộng du, dỗi vào anh một cái nhìn chẳng nói lên một điều gì hết, mọi tình cảm như thể bị nuốt đi đâu cả, chỉ làm cho anh mặc cảm thêm về sự cô đơn. Chỉ nom Nhiên quá buồn, buồn đến nỗi mỗi khi bắt gặp nụ cười ấy ai không khỏi thấy lòng mình se lại. Nhiều lúc dường như Nhiên muốn nói gì đó, môi mấp má định nói nhưng lại ngại ngần không chịu thốt ra; luôn luôn như thế muốn nói thêm nữa một điều gì mà không bao giờ nói, cũng biết những dẫn vật, những khổ sở của mình là nhỏ bé xiết bao, vô nghĩa nữa, chẳng khác nào như làn khói mong manh trong bầu trời cuộc sống...rầm rì chuyện mảnh mung nơi tụ tập, giải sầu, gặp gỡ hàn huyên, kiểu sống man di, uống kiểu chửi cha cuộc đời của những kẻ thường xét đoán kẻ khác theo tâm trạng của mình, nói chung là những sự cố kết ủy mị, để tránh dây dưa chuyện trò, cảm thấy lúng túng khi được hỏi, lắc đầu quây quậy và mỗi khi bộc lộ ra được điều gì gây bực bội trong lòng, Nhiên thường kết thúc bằng câu: "Tôi không chịu nổi! Tôi không chịu nổi ông ơi!".



... Năm năm sau ở Orange County

Giữa vô luân loạn lý

Ta gần mực thì đen

Càng ngày càng nhảm nhí **(NTN)**

Nhiên luôn luôn cảm thấy lạc lõng giữa đám đông ồn ào, tại một vài buổi văn nghệ ra mắt sách hoặc băng nhạc. Nhiên cũng có mặt, nhưng thường lánh mặt vào một góc thật khuất, lặng im quan sát, rồi lẳng lẳng đi về! Nếu bị phát hiện và lôi lên sân khấu, Nhiên thường hát bài "Vì tôi là linh mục". Mặc dù theo kiểu "nhịp điệu xa vắng", đang theo đúng nhịp điệu với ban nhạc, bất chợt ngưng ngang thật lâu khiến cho băng nhạc chói với, lúng túng, nhưng khán giả bên dưới thường im lặng như tờ, bị thu hút mạnh mẽ trước phong thái trình diễn xuất thần, sống động, hết sức tha thiết, đặt trọn tâm tư vào bài nhạc được phổ từ chính những vần thơ tim óc của mình!

Trước khi qua đời, Nhiên đã quay trở lại tòa soạn Người Việt, dùng hầu hết tiền lương để trang trải những nợ nần, rồi bất thần ra đi, để lại hai con trai. Một thân hữu thuật lại một câu chuyện là, trước khi qua đời khoảng ba tuần, Nhiên có than rằng một ca sĩ đã từng hát và thu băng nhiều bài thơ phổ nhạc của Nhiên, một lần tình cờ gặp và thấy Nhiên quá túng thiếu, đã hứa là một vài hôm nữa sẽ đưa Nhiên năm chục đồng nhưng vài ngày sau gặp lại, ca sĩ đó tỉnh bơ chẳng nói năng gì cả và cũng quên tiệt luôn lời hứa!!!

...Năm năm ở Orange County

Ta thờ hoài không khí

Tấm xăng dầu tiêu pha

Chẳng biết ai tri kỷ **(NTN)**

Theo kinh nghiệm của cụ Thiên Lương, một Thái Sơn Bắc Đẩu trong làng lý số, thì bộ "Hình Riêu Không Kiếp" là bộ sao tượng trưng cho "oan gia nghiệp báo". Thiên Hình (ở Sửu). Thiên Riêu (ở Tị) đều là hãm địa, tức là nghiệp quả chưa hết căn duyên! Những vần thơ tình của Nhiên bộc lộ tính đa dạng, phức tạp, éo le trong những mối quan hệ luyến ái!. Thơ tình không những đã lôi ông Cha, bà Sơ vào, mà còn kéo thêm cả Ác quỷ nữa!

Một tín đồ duy nhất  
Vừa thiêu hủy lầu chuông !

...Vì tôi là linh mục  
Không biết rửa tội người  
Nên âm thầm lúc chết  
Tội mình còn thâm vai...

...Đời chia muôn nhánh khổ  
Anh tận gốc gian nan  
Cửa chùa tuy rộng mở  
Tà đạo khó nương thân  
Anh đành xưng quý sứ  
Lãnh đủ ngọn giáo trần!  
Qua giáo đường kiếm Chúa  
Xin được làm chiên ngoan  
Chúa cười rung thánh giá  
Bảo: đầu người có sừng!  
Mừng em sớm biết lọc lừa  
Biết gây thơ giả- biết đùa với đau!  
Em bây giờ có lẽ  
Toan tính chuyện lọc lừa  
Anh bây giờ có lẽ  
Xin làm người tình thua  
Và thơ tôi gom hết cho người  
Rất tội nghiệp như dòng sông cạn nước! . **(NTN)**

Nhiên qua đời vào ngày 3 tháng 8 Dương lịch, tức ngày mồng 5 tháng 7 (tháng Nhâm Thân của năm Nhâm Thân). Nguyệt hạn đi vào cung Phúc Đức gặp ngay Tang Môn và Hóa Kỵ (tượng trưng cho hóa chất, cho thuốc men). Nhiên dùng thuốc để tự kết liễu sự hiện diện của mình tại cõi tạm này.

Tôi nhận thấy bài thơ "Tĩnh Khúc", với những "Buồn ơi..." mở đầu cho từng đoạn thơ, đã diễn tả hết sức xuất sắc, thật tuyệt vời cái tâm trạng khốn khổ cùng cực của Nhiên, khi bị bầy Hung Sát Tinh này dẫn cho tả tơi hoa lá!

Buồn ơi...

Tôi bỏ tôi chìm đắm  
Trong tiếng làm thình của ghế bàn  
Ghế bàn không sẽ chỉ sầu thảm  
Nhưng biết làm thình lặng cảm thông  
Bàn ghế đâu như người vui nhảm  
Tọc mạch đời nhau để miệng mồm  
Buồn ơi, tôi muốn như bàn ghế  
Chịu đựng đời nhau không biết thở than!

Buồn ơi...

Tôi bỏ tôi tàn tạ  
Lạy đời xin một bận ngó lơ  
Lần té nặng này tôi muốn giữ  
Cho tim đừng hối hận trào cao  
Buồn ơi, đừng giết chết tình nhau  
Buồn ơi, tôi muốn hôn đời sống  
Dù môi nhau nứt nẻ thương đau!

Buồn ơi...

Tôi bỏ tôi ngây dại  
Có phải thu bồn chở tóc ai  
Có phải lần run tay vuốt... dại  
Là lần té gập dưới bàn tay?  
Buồn ơi, tôi muốn dâng đời sống  
Một đóa hồng đau đón tuyệt vời!

Buồn ơi...

Tôi bỏ tôi rời rã  
Bất lực làm sao trước cuộc đời  
Ừ nhỉ, trước giờ tôi chiến đấu

Cho niềm bất lực buổi hôm nay!  
Ừ nhỉ, bây giờ tôi mới biết  
Ghế bàn nên kính trọng như thầy  
Bàn ghế dạy tôi điều nhẫn nhục  
Dạy tôi bình thản thứ tha đời  
Bàn ghế có bao giờ bất lực  
Có bao giờ biết đợi trông chi  
Buồn ơi...  
Tôi có muốn như bàn ghế  
Thương đời như thể bị khinh thôi!  
Buồn ơi...  
Tôi bỏ tôi gần chết  
Tay đời bít tôi chẳng ngưng tay  
U đầu sút trán lao vào vách  
Tội tình tôi sao nặng thế này?  
Buồn ơi...  
Trong đám đông tàn nhẫn  
Một người chứng kiến đủ cho tôi  
Nhờ ai, tôi đã thành tâm nhẫn chờ ai,  
Tôi phục dưới chân đời  
Buồn ơi, tôi muốn như dòng lệ  
Cay đời như kẻ thích ăn cay!  
Buồn ơi...  
Tôi có tôi bàn ghế  
Nguyện hiến cho đời một tấm lưng. **(NTN)**

.....

Sao thiên thu không là lãng quên?  
Nên tình xưa còn cháy âm thầm  
Tôi đứng giữa ngôi nhà nám lửa  
Và những người thân trốn chạy vội vàng!

Thế nhân khắc nghiệt hơn ta tưởng  
Em cũng vô tình nghiệt ngã theo  
Yêu ai, ta đốt thời niên thiếu  
Bây giờ mang thảm kịch tàn tro!  
Thế nào tôi cũng giết tôi  
Xin hận thù em suốt quãng đời!  
Mình hận thế cách chi mà gặp gỡ?  
Bởi vì ta không dễ được đầu thai  
Nếu được đầu thai, không dễ được làm người!  
(Dù chỉ được làm người trên đất mọi!) **(NTN)**

Trong một tiền kiếp xa xăm nào đó, người mà trong kiếp sống này, được thiên hạ gọi là thi sĩ Nguyễn Tất Nhiên, đã là ai? Đóng vai tuồng gì trong cái vở tuồng nhân sinh ở thời tiền kiếp đó? Tất nhiên, kiếp sau có đầu thai, chàng cũng sẽ xin làm thi sĩ nữa.

Nghe thuật lại, tập "Minh Khúc" (đang in), được Nhiên viết ra trong thời gian làm tại báo Người Việt vào năm 1989. Trong những cơn xúc động tột cùng, Nguyễn Tất Nhiên vừa viết vừa ôm mặt khóc thảm thiết !

VŨ CÔNG LÝ

**Thái Thụy Vy**  
Biên Hùng Liệt Sử  
**Trần Ngươn Phiêu**  
Những Bài Viết của Thân Hữu

**Trần Ngươn Phiêu**

*Trần Văn Giàu - Nhà Giáo Nhân Dân??*

Trần Văn Giàu, một nhân vật chủ chốt trong thời Việt Minh giành được chánh quyền ở Nam Bộ vào ngày 25 tháng 8 năm 1945, đã tự phong chức Chủ tịch đầu tiên của Ủy ban Hành chánh Lâm thời Nam Bộ. Mười ngày sau đó, Hồ Chí Minh đã phái Hoàng Quốc Việt và Cao Hồng Lãnh từ Bắc vào, buộc Trần Văn Giàu phải rời rộng thành phần Lâm Ủy Hành Chánh thành Ủy Ban Nhân dân Nam Bộ và phải nhường chức chủ tịch cho Phạm Văn Bạch, một nhân vật không đảng phái vào thời bấy giờ. Sau đó không lâu, Trần Văn Giàu đã bị Hồ Chí Minh triệu hồi về Bắc để phụ trách ngành giáo dục, không cho phép trở về Nam công tác cho mãi đến năm 1975. Vào năm 1992, Trần Văn Giàu đã được chánh quyền Cộng sản Việt Nam phong tặng danh hiệu “Nhà Giáo Nhân dân”.

Người Việt Nam đã từng hấp thụ văn hóa Khổng Mạnh từ ngàn xưa nên lúc nào cũng kính trọng các bậc Thầy của mình. Đạo Khổng há chẳng đã dạy phải xem Thầy trên cả Cha hay sao (Quân, Sư, Phụ). Các tiền nhân mà lịch sử Việt Nam ghi công, được nhìn nhận vào bậc Thầy như Chu Văn An, Nguyễn Trãi, Đồ Chiểu v. v...là những người được dân chúng mến phục chẳng những vì tài ba lỗi lạc mà cũng vì đức độ sáng chói. Chánh quyền Việt Nam Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa đã muốn dân chúng cùng tôn vinh với họ, coi Trần Văn Giàu là “ nhà giáo nhân dân” của lịch sử hiện đại. Với những kinh nghiệm đau thương mà đảng Cộng sản Việt Nam đã bắt toàn dân gánh chịu trong quá khứ, trong thâm tâm, chúng ta lúc nào cũng thấy vẫn phải nghi ngờ những gì đảng chủ trương đề cao.

Trần Văn Giàu đã có một thời sáng giá ở miền Nam vào thập niên 1940. Nhưng đối với các thế hệ trẻ hiện nay, và cả đến một số đồng đồng bào

miền Bắc, ta có thể ước đoán là chỉ một số ít người được biết rõ về Trần Văn Giàu. Vì vậy nên người viết bài thấy cần phải nhắc đến thân thế và sự nghiệp của Giàu để chúng ta có thể xét nghiệm tài ba và nhân cách của người được Đảng đề cao là “nhà giáo nhân dân”.

Trần Văn Giàu thuộc một gia đình trung lưu, sinh ngày 6 tháng 9 năm 1911 ở xã An Lạc Long, huyện Châu Thành, tỉnh Tân An. Tân An tức Long An ngày nay là một tỉnh nhỏ trong Nam, ở ven biển Đồng Tháp Mười. Gia đình Trần Văn Giàu có nhiều người tham gia chống Pháp trong phong trào Khởi nghĩa Thủ Khoa Huân. Lúc nhỏ, Trần Văn Giàu theo học trường tiểu học Tầm Vu. Năm 1925, lúc được 15 tuổi thì Giàu theo học trường trung học Chasseloup Laubat. Đây là thời khoảng ông Nguyễn An Ninh trở về miền Nam sau thời gian du học ở Pháp. Nguyễn An Ninh đã tổ chức nhiều cuộc diễn thuyết ở Sài Gòn, phát hành báo La Cloche Félée (Chuông Rè), vận động thanh niên nên thức tỉnh trước tình hình đất nước, tập hợp những người yêu nước ở cả thành thị và nông thôn vào một mạng lưới cốt cán, chuẩn bị thành lập “Đảng Thanh Niên Cao Vọng”. Trường Chasseloup Laubat, tuy là một trung học cho phần đông con nhà giàu nhưng những vận động sôi nổi của Nguyễn An Ninh cũng đã làm thức tỉnh tâm trạng yêu nước của nhiều học sinh trẻ. Những sinh viên đầy nhiệt huyết này đã bí mật tập hợp thành đảng “Jeune Annam” và tên tuổi họ về sau đã thấy gắn liền với các phong trào cách mạng ở miền Nam: Tạ Thu Thâu, Trịnh Hưng Ngẫu, Nguyễn Văn Số, Bùi Công Trừng, Hà Huy Giáp, Nguyễn Khánh Toàn, Trần Ngọc Danh...v.v. Nguyễn An Ninh vào thời buổi đó dự định tổ chức một cuộc diễn thuyết lớn ở Vườn Xoài, Sài Gòn nhưng việc không thành vì thực dân ra tay bắt Ninh một ngày trước buổi ra mắt. Cũng vào thời gian đó, Bùi Quang Chiêu trong đảng Lập Hiến từ Pháp trở về lại Việt Nam. Thực dân Pháp đã đe dọa hành hung phản đối Bùi Quang Chiêu về việc ông chủ trương tranh đấu cho Việt Nam được độc lập trong một thể chế Lập Hiến. Nhóm Jeune Annam do Tạ Thu Thâu cầm đầu đã tổ chức đón Bùi Quang Chiêu ở bến tàu Nhà Rông để bảo vệ Chiêu. Nhân dịp đón rước này, nhóm Jeune Annam cùng dân chúng tham dự cuộc đón rước cũng đã hô hào yêu cầu thực dân Pháp phải thả Nguyễn An Ninh. Trong cuộc

biểu tình này không biết Trần Văn Giàu có tham dự không, nhưng đến phong trào dân chúng và sinh viên học sinh các trường biểu tình đưa đám tang ông Phan Châu Trinh năm 1926 thì Giàu có tham gia với các nhóm đàn anh của trường nhưng sau đó, Giàu đã may mắn không bị đuổi khỏi trường.

Việc Trần Văn Giàu được đi học ở trường Chasseloup Laubat và tham dự cuộc bãi khóa nhân dịp đám tang cụ Phan Châu Trinh là do chính Trần Văn Giàu kể lại dưới nhan đề “ Dạy người chính là dạy mình”, đăng trong “*Nửa thế kỷ những gương mặt nhà giáo*”, Nhà xuất bản Giáo Dục- 1995. Trong một tài liệu khác mà người viết bài hiện đang nắm giữ về sự liên hệ giữa Trần Văn Giàu và Tạ Thu Thâu, thì Trần Văn Giàu lại theo học trung học ở một trường tư thục tên Nguyễn Xích Hồng, trên con đường từ Bà Chiểu sang Phú Nhuận. Giàu lại đi học với cái tên mượn tạm (Vì các khó khăn về tuổi tác hay gì một lý do nào khác, nên phải mượn khai sinh đi học?) là Nguyễn Ngọc Minh. Tạ Thu Thâu dạy Pháp văn ở trường tư thục này và vì thấy Nguyễn Ngọc Minh thông minh, lanh lợi, nên để ý thương yêu và giúp đỡ.

Năm 1928, Trần Văn Giàu được cha mẹ chấp thuận cho sang Pháp học nhưng bắt buộc Giàu phải đi làm đám hỏi vợ trước khi được đồng ý cho đi Tây. Giàu đáp chuyến tàu *Cap St Jacques* qua Marseille và theo học lớp Đệ nhất (Première) năm 1928-1929 ở Lycée Toulouse, miền Nam nước Pháp. Giàu đậu Tú Tài phần I năm 1929 và năm sau, học Tú Tài phần II, ban Triết. Vào thời đó phần đông một số sinh viên Việt Nam, ngoài Paris, thường hay chọn các tỉnh ở miền Nam như Montpellier, Aix en Provence, Toulouse..., có lẽ vì khí hậu ấm áp hơn là miền Bắc. Những nhà cách mạng có tiếng tăm sau này ở miền Nam thường đều là các sinh viên đã theo học ở Toulouse như Trần Văn Thạch, Phan văn Hùm....v...v.Tạ Thu Thâu thường hay ghé qua Toulouse vì ở đây có một chi bộ của đảng P.A.I. Đảng P.A.I. (Parti Annamite de l'Indépendance tức Việt Nam Độc Lập Đảng) do Nguyễn Thế Truyền thành lập. Vì đến lúc phải trở về nước nên Nguyễn Thế Truyền đã giao lại cho Thâu lãnh đạo đảng P.A.I.



Tại Toulouse, Tạ Thu Thâu vui mừng gặp lại được học trò cũ Nguyễn Ngọc Minh với cái tên mới là Trần Văn Giàu. Thâu đã đối đãi hết lòng với Trần Văn Giàu, coi Giàu như em út vì nhân thấy Giàu khi đi dự hội sinh viên đã thao thao cái rất hăng, lỗi lạc hơn cả các bậc đàn anh đang học cỡ cử nhân. Giai đoạn này đã được nhà văn Huân Phong nêu nhiều chi tiết trong tuần báo *Hòa Đồng* của Hồ Hữu Tường. Thâu đem nhiều sách hay để hướng dẫn Trần Văn Giàu. Nhiều người đã cho là Thâu đang nuôi dưỡng để thâu nạp Giàu làm đệ tử ruột của mình sau này. Các sinh viên Việt vào thuở đó hay tụ tập ăn uống ở một quán ăn có tên Le Coq Hardi (Con Gà Trống Dạn Dĩ). Chủ quán là một phụ nữ Pháp đảng viên Cộng sản nên đã biết hầu hết các sinh viên Việt Nam du học đến ăn ở quán này. Việc Tạ Thu Thâu chăm sóc đối đãi với Giàu, coi Giàu như em út, bà chủ quán cũng đã biết. Người viết bài có may mắn gặp lại bà chủ quán khi đi du học vào năm 1950. Khi được cho biết là năm 1945, Trần Văn Giàu đã chỉ thị cho người xử tử Tạ Thu Thâu ở Quảng Ngãi, bà đã đưa hai tay lên trời và than: “Thật là chuyện không thể tưởng tượng!”. Cái quán lịch sử này hiện vẫn còn hoạt động ở số 6 đường Jules Chalande (Place Puits Clos), gần Đại học Luật và Văn Khoa Toulouse nhưng nay do một chủ nhân khác quản lý.

Vào thời khoảng này, ngày 10 tháng 2 năm 1930, cuộc bạo động Yên Bái do Nguyễn Thái Học và các đồng chí Việt Nam Quốc Dân Đảng tổ chức đã bị thất bại và thực dân Pháp đã đàn áp trong máu lửa những người tham gia cuộc khởi nghĩa. Tuy thất bại nhưng đây là một tiếng bom làm thức tỉnh quần chúng Việt Nam và đã vang dội đến cả Âu Châu. Thực dân đã lên án tử hình 13 liệt sĩ anh hùng Yên Bái.

Một phong trào yểm trợ, làm áp lực trong dư luận Pháp để xin giảm án tử hình cho 13 liệt sĩ Yên Bái bằng bích chương, truyền đơn, khẩu hiệu đã được sinh viên và kiều bào Việt Nam tại Pháp tổ chức rầm rộ nhưng chưa thấy được kết quả. Để đánh mạnh vào dư luận quần chúng Pháp, Tạ Thu Thâu đã tập hợp được một nhóm người để tổ chức một cuộc biểu tình trước Điện Élysée là dinh Tổng Thống Pháp. Điện tín gửi mời sinh viên Việt Nam các tỉnh tụ họp về Paris một ngày trước cuộc biểu tình đã được đáp ứng trong đó gồm có: Trần Quốc Mại Đại diện sinh viên Marseille, Nguyễn

Văn Chi ở Lyon, Nguyễn Anh Bồn ở Bordeaux. Toulouse có Nguyễn Văn Quan và Trần Văn Giàu tham dự. Để lôi kéo thêm các đoàn thể bạn tham gia cuộc biểu tình, Tạ Thu Thâu và các bạn xu hướng quốc gia như Hồ Văn Ngà, Lê Bá Cang, Hình Thái Thông...mời họ đến tụ họp ở Tổng hội Sinh viên Đông Dương A.G.E.I.(Association Générale des Étudiants Indochinois), trở tài hùng biện lôi kéo họ lên taxi đến nơi biểu tình. Tháng 8 năm 2000, người viết bài có dịp đi Pháp nên đến thăm bà Tạ Thu Thâu, cư ngụ ở St Germain en Laye, ngoại ô Paris. Năm đó bà đã trên 95 tuổi, vẫn còn sáng suốt và bà đã hùng hồn thuật lại vai trò “thủ thành” của Bà ở hội quán AGEI để làm địa điểm liên lạc cho cuộc biểu tình.

Cuộc biểu tình rất đông đã lôi cuốn cả nhiều người Pháp tham gia nhưng cuối cùng cũng bị giải tán. Một số sinh viên bị bắt nhốt ở khám Santé, nhưng sau đó thay vì đem ra xét xử, Pháp lại chủ trương trục xuất họ trở về Việt Nam. Ngày 24 tháng 6 năm 1930, ở bến Marseille, chiếc tàu *Athos II* đã đưa về nước 19 sinh viên thuộc nhiều xu hướng chánh trị: 1. Tạ Thu Thâu - 2. Ngô Quang Huy - 3. Lê Bá Cang - 4. Trần Văn Chiêu - 5. Trần Văn Đờm - 6. Huỳnh Văn Phương - 7. Phan Văn Chánh - 8. Hồ Văn Ngà - 9. Trần Văn Tự - 10. Lê Thiết Tự - 11. Đặng Bá Lân - 12. Trần Văn Giàu - 13. Nguyễn Văn Tạo - 14. Đặng Tấn Phát - 15. Vũ Liên - 16. Nguyễn Văn Tân - 17. Trịnh Văn Phú - 18. Trương Duy Tam - 19. Trương Duy Đạm.

Khi cuộc Kháng chiến Nam Bộ khởi đầu vào mùa thu năm 1945, trong số 19 người được trả về nước trên chuyến tàu *Athos II*, Trần Văn Giàu đã ra lệnh thủ tiêu 4 nhà ái quốc : Tạ Thu Thâu, Huỳnh Văn Phương, Phan văn Chánh, Hồ Văn Ngà!

Phan Văn Hùm và Hồ Hữu Tường, sau cuộc biểu tình trước Điện Élysée, đã được các đồng chí Pháp đưa đi lánh nạn ở Bỉ nên tránh khỏi bị trục xuất. Trong số 19 người bị trục xuất về nước, Trần Văn Giàu là trẻ nhất, lúc ấy mới vừa 19 tuổi. Lúc ở Toulouse, một thành phố có tiếng là có nhiều nhà chánh trị khuynh tả, Trần Văn Giàu lãnh trách nhiệm dịch ra tiếng Việt các bài của Cộng sản Pháp để đăng trên tờ *Cờ Đỏ*, một tờ báo bí mật lưu hành trong giới các binh sĩ Việt Nam bị đưa sang Pháp. Do đó Giàu gia nhập Đảng Cộng sản Pháp vào tháng 5 năm 1929. Trở về Việt Nam, Giàu chánh

thức lập gia đình và lãnh dạy học ở trường trung học Huỳnh Công Phát ở Quận Nhứt Sài Gòn, do Hoàng Minh Giám làm hiệu trưởng. Giàu gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương và Xứ ủy Nam Kỳ giao cho Giàu làm giảng viên cho một lớp T.K.(Thanh niên Kộng sản). Lớp huấn luyện này bị mật thám phát giác, bao vây nhưng Giàu thoát được nên từ đó phải hoạt động trong vòng bí mật.

Qua năm sau, đầu năm 1931, cơ sở đảng ở Sài Gòn tan vỡ qua các cuộc khủng bố, vây bắt của thực dân. Trần Văn Giàu xin xứ ủy viên Ung Văn Khiêm cho được xuất dương du học một lần nữa. Giàu bí mật rời Sài Gòn sang Pháp cũng lại đi trên chiếc tàu *Cap St Jacques*. Chuyển đi trót lọt vì Giàu vốn đã có làm quen với nhiều thủy thủ của tàu trong chuyến đi trước. Qua được Pháp, nhờ Nguyễn Văn Tạo giới thiệu nên Giàu được đưa qua Liên Xô, theo học trường Đại học Phương Đông ở Moscou. Luận án tốt nghiệp ra trường của Giàu có tên “ Vấn đề ruộng đất ở Đông Dương”.

Năm 1933, Giàu trở về Pháp, đáp tàu Hòa Lan đi Singapore và từ đây, bí mật trở về Sài Gòn trên chuyến tàu *Félix Roussel* của Pháp. Cơ sở đảng Cộng sản ở miền Nam lúc ấy hầu như bị tan vỡ hết. Giàu có công gây dựng lại Xứ bộ Nam Kỳ và phát hành tờ báo bí mật *Cờ Đỏ* và cơ sở *Cộng sản Tùng thơ*. Cuối năm 1933, Giàu bị bắt ở Bà Hom ( Bình Trị Đông) và bị kết án 5 năm tù treo vì không đủ yếu tố buộc tội. Đến tháng 4 năm 1935, sau khi dự Đại hội ở Macao trở về, Giàu lại bị bắt cùng một số người khác và lần này bị kết án 5 năm đày đi Côn Đảo. Tháng 5 năm 1940, mãn hạn tù Côn Đảo, Giàu trở về đất liền chỉ được 9 ngày thì lại bị bắt trở lại vì dư âm bối cảnh cuộc Nam Kỳ Khởi Nghĩa và vì chiến tranh ở Âu Châu đã bùng nổ nên thực dân Pháp chủ trương phải bắt an trí hầu như tất cả các nhà cách mạng Việt Nam. Giàu bị cầm tù ở cảng Tà Lài (Bà Rá). Giữa năm 1941, xảy ra cuộc “ vượt ngục” Tà Lài. Giới cách mạng bị giam ở Bà Rá lúc bấy giờ vẫn đồn đại về việc này như một bố trí của Pháp để thành lập những bộ phận giúp đánh đuổi quân Nhật. Tháng 10 năm 1943, trong hội nghị xứ ủy mới thành lập trở lại ở Chợ Gạo (Tân An), Giàu được bầu làm Bí thư Xứ ủy Nam Kỳ. Trong thời gian này, việc Giàu liên lạc với giới “ Pháp mới” đã

được chính bộ hạ thân tín của Giàu là Nguyễn Văn Trấn thuật lại trong quyển “*Viết cho Mẹ và Quốc Hội*” ( nxb Văn Nghệ, năm 1995, trang 106):

“ Tôi đi. Theo lời nói là đi gặp mấy thằng Tây “*de la Résistance*” (Tâykhángchiến, lờidịchcủa người viết bài).....

*Tôi gặp được ai. Nhà ở số 19 đường Jean Duclos. Tôi vừa đi vào thì thấy Sáu ngồi gần cửa. Bên tay trái của anh Sáu là chủ nhà. Một thằng Tây quen: Sauterey thơ ký của bộ phận SFIO (Section française de l’Internationale ouvrière) là Đảng Xã hội ở Sài Gòn. Bên phải của ông Sáu...! Trời ơi, nó là thằng Duchêne, thanh tra chánh trị của bót lính kín Catinat. Tôi lần lượt bắt tay hai thằng Tây, và ngồi xuống ghế trống.*

*Thằng Duchêne hình như thấy tôi có gì lúng túng bèn nói với tôi:*

*-Bấy lâu tụi nó tìm chẳng thấy anh. Và nay thì sự tìm bắt đối với anh tôi đã cắt rồi....”*

Với bản tánh luôn luôn đa nghi của cán bộ Cộng sản, trước khi đồng ý đến gặp nhóm “ Pháp Giải phóng” với Trần Văn Giàu ( bí danh “Ông Sáu” trong câu chuyện kể trên), Nguyễn Văn Trấn đã khôn ngoan tìm cách hỏi trước ý kiến các anh lớn trong đảng đang bị còn bị thực dân xử biệt xứ : Nguyễn Văn Tạo ở Rạch Giá, Dương Bạch Mai ở Bà Rịa...thì đều ở xa Sài Gòn. Chỉ có Nguyễn Văn Nguyễn vì ở Gò Công gần hơn nên Trấn chọn đến đó để “ kể chuyện ông Sáu biểu đi gặp Tây, và xin Nguyễn về sau hãy làm chứng cho “khí tiết” của tôi” ( *Viết cho Mẹ và Quốc hội*, trang 105).

Muốn cho chắc ăn, Nguyễn Văn Trấn một năm sau cũng tìm cách phân bua thêm với Thới, một đại diện đảng đến bắt lại liên lạc với Trấn. Đặc biệt là vì Thới, sau khi biết được việc Trấn đã từ đèo Blao gấp trở về Sài Gòn vì nghe được các tin vượt ngục Tà Lài, Bà Rá, cán bộ Thới lại đã phát biểu: “ Cũng có vượt ngục và vượt ngục. Người ta có đặt vấn đề là do Tây thả!”. Trấn đã tha thiết nói với Thới : “Năm ngoái tôi đã nói với anh Nguyễn, hôm nay tôi nói lại với anh. Xin anh vì kiếp sống chánh trị của tôi, và vì tình của tôi đối với mẹ, mà làm chứng cho tôi...Cuối năm ngoái, có lần tôi về Phú Lạc. Ông Sáu nói: Tối mai ta đi gặp mấy thằng Tây Kháng chiến ” (*Viết cho Mẹ và Quốc hội*,sdd,trang 100). Trong thâm tâm, Nguyễn Văn Trấn vẫn thấy việc đi tiếp xúc với trùm mật thám Duchêne là việc không

ôn: “Tin cái anh mật thám này, thì bằng tin bối Ba Cùm” ( “Bối Ba Cùm”, danh từ miền Nam để chỉ các tay trộm lành nghề ở Ba Cùm, Tân An, chuyên đánh cắp các ghe thương hồ, chuyên chở hàng hóa- Lời ghi thêm của người viết bài).

Sau ngày Nhật đảo chánh Pháp ngày 9 tháng 3 năm 1945, các đảng phái ở miền Nam đã phục hồi hoạt động ráo riết. Ngay cả trước đó, không khí chính trị miền Nam đã bắt đầu sôi sục vì có các phong trào thanh niên thể thao của chánh quyền thực dân Vichy, Pháp. Lợi dụng thời cơ này, các đoàn thể thanh niên đã kết đoàn theo lời kêu gọi của các sinh viên miền Nam “xếp bút nghiên” từ Hà Nội trở về Nam vì tình thế chiến tranh.

Trần Văn Giàu đã tìm cơ hội để tổ chức huấn luyện chính trị, lôi kéo giới thanh niên trí thức phần đông thuộc đảng Tân Dân Chủ do sinh viên Đặng Đức Hiền thành lập ở Hà Nội. Cơ sở lớp huấn luyện này được đặt ở nhà và văn phòng của kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát ở 78-80 đường Mayer ( Hiền Vương) ở Đakao. Huỳnh Văn Tiểng, Lưu Hữu Phước, Mai Văn Bộ, Trương Công Cán ...đều có tham dự các lớp này và sau đã được kết nạp vào đảng Cộng sản của Giàu. Đây là lần đầu tiên Giàu mở lớp huấn luyện cho dân trí thức. Ngoài ra, Giàu cũng còn phụ trách một lớp huấn luyện cho Tạ Bá Tòng, một sinh viên gốc Triều Châu, ở Sóc Trăng. Ở Hà Nội, Tòng có sinh hoạt về Thanh niên Cứu Quốc của Lê Quang Đạo nên được Đạo giao phó về tổ chức trong Nam, nhưng được Trần Văn Giàu khuyên là nên tổ chức Tân Dân Chủ đoàn trước. Do đó Giàu đã dạy riêng một lớp chánh trị hơn trên 50 đoàn viên Dân chủ cho Tạ Bá Tòng, ở nhà riêng của dược sĩ Trần Kim Quang ở Thị Nghè. Tạ Bá Tòng sau đó đã rất đắc lực trong việc tổ chức Thanh Niên Tiền Phong miền Hậu Giang.

Trước đó Giàu có tiếng thường phụ trách huấn luyện chính trị cho các tù nhân bị thực dân bắt và Giàu được gán cho biệt danh là “giáo sư đỏ” trong tù. Việc ấy chứng tỏ là trong thời thực dân, chế độ nhà tù tuy ác nghiệt, khiến bao nhiêu người bị bắt đã phải chết trong tù, nhưng tù nhân vẫn còn có được cơ hội liên lạc, sinh sống với nhau, so sánh với chế độ biệt giam, gông cùm, vô cùng tàn bạo của các “trại học tập” Cộng sản sau ngày 30-4-1975!

Sau ngày Nhật đảo chánh Pháp, thống đốc Nhật ở miền Nam là Minoda đã đồng ý cho tổ chức tự hợp thanh niên trong tổ chức Thanh niên Tiền phong, với ý đồ có thể lợi dụng phong trào này khi cần dùng đến nhân lực người Việt. Hồ Văn Ngà và bác sĩ Phạm Ngọc Thạch được lãnh sự Nhật Iito giao cho phụ trách việc này và tổ chức Thanh niên Tiền phong đã phát triển rất mạnh mẽ trong giới thanh và tráng niên. Việc đoàn ngũ hóa nhanh chóng một phần lớn là do không khí phấn khởi của dân chúng sau khi thấy thực dân Pháp bị Nhật hất cẳng và chánh phủ Việt Nam đầu tiên Trần Trọng Kim được thành lập. Huỳnh Tấn Phát, Huỳnh Văn Tiểng cũng đã hăng hái góp phần vào việc huy động phong trào thanh niên này. Trần Văn Giàu, trong bóng tối, đã nhận thức được tiềm lực nguồn nhân sự này nên đã móc nối Phạm Ngọc Thạch để lợi dụng phong trào.

Ngày 15 tháng 8 năm 1945, Đồng Minh tuyên bố Nhật đầu hàng vô điều kiện. Ở Sài Gòn, ngày 21 tháng 8, Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất tổ chức một cuộc biểu tình rầm rộ, có hơn 200 ngàn người tham dự, tỏ ý chí toàn dân đoàn kết trước sự lăm le trở lại Việt Nam của thực dân Pháp. Mặc dầu trước đó, Việt Minh là một tổ chức chưa được dân chúng Nam Bộ nghe đến nhưng lợi dụng thế đứng của họ vì đã có cơ hội cộng tác với Đồng Minh, lập được các chiến khu ở Bắc Việt nên nay, khi Đồng Minh ở thế thắng trận, Việt Minh liền vội vã tung ra các thủ đoạn tuyên truyền để lung lạc ý chí của dân chúng đang bừng bừng quyết đứng lên bảo vệ nền độc lập vừa mới tương đối chiếm lại sau ngày Pháp bị Nhật đảo chánh. Phạm Ngọc Thạch, phụ trách tổ chức Thanh Niên Tiền Phong đã được Trần Văn Giàu móc nối từ lâu nên ngày 22 tháng 8, 1945, trong bầu không khí chính trị đầy phân vân ở Sài Gòn, khi Phạm Ngọc Thạch tuyên bố : “Thanh Niên Tiền Phong gia nhập Mặt trận Việt Minh”, Mặt trận Quốc Gia Thống Nhất của Hồ Văn Ngà kể như đã mất hơn phân nửa lực lượng.

Cuộc dành chánh quyền ở Nam Bộ và thành lập Ủy Ban Hành Chánh Nam Bộ do Trần Văn Giàu và các bộ hạ thân tín như Nguyễn Văn Trấn đã được thành công một phần lớn đều nhờ việc nắm được lực lượng Thanh Niên Tiền Phong. Trần Văn Giàu đã rất hãnh diện về việc này. Tháng 10 năm 1989, khi Giàu có dịp trở lại Pháp, trong một cuộc nói chuyện có ghi

bằng giữa Giàu và các nhà cách mạng Việt Nam ở Pháp, Giàu đã tường thuật việc Giàu đề nghị cho TNTP dùng biểu hiệu cờ vàng sao đỏ, cách chào nhau bằng đưa bàn tay mở rộng ngang vai để về sau cờ được đổi thành cờ Việt Minh, sao vàng, nền đỏ; Việt Minh cũng sẽ chào nhau bằng cách đưa tay lên cao nhưng bàn tay nắm chặt lại thành quả đấm...Giàu thành công nhưng Hồ Chí Minh ở Bắc đã phải gửi ngay hai phái viên cấp tốc vào Nam : Hoàng Quốc Việt, đại diện Đảng và Cao Hồng Lãnh, đại diện Tổng bộ Việt Minh để chỉnh lại công việc của Giàu. Bắc bộ phủ lúc đó trách cứ là Giàu đã dựa vào các tổ chức thân Nhật để cướp chánh quyền, khác với chủ trương chống Nhật ở Bắc. Thanh niên Tiền phong cần phải được đổi thành Thanh Niên Cứu Quốc. Trần Văn Giàu được chỉ thị phải mở rộng thành phần chánh phủ nên chỉ mười ngày sau khi thành lập Ủy ban Hành chánh Nam Bộ, Giàu không còn được giữ chức Chủ tịch mà phải nhường lại cho Phạm Văn Bạch làm chủ tịch Ủy ban Nhân dân Nam Bộ, Giàu chỉ còn giữ chức Ủy viên Quân sự. Trong buổi hội ở Paris năm 1989, Trần Văn Giàu đã than thở : “ Thế là tôi lại bị gán cho là đã thân Nhật!”. Kể từ ngày dành được chánh quyền ở Nam Bộ, danh Trần Văn Giàu mới được dân miền Nam biết đến. Trước đó trong thời gian tranh đấu chống Pháp, bí mật và công khai ở Sài Gòn, Giàu không có hành động gì nổi bật. Trong lần biểu tình ngày 2 tháng 9, 1945 dân chúng Sài Gòn lần đầu tiên đã thấy được trong các đoàn biểu tình phô trương lực lượng, có một đám người kỳ lạ, ngực để trần, mình xăm chằng chịt, biểu diễn dưới tấm bản ghi “ Ban Ám sát Xung phong”. Thiên hạ đồn với nhau : đây là tổ chức dưới quyền của Dương Bạch Mai, người phụ trách Quốc Gia Tự Vệ Cuộc. Ngày 8 tháng 9, tin nhà cách mạng Tạ Thu Thâu bị bắt ở Quảng Ngãi đã làm chấn động không khí chánh trị ở Sài Gòn. Nhóm Tranh Đấu đã thông báo việc này cho dân chúng bằng một bảng lớn dựng trước trụ sở ở góc đường Lagrandière và Aviateur Garros (Lê Thánh Tôn - Thủ Khoa Huân, thời VNCH). Bị chất vấn từ nhiều phía, ngày 9 tháng 9, Giàu ra thông cáo: “Việc Tạ Thu Thâu bị bắt ở Quảng Ngãi không liên quan đến Lâm ủy Hành chánh ở Nam Bộ. Ủy ban Nhân dân ở Nam Bộ được và có quyền xử Tạ Thu Thâu”

Tháng 9 năm 1945 là một khoảng thời gian đặc biệt ở Sài Gòn với tình hình chính trị sôi sục, biến chuyển mau lẹ từng giờ, từng ngày. Sau ngày chánh quyền thực dân Pháp bị Nhật lật đổ, dân chúng đã bùng bột ủng hộ Mặt trận Quốc gia Thống nhất của Hồ Văn Ngà. Nay trên chính trường lại có thêm Mặt trận Việt Minh và sự xuất hiện của Ủy ban Hành chánh Nam Bộ của Trần Văn Giàu với một thành phần gồm toàn các nhân vật của đảng Cộng sản Đệ tam, không có sự tham gia của các nhân vật yêu nước không Cộng sản. Việc này đã khiến dân chúng vô cùng hoang mang. Thêm vào đó lại có việc quân Anh, Ấn đại diện Đồng Minh đổ bộ lên Sài Gòn để giải giới quân Nhật, cùng với tin tức là các lực lượng Pháp đang chuẩn bị tháp tùng quân Anh trở lại Đông Dương. Trong bầu không khí hỗn độn đó, khó có thể có kết quả gì để hòng can thiệp cho số phận Tạ Thu Thâu, một lãnh tụ có tiếng ở miền Nam, có thể có khả năng vận động quần chúng. Số phận của nhà cách mạng miền Nam thật ra kể như đã được quyết định từ miền Bắc. Quyết định thủ tiêu Thâu chắc chắn đã được Bắc bộ phủ quyết định khi chỉ định Hoàng Quốc Việt và Cao Hồng Lãnh lên đường vào Nam cùng lúc khi Tạ Thu Thâu lấy quyết định trở về Sài Gòn khi hay tin Nhật đã đầu hàng Đồng Minh. Trần Văn Giàu, người đã mang ơn Tạ Thu Thâu, chắc hẳn đã biết rõ số phận của Thâu đã được Bắc bộ Phủ quyết định rồi vì ngày 7-9-1945 Hoàng Quốc Việt đã đến tới Nam Bộ và khi gặp Giàu đã cho Giàu biết quyết định của Trung Ương!

Trong buổi gặp gỡ được thâu băng ở Paris ngày 17-10-1989, hiện còn lưu giữ, Trần Văn Giàu đã bị chất vấn về việc Tạ Thu Thâu đã bị xử tử và gán cho tội “Việt gian phá hoại”, do một tên huyện ủy tiểu tốt tên Từ Ty ở Nghĩa Hành, Quảng Ngãi. Trần Văn Giàu đã cao hứng(!) long trọng hứa “Tôi sẽ “rửa tiếng” cho Tạ Thu Thâu, nếu đảng Cộng sản Việt Nam không chịu rửa tiếng”. Nhưng từ ngày hứa đó cho đến nay, chưa hề thấy Giàu chánh thức nói lên một tiếng gì cả!

Khi Hồ Chí Minh tuyên bố ở Pháp năm 1946 nhân dịp bạn thân của Thâu là Daniel Guérin hỏi về cái chết của Thâu: “*Tạ Thu Thâu là một nhà ái quốc có tâm vóc. Chúng tôi khóc cái chết của ông*”, ai ai cũng biết đó chỉ là một lời nói dối chính trị. Nhìn lại khoảng đường lịch sử vừa qua, những lời “nói



dối chính trị” của Hồ Chí Minh nay được một số nhân sĩ Việt Nam gọi là “khô hài đen”(black humour), nhất là hai lời tuyên bố đã được Trần Ngọc Danh, Trưởng phái đoàn Đại diện Việt Nam ở Paris đã cho in trong tập “ Hồ Chí Minh”, ấn hành tại Paris, tháng 5 năm 1947. Trần Ngọc Danh nhấn mạnh về hai lời tuyên bố của Hồ Chí Minh: lời thứ nhất đăng trên Journal de Genève: “ *Những bạn bè của chúng tôi không cần phải lo ngại là chủ nghĩa mác-xít sẽ du nhập vào đất nước chúng tôi*”, lời thứ hai đăng trên báo Le Pays: “ *Những lí thuyết mác-xít không thể áp dụng được ở nước chúng tôi*”.

Bộ mặt thật của Trần Văn Giàu chỉ đã được dân miền Nam biết đến sau ngày mở màn cuộc Kháng chiến Nam Bộ, ngày 23 tháng 9 năm 1945. Sáng Chủ nhật, lúc 4 giờ sáng ngày lịch sử này, quân Pháp được Tướng Anh, Gracey cho tái vũ trang, đã dựa vào lực lượng quân Gurka của Anh, đi tái chiếm Dinh Xã Tây, trụ sở của Lâm Ủy Hành Chánh Nam Bộ, sở Mật thám đường Catinat, Kho Bạc, nhà Bưu Điện Sài Gòn v...v..Nhưng kiểm điểm lại, người Việt Nam bị mất mạng đầu tiên khi cuộc kháng chiến bắt đầu lại không do thực dân giết mà lại do các tay sát thủ của Dương Bạch Mai và Trần Văn Giàu: đó là Lê Văn Vững thư ký uỷ ban Sài Gòn-Chợ Lớn của nhóm Tranh Đấu và cũng là thủ lĩnh Thanh niên Tiền phong vùng Đa Kao. Rút khỏi Sài Gòn về trú đóng trụ sở ở Chợ Đệm (Tân An), Trần Văn Giàu đã ra lệnh bắt và xử tử Huỳnh Văn Phương, Bùi Quang Chiêu, Dương Văn Giáo, nhà báo Diệp Văn Kỳ, luật sư Hồ Vĩnh Ký và vợ là bác sĩ Nguyễn Thị Sương (Thủ lĩnh Phụ Nữ Tiền Phong)...v...v.; vây bắt Hồ Văn Ngà, Trần Quang Vinh...Riêng về trường hợp Huỳnh Văn Phương, chú ruột của Huỳnh Tấn Phát (Chủ tịch sau này của Chánh phủ Lâm thời Cộng hòa Miền Nam) là người đã giúp đỡ khí giới và phương tiện cho tổ chức của Giàu lại là người bị Giàu cố ý thủ tiêu nhanh chóng, chỉ vì Phương đã nắm được các tài liệu về việc Giàu liên hệ với trùm mật thám Pháp Arnoux và Duchêne! Đặc biệt các nhân vật Đệ Tứ hoặc có cảm tình với Đệ Tứ đều được chú ý thủ tiêu: anh giáo Nguyễn Thi Lợi ở Cần Giuộc (Chợ Lớn), người gây dựng lại nhóm Tranh Đấu ở Sài Gòn sau ngày Nhật đầu hàng, luật sư Hình Thái Thông ở Mỹ Tho, Trần Văn Thạch, Phan Văn Chánh,

Nguyễn Văn Số...Đặc biệt ở vùng Hậu Giang, các nhân vật và tín đồ Hòa Hảo đã bị thủ tiêu, chôn ở các hầm hố chôn tập thể miệt Tân Thành, Cái Cái gần biên giới Miên. Cuộc khủng bố trắng này đã được Dương Bạch Mai, Ủy viên Thanh tra Chính trị Miền Đông tiếp tục thi hành ở các vùng Biên Hoà, Thủ Dầu Một, Bà Rịa, Tây Ninh cũng như Nguyễn Văn Tây, Ủy viên Thanh tra Chính trị Miền Tây ra tay đảm trách ở miền Hậu Giang!

Để kết luận về giai đoạn này, có thể nói là để nắm giữ quyền lực riêng về cho đảng Cộng sản Đệ Tam, Trần Văn Giàu đã nhẫn tâm sát hại hầu hết một thế hệ những nhà ái quốc, cách mạng ở Nam Bộ, làm tiêu hao tiềm lực cuộc đoàn kết kháng chiến thuở ban đầu. Trong một cuộc gặp gỡ sau này với Trịnh Hưng Ngẫu ở Thái Lan, Trần Văn Giàu còn cho ông Ngẫu biết là y chưa hoàn tất việc thanh toán các nhân vật còn có tên trong sổ đen của y. Nhà văn Pháp Michel Tauriac, nghiên cứu về Việt Nam, trong quyển “*Viet Nam, Le dossier noir du Communisme*”(Hồ sơ đen Việt Cộng), đã gọi Trần Văn Giàu là “tên sát nhân cũ của Việt Minh ở Nam Việt Nam”( “*Trần Văn Giàu, l’ancien assassin viet minh du Sud-VietNam*”, sách đã dẫn, nxb Plon, 2001, trang 103).

Toán của Trần văn Giàu chỉ tồn tại ở Nam Bộ trong một thời gian. Phạm Ngọc Thạch, Dương Bạch Mai, Trần Văn Giàu đều được “mời” ra Bắc, giữ những chức vụ khác. Trần Văn Giàu thì không được trở lại miền Nam cho mãi đến sau ngày 30 tháng 4 năm 1975. Người phụ trách thi hành các chỉ thị sát nhân của Trần Văn Giàu là Nguyễn Văn Trấn, Giám đốc Quốc gia Tự vệ Cuộc, nên Trấn được dân miền Nam đặt cho biệt hiệu là “hung thần Chợ Đệm”. Cuối năm 1948, đang làm bí thư Khu ủy khu 9 thì Trấn cũng bị búng cho ra Bắc khi Lê Đức Thọ (Sáu Búa) vừa bước chân vô tới biên giới Nam Kỳ. Trấn, thủ hạ thân tín cuối cùng của Giàu bị lột chức và cho làm đại biểu ra dự Đại hội Đảng, cùng đi với trưởng đoàn là Ung Văn Khiêm.

Vai trò và hoạt động của Trần Văn Giàu ở miền Nam kể như được chấm dứt sau năm 1946. Có thể đoán là ở Trung ương Bắc Bộ, Trần Văn Giàu không được các đồng chí ngoài đó hoàn toàn tin cậy vì Giàu đã được gán cho là đã dựa vào thế lực Nhật để dành chánh quyền và nhất là đã có lúc liên hệ với sở Mật thám Pháp. Thêm vào đó còn có việc : năm 1935, sau

khi dự Đại hội đảng ở Macao ngày 19 tháng Tư và trở về lại Sài Gòn, Trần Văn Giàu bị bắt và đã khai với bồi thẩm Trần Văn Ty khiến 167 người bị bắt (sau đó có 113 được thả). Hồ Hữu Tường đã có đề cập đến việc này trong báo Hòa Đồng: Khi các đồng chí trong tù trách cứ thì Giàu đã thanh minh: “ *Mật thám mà đánh tôi chết thì đảng mất đi một thủ lĩnh. Tôi khai như vậy, khỏi bị đòn, các đồng chí mỗi người lãnh ít năm tù để trả giá cái mạng sống của tôi*”.

Ra Bắc, đúng vào lúc dư luận xôn xao về việc Hồ Chí Minh đã ký Hiệp định Sơ bộ ngày 06-03-1946 với Jean Sainteny, để Pháp đổ bộ lên đất Bắc, Trần Văn Giàu được giao trách nhiệm giải tỏa các công kích của các báo *Thiết Thực* của nhóm Ngũ Xã và các tờ *Sao Trắng, Chính Nghĩa, Việt Nam...* của Quốc Dân Đảng Việt Nam. Trần Văn Giàu đã đi nhiều nơi cùng với Lê Khang trong ban Liên Kiểm để dàn xếp các mâu thuẫn Việt Minh và Quốc Dân Đảng. Đó là thời kỳ “*Việt Quốc Lê Văn Ninh, Việt Minh Trần Văn Giàu*”. Việc này sau cùng đã chấm dứt khi Việt Minh bày ra các vụ phổ Ôn Như Hầu và cầu Chiêm Sơn để lấy cớ tiêu diệt cán bộ Quốc Dân Đảng.

Trong báo *Văn Nghệ TP.HCM*, số 259 ngày 19-25/11/1996, chúc mừng Trần Văn Giàu được 85 tuổi, trong phần lý lịch chỉ có khai vắn tắt : “Từ 1946-1948, Giàu được Trung ương điều sang giúp bạn xây dựng kháng chiến ở Campuchia”.

Thật sự ra trong 2 năm này, Trần Văn Giàu được chỉ định ở Thái Lan vì nơi đây số Việt kiều đã tăng từ 50.000 lên khoảng trên 100.000 sau khi người Việt tản cư từ Lào sang. Vào lúc này, không khí chính trị ở Thái Lan rất có cảm tình với kháng chiến Việt Nam. Thủ tướng Thái, Pridi Banomyong khá tự do và có thiện cảm với cách mạng Việt Nam. Pridi Banomyong và Khuang Aphavong lại còn biết được Giàu khi còn là bạn học ở Pháp.

Người Việt ở Thái Lan vào thời thủ tướng Pridi, trong không khí tự do, đã không tôn trọng giữ gìn lối sống ngoại kiều: nhà treo cờ đỏ sao vàng phát phới, bộ đội Việt Minh mang vũ khí đi ngoài phố...Khi Trần Văn Giàu sang Thái Lan, có cả bộ đội Việt kiều dàn súng đứng chào! Thủ tướng Pridi còn nhắm mắt giúp cho cả lương thực và vũ khí. Nhờ vậy nên những ai có mặt

trong chiến khu Nam Bộ vào các năm 1946-1947 có khi thấy thấp thoáng có các chi đội kháng chiến mặc quân phục màu vàng được gọi là “bộ đội hải ngoại”. Đó là các chi đội Trần Phú năm 1946 và hai đoàn Cửu Long I và II trong năm 1947.

Ngoài việc liên lạc với các tổ chức phái tả ở Bangkok và điều khiển Ủy ban Tiếp tế Nam Bộ, Trần Văn Giàu lại còn phụ trách một toán đặc công chuyên môn chống phá các cơ sở chống Cộng của người Việt tại Thái. Năm 1947, Giàu đã chỉ thị cho toán này ám sát ( cũng lại ám sát!) năm cán bộ Cao Đài ở Bangkok!

Chuyện gì phải đến đã đến, và vào tháng 10 năm 1947, Phibun Songram đã làm cuộc đảo chính ở Thái và đe dọa cắt đứt các hoạt động Việt Minh. Đảng Cộng sản Việt Nam đã cấp thời gửi Hoàng Văn Hoan sang thay thế đại diện chính thức của Việt Nam là Nguyễn Đức Quý nhưng thật sự là để chấm dứt hoạt động của Trần Văn Giàu. Hoàng Văn Hoan đã chấm dứt lề lối hoạt động lộ liễu của các tổ chức Việt kiều đã làm chánh quyền Thái lo ngại. Trong quyển “ *Giọt Nước trong Biển Cả*”, Hoàng Văn Hoan đã ám chỉ, chỉ trích Trần Văn Giàu, “*một đồng chí, đi đâu cũng nói chủ nghĩa Mác*”.

Năm 1949, Trần Văn Giàu trở về Việt Nam, được cử làm Tổng Giám đốc Nha Thông tin cho đến năm 1951 thì được chuyển qua công tác ở Bộ Giáo dục. Khi tiếp quản Hà Nội năm 1954, Giàu được làm Khoa trưởng Khoa Văn-Sử trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Từ 1960 đến 1975, Giàu được phong hàm Giáo sư, công tác ở Ủy ban Khoa học Xã hội.

Trần Văn Giàu, từ ngày được về Bắc phụ trách về giáo dục ở Đại học cũng như ở trường Đảng, đã được học trò hâm mộ phần lớn nhờ vào những huyền thoại truyền tụng về việc Giàu thành công trong Nam. Nhiều đảng viên đã thường hãnh diện là đã được tham dự những lớp huấn luyện của Giàu. Giàu cũng trước tác rất nhiều trong thời gian dạy học. Những tác phẩm có tầm vóc là: *Giai cấp công nhân Việt Nam* ( 4 tập, gần 1000 trang), *Miền Nam giữ vững thành đồng* (5 tập), *Chống xâm lăng* (3 tập, gần 1000 trang)...Những sách viết về sau của Giàu như *Sự phát triển tư tưởng ở Việt*

*Nam, hoặc Tư tưởng triết học, đạo đức và chính trị của Nho giáo đời Tống...*, nhất là khi Giàu trở về sống ở Sài Gòn sau năm 1975, nay thường được nhiều học giả cho là viết quá giống các sáng tác của cố giáo sư Nguyễn Đăng Thục trong Nam?

Được huấn luyện hai năm ở trường Đông Phương của đảng ở Moscou, áp dụng các âm mưu và sách lược học được của Stalin và tuyệt đối trung thành với Đệ Tam Quốc Tế, Trần Văn Giàu và các đồng chí đã xây dựng một chế độ độc tài, độc đảng, thích sùng bái cá nhân, cài công an vào tất cả cơ quan của đảng và nhà nước, khiến đảng viên nào sau cùng cũng đâm ra sợ bộ máy nghiên do chính họ tạo ra có thể trở lại nghiên nát họ! Trong khoảng thời gian 1956-1958, khi có những xáo trộn to lớn trong đời sống dân chúng vì việc Cải cách Ruộng đất, mang danh là lý thuyết gia của đảng nhưng không thấy Giàu lên một tiếng gì. Chỉ có một lần Giàu đã dám nói trong một cuộc tranh luận: “Đào Duy Anh là bậc đàn anh của tôi về sử học, anh Trần Đức Thảo là nhà triết học có uy tín”. Đó là thời gian xảy ra vụ Nhân văn Giai phẩm ở Bắc và Trần Đức Thảo, Đào Duy Anh cũng như nhiều văn nghệ sĩ ở vào tình trạng “có vấn đề” đối với đảng. Trần Quốc Vượng trong bài “*Tình nghĩa Thầy, Trò*”, nhắc đến việc này khi còn là sinh viên: “*Tình hình lúc bấy giờ không đơn giản*”, và dám khen “*Anh Đào là một sử gia giỏi*”, nói như vậy hồi bấy giờ không dễ. Trần Văn Giàu, một thành phần đúng ra có khả năng phải tranh đấu chống việc làm sai trái của đảng đã không dám lên tiếng. Thà nhìn nhận sự thật phũ phàng về Cải cách Ruộng đất, theo cách nói của Tôn Đức Thắng mới thật là đúng hơn: “*Đ..M..,tao cũng sợ nó, mà y còn biểu tao dám nói cái gì?*” ( *Viết cho Mẹ và Quốc hội*, Nguyễn Văn Trấn, sđd, trang 267).

Trong khoảng thời gian được đảng chỉ định làm công tác giáo dục, Trần Văn Giàu đã có một công trình lớn, viết lách rất nhiều về hầu như mọi đề tài. Tuy nhiên về riêng mặt lý thuyết đảng thì ông vẫn rập theo những luận điệu một chiều của các đồ đệ của tên đồ tể Stalin. Chế độ ở Liên Xô và Đông Âu đã sụp đổ nhưng không thấy Trần Văn Giàu dám lên tiếng về việc có nên xét đến việc thay đổi cấu trúc của chế độ Cộng sản, có nên đề nghị xây dựng lại một thể chế xã hội chủ nghĩa hoàn toàn khác?. Không thấy

Trần Văn Giàu lên tiếng có thể chấp nhận thể chế không độc đảng và độc khối, một chế độ đa đảng, một nền kinh tế tự quản với nhiều nghiệp đoàn, tự do giao lưu tư tưởng trong văn nghệ, tự do báo chí, tự do hội họp và lập hội, quyền biểu tình, quyền đình công...tất cả được thật sự tuyệt đối bảo đảm bằng bản Hiến Pháp?

Thi sĩ Tố Hữu một thời đã có danh, sáng tác rất nhiều bài thơ in thành tập như *Từ Ấy, Việt Bắc, Gió Lộng*...trong đó có một số bài hay, được ưa chuộng. Nhưng nay, nhắc đến Tố Hữu, dân chúng chỉ nhớ đến bài thơ đã làm ông thân bại, danh liệt, bài thơ “ *Khóc ông Xít ta lin*”:

.....

*Tiếng đầu lòng con gọi: Xít ta lin*

.....

*Thương cha, thương mẹ, thương chồng,  
Thương mình thương một, thương ông thương mười.*

Dân miền Nam nô nức gọi bài thơ này là bài thơ “ *Bợ dít Xít Ta Lin*”.

Trần Văn Giàu, tuy nay có một vốn liếng viết lách phong phú nhưng vì những tội ác đã gây trong buổi đầu cuộc Kháng chiến Nam Bộ, đã nhẫn tâm giết hại cả một thế hệ những nhà ái quốc, cách mạng ở miền Nam, gán cho họ danh từ Việt gian, phản động, một người đã gây bao nhiêu tang tóc nhưng chưa bao giờ nói lên được một tiếng hối tiếc những việc làm đã qua, nên đối với dân miền Nam, Trần Văn Giàu vẫn còn mang tiếng là một kẻ ác

.

Tội ác lúc nào cũng là tội ác, nhứt là tội ác không được hối cải. Trần Văn Giàu vì vậy khó có thể được coi là “ *Chu Văn An thời nay* ” như một nhà văn của bác và đảng bút danh Trần Thanh Đạm nào đó đã viết (“ *Giáo sư Trần Văn Giàu là Chu Văn An thời nay của chúng ta, như núi Thái Sơn giữa đồng bằng sông Cửu Long* ”) !.

Nhà văn Pháp Michel Tauriac đã gọi Trần Văn Giàu là “ *Tên sát nhân Việt Minh thời trước*”. Mặc dầu sự nghiệp giáo dục Trần Văn Giàu có thể sẽ còn được nhắc đến trong tương lai nhưng quá khứ đầy tội ác của Giàu không thể để dân chúng miền Nam chấp nhận Giàu là một “Nhà giáo Nhân Dân”.

Hai tay Trần Văn Giàu đã vấy máu anh em cách mạng miền Nam. Một người như thế chỉ có thể được xem là một “ Nhà giáo của đảng Cộng sản Đệ Tam” ở Nam Bộ.

Tháng 10, năm 2002

**Bs. TRẦN NGUỒN PHIÊU**

**Thái Thụy Vy**  
Biên Hùng Liệt Sử  
**Trần Nguơn Phiêu - Hồ Hữu Tường**  
Những Bài Viết của Thân Hữu

**Trần Nguơn Phiêu**

*Hồ Hữu Tường và cái nghiệp làm báo*

Trong giới những nhà viết văn, rất nhiều vị đã đi vào làng báo vì tự biết mình có thiên phú văn tài, cần phải có đất dụng võ để nuôi dưỡng tài nghệ. Lăn lăn về sau, việc viết lách, ngoài sự đem lại danh tiếng, thúc đẩy sự dẫn thân vào nghiệp văn chương lại còn giúp họ thực sự lấy việc viết văn làm một nghề sinh sống.

Hồ Hữu Tường cũng ở vào tình trạng nói trên, nhưng ngoài ra ông lại còn là người mang nặng cái nghiệp phải viết, phải say mê nghề báo chí vì ông thấy cần phải giải bày và tranh đấu cho việc thành tựu những ước vọng của đời mình.

Hồ Hữu Tường đã đi vào việc viết văn rất sớm, và cũng như những việc sẽ xảy ra về sau này, chuyện viết lách thường đưa ông vào nhiều tai họa.

Ngay khi mới bước chân vào trường Trung học Cần Thơ, học sinh H.H. Tường cũng như các anh em bạn trẻ khác, đã thấy lòng sôi sục khi đọc những bài tường thuật hăng ngày trên *Đông Pháp Thời Báo* đăng tải vụ cụ Phan Bội Châu bị đưa xử ở tòa Đền Hình Hà Nội. Việc này đã đưa đến việc thực hiện một tuần báo viết tay, với những bài nặng mùi ái quốc. Các tác giả non trẻ này về sau là những tên tuổi thành danh như Ung Văn Khiêm, Tổng trưởng Ngoại giao của chánh phủ đầu tiên của Hồ Chí Minh, Trần Thiêm Thới gốc Hà Tiên đáng cao như cây tre nên lấy bút hiệu Trúc Hà, sau này cộng tác viết tạp chí với Đông Hồ. Hồ Hữu Tường, lúc này có lẽ vì bụng hơi to nên được các bạn đặt biệt hiệu là Tường Bụng, dịch ra tiếng Pháp là Ventru và nói lái lại thành Vutren. Vì thế nên trên tờ báo viết tay này, H.H. Tường vì viết bài tiếng Pháp, nên đã chọn bút hiệu là Pierre Vutren. Báo lọt vào tay ban Giám Đốc của trường và vì báo có nội dung



chánh trị, các ký giả tí hon đều bị đuổi! Không hi vọng được trở lại học, Pierre Vutren (!) vận động để được sang Pháp học.

Hồ Hữu Tường phen này đã quyết để tâm trí vào việc học, nhưng đến dịp lễ Giáng Sinh 1927, anh sinh viên trẻ này lại có được dịp đến Marseille dự buổi diễn thuyết của hai nhà hùng biện Dương Văn Giáo và Trịnh Hưng Ngẫu. Ngẫu hẹn cho Tường đến gặp sau buổi diễn thuyết và nơi đây Tường lại có dịp gặp thêm Nguyễn Thế Truyền và Tạ Thu Thâu.

Tường khi đó chỉ vào khoảng mười tám tuổi nhưng đã có tiếng là học giỏi, nhất là môn toán. Nguyễn Thế Truyền - một trong năm người có tiếng của nhóm “Ngũ Long” ở Paris ( Phan Văn Trường, Phan Châu Trinh, Nguyễn An Ninh, Nguyễn Tất Thành, Nguyễn Thế Truyền) -, đã khuyến khích và rủ Tường : *“...làm cách mạng phải là những tay học giỏi. Chớ học trong lớp mà “ cầm cờ”, rồi ra làm cách mạng, bọn thực dân nó chê tội mình là tội ratés, nên đi làm cách mạng để cứu thế diên”*. Trịnh Hưng Ngẫu thì dạy Tường: *“ ...nên noi gương Nguyễn An Ninh, muốn làm cách mạng đặc lực, phải viết báo cho hay. Không làm cách mạng mà viết báo hay, cũng có lợi. Đây là qua dạy em cái bí quyết để thành công trong đời đó ”*

Sau Đại học Marseille, H.H. Tường ghi danh vào Đại học Lyon để nộp luận án thi Cao học Toán trong khi ở Việt Nam có tin về cuộc khởi nghĩa Yên Bái của nhóm Nguyễn Thái Học. Việc thực dân Pháp ở Việt Nam ra tay khủng bố, đàn áp dân chúng sau cuộc bạo động đã làm sôi sục tinh thần yêu nước của các sinh viên ở Pháp. Tường nôn nóng mong lên được Paris để tham gia vào các hoạt động kêu gọi chánh giới Pháp làm áp lực với chánh phủ ngưng các bản án xử tử hình các nhà ái quốc Việt Nam. Không cần chờ biết kết quả, sau khi trình luận án, Tường đã từ giã Lyon để lên kinh đô Paris. Tường đã được Tạ Thu Thâu tiếp đón ở nhà ga Lyon và đưa về trú ngụ ở nhà của Huỳnh Văn Phương (Chú của Huỳnh Tấn Phát, Chủ tịch Chánh phủ Lâm thời Miền Nam, Việt Cộng sau này). Ở Paris, Tường đã có cơ hội gặp gỡ những nhà ái quốc lưu vong như Nguyễn Thế Truyền, Phan Văn Trường, Nguyễn Văn Tạo, Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm, Phan Văn Chánh v.v... Vào thời buổi này, Tạ Thu Thâu đang phụ trách đảng P.A.I (Parti Annamite de l'Indépendance, tức đảng Việt Nam Độc Lập) cho

Nguyễn Thế Truyền vì Truyền trở về Việt Nam. Đảng P.A.I. lại bị nhà cầm quyền Pháp giải tán sau một cuộc xung đột ở quán Café Turqueti, ngày 9-1-1929, với một nhóm người Việt thân Pháp. Theo lời khuyên của Phan Văn Trường, việc tái lập đảng P.A.I. đã không được tiếp tục và đã được thay thế bằng một tập hợp có tên là “Nhóm Việt kiều tại Pháp”(Les Émigrés vietnamiens en France). Nhóm cũng quyết định không ra báo công khai như trước của đảng P.A.I. mà chỉ làm báo bí mật lấy tên là *Tiền Quân* để làm cơ quan của nhóm.

Hồ Hữu Tường được giao phó làm chủ nhiệm báo *Tiền Quân* vì Tường là gương mặt mới ở Paris, còn trẻ và nhiều rảnh rỗi, chưa bị Pháp theo dõi các hoạt động. Phan Văn Hùm vì đã có chân trong làng báo từ năm 1923 nên lãnh chức chủ bút. Thành viên của bộ biên tập toàn là những nhân vật sau này được dân chúng miền Nam ngưỡng mộ như Tạ Thu Thâu, Hồ Văn Ngà, Phan Văn Chánh, Huỳnh Văn Phương, Lê Bá Cang...Mặc dầu là báo được viết tay ( do chủ bút Phan Văn Hùm thực hiện!), nhưng cũng được trình bày thành cột như báo in và được làm bản kẽm để in đẹp. Hồ Hữu Tường đã hãnh diện về sáng kiến chụp làm bản kẽm này, một kỹ thuật “tiền quân”.

Số phận báo *Tiền Quân* là một số phận ngắn ngủi vì chỉ ra được một số đầu mà cũng là số chót vì Tạ Thu Thâu đã tổ chức một cuộc biểu tình trước điện Élysée là dinh Tổng Thống Pháp để xin giảm án cho các liệt sĩ Yên Bái bị kết tội tử hình. Sau cuộc biểu tình lịch sử ngày 22 tháng 5 năm 1930 này, chính quyền Pháp đã ra lệnh bắt và trục xuất về Việt Nam 19 sinh viên ái quốc. Báo *Tiền Quân* lúc ấy đang in, chưa kịp phát hành. Toàn bộ biên tập đã bị bắt chỉ trừ có chủ nhiệm và chủ bút may mắn thoát được. Bạn bè người Pháp đã tổ chức cho Hồ Hữu Tường và Phan Văn Hùm vượt biên sang nước Bỉ.

Cả hai đã phải trốn tránh ở Bỉ gần hai tháng, đến ngày 14 tháng 7 , ngày lễ Quốc Khánh Pháp mới lén trở lại Pháp. Trong thời gian ở Bỉ này, H.H. Tường đã được Phan Văn Hùm giúp huấn luyện lại Việt văn vì Tường có thói quen dùng quá nhiều từ Hán Việt. Khi còn nhỏ, Tường chỉ có được dịp đọc *Nam Phong* nên đã nhiễm lối viết văn của Phạm Quỳnh. Hùm cũng dạy

Tường về việc làm thơ Đường. Tường đã từng công nhận là đã nhờ Hùm rất nhiều trong cái lối “học bạn khác với học thầy” này. Tường thuật lại việc một hôm đã quá trưa, bụng đói, đi với Hùm nhưng Hùm vẫn còn dạy Tường học làm thơ. Hùm xướng một câu, bắt Tường làm câu kế tiếp. Câu thứ nhất, Hùm xướng:

*Túng nước sang qua Bỉ Lợi Thì,*

Tường nhớ lại cảnh ngày hôm trước nên tiếp:

*Hai đứa chia nhau một bánh mì.*

khiến Hùm phải la:

- Âm điệu là âm điệu của câu thứ tám.

Hùm phải thú thật:

- Tôi cũng biết vậy. Nhưng đói quá rồi. Làm cho đủ mấy câu giữa, thì  
rã ruột!

Những ngày vượt biên lánh nạn ở Bỉ đã giúp H.H. Tường và P.V.Hùm có dịp gặp gỡ nhiều nhân vật chánh trị lưu vong có tiếng tăm, nhất là những người thuộc tả phái. Vì vậy khi trở lại Pháp, Tường và Hùm được André Rosmer, chủ nhiệm báo *La Vérité*, cơ quan của nhóm Tả Đối Lập Pháp thuộc cánh Trotsky, giành cho cơ hội được viết trình bày quan điểm người Việt với điều kiện chỉ dùng chung một bút hiệu mà thôi. Hai người vì vậy thường viết hằng tuần trên báo này dưới danh xưng “Giải Phóng”.

Vì Tạ Thu Thâu, Phan văn Chánh, Huỳnh Văn Phương... đều bị trục xuất về Việt Nam, Tường đã phải giúp thực hiện tập san quay ronéo nhưng chỉ để phân phát cho độ vài chục người, khiến Tường lấy quyết định trở về xứ.

Tình cờ, H.H. Tường gặp Đào Hưng Long, một nhân vật trước thuộc đảng Lao Động, từng được cử làm Đặc ủy miền Tây, nhưng vì có việc bất đồng chánh kiến nên về Cà Mau tổ chức một đoàn thể khác. Đào Hưng Long hợp tác với nhóm của Tạ Thu Thâu thành lập tổ chức Đối lập Tả phái ở Đông Dương. H.H. Tường phụ trách tạp chí lý luận *Tháng Mười* cho tổ chức.

Cơ quan biên tập và in ấn do Đào Hưng Long phụ trách và được đặt trong một chòi lá, cất bên mé rạch Cầu Chong ở Thị Nghè. Một nữ đồng chí tên Huệ Minh đã được đoàn thể gửi đến đây và về sau là người bạn đời của H.H. Tường. Tạp chí *Tháng Mười* cũng như các sách huấn luyện đều được in theo lối in xu xoa nhưng đã được cải tiến. Xu xoa thay vì đổ vào khuôn chỉ in được một lần, thì nay được đổ vào một hộp thiếc dày, trong có đặt nhiều tấm kiếng có gõ kê cách nhau khoảng một phân. Mỗi miếng kiếng sẽ giúp có được hai mặt xu xoa láng, tốt hơn mặt xu xoa tự nhiên.

Cơ quan ấn loát bí mật này được duy trì khá lâu, nhưng đến tháng Chín năm 1932 thì bị phát giác. Đào Hưng Long và Huệ Minh bị bắt. Tạp chí *Tháng Mười* đành phải ngưng hẳn vì Hồ Hữu Tường cũng bị bắt hai tháng sau đó, vào ngày lễ Đình chiến 11 tháng Mười một, 1932. Đó là lần thứ hai H.H. Tường làm báo bí mật; lần này được duy trì lâu hơn lần đầu tiên khi tờ *Tiền Quân* chỉ ra được có một số độc nhất.

Trong bót mật thám Catinat, bị nhốt riêng một mình trong một buồng nhỏ, không biết được ngày ra, H.H. Tường sợ có thể bị quản trí phát điên nên đã theo gương một nhà cách mạng Nga là Bakounine tự sáng lập một tờ “báo nhảm”. Bakounine chủ trương cách mạng vô chính phủ (Anarchisme) và bị chế độ Nga hoàng nhốt tù. Bakounine chủ xướng mỗi ngày ra “báo nhảm”, xuất bản hằng ngày như ngoài đời, với đủ chi tiết : xã thuyết, bình luận thời cuộc, tin tức (bịa đặt), văn chương tiểu thuyết v.v...Tường đặt tên tờ báo của mình là *Thiên Thu* lấy trong câu thơ “nhứt nhật tại tù, thiên thu tại ngoại”. Tường đã “xuất bản” được 70 số báo *Thiên Thu* trong bót Catinat và chỉ đình bản khi được chuyển qua Khám Lớn vì nơi đây không còn nạn bị nhốt riêng. Sau này H.H. Tường vẫn còn nhớ được chuyện tiểu thuyết đã viết trong *Thiên Thu* và năm 1967, đã kể lại trong lời tựa của tác phẩm “*Người Mỹ Ưu Tư*”.

Trước khi bị bắt, trong thời gian phụ trách tạp chí bí mật *Tháng Mười*, H.H. Tường cũng đồng thời đã thực sự bước vào làng báo công khai. Tường được mời hợp tác viết trong tờ *Nam Nữ Giới Chung* của hai ký giả có tiếng thời bấy giờ là Cao Hải Đễ và Trần Hữu Độ. Trần Hữu Độ là một nhà nho có óc tiến bộ, đã tìm cách thức tỉnh đồng bào bằng cách phổ biến tư tưởng

của Lương Khải Siêu, Khương Hữu Vi... Vì vậy nên tờ *Nam Nữ Giới Chung* chỉ ra được một số là bị cấm! Khởi đầu làm báo bí mật *Tiền Quân*, chỉ ra được một số, nay bắt qua làm báo công khai, lại cũng ra được có một số: Hồ Hữu Tường quả đã mang một cái nghiệp lạ đời!

Sau hơn ba tháng thất nghiệp, H.H. Tường có dịp may được mời gia nhập bộ biên tập của nhật báo *Công Luận*, với hai ông Diệp Văn Kỳ và Nguyễn Văn Bá. Bút hiệu của Tường trong *Công Luận* là Bửu Liên, một tên tự đã được một ông đồ nho đặt khi Tường mới ra đời. Thân phụ của Tường năm mộng thấy một đóa sen lạ đêm sanh ra Tường. Ông thuật việc ấy cho bạn nghe và ông này cho đó là một điềm lành nên đặt tên Hữu Tường, với tự là Bửu Liên. Vào thời buổi này, giữa Nguyễn Văn Bá và Nguyễn An Ninh có cuộc bút chiến, mặc dầu cả hai đều là bạn. Bá cãi không lại Nguyễn An Ninh nên có mặc cảm bị yếu thế. H.H. Tường, là người đã từng tôn sùng Nguyễn An Ninh, lúc ấy có viết một bài phê bình quyển *Tôn Giáo* của ông Ninh, ký dưới bút hiệu Bửu Liên. Quyển *Tôn Giáo* là một sách dùng Duy vật sử quan để xét vấn đề Phật giáo. Nguyễn Văn Bá thấy hay nên đã năm cơ hội đăng trong *Công Luận*.

Nguyễn An Ninh đọc luận điệu trong bài phê bình và nghi là do Tạ Thu Thâu viết nên đã trách Thâu : *“Tụi mác xít bây xài không được. Trong chỗ quen biết thâm tình nhau, bây có chỉ trích tao, thì cứ ký tên ngay thẳng đi. Có gì cần cãi, thì tao cãi với. Bộ bây trốn dưới bút hiệu vô danh, đâm sau lưng anh em, mà tao không biết sao?”*

Tạ Thu Thâu đã thề thốt bán mạng là Thâu không phải Bửu Liên nhưng Ninh không tin : *“Tụi duy vật bây có tin có thần có thánh đâu mà thề? Quỷ thần sợ bây, chớ bây đâu có sợ quỷ thần mà bày trò thề thốt?”*

Nhưng rồi cuối cùng khi Nguyễn An Ninh biết được Bửu Liên là Hồ Hữu Tường nên chẳng những đã không giận mà kể từ đó, đã coi Tường là một em út cần được xây dựng.

H.H. Tường ngoài việc giúp báo *Công Luận* còn được Đoàn Quang Tấn, chủ nhiệm và chủ bút tuần báo *Đồng Nai*, một tuần báo do một số trí thức Tây học như bác sĩ Nguyễn Văn Nhã, giáo sư Đặng Minh Trứ chủ xướng. Tường ngoài việc viết bài còn đảm trách việc gọt, giữa văn cho báo. Nhờ sự

cộng tác này nên về sau, Đoàn Quang Tấn đã thỏa thuận giao tuần báo *Đồng Nai* lúc đó đang bị đình bản gần hai tháng, cho Phan Văn Hùm và Hồ Hữu Tường quản lý. Phan Văn Hùm khi ấy vừa ở Pháp về và đang tìm cơ hội hoạt động. Tuần báo *Đồng Nai* đã được khởi sắc với những bài viết có lập trường xã hội công khai. Tác giả các bài báo là những người đã có tiếng như Nguyễn An Ninh, Tạ Thu Thâu, Huỳnh Văn Phương... Những cuộc bút chiến về vấn đề “nghệ thuật vị nghệ thuật hay nghệ thuật vị nhân sinh” giữa Phan Khôi và Phan Văn Hùm đã gây nhiều sôi nổi trong văn giới và chỉ được chấm dứt nửa chừng khi *Đồng Nai* bị chánh quyền thực dân rút giấy phép. Nhóm *Đồng Nai* đã trở thành nơi tập trung của các tác giả “cách mạng” vì ngoài việc viết lách, lại còn tổ chức các cuộc diễn thuyết ở trụ sở hội Đức Trí Thế Dục. Ở hội trường này, Phan Văn Hùm và Tạ Thu Thâu đã trình bày về biện chứng pháp và người đến tham dự rất đông. Nhà cầm quyền thực dân vì thế thấy cần phải sớm ra tay bịt miệng tuần báo *Đồng Nai*.

Hồ Hữu Tường sau khi bị bắt vì vụ báo bí mật *Tháng Mười*, đã bị xử ba năm tù treo và được thả ngày 1 tháng 5 năm 1933. Đó là lúc có cuộc bầu cử nghị viên Hội đồng thành phố Sài Gòn-Chợ Lớn. Lợi dụng thời cơ này, những nhà cách mạng miền Nam lấy quyết định ra ứng cử để có dịp cổ động công khai đường lối xã hội. Một số Lao Động được thành lập với Nguyễn Văn Tạo và Trần Văn Thạch đứng đầu số. Vì Nam Kỳ là một thuộc địa của Pháp nên về chế độ báo chí, nếu là báo tiếng Pháp, thủ tục xuất bản rất dễ dàng như ở Pháp. Muốn ra báo, chỉ cần khai trước biện lý cuộc 24 giờ trước khi đem báo rời khỏi nhà in, nhưng chủ nhiệm và quản lý phải là người Pháp. Ban vận động bầu cử đã dựa vào đạo luật dân chủ này để xuất bản tuần báo Pháp ngữ *La Lutte* làm cơ quan tuyên truyền. Báo đã gây được ảnh hưởng lớn trong dư luận quần chúng nhưng chỉ ra được bốn số và đình bản sau khi cuộc bầu cử chấm dứt. Hồ Hữu Tường không có tham dự viết trong *La Lutte* ở giai đoạn đầu này.

Một năm sau, tờ *La Lutte* được tái bản do sự vận động của Nguyễn An Ninh. Kỳ này, với mục đích cùng chung một lập trường tranh đấu chống thực dân Pháp ở Đông Dương, Nguyễn An Ninh đã thuyết phục được cả hai

phái Đệ Tam và Đệ Tứ ở miền Nam đồng ngồi chung lại trong ban biên tập. Các bài viết đều không có ký tên và hai hệ phái phải tránh không chỉ trích lập trường của nhau. Kỳ tái bản này có H.H. Tường tham gia viết nhưng không tích cực vì bên phía Đệ Tam của Nguyễn Văn Tạo có ít người viết giỏi Pháp văn, nên Tường tự chế không muốn để phía Đệ Tứ có vẻ lấn lướt. Việc hai phái Đệ Tam và Đệ Tứ cùng nhau cộng tác trong một tổ chức là chuyện hi hữu. Trên thế giới, việc này chỉ xảy ra ở Việt Nam mà thôi. Hồ Hữu Tường đã gọi chuyện này là một “quái thai lịch sử” và sử gia Pháp, Daniel Hémery, giáo sư Đại học Sorbonne đã viết một luận án danh tiếng về thời kỳ này.

Đầu năm 1935 có việc bầu cử Hội đồng Quản hạt ở Nam kỳ. Nhân dịp này, nhóm La Lutte quyết lợi dụng cơ hội để có thể công khai tuyên truyền chống chế độ thực dân ở Nam kỳ. Bên Đệ Tam có Nguyễn Văn Tạo, Nguyễn Văn Nguyễn, Dương Bạch Mai thành lập liên danh. Phía Đệ Tứ có Phan Văn Hùm, Trần Văn Thạch và Hồ Hữu Tường. Hồ Hữu Tường vì chưa đến 25 tuổi nên liên danh kể như không hợp lệ nhưng vẫn cứ sinh hoạt dán bích chương, in truyền đơn phân phối cho dân chúng có dịp đọc.

Báo *La Lutte* viết bằng Pháp văn. Phần nhiều các bài thường do Tạ Thu Thâu, Trần Văn Thạch, Nguyễn Văn Tạo, Phan Văn Chánh viết. Nguyễn An Ninh trong công việc di chuyển đó đây bán dầu cù là, lại đảm trách thêm việc giải thích cho dân chúng các bài báo vì ông có biệt tài dẫn giải rất bình dân những tiêu đề khó khăn cho sự hiểu biết thông thường.

Đứng trong hàng ngũ nhóm La Lutte, Tạ Thu Thâu phải theo đường lối chung, không thể hoạt động theo xu hướng Đệ Tứ, nên đã giao cho H.H. Tường trách nhiệm tùy cơ, huấn luyện các thanh niên có cảm tình với Thâu. Năm 1936, H.H. Tường được Trịnh Văn Lầu tiếp tay trong việc truyền bá chủ nghĩa, nhân thời cơ thuận tiện của sự thành lập Mặt Trận Bình Dân ở Pháp. Trịnh Văn Lầu đã có sáng kiến tổ chức đánh cắp chữ in của các nhà in và thành lập cơ quan in ấn bí mật để H.H. Tường xuất bản tạp chí *Thường Trực Cách Mạng*, một tạp chí bí mật duy nhất trong xứ được in bằng chữ in. Cơ quan ấn loát được giao cho một anh thợ nhà in bị bệnh ho lao nặng, phụ trách ở một chòi lá vùng Thị Nghè. Mật thám Pháp vì thấy

tạp chí được in đẹp nên tưởng nhầm là được nhóm Đệ Tứ in ở ngoài nước. Khi có tin Mặt Trận Bình Dân thẳng thăm về vang ở Pháp, truyền đơn được in và rải khắp Sài Gòn. Phản ứng mau lẹ đó chứng tỏ rằng truyền đơn ắt phải do nhà in trong xứ thực hiện. Mặt thám tung ngay một mẻ lưới điều tra và cơ quan in ẩn vì vậy bị phát giác, chấm dứt luôn giai đoạn làm báo bí mật của Hồ Hữu Tường !

Hưởng ứng sự thành công của Mặt Trận Bình Dân ở Pháp và cũng để chuẩn bị tiếp đón các phái đoàn điều tra từ Pháp sắp qua Việt Nam, nhóm La Lutte với sự dẫn đầu của Nguyễn An Ninh, rần rộ khởi xướng Phong trào Đông Dương Đại Hội và sự thành lập các Ủy Ban Hành Động. H.H. Tường được đề cử làm Tổng Thư ký của Phong trào và đã có công trong việc cổ động cho Đông Dương Đại Hội qua việc vận động ký giả các báo Việt ngữ. Trong giai đoạn này, H.H. Tường có cho xuất bản một tuần báo tiếng Pháp với sự cộng tác của một đồng chí là Đoàn Văn Trương. H.H. Tường lợi dụng việc Nam kỳ là một thuộc địa của Pháp nên trên danh nghĩa, người Việt sanh sống ở Nam kỳ được coi là thần dân Pháp (Sujet francais de Cochinchine). Vì vậy nên Đoàn Văn Trương có đủ tư cách làm quản lý một tờ báo tiếng Pháp. Tuần báo *Le Militant* (Chiến Sĩ) do đó được ra đời trót lọt và đã gây được một tiền lệ: ở Nam kỳ, ra báo Pháp ngữ không cần phải có quản lý người Pháp. Ra được bốn số, tuần báo *Le Militant* hết vốn nên phải đình bản cho đến một năm sau mới tái bản được và lần này ra được 21 số. *Le Militant* đến giai đoạn này phải dẹp vì hai nhóm Đệ Tam và Đệ Tứ đã ly khai, không còn hợp tác nhau được nữa trong nhóm Tranh Đấu: Nhóm Đệ Tam cho ra báo *L'Avant Garde*, về sau đổi tên thành *Le Peuple*. Tờ *La Lutte* được nhóm Đệ Tứ tiếp tục nắm giữ nên không thấy có lý do phải duy trì hai tờ báo cùng một chủ trương và đường lối.

Đến năm 1938, một hội ký giả lấy tên là A.J.A.C. ( Association des journalistes annamites de Cochinchine) được thành lập để tranh đấu cho báo chí tiếng Việt được hưởng quy chế tự do giống như quy chế các báo Pháp ngữ. Hội trưởng là Nguyễn Văn Sâm, chủ nhiệm báo *Đuốc Nhà Nam* và Tổng Thư ký là Trần Văn Thạch. Nhóm Đệ Tam tình nguyện đi tiên phong, ra báo với thủ tục y như báo Pháp ngữ. Nhưng đến khi báo in được



số nào thì nhà cầm quyền đều cho sở mật thám đến, hốt hết. Ra tòa, anh quản lý bị lên án. Sau các thủ tục chống án lên tòa trên, qua tòa Phá án, cuối cùng bản án được chuyển đến Hội đồng Quốc gia bên Pháp vào mùa thu năm 1938. Hội đồng này cũng giống như một Tối Cao Pháp Viện, đã hủy bản án vì luật pháp không minh định rõ ràng về tự do báo chí cho báo Việt ngữ ở Nam kỳ. Đây là một thắng lợi lớn về tự do báo chí.

Nhóm Đệ Tam lập tức đổi tờ *Le Peuple* thành tờ báo Việt ngữ *Dân Chúng*. Nhóm Đệ Tứ cánh Tạ Thu Thâu đổi tờ *La Lutte* thành tờ *Tranh Đấu*; cánh Hồ Hữu Tường cho xuất bản: tuần báo *Tia Sáng*, sau 6 tháng đổi thành nhật báo, tạp chí lý luận hằng tháng tên *Tháng Mười* và một tuần báo nghiệp đoàn tên *Thầy Thợ*. Tạp chí *Tháng Mười* và *Thầy Thợ* được H.H. Tường giao cho Đào Hưng Long làm quản lý.

Cuối năm 1938, chế độ báo chí và xuất bản ở Nam kỳ được đặc biệt nổi lỏng khi sắc luật Daladier ngày 30 tháng 8, 1938 cho báo chí chữ quốc ngữ được xuất bản không cần xin phép trước. Việc kiểm duyệt và tịch thu báo không còn thấy xảy ra như trước.

Ở Bắc và Trung, phong trào tự do báo chí được hưởng ứng nồng nhiệt. Các ký giả trong Nam cũng như ngoài Bắc đua nhau viết vì đều tiên đoán chiến tranh sắp sửa xảy ra, và nhà cầm quyền Pháp sẽ siết chặt lại hoạt động của giới truyền thông. H.H. Tường đã thú nhận là chưa có bao giờ lại có cơ hội làm việc hăng hái như thời trước Đệ nhị Thế chiến này: mỗi ngày, ngoài việc đi dạy học tư, Tường phải viết thông thường là bốn bài báo.

Đến cuối tháng 8, năm 1939, không khí chiến tranh đã thấy bao trùm ở Âu châu. Đêm 23 rạng ngày 24, hiệp ước Hitler-Stalin được ký kết. Ngày 1 tháng 9 quân đội Đức tiến vào Pologne. Lệnh tổng động viên được ban hành ở Pháp và ở Đông Dương. Ngày 3 tháng 9, Pháp và Anh tuyên chiến với Đức. Ngày 25 tháng 9, đảng Cộng sản Pháp bị cấm hoạt động. Toàn quyền Đông Dương hưởng ứng sắc lệnh cấm đó và ngày 29 tháng 9, mật thám tiến hành việc bố ráp trong toàn xứ.

Chỉ trong vài ngày, 121 người theo phái Stalin và 55 người theo xu hướng Trotsky đã bị bắt. Nhà cầm quyền đã thi hành 323 cuộc lục xét, tịch thu 2332 cuốn sách và 26316 ấn phẩm báo chí (Báo cáo của Thống đốc Nam

kỳ gởi Toàn quyền ngày 3-11-1939, AOM NF 1820). Các báo chí của cả hai phái Đệ Tam, Đệ Tứ đều bị cấm. Hồ Hữu Tường cũng như Nguyễn An Ninh, Tạ Thu Thâu, Trần Văn Thạch và các nhà cách mạng khác đều hoặc bị bắt vào tù hay bị đưa vào các trại tập trung ở núi Bà Rá và Tà Lài (Biên Hoà)!

Hồ Hữu Tường đã vào tù hơn năm năm, không còn cơ hội hoạt động báo chí cho đến mãi đầu năm 1948 mới có dịp trở lại làng báo, do thi sĩ Đông Hồ mời cộng tác. Sau khi mãn tù ở Côn Đảo về và còn bị án biệt xứ, cư trú ở Cần Thơ, năm 1944, Hồ Hữu Tường đã tuyên bố với các bạn đồng chí cũ: “ *Tôi trở về con đường dân tộc, tôi cho rằng việc giai cấp vô sản giải phóng nhân loại là một huyền thoại lớn của thế kỷ 19 và tiềm năng cách mạng của giai cấp vô sản ở châu Âu và Bắc Mỹ là một huyền thoại lớn của thế kỷ 20*”.

Ngày 9 tháng 3 năm 1945, quân đội Nhật đảo chánh chính quyền Pháp ở Đông Dương. Các đoàn thể chánh trị Việt Nam có cơ hội hoạt động công khai. Những lãnh tụ các đảng bị Pháp lưu đày biệt xứ đã trở về các đô thị, tái tổ chức hàng ngũ. Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm, Trần Văn Thạch...đều trở về lại Sài Gòn, củng cố lại nhóm Tranh Đấu. Hồ Hữu Tường chọn việc du hành ra Bắc, cho đến ngày Việt minh cướp chánh quyền ở Hà Nội. Trong bức điện tín ngày 27 tháng 8 năm 1945 của Ủy ban Nhân dân Cách mạng Bắc Bộ, gởi khẩn cầu Bảo Đại thoái vị, ngoài chữ ký của Nguyễn Văn Huyên, Nguyễn Xiển, Nguyễn Như Kontum cũng có tên Hồ Hữu Tường. Bảo Đại sau này đã cho biết ông đã đồng ý vì thấy trong những người ký bức điện tín có Hồ Hữu Tường là nhân vật mà ông biết đã từng hoạt động chánh trị và am hiểu tình hình thế giới.

Tuy nhiên, năm 1945, Hồ Hữu Tường cũng biết Việt Minh chủ trương diệt các thành phần Đệ Tứ. Để tránh tai mắt trinh sát Việt Minh ở Hà Nội, Tường nhờ được bác sĩ Phạm Ngọc Khuê đưa về Nam Định. Ở đây, H.H. Tường đã viết quyển *Muốn hiểu chánh trị* , tác giả lấy bút hiệu Huân Phong. Họa sĩ Tô Ngọc Vân e sợ ký như vậy, Tường sẽ dễ bị lộ tung tích vì câu thơ “Huân phong tự Nam lai”. nên đã sửa lại là Thuận Phong. Về sau,

Tường đã chọn lại bút hiệu Huân Phong để kỷ niệm những ngày sống với Phạm Ngọc Khuê.

Trên các quyển viết cho nhà xuất bản Tân Việt ở Hà Nội, như *Kinh Tế học* và *Kinh Tế chánh trị nhập môn*, *Xã Hội học nhập môn* Hồ Hữu Tường chọn bút hiệu Khổng Cưu. Sách do Hàn Thuyên xuất bản đều đề tên Nguyễn Huệ Minh là tên của vợ H.H. Tường. Trên các quyển viết cho nhà xuất bản Minh Đức, bút hiệu được chọn là Duy Minh vì H.H. Tường muốn tỏ lập trường biệt lập giữa Duy tâm và Duy vật. Trong thời gian ở Bắc, năm 1946, H.H. Tường có viết một tác phẩm mà ông đặc ý nhất. Đó là quyển *Tương Lai văn Hóa Việt Nam*, viết trong hình thức “thơ bằng văn xuôi”, bìa do họa sĩ Tô Ngọc Vân trình bày, Minh Đức in 500 bản hình thức sách quý, giấy đặc biệt chế tạo riêng tại làng Bưởi.

Đầu năm 1948, Hồ Hữu Tường từ Hà Nội trở lại về Sài Gòn. Nhà văn Thiên Giang đưa H.H. Tường đến thăm thi sĩ Đông Hồ. Nơi đây Tường gặp chẳng những Đông Hồ, lại có thêm Dương Tử Giang. Hai nhà văn này đang lãnh phụ trách làm một báo Xuân, do Lư Khê bỏ vốn. Đông Hồ mời H.H. Tường viết giúp và đưa trước ngân khoản cho Tường lúc đó đang túng thiếu. Tường nhận lời với điều kiện không ký tên thật. Đông Hồ đề nghị cho Tường các bút hiệu Lân Trinh và Ly Duệ. Lân Trinh có nghĩa là gần với chữ Trinh. Trong thành ngữ, hai chữ Trinh, Tường thường hay dùng chung nhau. Đông Hồ đặt Lân Trinh, cố ý chỉ rằng tác giả là Tường đó! Còn Ly Duệ để nhắc rằng tác giả bài đó là con cháu của Hồ Quý Ly. Đông Hồ thường nhờ H.H. Tường viết nhiều bài trong mỗi số do ông chủ trương biên tập nên Tường phải có nhiều bút hiệu khác nhau. Như khi viết những tiểu thuyết *Thu Hương*, *Chị Tập*, H.H. Tường ký Duy Cúc, là tên thật của một nữ sinh viên mà ông đã gặp khi ở Hà Nội. H.H. Tường đã mượn hình ảnh của sinh viên Duy Cúc để phác họa nhân vật Thu Hương trong tiểu thuyết. Duy Cúc sau đã sang Paris du học và đã là một nhà điêu khắc nổi danh.

Trong thời gian hợp tác với Đông Hồ, H.H. Tường có giới thiệu với Đông Hồ và đưa vào làng văn trong Nam, văn sĩ Triều Sơn, từng làm chủ bút tờ *Kháng Chiến* ở Bắc. Vào Sài Gòn, Triều Sơn làm công nhân cho hãng đóng

tàu CARIC ở Thủ Thiêm, lo việc vô dầu, làm máy cho tàu của hãng. Triều Sơn đã rút kinh nghiệm về các cán bộ cách mạng gốc bần cố nông để tạo ra nhân vật “ Nuôi Sọ”. Triều Sơn đã gọt giũa tác phẩm nhưng đến năm 1954 vẫn chưa vừa ý nên chưa chịu xuất bản, cho đến khi anh qua đời !

H.H. Tường cũng được Đặng Văn Ký mời làm cai thầu biên tập cho tuần báo *Sanh Hoạt* trong thời Trần Văn Ân làm Tổng trưởng Thông tin. Đặng Văn Ký là một nhân vật tên tuổi trong Nam, đã từng hưởng ứng phong trào Nguyễn An Ninh và phong trào của nhóm Tranh Đấu. Ông đã bị thực dân Pháp đày ở Bà Rá và đã được Nhật giúp đưa lánh nạn ở Tân Gia Ba với Trần Văn Ân, Trần Trọng Kim, Dương Bá Trạc. Trong tuần báo *Sanh Hoạt* H.H. Tường thường chỉ viết bài xã thuyết. Các bài khác ông được một sinh viên lỗi lạc ở Hà Nội cùng theo ông vào Nam là Phạm Mậu Quân, tình nguyện “bao sân”. Phạm Mậu Quân là một sinh viên về toán đã được giáo sư Hoàng Xuân Hãn phục tài vì chép bài rất giỏi. Vào Nam, Phạm Mậu Quân tiếp tục học toán ở Đại học Sài Gòn và cư ngụ ở nhà H.H. Tường. Quân có tài về Toán học nhưng cũng có thêm tài viết báo và viết giống lối văn của Hồ Hữu Tường. Trong các bài viết, Phạm Mậu Quân tìm cách cố võ cho việc dùng tiếng Việt trong các chương trình giáo dục. Cuối năm 1948. báo *Sanh Hoạt* ngưng hoạt động, Phạm Mậu Quân sang Pháp học và nay là một giáo sư Toán danh tiếng. H.H. Tường tuy ít viết trong *Sanh Hoạt* nhưng đã nhờ tuần báo này mà phổ biến được chủ trương lập trường Dân tộc trong bài *Thân Việt*, không thân Mỹ hoặc thân Nga.

Trong khoảng các năm 1948, 1949, H.H. Tường được dịp cộng tác trong báo *Sài-gòn Mới* của bà Bút Trà. Tường đã cho đăng hằng ngày, từng đoạn của tiểu thuyết *Phi Lạc Sang Tàu*, một tiểu thuyết mà ông đã ngâm trong những ngày tránh trình sát Việt Minh ở Hà Nội. Bút hiệu lúc bấy giờ là Ý Dư, tên mà H.H. Tường đã thấy ký dưới một bức thư tỏ tình thống thiết của Đặng Ngọc Tốt gửi cho em gái của Phạm Ngọc Khuê. Thời bấy giờ, ở giới Đại học Hà Nội có ba sinh viên quái kiệt về diễn thuyết là Nguyễn Đình Thi, Huỳnh Văn Tiểng và Đặng Ngọc Tốt. Trong thời Kháng chiến Nam Bộ, Đặng Ngọc Tốt cũng nổi tiếng, khi phụ trách Ban Tuyên Truyền Lưu Động Nam Bộ nhưng khi ra Bắc phụ trách đảng Dân Chủ thì không biết vì

lý do gì, lại ít được nhắc nhở. Khi được biết trong khu Nam Bộ, Tốt hay ăn nói lớn lối, giống như anh chàng Phi Lạc trong tiểu thuyết, một thằng mõ ở Bắc được đặt trên ngôi tiên chi, nên H.H. Tường mới chọn bút hiệu đó cho câu chuyện.

Bộ tiểu thuyết “*Ngàn Năm Một Thuở*” với: *Phi Lạc Sang Tàu, Phi Lạc Náo Huê Kỳ, Phi Lạc Bờn Nga* đã được H.H. Tường cho trích đăng từng đoạn trên *Sài-gòn Mới, Phương Đông, Ánh Sáng...*

Mùa xuân năm 1949, Hồ Hữu Tường đáp tàu sang lại Pháp, tình nguyện làm đặc phái viên của *Sài-gòn Mới* và tiếp tục gửi về các đoạn của tiểu thuyết *Phi Lạc Sang Tàu*. Ông cũng tiếp tục viết bài về cho Đông Hồ khi có được dịp. Được sự giúp đỡ của một người bạn cũ đang mở một chương trình dạy khoa Cảnh Sát bằng lối hàm thụ, H.H. Tường noi theo ý kiến hay của bạn, mở một lớp dạy làm báo. Các bài này đã được cho in lại trong báo *Hòa Đồng* và năm 1965 được nhà xuất bản Khai Trí in thành sách: *Những kỹ thuật căn bản của nghề viết báo*.

Ở Pháp, H.H. Tường cũng đã thực hiện được tờ *Cảo Thơm*, một tập báo Xuân in theo kỹ thuật tối tân Hélió, nhờ sự cộng tác kỹ thuật của Việt Hồ, một Việt kiều đã sống bằng nghề in rất lâu năm ở Pháp.

Trong dịp cộng tác giúp ý kiến cho kỹ sư Nguyễn Ngọc Bích về nhà xuất bản Minh Tân, H.H. Tường được tặng một số vốn. Nhờ vậy H.H. Tường có được khả năng để thực hiện tạp chí song ngữ Pháp-Anh *Pacific* năm 1952. Tạp chí được xuất bản ba tháng một kỳ. H.H. Tường đã có phương tiện để cổ võ cho thuyết Trung Lập và kêu gọi các nước nhược tiểu thành lập “thế giới thứ ba”. Đây sẽ là một lực lượng mới, có khả năng cân bằng giữa hai khối Nga, Mỹ đang đối đầu. Tờ *Pacific* được duy trì đến tám số cho đến năm 1954, khi H.H. Tường bị vào tù khi trở về xứ. Tuy tập san được nhiều giới ở ngoại quốc chú ý nhưng đã bị thủ tướng Nguyễn Văn Tâm ra lệnh cấm lưu hành ở Việt Nam nên số vốn đã tan dần.

Hồ Hữu Tường đã được dịp trở về xứ đôi ba lần sau năm 1952 và đã được dịp cùng bạn bè tổ chức tuần báo *Phương Đông*. Về sau, *Phương Đông* đổi thành nhật báo và là cơ quan truyền bá tư tưởng của H.H. Tường. Chủ bút do Lê Văn Siêu phụ trách; Thái Linh là Thơ ký tòa soạn; Nguyễn Hữu Nghi

tự Ngu Í là nhà chuyên môn phỏng vấn. Độc giả miền Bắc ủng hộ báo rất mạnh, miền Nam chỉ tiêu thụ khoảng một phần tư. Do được độc giả đất Bắc chiếu cố nên báo được duy trì, trong khi dân miền Nam định ninh là *Phương Đông* sẽ đóng cửa sớm. Vì báo chủ trương đường lối Trung Lập, nhiều nguồn tin trái ngược được đồn đãi, khi thì cho là báo được Việt Minh tài trợ, khi thì nghi do cơ quan phòng Nhì của Pháp đưa tiền, hoặc do Mỹ chuẩn bị nhảy vào Việt Nam khi Pháp bỏ cuộc, hoặc do tình báo Anh giúp vốn, xuyên qua các nước Ấn Độ, Miến Điện...

Khi có hội nghị Hòa Đàm Genève năm 1954, H.H. Tường qua Thụy Sĩ phổ biến bài thuyết trình về “ trung lập chế ” đã được in trong số đặc biệt *Phương Đông*. Bản dịch tiếng Pháp là “ La seule bonne voie ”, tiếng Anh là “ The only good way”. Nhưng việc làm không đem đến ảnh hưởng mong muốn và kết cuộc, ngày 20 tháng 7 năm 1945, đất nước Việt Nam đã phải chịu chia đôi!

Trở về nước, Hồ Hữu Tường vướng trong vụ Bình Xuyên, bị vào tù tháng 3 năm 1955 và bị chế độ Ngô Đình Diệm kết án tử hình. Nhờ được sự lên tiếng ủng hộ mạnh mẽ của các danh nhân trên thế giới như Thủ tướng Ấn ông Pandit Nehru, văn hào Albert Camus v.v...nên Hồ Hữu Tường mới được thoát chết.

Khi chế độ Tổng thống Ngô Đình Diệm bị lật đổ, H.H. Tường mới ra khỏi nhà tù vào tháng Giêng năm 1964. Sau bao năm tù đầy ở Côn Đảo, sức khỏe của H.H. Tường đã suy giảm rất nhiều. Mãi đến gần năm tháng sau ông mới bắt đầu bình phục để có thể tập trung tư tưởng, ngồi viết một vài bài báo cho tờ *Ánh Sáng* của Hoàng Hồ. Hoàng Hồ lúc đó làm giám đốc tờ báo nên có mỹ ý dành cho H.H. Tường cơ hội tập viết lại. Trong tờ *Ánh Sáng* của Hoàng Hồ, H.H. Tường đã đề nghị chủ trương “liên hiệp quốc hóa Việt Nam” , thay thế cho lập trường “trung lập chế” của ông trước kia. Qua năm sau, ông Nguyễn Lương Hưng mời H.H. Tường vào ban biên tập của một tuần báo tên *Hòa Đồng Tôn Giáo* mà ông đã đứng xin cho Hội này. Sau khi có được phép của Bộ Thông tin thì Hội lại không tìm đủ ngân khoản cho ông Hưng thực hiện ra báo. H.H. Tường đi vay được một số vốn nên tuần báo mới được dịp ra đời, với cái tên cắt ngắn là *Hòa Đồng*. Tuần

báo được nhiều độc giả trí thức ưa chuộng nhưng không sống lâu dài khi làng báo, vào lúc đó đang gặp phải khủng hoảng vì việc đầu cơ giấy.

Sau khi *Hòa Đồng* đình bản, H.H. Tường đã được Chu Tử mời viết trên *Sống*, quyển tiểu thuyết thời đại “ *Người Mỹ Ưu Tư* ”. Vì sách không được giấy phép in ở Việt Nam nên ông Tường đã đem qua Pháp xuất bản dưới hình thức loại sách quý, viết tay, chỉ dành cho một số thân hữu. Tác giả và các bạn đã có lúc dùng văn bản *Người Mỹ Ưu Tư* là một tác phẩm có tánh cách thời sự quốc tế, để vận động cho Hồ Hữu Tường tham dự giải văn chương Nobel nhưng không có được kết quả.

Sự hợp tác với *Sống* của Chu Tử lại có tác dụng giúp ông Tường, năm 1967, làm dân biểu Hạ Viện. Đây cũng là giai đoạn ông được nhiều nhà báo mở rộng cửa mời ông viết bài như *Tiếng Nói Dân Tộc*, *Quyết Tiến*, *Đuốc Nhà Nam*, *Tin Sáng*, *Saigòn Mới*, *Điện Tín* v.v...

\*

Vợ chồng tác giả bài này đã từng khâm phục ông Hồ Hữu Tường, từ khi biết được ông năm 1951, khi còn là sinh viên ở Pháp. Khi trở về nước, cũng thường được gặp ông, nhất là giai đoạn ông cho ra tuần báo *Hòa Đồng*. Khi ông Tường ra làm dân biểu Quốc hội, ông thường ghé nhà chúng tôi trong cư xá Hải Quân, đường Chu Mạnh Trinh. Lúc đó ông lại bắt đầu mặc áo cà sa màu nâu, cổ mang chuỗi nhà Phật. Gia đình chúng tôi vốn rất phục ông vì tài viết văn : ngồi viết sau một buổi ăn, chỉ độ một giờ là xong một bài cho *Hòa Đồng* chẳng hạn, sửa chữa lại rất ít là có thể đưa đi in. Tiếc tài của ông vì nhiều khi bị dư luận công kích vô lối, chúng tôi thường năn nỉ ông, xin mỗi ngày ông đến với gia đình chúng tôi để ngồi viết hồi ký chánh trị của ông, truyền lại cho hậu thế. Lúc tôi có được dịp tham gia chánh phủ, tôi có cho ông biết, tôi muốn mời ông giữ một chức như công cán ủy viên ở bộ Xã Hội, để ông có lương hằng tháng. Ông sẽ khỏi cần làm một việc gì trong bộ tham mưu, ông chỉ ngồi nhà viết hồi ký.

Ông Tường cười, phô cái hàm răng đặc biệt của ông và nói: “ *Tôi có cái tật ngồi yên một chỗ không được, phải luôn luôn tìm cơ hội hoạt động. Anh*

*mới là người phải ngồi viết truyện về thập niên 1940 như tôi đã bảo với anh”.*

Ông muốn nhắc đến việc lần đầu gặp ông ở Paris. Nhân dịp nghỉ lễ Giáng Sinh, tôi từ Bordeaux lên Paris. Tiền túi ít nên trưa thường đi theo các bạn thổ công ở Paris, mua giùm phiếu để được vào “ăn lậu” ở các quán ăn sinh viên. Một hôm ở quán Parc Montsouris, trong khi xếp hàng, thấy một “sinh viên” Á Đông lớn tuổi, miệng có hàm răng cửa rất lớn, đang cười, nói tiếng Việt, nhờ một sinh viên đứng sau, dùng hai tay dấm thùm thụp vào lưng cho đỡ lạnh. Anh bạn đưa tôi đi ăn cho biết : “ Ông đó là Hồ Hữu Tường. Hôm nay chắc ông cũng tìm được thẻ để đi ăn lậu như anh”.

Lúc đó, tôi đã biết danh Hồ Hữu Tường, nhưng không được biết là trong thời gian ở Côn Đảo, sau ba năm suy gẫm, ông đã tuyên bố ly khai với chủ nghĩa Các Mác. Tôi đã bắt chuyện với ông trong buổi ăn, thuật những chuyện Cộng sản Đệ tam đã thủ tiêu các nhà ái quốc và nhóm Tranh Đấu thuộc Đệ tứ, khi mở đầu giai đoạn kháng chiến ở Nam Bộ. Ông Tường rất chú ý và rủ tôi ra một quán cà phê Dupont để tiếp nối câu chuyện. Khi tôi kể đến việc đấu khẩu giữa Dương Bạch Mai và Phan Văn Hùm, buổi chiều trước đêm Mai ra lệnh thủ tiêu ông Hùm và các chiến sĩ Đệ Tứ, ông Tường đã tỏ ra bị xúc động mạnh. Ông nói với tôi: “ Anh có bốn phận phải viết lại giai đoạn này”.

Cho đến nay tôi chưa hoàn tất việc viết sách vì không có được cái tài viết nhanh như Hồ Hữu Tường. Ông Tường là người gắn bó với nghề viết báo. Ông là người có nhiều ý kiến đi trước thời cuộc và muốn phổ biến các tư tưởng của ông. Có lẽ vì ông có thêm thiên phú về Toán học, nên ông thường dự tính được nước cờ trước nhiều người khác. Từ khi khởi đầu viết báo bí mật thời thực dân Pháp đến các giai đoạn viết báo công khai, ông lúc nào cũng say mê với các cải biến kỹ thuật làm báo và tìm cách hướng dẫn việc viết báo trong thời kỳ ở trong xứ chưa có trường dạy về môn này.

Rất tiếc là sau ngày 30 tháng Tư năm 1975, Hồ Hữu Tường đã phải gánh chịu cái oan nghiệp mà đảng Cộng sản Việt Nam đã áp đặt lên đầu dân chúng miền Nam. Ngoài cái cộng nghiệp mà các giới miền Nam phải đương đầu, H.H. Tường có lẽ còn có cái thêm cái biệt nghiệp: nghiệp làm



báo. Tưởng cũng nên kể thêm đến một giai thoại tiêu lâm được Đỗ Thái Nhiên ghi lại, khi bị nhốt ở phòng giam tập thể thuộc trại giam số 4 Phan Đăng Lưu: Một hôm, cả phòng đang giờ nghỉ, Lý Hùng, một người tù Việt gốc Hoa, cất cao tiếng, hỏi Hồ Hữu Tường đang nằm ở cuối phòng:

-Bác Tường ơi ! Thời Tây, thời Ngô Đình Diệm và cả thời này nữa, thời nào Bác cũng ở tù. Bác có hiểu tại sao Bác cứ ở tù hoài hoài vậy không ?

Hồ Hữu Tường nhìn Lý Hùng vừa cười vừa hỏi dò chừng:

-Mày trả lời giùm tao đi, tại sao ?

Lý Hùng nhanh nhẩu trả lời:

-Dễ quá mà ! Tên Bác là “ Hữu Tường” nên Bác phải “hưởng tù” dài dài !

Hồ Hữu Tường, mắt nhìn xa xăm trông thật buồn, nói nhỏ giọng:

-Có thể thẳng này nói đúng !

Năm 1999, nhà văn đã quá cố, Như Phong Lê Văn Tiến có nhờ tác giả viết bài về Đức Thầy Huỳnh Phú Sổ cho Đài Á Châu Tự Do phát thanh về Việt Nam. Khoảng hai tháng sau, tác giả tình cờ nhận được một thư gửi từ Việt Nam, nhờ Đài VOA tìm chuyển đến tác giả. Trong các cuộc trao đổi thư tín về sau, người gửi ( tác giả xin miễn đề cập đến tên, nơi sinh sống hiện nay...) cho biết anh là đồng đội và bạn tù của Hồ Hữu Tường ở trại giam Hàm Tân. H.H. Tường lúc ấy sức khỏe rất suy giảm, đã nhờ anh nếu ra khỏi tù, hãy tìm tác giả để nhắc những chuyện phải làm nếu H.H. Tường qua đời. Vì vậy nên tác giả còn mang nhiều nợ với ông Tường !

Chánh quyền Cộng sản đã bắt H.H. Tường vào năm 1977. Sau bao nhiêu năm bị giam cầm ở Sài Gòn, các bạn tù đều cho biết là sức khỏe H.H. Tường khá tốt. Lúc nào ông cũng ngậm một lát gừng tươi trong miệng. Có thể việc ngậm gừng này là việc áp dụng những bàn cãi giữa ông Tường và tác giả. Tác giả có cho ông Tường biết về việc các đồng nghiệp quân y sĩ Pháp của tác giả đã báo cáo trong một hồ sơ ở Trường Quân Y Hải Quân Bordeaux: những tù binh Pháp bị bắt sau trận Điện Biên Phủ được sống sót trở về, phần đông là những người thích tìm ớt rừng để ăn hoặc hay ăn gừng để chống lạnh và sốt rét. Tác giả và các bạn đồng nghiệp cho rằng các tù nhân đã sống nhờ sinh tố A (màu đỏ của ớt). Ông Tường góp ý là nên thử nghiên cứu kỹ thêm, vì các thức ăn có chất cay, nhất là thảo mộc, ngoài

nhiệt năng (énergie calorifique) hiện được đo lường bằng đơn vị calories, có thể còn chứa chấp loại năng lượng về sức sống (énergie vitale) mà khoa học hiện tại chưa tìm được cách thức dò xét ? Các bạn tù của ông Tường còn cho biết thêm, là mỗi đêm khuya, ông Tường thường ngồi đánh cờ một mình, tay trái đi cờ đối thủ với tay mặt! Ngoài ra, chắc chắn thế nào ông cũng có viết trong đầu, một “tiểu thuyết ngầm” mà tiếc thay, ông đã đem theo ông, ngày 26 tháng 6 năm 1980, khi ông từ già để qua một thế giới khác! Bốn năm sau, cuối mùa Đông 1984, tác phẩm cuối cùng của ông, “41 năm làm báo, Hồi Ký” được Đông Nam Á xuất bản ở Paris.

Một người đã có nhiều kinh nghiệm, biết thể thức giữ gìn sức khỏe và tinh thần qua bao nhiêu năm tháng trong các lao tù, thế mà chỉ trong vòng hai tháng bị đưa đi giam ở Hàm Tân, lại bị lần lần kiệt sức và chỉ được đưa về để gục chết trước thềm nhà mình ( *VIỆT NAM 1920-1945*, Ngô Văn, Chuông Rè-L’Insomniaque, California 2000, trang 436) , là một việc lạ cần được các sử gia điều nghiên trong tương lai.

Tưởng cũng nên ghi lại là đã có một lần, xe chở Hồ Hữu Tường chuyển trại đã bị tai nạn (?) dọc đường và Hồ Hữu Tường đã được đưa trở về Sài Gòn chữa trị. Dưới một chế độ nắm toàn quyền lực sinh sát trong tay, với một ngành Công An có nhiều kinh nghiệm học hỏi ở Nga Xô về các kỹ thuật tinh xảo, âm thầm giết người, thì việc thủ tiêu một đối phương đang bị tù, không có gì là khó khăn. Nhưng cũng nên hi vọng là với những cải tiến không ngừng của nền khoa học hiện đại, nhiều âm mưu ám hại, tưởng là bí mật, rồi cũng có ngày bị phát giác.

Texas, đầu Xuân 2003

**Bs. TRẦN NGUỒN PHIÊU**

Sách Tham Khảo:

1-*Daniel Hémery, Révolutionnaires vietnamiens et pouvoir colonial en Indochine , Francois Maspero, Paris Vè, 1975*

2- *Đỗ Thái Nhiên, Hồ Hữu Tường: Người Chết U Uẩn, Tài liệu chép trên Internet, VMAFORUM, 2-18-02*

3-*Hồ Hữu Tường, 41 Năm Làm Báo, Hồi Ký, ISBN-2-85881-011-7, Đông Nam Á, Imprimerie Sudestasie, 17 rue Cardinal Lemoine-75005, Paris,*

1984.

4-Ngô Văn, *Việt Nam 1920-1945*, ISBN: 2-908744-14-7, *L'Insomniaque*, Paris, juillet 1995.

5-Ngô Văn, *VIỆT NAM 1920-1945*, ISBN: 2-908744-40-06, *Chuông Rè-L'Insomniaque*, California, USA, 2000.

**Thái Thụy Vy**  
Biên Hùng Liệt Sử  
**Trần Ngươn Phiêu - Huỳnh Tấn Phát**  
Những Bài Viết của Thân Hữu

**Trần Ngươn Phiêu**

*Nỗi Lòng Huỳnh Tấn Phát*

Kể từ những ngày khởi đầu kháng chiến chống Pháp cho đến ngày quân Bắc Việt cường chiếm miền Nam ngày 30 tháng Tư năm 1975, trong các nhân vật liên quan đến việc đấu tranh ở Nam bộ, Huỳnh Tấn Phát phải được coi là có vai trò sáng giá nhất. Những gương mặt nổi bật lúc ban đầu khi Việt Minh đoạt chánh quyền ở Nam bộ như Trần Văn Giàu, Dương Bạch Mai, Phạm Ngọc Thạch, Nguyễn Văn Trấn...sau đó đã “ được” mời ra Bắc hoạt động. Riêng những người như Huỳnh Tấn Phát, Trần Bạch Đằng...là những người gắn bó nhất với miền Nam, đã bám trụ từ đầu cho đến cuối.

Huỳnh Tấn Phát đã được biết tiếng vì các hoạt động trong giới sinh viên khi đang theo học kiến trúc ở Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương ở Hà Nội vào các năm 1936-1938. Anh tham gia phong trào Đông Dương Đại Hội, tổ chức phái đoàn sinh viên, học sinh lên gặp phái đoàn Godart của Chánh phủ Mặt trận Bình dân Pháp để trình “Thư thỉnh nguyện”. Năm 1938, Phát đã tốt nghiệp thủ khoa khi ra trường. Trở về sinh sống ở Sài Gòn, sau một thời gian tập sự với kiến trúc sư Pháp tên Chauchon , Phát mở văn phòng riêng tại 68-70 đường Mayer ( Hiền Vương thời VNCH).

Năm 1941 Toàn quyền Decoux tổ chức Hội chợ Triển lãm Đông Dương ở Vườn Ông Thượng ( Tao Đàn). Huỳnh Tấn Phát đã đoạt giải nhất cuộc thiết kế và xây dựng Hội chợ. Nhưng việc nổi bật nhất vào thời bấy giờ là việc đứng ra làm Chủ nhiệm tuần báo *Thanh Niên* vào năm 1944. Phát đã mua lại “manchette” tờ báo công khai *ThanhNiên* để làm báo hằng tuần với nhóm sinh viên từ Hà Nội trở về Nam như Huỳnh Văn Tiểng, Mai Văn Bộ, Lưu Hữu Phước...Tuần báo được sử dụng để tập hợp lực lượng thanh niên

yêu nước, kín đáo lên tiếng gọi đàn, cổ động phát triển Hội Truyền bá Quốc ngữ. Ngày 30-9-1944, Chánh quyền thực dân Pháp ra lệnh đóng cửa tờ báo. Sau khi Nhật đảo chánh Pháp ngày 9-3-1945, nhằm mục đích huy động thanh niên, lãnh sự Nhật Iito khuyến khích Hồ Văn Ngà , Phạm Ngọc Thạch thành lập Thanh Niên Tiền Phong. Huỳnh Tấn Phát đã tích cực tham gia phong trào này với trách nhiệm trưởng ban tổ chức. Thanh niên Tiền Phong là một phong trào đã phát triển mạnh mẽ ở miền Nam trong thời khoảng năm 1945. Những người nắm vai trò thủ lĩnh là Bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, Kỹ sư Kha vang Côn, Luật sư Thái Văn Lung, Nha sĩ Nguyễn Văn Thủ, nhưng Huỳnh Văn Tiểng, Huỳnh Tấn Phát là những người thật sự đã góp công xây dựng phong trào. Trần Văn Giàu trong bóng tối, thấy Huỳnh Tấn Phát và Huỳnh Văn Tiểng có tờ báo công khai đã tìm cách liên lạc. Thông qua Phát và Tiểng, Trần Văn Giàu đã lợi dụng nắm lấy Thanh niên Tiền phong, dùng phong trào để đoạt chánh quyền cho Việt Minh. Nguyễn Văn Nguyễn, Ủy viên Xứ ủy Nam kỳ được gài ở chung nhà của Huỳnh Tấn Phát ở 68 đường Mayer để “hợp tác” làm báo với Phát.

Khi các sinh viên miền Nam “ xếp bút nghiên” từ Bắc trở về vì phi cơ Đồng Minh đã bắt đầu tấn công vào Đông Dương, họ đã gây được một phong trào văn nghệ và thanh niên để đánh thức lòng yêu nước của dân chúng miền Nam. Những buổi trình diễn rất thành công các bản nhạc yêu nước của Lưu Hữu Phước ở Nhà Hát Lớn Sài Gòn, các kịch lịch sử như Đêm Mê Linh, các trại hè như Trại Suối LồỒ đã được Xứ Ủy Đảng Cộng sản Nam Kỳ chú ý và Trần Văn Giàu đã bắt liên lạc để tổ chức các lớp huấn luyện chánh trị cho các sinh viên trẻ đầy nhiệt huyết này để hướng dẫn họ theo đường lối Đảng Cộng sản. Lúc ấy, phần đông các sinh viên này, kể cả Huỳnh Tấn Phát đều thuộc đảng Tân Dân Chủ ( sau sẽ đổi tên thành Đảng Dân Chủ). Nhà và Văn phòng của Huỳnh Tấn Phát ở 68-70 đường Mayer là trụ sở lớp học chính thời bấy giờ cho các học viên trí thức như Huỳnh Văn Tiểng (Trưởng lớp), Mai Văn Bộ, Vương Văn Lễ, Nguyễn Việt Nam, Trần Bửu Kiếm, Trương Công Cán, Huỳnh Tấn Phát ...Những lớp học khác cho công nhân, viên chức của thành bộ Đảng được tổ chức ở các nơi khác.

Huỳnh Tấn Phát được Trần Văn Giàu chú ý và bí mật kết nạp Phát vào Đảng Cộng sản Đông Dương ngày 5 tháng 3 năm 1945, trong khi ngoài mặt thì Huỳnh Tấn Phát vẫn là đảng viên đảng Tân Dân Chủ. Khi tổ chức cướp chính quyền ngày 25 tháng 8-1945, trong Hội nghị Xứ ủy mở rộng kỳ thứ ba ở Chợ Đệm (Tân An) ngày 23-8-1945, Huỳnh Tấn Phát được chỉ định làm Ủy viên Lâm ủy Hành chánh Nam Bộ. Phát đã từ chối và xin nhường cho Huỳnh Văn Tiểng thay thế. Huỳnh Tấn Phát với tư cách kiến trúc sư đã là người dựng lên kỳ đài sơn đỏ, cao 15 thước ở ngã tư Charner-Bonard trong đêm 24 rạng 25-8-1945, ghi danh tánh 11 ủy viên Ủy ban Hành chánh Nam Bộ.

Trước đó, trong thời gian cầm quyền của chánh phủ Trần Trọng Kim, để chuẩn bị đấu tranh, Huỳnh Tấn Phát đã đưa Huỳnh Văn Tiểng đến gặp chú của Phát là luật sư Huỳnh Văn Phương, người đang đảm trách Cơ sở Mật thám Catinat. Ông Phương đã nói với Phát và Tiểng: “Vì lúc này Việt Minh chưa thể ra được. Tụi bây nói với các anh trên việc này. Các anh có cần gì, cho tao hay, tao sẽ tìm cách đáp ứng”. Phát và Tiểng đã báo cáo với lãnh đạo ( tức Trần Văn Giàu?) và được trả lời: “Ai làm gì cho đất nước có lợi trong lúc này thì cứ làm”. Đồng thời “ cấp trên” của Tiểng xin Huỳnh Văn Phương giúp ngay các việc gấp: Cấp cho súng và thay đổi nhân viên bộ máy công an của Pháp để lại.

Huỳnh Văn Phương đã đồng ý và đã tặng cho 50 súng ngắn mới toanh. Chính tay Tiểng và Phát đã đem xe vào bót Catinat để lãnh số súng này. Ngoài ra ông Huỳnh Văn Phương còn tìm đào được súng của Pháp chôn dấu trong Đô thành Sài Gòn - Chợ Lớn để giao lại cho Phát cất ở nhà 68-70 đường Mayer và trụ sở hướng đạo của Nguyễn Việt Nam ở Ngã Ba Cây Diệp (Trích bài: “ *Mùa Thu Khởi Nghĩa*” của Huỳnh Văn Tiểng trong sách “ *Làm Đẹp Cuộc Đời*”, nhà xuất bản Chính Trị Quốc Gia). Ông Phương còn để cho bộ phận võ trang của Thanh niên Tiền phong xử dụng sân tập bắn của sở cảnh sát Chợ Quán Những người tù chánh trị bị Pháp bắt cũng đã được Huỳnh Văn Phương trả tự do, trong đó có tướng Trần Văn Trà sau này, lúc đó lấy tên là Thăng.

Cũng vào thời này, Huỳnh Văn Phương đã khám phá ra được tài liệu Mật của Sở Mật thám Catinat về việc liên lạc giữa Trần Văn Giàu và những nhân vật mật thám Pháp “mới”, trong đó có Duchêne, thanh tra chánh trị bót Catinat ( Nguyễn Văn Trấn trong “ *Viết cho Mẹ và Quốc hội*”, trang 106, có đề cập đến việc gặp Duchêne). Huỳnh Văn Phương đã sao tài liệu làm 3 bản, để giao lại cho Đức Thầy Huỳnh Phú Sổ và luật sư Dương Văn Giáo, mỗi người một bản. Huỳnh Văn Phương cũng giữ riêng một bản. Việc này đã được Dương Văn Giáo trưng ra trong một buổi hội ở nhà Luật sư Hồ Vĩnh Ký cho lối hơn mười người xem. Trần Văn Giàu rất thù hận cay cú việc này nên ngay sau ngày quân Pháp tái chiếm Sài Gòn ngày 23 tháng 9-1945, Trần Văn Giàu và Nguyễn Văn Trấn đã bắt và xử bắn Huỳnh Văn Phương ở Tân An ngay sau khi họ rút ra khỏi Sài Gòn để lui về Chợ Đệm, mặc dầu Huỳnh Văn Phương là người đã từng giúp phương tiện cho họ trong những ngày dự bị khởi nghĩa. (Việc này đã được tác giả đề cập chi tiết hơn trong bài “*Những Nhân chứng Cuối cùng*” được đăng trong *Thế Kỷ 21*, số 121, tháng 5-1999).

Huỳnh Văn Phương là một trong số 19 sinh viên bị Pháp trục xuất về Việt Nam vì tham dự vào cuộc biểu tình trước Điện Élysée (dinh Tổng Thống Pháp) ngày 22-5-1930, chống việc kết án tử hình Nguyễn Thái Học và các đồng chí trong cuộc khởi nghĩa ở Yên Bái. Tạ Thu Thâu, Trần Văn Giàu, Hồ Văn Ngà...đều đi chung trong chuyến tàu Athos II, từ bến Marseille chở họ về Việt Nam ngày 24-6-1930. Huỳnh Tấn Phát gọi Huỳnh Văn Phương là “ chú Một” vì Phương thứ Mười Một trong gia đình. Sau khi bị trục xuất về Việt Nam một thời gian, Huỳnh Văn Phương tiếp tục học Luật ở Hà Nội. Trong thời gian này, Huỳnh Tấn Phát cũng ra Hà Nội học nghề Kiến trúc. Bà Đặng Hưng Thọ, hoa khôi khu Hoàn Kiếm thời bấy giờ, vợ của Huỳnh Văn Phương đã kể lại các việc “chú Một” từng giúp đỡ cháu Huỳnh Tấn Phát như cấp cho áo lạnh, giày mới thay thế những đôi giày “há mồm” v...v. Huỳnh Tấn Phát vì hảo tâm với các bạn đồng song nghèo đã tặng cho bạn giày hay cho mượn áo lạnh đem đi cầm để có tiền sinh sống. Việc người chú ruột thân thương, một chánh khách yêu nước, bị giết trong những ngày

đầu cuộc chiến chắc hẳn đã gieo trong tâm tư Huỳnh Tấn Phát nhiều ray rức.

Khi Pháp chiếm lại Sài Gòn ngày 23 tháng 9-1945, Huỳnh Tấn Phát bị bắt nhưng sau 3 ngày đã được thả vì Huỳnh Tấn Phát là một kiến trúc sư đã có danh tiếng và vì Pháp muốn lấy lòng dân trí thức. Huỳnh Tấn Phát lo tản cư vợ mới cưới là Bùi Thị Nga về Quán Tre, xong tiếp tục gia nhập kháng chiến chống Pháp. Cuộc chiến lan rộng Bùi Thị Nga đã phải dời liên tiếp về Thủ Thừa, Phú An Hòa, Bến Tre và cuối cùng trở về Sài Gòn ở nhà cha mẹ chồng ở 99 đường Faucault, Tân Định. Trong khi đó Huỳnh Tấn Phát được cử làm Trưởng đoàn Đại biểu Thanh niên Nam bộ được chọn ra Hà Nội dự Đại hội Thanh niên Toàn quốc. Đây là thời kỳ Hoàng Quốc Việt thay mặt Tổng bộ Việt Minh, được Hồ Chí Minh gọi từ Bắc vào để “chỉnh lại” cuộc đoạt chính quyền của Trần Văn Giàu. Thanh niên Tiên phong phải “đồng thanh nhận” đổi tên thành Thanh niên Cứu quốc. Trần Văn Giàu, Dương Bạch Mai, Phạm Ngọc Thạch được quyết định của Trung ương ra Bắc “nhận nhiệm vụ mới”. Hơn 100 đại biểu thanh niên Nam bộ, khi đến Bình Dương thì Hoàng Quốc Việt quyết định chỉ cử 6 đại biểu. Sau thời gian dự hội nghị, đoàn của Huỳnh Tấn Phát trở lại về Nam. Huỳnh Tấn Phát được Bộ Quốc Phòng tin nhiệm giao một số tiền lớn đem về cho Tướng Nguyễn Bình ở miền Đông Nam Bộ.

Về Sài Gòn, Huỳnh Tấn Phát nhận chỉ thị của Nguyễn Bình, thành lập ở vùng Minh Phụng, Cây Gõ một cơ quan Tuyên truyền Xung phong in truyền đơn, cờ, báo để phân phát trong Đô thành. Liên tiếp sau đó Cơ quan này được dời sâu vào Đô thành như ở nhà bác sĩ Nguyễn Văn Hường, trước thành Ô-ma hoặc nhà em bác sĩ Nguyễn Thị Lợi (vợ bác sĩ Lương Phán) ở đường Boudonnet gần chợ Sài Gòn. Lúc ban Tuyên truyền Xung phong này dời về căn nhà lầu ở 160 đường Lagrandière thì bị lộ và bị bắt, gồm cả vợ chồng Huỳnh Tấn Phát.

Mẹ và vợ Huỳnh Tấn Phát được trả tự do sớm vì chỉ bị bắt khi đến thăm Phát lần đầu tiên ở trụ sở 160 đường Lagrandière. Sau một thời gian ở bót Catinat, Phát được đưa về Khám Lớn Sài Gòn. Tại đây vào tháng 10-1947 Huỳnh Tấn Phát tham gia lãnh đạo tổ chức cuộc tuyệt thực 3 ngày. Do đó



chế độ nhà tù ở Khám Lớn được cải thiện. Những người cùng bị bắt với Phát bị xử 4 tháng tù vì tội phá rối trị an. Riêng Huỳnh Tấn Phát vì bị gán thêm tội liên hệ với Tướng Nguyễn Bình nên phải ra tòa án binh, bị xử hai năm tù và đến tháng 11 năm 1947 mới được thả.

Trong lúc Huỳnh Tấn Phát bị bắt ở Catinat thì Bùi Thị Nga cho chồng hay là đang mang thai lần đầu. Bác sĩ Hồ Văn Nhựt , bác sĩ sản khoa đã tận tình giúp bà Nga sanh đẻ miễn phí con trai đầu lòng Huỳnh Thiện Hùng, ngày 2-12-1946, trong lúc Phát còn trong tù.

Bà Nga đã chọn luật sư Moréteau để lo biện hộ cho chồng. Luật sư Moréteau đã quen biết trước và có cảm tình với Phát nên đã nhận bào chữa nhưng không tính thù lao. Huỳnh Tấn Phát có người cô ruột gọi là Cô Tám, cư ngụ ở Bình Phước. Cha của Huỳnh Tấn Phát thỉnh thoảng lên thăm Cô Tám, ở chơi vài tuần. Giữa năm 1947 cha của Huỳnh Tấn Phát lên Bình Phước thăm Cô Tám và bị Việt Minh bắt !

Khi bà Nga báo hung tin này cho Huỳnh Tấn Phát thì Phát đã hốt hoảng dặn ngay vợ: “Em đến luật sư Moréteau nhắn mai anh cần gặp ông. Rồi em đón ông lấy cái thơ anh viết bảo lãnh cho ba. Thơ này em tìm cách trao tận tay các anh lãnh đạo ở Bình Phước”.(Trích bài “ *Phối hợp Đấu tranh, Trong và Ngoài Khám Lớn*” của Bùi Thị Nga trong “ *Làm Đẹp Cuộc Đời*”, sdd ) Bà Nga đã làm y lời chồng căn dặn nhưng không có kết quả gì. Cha của Huỳnh Tấn Phát đã bị giết. Tiếp đó em của cha HTP là Cô Tám nóng lòng đi tìm cũng bị sát hại, giống như chú Một Huỳnh Văn Phương đã bị xử bắn năm 1945 ở Tân An vì liên hệ đến nhóm Đệ Tứ. Được tin động trời này, Huỳnh Tấn Phát đã nói với vợ: “Anh biết tánh Ba, chút rượu vào, nhớ chú Một, giận chưởi đồng ít câu vậ thôi, quyết không có vấn đề chánh trị đâu”. Cha, chú rồi cô đều bị giết vì tình nghi dính líu với Đệ Tứ, tâm tư Huỳnh Tấn Phát hẳn không bao giờ quên được việc ấy!

Để giúp biện hộ cho Huỳnh Tấn Phát, luật sư Moréteau đã yêu cầu bà Nga mời thêm luật sư danh tiếng thời bấy giờ là luật sư Bazé tiếp sức. Thời gian này nhằm lúc thi hành Hiệp định Sơ bộ 6-3-1946 nên không khí chánh trị Sài Gòn có những trạng thái đặc biệt. Tết năm 1947, chị em phụ nữ đảng Dân chủ ( Huỳnh Tấn Phát là Ủy viên Kỳ bộ Đảng Dân Chủ ở Nam kỳ) tổ

chức thăm nuôi tù nhân Khám Lớn đã nhận được báo và tập san của anh em tù nhân bí mật phát hành. Các tác phẩm được Bùi Thị Nga gom góp và tổ chức triển lãm gây quỹ ở nhà của Thái Thị Liên, mẹ của nhạc sĩ dương cầm Đặng Thái Sơn sau này. Đến tham dự cuộc họp có đệm nhạc này ở nhà kỹ sư Thái Văn Lân (cha của Thái Thị Liên) có các trí thức như Bác sĩ Phạm Kim Lương, Dược sĩ Trần Kim Quan, Kỹ sư Nguyễn Xuân Quyển, Trần Văn Khê đàn tranh, Nhạc sĩ Nguyễn Văn Thương... Hôm đó, Thái Thị Liên đệm dương cầm và kết thúc bằng tự hát bản “Quốc tế ca” làm mọi người phải sững sốt. Thái Thị Liên lúc ấy cũng phụ trách thăm nuôi hai nhà trí thức Pháp là Giáo sư Tiến sĩ Chesneau của Đại học Sorbonne và Pételot. Hai vị này bị nhốt ở Khám Lớn vì vào khu kháng chiến với danh nghĩa nhà báo. Cũng vào thời buổi này, xảy ra việc Dương Bạch Mai bị bắt. Để biện hộ cho Dương Bạch Mai, đảng Cộng sản Pháp đã gửi qua Sài Gòn nữ luật sư Marie Louise Cachin, con gái của lãnh tụ nổi tiếng Marcel Cachin, người đã từng giữ chức Bí thư Đảng Cộng sản Pháp. Dương Bạch Mai được trắng án và Thái Thị Liên đã tham dự tổ chức buổi ăn mừng và tiễn đưa đồng chí Marie Louise Cachin về Pháp. Trong buổi tối tiệc tiễn đưa ấy, Thái Thị Liên đã mặc áo dài đỏ lộng lẫy, bên ngực cài một bông hoa vàng rực rỡ, biểu hiệu cho cờ đỏ sao vàng!

Ra tù, Huỳnh Tấn Phát liên hệ ngay với Mười Cúc( Nguyễn Văn Linh) và chuyên phụ trách công tác trí vận vùng Sài Gòn Chợ Lớn vì anh quen biết nhiều trong giới này. Vợ Phát, Bùi Thị Nga, tháng 5-1948 được luật sư Hoàng Quốc Tân kết nạp vào Đảng Cộng sản. Hoàng Quốc Tân ( cháu nội của Hoàng Cao Khải, Khâm sai Đại thần Triều đình Huế), đảng viên Đảng Cộng sản Pháp, có vợ người Pháp, được về Nam phụ trách phong trào Trí vận. Bùi Thị Nga được Hoàng Quốc Tân phân công làm Đảng đoàn Thanh niên Dân chủ hoạt động trong giới trí thức.

Như thế là kể từ đây, hai vợ chồng Huỳnh Tấn Phát trong bí mật là đảng viên Cộng sản nhưng đã được Đảng bố trí ở Đảng Dân Chủ để dễ bề kết nạp trí thức miền Nam!

Huỳnh Tấn Phát cộng tác với Mai Văn Bộ, Nguyễn Văn Hiếu trong việc xuất bản loại báo *Nguyện tử*, mua lại manchette báo dở chết, bất thành lĩnh

ra số ủng hộ kháng chiến, bán vợ ở các sạp trước khi kiểm duyệt hay tin. Việc trí vận ở Sài Gòn vẫn tiếp tục với sự trợ giúp của các nhân vật mới như Bác sĩ Trần Cửu Kiến, Bí thư Tỉnh ủy Đảng Dân chủ tỉnh Sa Đéc được Phát điều động từ Cao Lãnh lên...

Trước Tết 1949, Huỳnh Tấn Phát được gọi ra khu, được cử làm ủy viên Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam bộ. Đồng thời Phát kiêm chức Giám đốc Sở Thông tin Nam bộ khi giáo sư Phạm Thiều được chuyển về Khu Chín. Bùi Thị Nga được ra ở cùng chồng trên bờ kinh Dương Văn Dương, Đồng Tháp đến tháng Giêng 1950 thì trở lại Sài Gòn. Huỳnh Tấn Phát phụ trách đài *Tiếng nói Nam bộ* nhưng đến năm 1950, đài này trở về lại Khu 9. Đặc khu Sài Gòn-Chợ Lớn được thành lập và Huỳnh Tấn Phát đã đôn đốc Đặng Trung Hiếu ( Giám đốc Đài Truyền hình Sài Gòn sau 30-4-1975) thiết kế thành lập đài *Tiếng nói Sài Gòn- Chợ Lớn Tự do* ở Chiến khu Đ.

Năm 1954 sau Hiệp định Genève, Huỳnh Tấn Phát được chỉ định trở về Sài Gòn và làm việc tại văn phòng Kiến trúc sư Nguyễn Hữu Thiện. Năm 1955, Tổng thống Ngô Đình Diệm tổ chức cuộc thi thiết kế khu Văn Hóa để xóa bỏ khu di tích Khâm Lớn Sài Gòn. Văn phòng Kiến trúc sư Nguyễn Hữu Thiện chiếm được giải nhì (không có giải nhất), giải thưởng một trăm ngàn đồng. Đây là công trình của Huỳnh Tấn Phát và nét vẽ phối cảnh của Phát được ban giám khảo nhận ra. Kiến trúc sư Thiện chia cho Huỳnh Tấn Phát ba mươi ngàn. Vì dư luận Sài Gòn bàn tán đến tai cơ quan an ninh khiến một hôm văn phòng Kiến trúc sư Thiện bị bao vây nhưng vì Phát đang ở công trường xây cất nên không bị bắt. Từ đó Huỳnh Tấn Phát, biệt danh là Tám Chí và Bùi Thị Nga lui trở lại trong vòng bí mật, luôn luôn di chuyển.

Tuy nhiên trong thời gian đó Huỳnh Tấn Phát vẫn tìm cách hành nghề như phác thảo biệt thự của giáo sư Dương Minh Thới để văn phòng Kiến trúc sư Thiện thực hiện. Biệt thự này, đối diện với Bộ Y Tế đường Hồng Thập Tự là nhà của bác sĩ Dương Huỳnh Hoa hiện nay. Huỳnh Tấn Phát cũng đã nhận thiết kế Viện sản xuất dược phẩm Trang Hai ở số 5, Ngô Thời Nhiệm vì Dược sĩ Nguyễn Thị Hai là bạn học của Bùi Thị Nga, vợ Huỳnh Tấn Phát. Sau vài lần gặp gỡ Phát đã nhận lời vẽ vì cho là công trình sẽ tạo

công ăn việc làm cho lao động. Dược sĩ Trang đã đứng ra xây dựng cơ sở này. Năm 1993 Dược sĩ Hai đã trở về thăm cơ sở và Bùi Thị Nga nhưng Huỳnh Tấn Phát thì đã mất tháng 9 năm 1989.

Huỳnh Tấn Phát được bổ sung vào Thành ủy Sài Gòn, phụ trách Ban Trí vận cho đến năm 1959. Sau đó, Phát được cử làm Khu ủy viên chính thức Đặc khu Sài Gòn-Gia Định và ra ở vùng Tam Giác Sắt.

Lúc còn hoạt động ở Sài Gòn, năm 1956, Phát đã nhờ giáo sư Lê Văn Huấn, em của cựu Thủ tướng Lê Văn Hoạch để bắt liên lạc với Pauline Trần Thị Mỹ đang hoạt động trong Nghiệp đoàn Giáo giới Tư thực. Trần Thị Mỹ là em gái của Kỹ sư Trần Lê Quang, tốt nghiệp kỹ sư Trường Cầu cống Ponts & Chaussées danh tiếng của Pháp. Kỹ sư Quang về nước năm 1951, làm Giám đốc Đường sắt Đông Dương và được Tổng thống Ngô Đình Diệm cử làm Bộ trưởng Giao thông Công chánh. Phát bố trí cho Trần Thị Mỹ thực hành công tác tế nhị là xuyên qua anh là Trần Lê Quang để biết được tình hình nội bộ của từng bộ trưởng trong Chánh phủ Ngô Đình Diệm cũng như các hành động của Chánh phủ. Có lần Trần Thị Mỹ, bí danh Mười Lê, đã xin anh đồng ý cho Huỳnh Tấn Phát mượn nhà để họp với Mười Cúc (Nguyễn Văn Linh).

Phương cách làm việc này đã được Huỳnh Tấn Phát sử dụng lại nhiều lần trong công tác trí vận đối với một vài nhân vật trong các chánh phủ thời Việt Nam Cộng Hòa. Trường hợp của Dược sĩ Phạm Thị Yên có thể là một việc tiêu biểu. Dược sĩ Phạm Thị Yên, vợ của một nhân vật quan trọng trong Mặt trận Giải phóng Miền Nam là Trần Bửu Kiếm, có nhà thuốc đông khách ở cuối đường Đồng Khánh, Chợ Lớn. Dược sĩ Yên, có tên là Chị Bảy Yên, đã được bầu làm trưởng Ban Trí vận và cũng đồng thời là bí thư chi bộ trí thức Đô thành Sài Gòn-Chợ Lớn trong một buổi hội ở Long Hải. Buổi hội được tổ chức ở một biệt thự nghỉ mát của Dược sĩ Trần Văn Tánh, chủ nhân Viện Bào chế TVT. Năm 1960, Ban Cán sự Trí vận của Phạm Thị Yên bị bắt trọn bộ. Phạm Thị Yên sau đó bị đày Côn Đảo. Cuối năm 1968, Thủ tướng Trần Văn Hương trước kia từng có thời phụ giúp nhà thuốc của Dược sĩ Trần Kim Quan đã ra quyết định ân xá cho Dược sĩ Yên.

Ra được Bắc, Dược sĩ Yên đã được phân công đi tố cáo “Mỹ, Ngụy” ở một số nước Bắc Âu.

Bác sĩ Dương Quang Trung, tốt nghiệp ở Bordeaux (Pháp) trở về Hà Nội đã được đưa vào Nam tăng cường cho Ban Trí vận Mặt trận T4 với bí danh Hai Ngọ. Vì là cán bộ mới, chưa bị lộ nên Huỳnh Tấn Phát đã đưa vào nội thành hoạt động. Sau 30-4-75, Hai Ngọ được cử làm Giám đốc Sở Y tế Thành phố Sài Gòn. Công tác trí vận của Hai Ngọ chưa thành công lúc vào nội thành vì gặp phải đối tượng có cảnh giác?

Ngày 20-12-1960, Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam được tuyên bố thành lập. Huỳnh Tấn Phát cùng Võ Chí Công, Phùng Văn Cung đứng đầu Ủy ban Trung ương Lâm thời Mặt trận. Huỳnh Tấn Phát đã có dịp thi thố tài năng Kiến trúc sư khi tổ chức Đại hội MTDTGP Đặc khu Sài Gòn Gia Định vào dịp Tết Nhâm Dần (1962). Đại hội tổ chức ở An Thành, nằm sâu trong rừng bên kia Lộ 14. Hội trường tổ chức khá mỹ thuật để đập vào mắt các nhân sĩ trí thức, văn nghệ sĩ, tư sản được mời từ thành phố vào khu. Mỗi người được chỉ định ngồi riêng từng người trong ô ngăn cách căng ny long ba phía, phía trước che màn tuyn. Khách có thể nhìn lên chủ tọa đoàn và hội trường nhưng không biết mặt các khách tham dự khác.

Rút kinh nghiệm tổ chức ở Đặc khu Sài Gòn, Huỳnh Tấn Phát lên R chuẩn bị cho Đại hội Mặt trận toàn Miền Nam ở Lò Gò. Luật sư Nguyễn Hữu Thọ được bố trí giải thoát khỏi Tuy Hòa để về dự và được bầu làm Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận GPMN. Huỳnh Tấn Phát và Bác sĩ Phùng Văn Cung làm Phó Chủ tịch.

Sau cuộc đảo chánh Tổng Thống Ngô Đình Diệm ngày 1-11-1963, Trung ương Cục Miền Nam điều Huỳnh Tấn Phát về công tác ở R. Thường vụ Khu ủy Sài Gòn-Chợ Lớn có cuộc kiểm thảo Phát trước khi nhận nhiệm vụ mới, bí thư Võ văn Kiệt tức Chín Dũng ( bí danh được biết khác là Sáu Dân) ngồi ghế chủ tọa. Trong thời gian này, vợ của Phát đã bị lộ và bị bắt từ 5-5-1960. Sau gần năm năm tù, Bùi Thị Nga được thả ngày 3-10-1964 từ khám Chí Hòa.

Tháng 3 năm 1965, theo lời mời của Hoàng thân Sihanook, Huỳnh Tấn Phát hướng dẫn một phái đoàn Mặt trận GPMN đi Phnom Penh. Đây là lần

đầu tiên HTP xuất ngoại qua xứ láng giềng.

Năm 1967, trong trận Cedar Falls ( Trận “ Lột vỏ đất” theo danh từ trong khu) tấn công vào Củ Chi và Tam giác sắt, Huỳnh Tấn Phát đã phải gian nan 18 ngày trong vòng vây vì địa đạo bị đánh phá, chỉ thoát được với 2 bảo vệ.

Sau Tết Mậu Thân 1968 Huỳnh Tấn Phát và Ban Trí vận Mặt trận Khu Sài Gòn-Gia Định vận động một số nhân sĩ trí thức ra khu thành lập Liên minh các Lực lượng Dân tộc, Dân chủ và Hòa bình Miền Nam. Luật sư Trịnh Đình Thảo được chọn làm Chủ tịch Liên minh. Đây là một tổ chức thứ hai bên cạnh Mặt trận GPMN để thu hút vài thành phần nhân sĩ trí thức khác ở miền Nam.

Ngày 6-6-1969, Đại hội Đại biểu Quốc dân Miền Nam bầu Huỳnh Tấn Phát làm Chủ tịch Chính phủ Lâm thời Cộng Hòa Miền Nam. Từ ngày này cho đến thời kỳ Hòa đàm Paris và 30 tháng Tư, 1975 có thể xem là thời kỳ đặc ý nhất của Huỳnh Tấn Phát vì từ lâu anh vẫn thường tìm cách lôi kéo nhân sĩ trí thức miền Nam là anh tranh đấu cho miền Nam có một chế độ Cộng Hòa khác biệt với miền Bắc trong khi chờ đợi việc thống nhất trong tương lai. Năm 1972 Chính phủ của Phát đã ban hành nhiều sắc luật, đã thông báo Mười chính sách đối với các “ vùng giải phóng” và Mười điều Kỷ luật cho cán bộ. Trong thời kỳ Hội đàm Paris và cả những ngày đầu sau ngày 30-4-1975, báo *Đoàn Kết* ở Pháp cổ động trong giới hải ngoại về thể chế chính trị miền Nam, cam kết sẽ tôn trọng quyền tư hữu, quyền tự do kinh doanh v...v. Bên trong thật sự ai cũng biết là các sắc luật của Chính phủ của Phát tất nhiên đều phải được Hà Nội đồng ý chấp thuận.

Sau 30-4-1975, nhóm Lê Duẩn, Lê Đức Thọ, Trường Chinh ...đã kiêu hãnh qua mặt Chính phủ của Phát, chủ trương phải thống nhất ngay và Chính phủ Huỳnh Tấn Phát, Mặt trận Giải phóng, Liên Minh v...v, không kèn không trống đã bị giải tán hồi nào không ai biết!

Để xoa dịu phần nào phản ứng dân kháng chiến miền Nam, năm 1976 Huỳnh Tấn Phát được cử làm Phó Thủ tướng Chính phủ Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa VN, lo việc quy hoạch đô thị, thiết kế xây dựng thủ đô Hà Nội v...v! Năm 1977, Huỳnh Tấn Phát được bầu làm Ủy viên Đoàn Chủ tịch Ủy

ban Trung ương Mặt trận Tổ Quốc và đến năm 1983 được lên chức làm Chủ tịch Đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ Quốc, toàn những chức vụ không quyền lực!

Trong suốt thời gian chiến đấu, từ 1945 cho đến ngày từ trần, với bao nhiêu công trận nguy hiểm vào sanh ra tử, Huỳnh Tấn Phát chưa bao giờ được mời đặt chân vào cơ quan chánh trị đầu não của Đảng Bộ ở Hà Nội. Sau Hiệp định Genève 1954, cơ quan quyền lực này đã khép kín chia chác quyền hành ở miền Bắc tương đối thanh bình so với phần máu lửa ở miền Nam.

Sau 30-4-1975, bao nhiêu cán bộ từ Bắc vào, từ tay không đã trở nên giàu có tột bực trong một thời gian ngắn. Trong lúc đó, vợ của Huỳnh Tấn Phát đã viết: "...Tôi nhớ đến ước mơ của anh, lúc gần cuối đời, anh ao ước có một chiếc Honda, để khi về hưu chở vợ hay cháu nội cháu ngoại đi chơi..."(Trích bài "*Đám cưới giữa Mùa thu Khởi nghĩa*" của Bùi Thị Nga, trong "*Làm Đẹp Cuộc Đời*" sdd) . Sự Phát ở lại miền Nam, gần gũi Nhóm Câu Lạc Bộ Kháng Chiến, Huỳnh Tấn Phát được Hà Nội mời ra Bắc tiếp tục tham gia chánh phủ. Huỳnh Tấn Phát được cấp một nhà khiêm tốn so với chức vụ ở số 9, đường Ngô Thời Nhiệm. Mùa Thu 1988, Huỳnh Tấn Phát đột ngột trở bệnh và được đưa điều trị ở Bệnh viện 108. Phát từ chối không muốn ra nước ngoài chữa trị. Khi thuyên giảm được phần nào, Phát quyết định trở về Nam. Tờ lịch trong phòng Huỳnh Tấn Phát vẫn dừng giữa ngày 27-11-1988, ngày Phát rời Hà Nội. Ngôi nhà chức vụ ở số 9 Ngô Thời Nhiệm vẫn chờ Phát trở lại, nhưng Phát đã vĩnh viễn ra đi ngày 30 tháng 9 năm 1989.

Huỳnh Tấn Phát, Kiến trúc sư có tiếng tăm trong giới chuyên nghiệp, đã thiết trí bao nhiêu đồ án công cũng như tư, cho đến ngày chết vẫn chưa có cơ hội tự xây được một mái nhà theo ý muốn cho gia đình trú ngụ, không có được một chiếc xe riêng để chở vợ con !

Phạm Thiệu, một giáo sư khả kính, người gốc Nghệ Tĩnh, dạy chữ Nho và Toán tại Trường Trung học Pétrus Ký đã ra khu kháng chiến từ 9-1945, tập kết ra Bắc, trở về Nam sau 30-4-1975. Ông được bầu làm Đại biểu Thành phố Sài Gòn – Chợ Lớn. Không hiểu có phải vì ông đã chán ngán cái cảnh

thoái hóa, tham nhũng của cán bộ Cộng sản sau 1975 hay vì ông đã nhận thức được các sai trái của đường lối chủ nghĩa Cộng sản của Stalin khiến làm sụp đổ các nước Xã hội chủ nghĩa ở Trung Âu, nên ông đã ân hận và treo cổ tự tử ! Trước khi tự kết liễu đời mình, ông đã nhờ Đại tá hồi hưu Xuân Diệu ( không phải thi sĩ Xuân Diệu) nhắn giùm ông trước Đại hội Đảng Q3, Thành phố Hồ Chí Minh:

*“ Dốt mà lãnh đạo nên làm Đại,*

*Đại mà muốn thành tích nên báo cáo Dối,*

*Dốt, Đại, Dối,*

*Đó là ba điều làm cho các nước Xã hội Chủ nghĩa sụp đổ, làm cho nước ta đi từ sai lầm này đến sai lầm khác”*

(Trích thư của đảng viên kỳ cựu La Văn Lâm, tức cựu trùm Công an La Văn Liếm gửi Tổng Bí thư Đỗ Mười ngày 30-4-1994)

Tướng Trần Văn Trà, tướng trách nhiệm quân sự miền Nam, đã viết Hồi ký gián tiếp “chỉnh” các khoe khoang của Văn Tiến Dũng trong quyển : “Đại thắng Mùa Xuân”. Hồi ký của Tướng Trà vừa mới xuất bản lại có lệnh phải tịch thu ngay. Trần Văn Trà sau đó có một lúc liên hệ với Câu lạc bộ Kháng chiến Miền Nam và đã được mời ra Bắc ở cho đến khi chết. Trần Văn Trà đã viết về Huỳnh Tấn Phát: “Có một điều cần nói. Anh Phát không thuộc một gia đình “trơn tru”, anh vẫn có tâm tư riêng”.

Trần Bạch Đằng, người Cộng sản kỳ cựu ở miền Nam từ 1945 đến 1975, có viết về Huỳnh Tấn Phát: “Anh không cầm súng, chưa bao giờ là chỉ huy quân sự, song lại cáng đáng một trận địa mà có lẽ không dễ có người thay: huy động lực lượng trí thức vào hàng ngũ đấu tranh...Càng biết nhiều khía cạnh riêng của anh Phát càng khâm phục anh, những mất mát của anh về những người thân (cha, chú, cô) là quá lớn...”

Được Trần Văn Giàu kết nạp vào Đảng Cộng sản từ ngày 5-3-1945, Huỳnh Tấn Phát đã được bố trí tiếp tục hoạt động cho đảng Dân Chủ ở miền Nam. Để chiêu dụ những nhân sĩ và trí thức miền Nam tham gia tranh đấu, Huỳnh Tấn Phát đã cố võ cho một chiêu bài hòa hợp, một thái độ cách mạng kiểu đảng Dân Chủ. Khi Hà Nội chủ trương vội vã thống nhất sau ngày 30-4-1975, giải tán Chánh phủ Lâm thời Cộng Hòa miền Nam, lừa gạt



đưa quân nhân, công chức, văn nghệ sĩ miền Nam vào các trại lao tù, giải tán đảng Dân chủ và đảng Xã hội, thiêu đốt các tác phẩm văn hóa, sách vở dân chúng miền Nam v...v... Huỳnh Tấn Phát đã được nhiều nhân sĩ trí thức cho là Huỳnh Tấn Phát đã mang tội thất tín với dân chúng miền Nam.

Người viết bài có một cộng sự viên đã ở lại trong xứ sau ngày 30-4-1975 và đã có cơ hội biết Huỳnh Tấn Phát trong những ngày nằm bệnh viện Thống Nhất và bệnh viện Chợ Rẫy. Anh ấy đã cho biết: “ Ở Chợ Rẫy, Huỳnh Tấn Phát trong những ngày bệnh, không nói năng gì, chỉ mỉm miệng cười cho đến khi chết”.

Những ai có dịp sống gần Huỳnh Tấn Phát đều biết anh là người rất tốt về mọi mặt, có cái đặc biệt là miệng lúc nào cũng nở nụ cười rạng rỡ.

Không ai biết được nỗi lòng Huỳnh Tấn Phát ra sao trong những ngày sắp đi sang thế giới khác. Không biết Huỳnh Tấn Phát đã mỉm cười trước khi chết vì cảm thấy đã làm tròn những ước vọng của đời mình trước khi ra đi, hay cái cười im lặng của Anh là một cách cười chua chát ?

Ngày 30 tháng Tư năm 2001

**Bs. TRẦN NGUỒN PHIÊU**

**Thái Thụy Vy**  
Biên Hùng Liệt Sử  
**Trần Ngươn Phiêu**  
Những Bài Viết của Thân Hữu

**Trần Ngươn Phiêu**

*Mùa Vu Lan Nhớ Ngoại*

Triệu mồ côi mẹ rất sớm, khi chưa tròn năm tuổi. Mẹ Triệu vốn thuộc một gia đình công chức khá giả, lớn lên ở Sài Gòn nhưng sau khi có chồng thì về làm dâu ở Mỹ Long, một làng nhỏ thuộc quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc, ven biên Đồng Tháp Mười. Nơi đây là một nơi thực sự quê mùa, xa thành phố Sa Đéc cách hai nhánh sông lớn Hậu Giang. Từ Sài Gòn xuống, đường bộ không đi ngang qua làng. Thở đó con đường từ An Hữu, sau khi qua bến Bắc Mỹ Thuận, đi đến quận Hồng Ngự chưa được xây cất như trong thời Đệ nhất Cộng Hòa. Dân trong làng nếu không có dịp ra tỉnh thì chưa biết được hình dáng một chiếc xe hơi ra làm sao!

Ông nội Triệu là một nhà nho, quê ở Hà Tĩnh vào Nam để theo ông Bác của Triệu bị Pháp xử lưu đày ở Nha Môn (Sa Đéc) vì tham gia hoạt động trong phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục. Nhiều nhà cách mạng khác cũng bị Pháp chỉ định cư trú như cụ Vũ Hoàn ở Sa Đéc, cụ Dương Bá Trạch ở An Giang, cụ Phan Tây Hồ ở Định Tường ... Từ Hà Tĩnh, ông nội Triệu đã đi bộ vào Nam tìm người anh cả. Cuộc hành trình này là một giai thoại được con cháu thường nhắc nhở trong gia đình. Ông nội Triệu đã lãnh trách nhiệm dạy học ở làng và đã lập nghiệp ở đây, vừa làm vườn vừa làm ruộng. Cả làng đều gọi ông là Ông Giáo.

Cha Triệu là một tư chức làm việc với Pháp có được cơ hội giúp việc khi Pháp thành lập các khách sạn lớn như Continental, Majestic ở Sài Gòn, Langbiang Palace, Hôtel du Parc ở Đà Lạt. Lúc Triệu ra đời thì cha Triệu đã trở thành chuyên viên nên được chỉ định phụ trách các khách sạn ở Siemréap, Đế Thiên Đế Thích và nhà hàng Bokor ở Campuchia. Mẹ Triệu vì có hai con còn nhỏ nên chưa theo chồng được, phải về quê làm dâu. Từ

một nơi phồn hoa là Sài Gòn về chốn quê mùa, mẹ Triệu vẫn thích nghi được với cuộc sống mới. Từ một cuộc sống tương đối theo lối Âu tây trong một gia đình công chức, mẹ Triệu vẫn sinh hoạt bình thường trong một gia đình Nho giáo theo lề lối sống khắc khe.

Vì mất mẹ khi còn quá nhỏ, Triệu chỉ còn nhớ mang máng được hình ảnh mẹ như khi mẹ xắt chuối nuôi heo hay xay lúa, giã gạo, sàng gạo với các cô ...Chỉ có một lần được mẹ tắm ở giữa sân, khi gội đầu bằng xà bông, Triệu đã nhắm chặt mắt chờ khi mẹ xối nước xong mới dám vuốt mặt, mở mắt ra. Năng chiều chiếu qua các giọt nước còn đọng trên mi, mặt mẹ Triệu cúi gần mặt Triệu, nên khi mở mắt Triệu thấy hình ảnh mẹ lung linh tuyệt đẹp. Bảy chục năm về sau, mỗi lần hồi tưởng nhớ mẹ, Triệu vẫn còn giữ mãi nét mặt của mẹ qua ánh nước lóng lánh của buổi chiều ngày đó.

Nhưng rồi, một hôm, mẹ Triệu trở bệnh nặng, hôn mê nhiều ngày. Triệu và em được cho ngủ riêng với các cô. Một buổi chiều, mẹ Triệu hồi tỉnh lại, các cô đưa anh em Triệu khép nép vào thăm mẹ. Nhưng đó có lẽ là những phút hồi dương ngắn vì sáng hôm sau, các cô khóc sụt sùi đánh thức anh em Triệu dậy và cho hay “ Mẹ đã mất rồi”. Vào tuổi đó Triệu thấy người lớn khóc nên cũng khóc theo, nào có hiểu mất mẹ là gì! Cả nhà rộn rịp, rối rắm lo việc táng liệm. Trưa hôm đó, không ai còn thì giờ lo cho anh em của Triệu. Hai anh em đều thấy bụng đói cồn cào nhưng không dám nói cho ai biết đành rủ nhau nằm vắt vẻo ở cầu thang vì nhà ông nội Triệu được cất theo loại nhà sàn cao, theo lối nhà người Miên. Sau cùng có người nhận thấy, nhớ là quên cho anh em Triệu ăn mới lo cho hai đứa nhỏ vừa mất mẹ. Đó là lần đầu tiên Triệu mới nhận thức được thân phận mồ côi của mình !.

Mẹ Triệu được chôn ở thửa ruộng trước nhà không xa. Chiều chiều Triệu vẫn ngồi trước nhà nhìn ra mả mẹ. Bên mộ thấy có trồng một cây chuối, vì hình như mẹ Triệu chết trong lúc đang mang thai. Nghe người lớn bàn: khi chuối trở buồng, lúc đó là em Triệu sẽ được sanh ở côi âm? Trước mộ, Triệu còn thấy con chó tên Nết mà mẹ Triệu thường chăm sóc cho ăn mỗi ngày đang nằm ủ rũ. Con chó trung thành đó vẫn ra nằm nhiều ngày bên mộ mẹ Triệu!

Khi mẹ Triệu trở bệnh nặng, ông ngoại Triệu được thông báo nên hấp tấp về thăm, nhưng khi đến nơi đã thấy áo quan đang được chuẩn bị sơn đỏ khiến ông đã ngất xỉu, bộ Âu phục đang mặc bê bết màu sơn. Sau buổi chiều mẹ Triệu đã được chôn cất, ông đã ở lại đêm để chờ đến sáng đáp chuyến đò trở qua Sa Đéc. Đêm đó ông đã thao thức không ngủ được, đưa mắt nhìn ánh đèn dầu trên bàn thờ vừa mới dựng lúc ban chiều cho mẹ Triệu. Chiếc đèn đó là một loại đèn dầu rất tốt, hiệu Hirondelles mà ông ngoại Triệu đã mua của hãng Armes et Cycles de Saint Étienne ở Pháp để tặng mẹ Triệu vì biết mẹ phải về sống ở nơi quê mùa, không có ánh đèn điện. Ánh đèn tốt như thế lại bỗng nhiên bị tắt. Ông ngoại Triệu đang thức nên đã đốt lại đèn hơn hai lần trong đêm, nghĩ rằng có lẽ bướm đêm đã lọt vào bóng đèn làm đèn tắt, nhưng rồi ông lại nhớ khi chưa về nhà chồng, mẹ Triệu ngày trước cũng thường hay tắt đèn như thế để ông được ngủ an giấc. Cả nhà vì thế thường tin tưởng là mẹ Triệu đã chết khi còn quá trẻ, chưa đến 24 tuổi, mà lại đang mang thai nên rất linh hiển!

Năm mẹ Triệu chết là lúc thế giới đang ở vào thời kỳ khủng hoảng kinh tế trầm trọng. Thương mãi, mùa màng ruộng vườn... đều không đem lại đủ lợi tức cho dân chúng. Cha Triệu đang có được chỗ làm ăn tốt phải trở lên Cam Bốt tiếp tục hành nghề. Ông, Bà ngoại Triệu đã thuyết phục bên nội Triệu để đem hai anh em Triệu về nuôi nấng.

Thế là Triệu có được cơ hội từ biệt nơi thôn dã để đến sinh sống trong một môi trường mới, nhận nhíp tiếng người và xe cộ. Ông ngoại Triệu lúc ấy được thuyền chuyển về tỉnh Vĩnh Long, không xa Sa Đéc bao nhiêu nhưng đối với tuổi thơ của hai anh em Triệu, đó là cả một cuộc thay đổi to lớn.

Thành phố Vĩnh Long không lớn lao gì, xe hơi không có được bao nhiêu chiếc, phần nhiều là xe của các cơ quan chánh phủ hoặc các xe lô, xe đò... Hai anh em Triệu rất thích ra trước nhà ngắm các loại xe tự động, nhất là những ngày mưa để nhìn các quạt nước nhíp nhàng đều đặn lau các kính xe. Đặc biệt vào thuở ấy, phương tiện di chuyển, ngoài loại xe kéo, tư nhân còn có thể mượn một loại xe ngựa, được gọi là xe song mã. Loại xe có hai ngựa kéo này trông rất thanh nhã nay còn được thấy ở Pháp hay Mỹ, nơi các thắng cảnh có nhiều du khách muốn được ngồi xe rong chơi theo lối

nhàn hạ thời xưa. Loại xe này được trang bị loại chuông báo hiệu do người lái xe đạp bằng chân, tiếng chuông ngân lớn nhưng rất êm tai.

Triệu không quên được buổi cơm chiều đầu tiên khi được đưa về sống bên ngoại. Ông Tám, người bếp già của ông ngoại Triệu, rất vui mừng khi thấy trong nhà có thêm hai đứa trẻ thay vì chỉ toàn là người lớn như từ trước đến nay. Triệu được cho ăn món súp đầu tiên, trong súp có bỏ thêm nhiều miếng bánh mì nhỏ chiên; nhưng cả hai anh em Triệu đều ngồi ngẩn ngơ, chỉ vớt ăn các miếng bánh mì nào còn giòn, chưa thấm nước súp nhiều. Ông bếp Tám thất vọng khi thấy hai thực khách tí hon không biết thưởng thức món súp đặc biệt của ông. Triệu thú thật là ăn không được vì vị quá lạ, nuốt không vô. Lúc ấy cả nhà mới vỡ lẽ là hai đứa nhỏ nhà quê ở làng nên chưa bao giờ miệng lưỡi lại được nếm mùi thịt bò và mỡ bò! Từ đó, cả nhà thỉnh thoảng vẫn hay đùa gọi anh em Triệu là các cháu nhà quê. Mà quả thật anh em Triệu quá quê vì đã sống trong một làng nhỏ, ít khi được đưa đi chợ, mặc dầu là chợ làng. Lần đầu tiên được bà ngoại dẫn đi ăn mì, Triệu thấy món ăn này sao mà mùi vị ngon đến thế. Cả đến hôm được dẫn đi mua sách vở và cặp để chuẩn bị nhập học, ông chủ tiệm bán cặp da tặng cho một viên kẹo caramel sữa cà phê. Khi ngậm viên kẹo mới nhận thức được hương vị thần tiên của viên kẹo ngoại quốc đầu đời!

Ba năm theo học các lớp tiểu học ở Vĩnh Long là ba năm được tiếp xúc với các bạn bè nhiều giới. Triệu lại có tánh hay thích kết bạn, gặp ở lớp chưa đủ, ngày nghỉ thế nào cũng tìm cách đến nhà để tiếp tục bày trò. Triệu rất thích một anh bạn có cha làm nghề sửa xe hơi vì nhà anh có bao nhiêu là viên đạn sắt đủ cỡ, bao nhiêu cơ phận máy móc hư phế thải... Triệu còn một anh bạn khác tên Long, cũng mồ côi mẹ, cha là một y sĩ phải đi hành nghề xa quê. Long cũng như Triệu, được gửi ở với bà ngoại. Vì cùng cảnh ngộ nên Long và Triệu thường gặp nhau trong các ngày nghỉ. Thật ra, việc tình cảnh gia đình Long là do bà ngoại Triệu tìm ra. Như đã nói ở trên, Triệu có tánh thích kết bạn nên cuối tuần là tìm đến nhà các bạn. Vì tánh mê chơi nên quá buổi trưa thường hay quên trở về nhà. Có lẽ vì Vĩnh Long là một thành phố nhỏ, mà bà ngoại Triệu lại có nhiều người quen nên những lần Triệu đi quá giờ như vậy, tuy không cho nhà hay trước nhưng rồi bà ngoại

Triệu cũng tìm ra được nhà các bạn Triệu. Mỗi lần đi tìm cháu, bà ngoại Triệu thường hay ở lại chuyện trò nên thường biết thêm gia cảnh của các bạn Triệu. Việc người lớn quen nhau qua con cháu nhiều khi cũng giúp bạn bè Triệu được thuận lợi. Như có một lần, Triệu đã tìm cách lân la với một bạn học chỉ vì biết anh bạn này có nuôi nhiều gà tre, loại gà rừng nhỏ con mà giới trẻ rất thích. Có một lúc vào ngày lễ, thầy giáo lại cho một lô bài toán cho học sinh phải làm trong các ngày nghỉ. Anh bạn này vốn yếu về toán nên rủ Triệu đến nhà để cùng làm bài. Anh cũng có hứa sẽ tặng cho Triệu một con gà để đem về nuôi. Đến mãi xế trưa, sau khi đã giúp làm xong các bài toán, anh bạn này mới lựa cho Triệu một con gà bé tí teo, mà lại là một con gà mái! Triệu thất vọng quá nhưng không dám nói ra. Nhằm lúc ấy bà ngoại Triệu lại đi tìm cháu và được hướng dẫn đến đúng nhà bạn Triệu. Như thường lệ, bà ngoại Triệu bắt chuyện với gia đình bạn Triệu. Trong câu chuyện ngoại Triệu có cho gia đình bạn biết là sáng trước khi đi, Triệu có cho bà biết là hôm đó Triệu có một bạn hứa đến nhà anh ấy “lấy gà”. Ngoại Triệu đã dạy Triệu là phải nói “đến nhà bắt gà, chớ không ai lại nói: đến để lấy gà”. Mọi người đều cười ồ về việc dùng sai danh từ của Triệu và kết cuộc câu chuyện là gia đình bạn Triệu bắt anh phải tặng thêm cho Triệu một anh gà trống đang hoàng cho “đủ cặp”!

Ông ngoại Triệu là một trong những người được huấn luyện đầu tiên về ngành họa đồ nên thường được đổi đi rất nhiều tỉnh để đo đạc đất đai ở miền Nam. Vì vậy nên Triệu tuy còn nhỏ tuổi nhưng trong các câu chuyện nghe được trong gia đình, nhiều địa danh các làng mạc, sông ngòi, kinh lạch ...đã in vào tiềm thức Triệu. Sau này khi phải di chuyển đó đây trong thuở Kháng chiến Nam bộ hay trong thời gia nhập Hải Quân, những nơi như Cầu Kè, Cầu Ngang ở Trà Vinh, Hàm Luông, Mỹ Cà, Giồng Trôm ở Bến Tre, Đầm Dơi, Năm Căn, Cái Nước, Sông Ông Đốc ở Cà Mau..., các nơi đó đối với Triệu tưởng chừng như là những nơi đã từng biết trước!

Khi đáo tuổi hồi hưu, Ông ngoại Triệu trở về quê quán ở Biên Hoà. Từ nơi đô thị tỉnh nhỏ là Vĩnh Long, Triệu bắt đầu làm quen với lối sống nửa tỉnh, nửa quê ở Phước Lư, một ấp nhỏ bên dòng sông Rạch Cát, cách tỉnh lỵ Biên Hoà khoảng bốn cây số. Ông ngoại Triệu quê quán nhiều đời ở Cù

Lao Phố, bên kia bờ Rạch Cát và được thừa kế nhiều ruộng vườn ở đó. Tuy nhiên vì là một công chức thường phải luân lưu sống xa quê nên ruộng vườn ông ngoại Triệu đã nhường cho các cháu canh tác. Khi về hưu, ông tậu một mảnh vườn ở Phước Lư , bên kia bờ của Cù Lao Phố, một nơi gần tỉnh lỵ Biên Hoà hơn.

Khi di chuyển từ Vĩnh Long về Biên Hoà, ông ngoại Triệu được một người bạn có xe hơi riêng giúp cho mượn để về lại quê. Lần đầu tiên được đi xe Citroen, Traction 15, hai anh em Triệu sung sướng được ngồi xe có nệm êm, không như lúc di chuyển từ Sadéc qua Vĩnh Long bằng xe đò, phải ngồi chật như nệm mà lại bị xóc nảy dừng khi xe qua các cầu nhỏ!

Triệu học hết chương trình Sơ học ở trường tỉnh Biên Hoà. Vào thuở đó, chỉ có ở tỉnh lỵ mới có đèn điện. Phước Lư chỉ cách tỉnh có độ ba, bốn cây số nhưng ban đêm phải thắp đèn dầu để học. Triệu được ông ngoại theo dõi việc học hành và sáng sớm nào ông cũng bắt phải vắn đồng hồ báo thức vào 5 giờ rưỡi để ôn lại bài trước khi ăn sáng và lội bộ đến trường. Trong khi đó thì ngoại đi hăm cơm, một phần để ăn sáng, một phần gói ép vào một tấm mo cau để đem theo ăn trưa. Mỗi khuya thức dậy, quẹt diêm thắp đèn học bài, diêm sanh cháy trong không khí trong lành buổi sáng tỏa ra một mùi hương thật đặc biệt. Biên Hoà là xứ núi đá nên buổi sáng nhiều khi rất lạnh. Ép mo cơm nóng vào ngực khi đi đường vào sáng sớm, nghe hơi ấm chuyền vào mình là một thú vị khó quên của Triệu.

Về được Biên Hoà, khác với lúc ở Vĩnh Long, Triệu có được cơ hội cùng với các bạn, đi xa hơn vào các thôn xóm, sông rạch. Vớt cá thia thia thì được các bạn hướng dẫn đến vớt ở con suối chảy quanh chùa Xóm Hóc Măng Tre vì cá ở suối đá hay hơn cá vớt ở ruộng. Trái cây rừng như gùi, bứa, sim, dâu...có thể kiếm ê hề nếu biết tháp tùng các thợ đi đốn củi ở rừng Vĩnh Cửu. Nước sông Đồng Nai đặc biệt rất trong xanh, so với nước đục nhiều phù sa của sông Cửu Long. Nhìn nước là đã muốn lội tắm rồi. Nhà ở ven sông, đặc biệt khúc sông Đồng Nai bao quanh Cù Lao Phố rất hiền hòa nên Triệu đã mau chóng bơi lội khá giỏi. Sau này vào Hải Quân, được huấn luyện thành thạo hơn nên Triệu đã giúp trường Quân y Hải Quân Pháp đoạt nhiều giải. Khi ở Biên Hoà Triệu đã nhiều lần lén nhà lội

ra Cù Lao Rùa tìm các “lưỡi tầm sét” đem về nhường lại cho các gia đình có con mắc bệnh kinh phong! Dân chúng thường vẫn hay tin tưởng là đặt lưỡi tầm sét trên đầu giường hay mài lấy nước uống sẽ giúp các trẻ tránh được bệnh này? Cù lao Rùa trên sông Đồng Nai là nơi trú ẩn an toàn cho những người tiền sử xử dụng đồ đá làm khí giới nên ở nơi đây, lưỡi tầm sét rất dễ tìm.

Cũng vì mê đi chơi như vậy, nhất là đi bắn chim bằng ná thung nên có một lần Triệu đã bị một trận đòn nhớ cả đời. Vào thời ấy Triệu có một bạn là Lương Khánh Chí, có biệt tài bắn ná. Đi bắn chim với anh đó thì không bao giờ trở về tay không vì nếu Triệu bắn trật thì anh sẵn lòng tặng chim lúc trở về nhà. Vào một thời nghỉ lễ Tết, hết việc đi đánh bầu cua cá cộp Triệu lại chỉ lo vò đạn đi bắn với anh Chí, quên lo việc làm bài thầy giáo đã ra đề trước để làm trong các ngày nghỉ lễ.

Hôm hết lễ đi học trở lại, bài không làm kịp nên sáng đó Triệu than bị đau bụng để khỏi đi học. Bà ngoại cưng cháu nên đồng ý nhưng ông ngoại đang làm việc ngoài vườn, thấy Triệu còn nằm nhà nên hỏi lý do. Ông bảo đưa tập vở ra xem, khi thấy Triệu chưa làm xong các bài, ông bắt Triệu phải đi học ngay. Ông căn dặn khi đến trường phải ghi số xin đi khám bệnh viện nếu thật sự còn đau. May thay hôm đó thầy giáo không xét bài của Triệu nên Triệu cũng khỏi xin đi “khám bệnh”. Chiều hôm đó về nhà, Triệu tưởng là thoát nạn, đâu có ngờ ông ngoại vẫn hạch hỏi xem thuốc nhà thương cho cất đâu? Triệu phải ăn một trận đòn về hai tội: tội nói láo để trốn học vì không làm bài và tội thứ hai làham bắn chim, mê cờ bạc, đổ đen ngày Tết.

Nhờ được uốn nắn như vậy nên sau này Triệu mới học đến nơi đến chốn. Lúc còn là sinh viên ở Pháp, Triệu có một bạn người xứ Ba Tư tên Charroki, rất thông minh, hoạt bát, sành đời. Anh ta là một tay biết nhiều mảnh lối cờ bạc nhưng anh có chủ trương chỉ cốt ăn thua đủ để có tiền đi coi Ciné với Triệu mà thôi. Anh đã truyền nghề cho Triệu nhưng Triệu chỉ tham dự đánh bài nếu đó là cuộc chơi để vui, không có ăn thua tiền bạc. Mặc dầu có thể bị bạn chê là keo kiệt, nhát gan, Triệu đã giữ được lời hứa với ngoại.



Sự lo lắng theo dõi việc học hành của ngoại đã giúp Triệu thi đậu trong kỳ thi tuyển vào Trung học Pétrus Ký. Vì đỗ được hạng cao nên Triệu có được học bổng ở nội trú. Sau khi thi đậu được bằng Thành chung, nhiều người trong họ hàng khuyên Triệu nên đi kiếm việc làm để nuôi nấng lại ông bà nhưng ngoại nhất định không chấp thuận, khuyên hãy tiếp tục vì có đà học đang tiến. Ông bà chấp nhận vẫn có thể sống với huê lợi ít ỏi của vườn bưởi! Khi Triệu thi đỗ được bằng Tú tài, vì có cơ hội tiếp tục lên Đại học nếu chịu theo học ngành quân y hiện dịch nên Triệu đã được ngoại khuyến khích đầu quân vào Hải Quân.

Đây là một cơ hội hi hữu để được xuất ngoại sang Pháp du học. Ông bà ngoại lúc ấy đã già, không thể qua Sài Gòn đưa cháu nhưng đã tổ chức một bữa cháo vịt là món cháu thường ưa thích để tiễn cháu ra đi!

Ba năm sau thời gian đang du học, Triệu được tin ông ngoại trở bệnh nặng. Sức ông càng ngày càng yếu vì đã phải mang nhiều bệnh khi băng rừng, lội suối lo việc đo đạc khi hành nghề họa đồ. Triệu được em cho hay là ngày ông ngoại Triệu mất, ông vẫn nhắc đi nhắc lại là ông vẫn chưa chết đâu, vì ông còn chờ cháu ông du học trở về! Một tuần sau đám tang, bà ngoại vốn có bệnh yếu tim có lẽ vì buồn não nên đã vĩnh viễn ra đi trong khi nằm nghỉ trên võng!

Triệu được tin buồn trong thời gian hè, đang đi thực tập học môn học bắt buộc của Hải Quân về thuyền buồm ở Trung tâm Huấn luyện ở Socoa, trong vịnh Gascogne miền Tây-Nam nước Pháp. Thấy Triệu bỏ ăn trong nhiều ngày mặc dầu trong phiên học phải có sức đương đầu với sóng, gió biển, Nguyễn Sanh Nghĩa, một anh bạn người miền Trung rất am tường Phật Pháp đã an ủi Triệu bằng cách nhắc lại những lời Phật dạy về lẽ Vô thường. Anh đã đem các tư tưởng Phật giáo dạy lại Triệu về Sinh, Lão, Bệnh, Tử, về thuyết Luân Hồi, Nhân Quả, Tứ Diệu Đế v. v...

Vào thời ấy ở miền Nam nước Pháp không có chùa Phật. Chỉ ở Paris và ở Marseille mới có chùa mà thôi. Anh Nghĩa nhắc lại Triệu về các lễ Cầu Siêu mà Triệu đã có cơ hội tham dự lúc còn ở bên nhà. Anh đã theo lời hướng dẫn trong quyển Kinh Nhật Tụng nhỏ anh vẫn thường đem theo bên mình để cùng giúp Triệu làm một lễ Cầu Siêu đơn giản.

Sáng sớm Chủ nhật trong tuần đó, Triệu đã lấy xe đạp đi về phía Bắc, lên một cánh đồi ở Guétary. Trong cảnh mặt trời lên buổi sáng, ngồi nhìn về phương Tây, để tâm hồn lắng dịu, vượt qua Đại Tây Dương và cả Thái Bình Dương, Triệu chú lòng làm lễ Cầu Siêu cho ông và bà ngoại. Mặc dầu biết rằng trong các lễ cầu nguyện nên cần có tha lực của nhiều người cùng chú nguyện, nhưng cho đến nay, Triệu vẫn tin rằng lần cầu nguyện đơn cô ấy là lần Triệu thực sự được cảm thông trực tiếp với ông bà ngoại của Triệu.

Sau buổi cầu nguyện, Triệu tiếp tục ngồi lặng yên, tận hưởng những giây phút hiện tại đang được sống giữa cây cỏ, núi đồi, ánh sáng trong suốt buổi ban mai. Triệu lắng nghe tiếng chim hót, Triệu nhìn những con dế hút nước sương trên các cọng cỏ, lá cây... Triệu chợt thức tỉnh, nghĩ đến những lời dạy của Đức Phật về Luân Hồi, về Duyên Khởi. Những cảnh vật quanh Triệu, từ ánh sáng ban mai đến cơn gió lạnh ở đại dương thổi vào, từ côn trùng đến chim chóc, từ hơi thở đến nhịp tim đang đập mạnh trong Triệu... tất cả đều như hòa hợp duyên khởi nhịp nhàng. Triệu cảm thấy hình ảnh của ông, bà ngoại Triệu vẫn còn tiếp tục sống trong Triệu cũng như huyết mạch của ông bà nhiều kiếp vẫn luân lưu trong thân thể Triệu.

Buổi sáng tinh sương trên đỉnh đồi Guétary hôm đó đã đưa Triệu đến con đường vào ánh sáng đạo Phật và kể từ đó, đã giúp Triệu có một cuộc sống an lạc trong thân tâm.

Trở về Việt Nam hành nghề, Triệu đã có dịp chứng kiến các tàn phá, đổ nát, chết chóc trong cuộc chiến tương tàn vì ý thức hệ. Triệu cũng phải như các đồng hương khác, bỏ xứ sau sự thất bại ở miền Nam để ra đi tìm được cuộc sống trong khung cảnh tự do. Trong nỗi đau lòng xa xứ, Triệu nhận thức thấy trong sự rủi cũng có cái may khi chứng kiến sự thành công vẻ vang của giới trẻ về học vấn, sự thành đạt về phát triển kinh tế của những đồng hương đến xứ người với hai bàn tay trắng, sự phát huy Phật Pháp và Thiên Đạo ở hải ngoại...

Sự hủy hoại đau thương trong chiến tranh giữa hai miền Nam Bắc, sự bắt buộc đành bỏ xứ ra đi của dân chúng miền Nam, phải chăng đây là một cộng nghiệp mà Triệu phải cùng gánh chịu với cả dân tộc?

Đến đất Mỹ, sau mười tám tháng làm lao công ở Bệnh viện Tâm trí ở Austin, thủ đô Texas, vừa đi làm vừa tự học, nhờ ân đức tổ tiên ông bà để lại, Triệu may mắn thi đậu lấy lại được bằng hành nghề y sĩ. Cuộc sống trở lại bình thường như lúc hành nghề ở Việt Nam ngày trước. Thực ra nếu so sánh với điều kiện hành nghề tư trong 15 năm ở khu xóm lao động Thủ Thiêm bên kia bờ sông Sài Gòn, một khu phố nhỏ không có đèn điện, không có nước máy thì các tiện nghi hưởng được ở Mỹ hơn trước cả trăm lần. Tuy nhiên, tuy việc hành nghề ở Mỹ với những dụng cụ tối tân, y dược hữu hiệu đã đem lại nhiều thích thú chuyên môn nghề nghiệp nhưng không thể so sánh với sự mãn nguyện tinh thần khi còn làm việc trong hoàn cảnh thiếu thốn ở quốc nội. Mặc dầu biết mình không tài giỏi trong y nghiệp nhưng Triệu cũng cảm thấy mãn nguyện đã cứu giúp được cho bao nhiêu trẻ em gia đình lao động. Cha mẹ các em không được hướng dẫn y khoa thường thức, nên khi các trẻ con bị chứng tiêu chảy lại sợ không cho uống thêm nước. Bao nhiêu trẻ trước kia đã không được cứu sống vì trạng thái mất nước trầm trọng khi bị chứng tiêu chảy trong đêm. Cha mẹ không biết cho các em uống để cầm cự cho đến sáng trong khi không thể đem đến bệnh viện được trong giờ giới nghiêm, ghe đò bị cấm đoán không được vượt qua sông Sài Gòn. Những lúc may vá các thương tích cho bệnh nhân dưới ánh đèn dầu “manchon” nóng bức lại đem lại nhiều mãn nguyện nghề nghiệp hơn là những khi giải phẫu trong phòng mổ tối tân ở Mỹ có điều hòa không khí vì trong lòng, Triệu vẫn áy náy lo sợ có thể bị thưa kiện sau này...

Triệu đã chọn một thị trấn nhỏ, có một bệnh viện 40 giường để hành nghề. Làm việc ở một làng quê ở Mỹ kể ra cũng có nhiều tiện lợi, ít di chuyển nên tránh được nhiều phiền toái và tai nạn, mọi người đều biết nhau nên tình người vẫn thấy còn được duy trì...Đã từng được dạy dỗ trong tinh thần “tri túc”, nếu “biết đủ là đủ rồi” nên Triệu thích nghi dễ dàng với cuộc sống ở một thị trấn thôn dã.

Trong các bệnh nhân của Triệu có một em bé da đen, lễ phép, rất dễ thương, thường được bà ngoại đem đến phòng mạch chữa trị. Vì được hưởng chế độ xã hội “Medicaid”, khám bệnh miễn phí nên em bé thường đến phòng mạch. Bà ngoại của em bé là một người đàn bà cao niên, ăn nói lễ độ,

chững chạc, đầy phong cách. Khi nhận thấy tình trạng y tế của cậu bé không có triệu chứng gì là bất thường nhưng lại thường xuyên xin khám bệnh nên Triệu đã đoán được là cậu bé chỉ mắc bệnh “sợ đi học”!

Biết chắc là bà ngoại cậu bé vì thương cháu nên nuông chiều, không trị được việc cháu trốn học nên một hôm Triệu xin phép bà để “lên lớp giảng luân lý”. Triệu nói với cậu bé da đen tên Robert Ford: “Cậu hãy trông tôi đây. Tôi thuở nhỏ cũng được bà ngoại nuôi nấng và đã từng được bà ngoại nuông chiều. Tôi cũng từng có dịp ngán đến trường nên òn ỷ bà ngoại xin khai bệnh để được ở nhà. Ngày nay tôi đã thành bác sĩ, vì tôi có được một ông ngoại cứng rắn, bắt tôi phải đến trường khi không có bệnh. Kể từ nay nếu tôi xét thấy anh thật sự bị bệnh thì tôi sẽ trị bằng thuốc chích cho mau lành, thay vì cho thuốc uống!”. Từ đó quả thật cậu bé ít thấy đến chữa bệnh hơn trước và Triệu vẫn giữ lời hứa: mỗi lần đến chữa bệnh Triệu vẫn tìm cách chích thuốc nhưng vẫn cho thêm toa thuốc uống.

Vào khoảng năm 1997, lúc đó Triệu đã di chuyển phòng mạch đến thành phố lớn Amarillo trên hơn mười năm. Một buổi trưa sắp đến giờ nghỉ, y tá cho Triệu hay có một bác sĩ muốn xin vào thăm. Trên danh thiếp thấy đề tên Robert Ford! Thật đúng là cậu bé da đen của Triệu ngày trước. Vì có việc qua ngang Amarillo nên anh đã tạt qua thăm Triệu. Hiện anh còn đang phải thực tập chuyên khoa. Bà ngoại anh đã mất khi anh chưa ra bác sĩ. Anh lại cho Triệu biết hôm nay anh đến thăm Triệu tình cờ lại trùng với ngày ngoại anh đã mất, ba năm về trước. Triệu cũng cho anh hay là ông, bà ngoại Triệu cũng đã mất trước ngày Triệu tốt nghiệp trở về xứ. Vì vậy, ngày nay mỗi lần ngồi lái xe, nhớ lại thời sung sướng lần đầu tiên được đi trên chiếc xe Traction Citroen 15 trên đường từ Vĩnh Long về Biên Hoà, Triệu vẫn thấy lòng hối tiếc không được dịp đưa ông bà ngoại Triệu bằng chiếc xe nhà để dạo chơi ngắm cảnh.

Triệu mời Robert cùng đi dùng cơm trưa. Triệu cũng nhắc Robert là ngày trước bà ngoại anh thích món bông cải cauliflower đút lò với sữa tươi và cheese. Triệu biết như thế vì đã có lần chữa trị cho bà. Bà đã phải khẩn cấp vào bệnh viện vì không tiêu hóa được món đó khi ăn vào buổi tối nên bị chứng nghẹn thở khi đi nằm. Triệu đã từng khuyên bà chỉ được ăn món đó

vào buổi trưa mà thôi vì theo lịch sử y khoa, nhiều cụ già đã chết vì ăn cái món khó tiêu ấy trước khi đi ngủ. Robert cũng đồng ý là bà ngoại anh có bí quyết nấu món ấy rất ngon nhưng từ ngày suýt chết vì món đó, bà đã ít khi nấu cho gia đình.

Triệu đưa Robert đến một quán ăn Triệu thường đến và dặn trước nhà bếp: khách có gọi món gì thì gọi, phải có thêm món bông cải dứt lò với phó mát. Triệu căn dặn người dọn bàn là Triệu sẽ trả thêm cho một phần ăn và phải dọn cho cả ba thực khách. Robert rất ngạc nhiên khi thấy người dọn bàn sắp xếp muống, nĩa, khăn ăn cho ba thực khách và hỏi Triệu về người thực khách thứ ba chưa thấy đến.

Triệu giải thích cho Robert biết rằng theo lễ lối tín ngưỡng Việt Nam, vì hôm nay đúng là ngày qua đời của bà ngoại Robert, nên Triệu muốn làm lễ giỗ, cầu Bà về cùng ăn với Robert. Anh chợt hiểu và khi nhà bếp đem đặt thêm trên bàn món bông cải, anh đã phải cố nén giữ khỏi khóc khi Triệu lên tiếng khẩn mời Bà ngoại Robert cùng dùng bữa.

Sau buổi ăn, Robert đã cảm ơn Triệu và hứa là trong tương lai anh cũng sẽ làm lễ giỗ bà ngoại mỗi năm và anh sẽ tự nấu thêm món bông cải dứt lò theo phương pháp bí truyền của gia đình anh.

Triệu đã giải thích thêm cho Robert là chính Triệu mới là người phải cảm ơn anh. Việc thành công về sự nghiệp của anh là niềm hoan hỉ của Triệu. Bà ngoại anh và anh đã giúp Triệu có thêm được cơ hội trả ơn dưỡng dục của ông, bà Triệu. Sự cố gắng học hành thành công của anh đã giúp Triệu có được dịp thực thi hạnh Bồ Thái của nhà Phật.

Năm nay, ngày Đại Lễ Vu Lan tháng Bảy cũng sắp đến. Phật giáo Việt Nam nay đã tiếp nhận truyền thống Nhật Bản thực hành Lễ Hoa Hồng Cài Áo trong ngày Đại Lễ Vu Lan: Phật tử có phúc còn được mẹ hiện tiền sẽ được cài một hoa hồng màu đỏ vào áo, Phật tử đã mất mẹ sẽ được cài một hoa hồng trắng.

Các em trong Gia Đình Phật Tử, tình nguyện phụ trách Lễ Hoa Hồng Cài Áo cho các Phật tử tham dự Đại Lễ Vu Lan, thường hay thắc mắc hỏi lại khi Triệu xin các em gắn cho hai hoa trắng thay vì chỉ một hoa: “Bác thật tình muốn gắn hai hoa trắng thật sao?”.

Năm nay chắc cũng lại có em hỏi Triệu như vậy và chắc Triệu cũng phải cố gắng giữ khỏi khóc để trả lời: “ Cho Bác xin hai hoa, một cho Mẹ và một chiếc cho Ngoại”.

Mùa Vu Lan 2546

**Bs. TRẦN NGUỒN PHIÊU**

**Thái Thụy Vy**  
Biên Hùng Liệt Sử  
**Tiểu Sử THÁI THỤY VY**

Tên thật: **Đỗ Khoa Luật**

Bí danh: **Thiền Linh**

Sanh ngày: 29-10-1940, lúc 6: 00AM, 29-9 Âm lịch, năm Canh Thìn Sanh

Quán: Ấp Phước Lư, làng Bình Trước, tỉnh Biên Hoà

**Tác phẩm đã xuất bản:**

**Nhà Xuất bản Sông Phố :**

- Nụ Hôn Loài Lan Tím Đại, Thơ (1992) Library of Congress TX4-239-607
  
- Vũ Điệu Loài Lan Tím Hoang, Thơ (1994) Library of Congress TX4-239-606
  
- Hoa Tím Niềm Riêng, Thơ (1995). Library of Congress TX4-239-608
  
- Mặt Trời, Lá và Em, Thơ (1996. Library of Congress TX4-516-691
  
- Âm Sắc Thời Gian, Thơ ( 1999 )

- Cho Cuộc Đời Thường, Biên khảo (2000)
- Biên Hùng Liệt Sử, Biên khảo (2001,2004)

-

### **Nhà xuất bản Hương Văn :**

- Tuyển tập "Nỗi Nhớ Khôn Nguôi", Đứng chung (Texas, 1994).

### **Nhà xuất bản Người Việt Lưu Vong:**

- Tuyển tập "Quê Hương Ngàn Dặm 2", Đứng chung (California,1995).

### **Ca Dao Productions:**

- CD "Tình yêu trong tiếng thơ" **Cadao Productions** phát hành, Bích Ty và Hà Phương ngâm diễn. Đứng chung (California, 1999).
- Tuyển tập "Vườn thơ hải ngoại", **Phụ Nữ Thời Nay**, 2001, San Diego, CA. USA



- Tác giả có thực hiện CD gồm 2000 tấm ảnh LAN, BONSAI, SEN, SÚNG, MÙA THU để chia sẻ với các bạn yêu nhiếp ảnh nghệ thuật.
- Tuyển tập Văn Học Thời Nay 2004, Litte Saigon, CA. USA.

-

**Nhà xuất bản Sông Phố:** (sắp xuất bản)

- Tuyển tập truyện ngắn " Đêm nghe lục bình trôi ".
- Truyện dài dã sử "Kho tàng Đập Đa Nhim"
- Tiểu thuyết "Gió đồng nội, gió đại dương"
- Thơ và CD do 12 nhạc sĩ quen thuộc phổ.

**HẾT**

Lời cuối: Cám ơn bạn đã theo dõi hết cuốn truyện.

Nguồn: <http://vnthuquan.net>

Phát hành: Nguyễn Kim Vy.

Nguồn: thuvientoancau

Được bạn: NHDT đưa lên

vào ngày: 5 tháng 6 năm 2007